N° 190 Novembre 1933

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

Nguồn gốc văn-học nước nhà và nền văn-học mới (1)

Một nước đã có văn-học riêng thì có văn-tự riêng; nước ta từ xưa đã có văn-tự gì riêng không ? Các nhà học-giả phần nhiều đã có nghị-luận đến, hoặc có kể cho thứ chữ Thổ bây giờ, tức là văn-tự của ta đời xưa, sự đó không lấy gì làm chứng-cớ. Chúng ta hãy cho rằng từ xưa nước ta chưa chắc đã có văn-tự gì, dù có nữa cũng chưa phổ-thông đến cả xã-hội, vì những việc đời xưa mà nay còn truyền lại đều là truyền miệng, chớ không phải có viết ra bằng văn-tự gì, đến sau ta giao-thông với nước Tàu người ta sang Tàu, người Tàu sang ta, Hán-học mới truyền đến, ta mới lấy chữ Hán mà viết ; sau lại có Phật-giáo truyền đến mà văn-học của ta một ngày một tiến-bộ, ta lại mượn cái binh chữ Hán để viết ra tiếng ta, tức là thứ chữ nôm, đời xưa cũng thường gọi chữ nôm là quốc-ngữ. về sau lại có Tây-học truyền đến, lấy thứ chữ La-mã đặt ra chữ Quốc-ngữ, vừa có Tây-học vừa có quốc-ngữ nên con đường văn-học của ta lại được tấn-tới thêm, đấy là cái nguồn gốc văn-học nước nhà, nay xin phân-biệt kể ra như sau này :

1° Hán-học ;
2° Phật-học ;
3° Tây-học ;
4° Chữ nôm và chữ quốc-ngữ.

Nói về Hán-học. — Hán-học truyền đến từ thời-đại nào trước, nên nghiên-cứu về sự giao-thông đã. Kể sự giao-thông của ta với Tàu thì có đã sớm lắm, trước lịch tây 2513 năm, vào đời vua Xuyên-Húc bên Tàu, người Giao-chỉ ta bắt đầu giao-thông với Tàu, đến năm 2357, về đời vua Nghiêu thì có sai quan sang kinh-lý xứ Nam-giao ta, và trong lúc ấy người Việt-thường ta có sang Tàu dâng một con thần-qui ; đến năm 2255, vua Thuấn có sai ông Vũ sang yên-phủ xứ Giao-chỉ, năm 1106, người Việt-thường ta lại đem bạch-trĩ vào hiến cho vua Thành-vương nhà Châu, năm 214, thì có người Giao-chỉ ta là Lý Ông-Trọng sang Tàu học tập kinh-sử, đời vua Tần Thủy-hoàng cho làm chức Hiệu-úy đem quân ra phòng-ngữ giặc Hung-nô, sau cũng về nước ; đến đời ông Triệu Đà làm vua Nam-Việt, kiêm-tính nước ta, người Tàu tràn sang rất nhiều, khi ấy Triệu Đà lấy Thi Lễ dạy dân ta, ấy là cái thời-kỳ người ta bắt đầu học chữ Hán, vua Vũ-đế nhà Hán mở ra chín quận đặt quan Thứ-sử để cai-trị, di dân Tàu sang, người ta theo học-hành mới biết lễ-giáo ; vua Quang-Vũ đời Đông-Hán (sau lịch tây) sai ông Tích-Quang làm Thứ-sử Giao-chỉ, Nhâm Diên làm Thái-thú Cửu-chân, hai ông ấy có lập ra học-hiệu, dạy bảo dân ta

(1) *Diễn-thuyết tại hội Tri-tri ngày 26 Octobre 1933.*

từ đó về sau chữ Hán đã thịnh-hành, Tàu lại có tuyển lấy những người cống-sĩ ta, mỗi năm tám người cho sang Tàu học, người nước ta có nhiều lưu-học-sinh gửi sang Tàu du-học, như các ông Lý Cầm, Lý Tiến, Trương Trọng, Lốc Long, hoặc thi đỗ Hiếu-liêm, hoặc thi đỗ Mậu-tài và làm quan Tàu, đến hàng quan Thủ Lệnh. Nay chúng ta đọc các bài tấu của Lý Cầm, Trương Trọng chép trong các bộ sách Tàu, đủ biết chữ Hán ta hồi ấy đã tiến-bộ lắm.

Đến đời vua Sĩ-vương (thế-kỷ thứ 2) là người quận Thượng-ngô Tàu, sang làm Thứ-sử Giao-châu, cũng lấy Thi Thư giáo-hóa dân ta, đến hàng 40 năm, lại dịch chữ Tàu ra làm tiếng ta ; đã dịch một thứ tiếng nước nọ ra làm tiếng nước kia, tất phải có một thứ chữ mới viết ra dịch ra được, thế đủ chứng chữ nôm phôi-thai ra từ đó (thứ chữ nôm này, sẽ nói về đoạn sau).

Thời-kỳ Đường sang đô-hộ ta, thì có quan Đô-hộ là Mã Thông cũng chuyên lấy Nho-học dạy cho dân ta, Tàu lại bắt ta mỗi năm cử lấy tiến-sĩ không được quá tám người, minh-kinh không được quá mười người, để đưa sang Tàu. Khi ấy có bọn ông Khương Công-Phụ. Khương Công-Phụ được cử sang Tàu, đều thi đỗ tiến-sĩ, ông Phụ thi có làm bài phú « *Bạch vân chiếu xuân hải* 白雲照春海 », lời-lẽ rất hay, người Tàu cho là một bài kiệt-tác, chép trong các sách Tàu, đến nay hãy còn.

Đến thế-kỷ thứ 10, nhà Đinh có thiên hạ, chỉ có bọn tín-đồ của Phật-giáo, là thông-thạo Nho-học, nên có việc gì giao-thiệp với Tàu chỉ nhờ bọn sư giúp cho.

Đời Lý Thánh-tôn, bắt đầu sùng-thượng Nho-giáo, lập ra Văn-miếu, các đời vua sau lại lập ra các khoa thi để khuyến-khích Nho-học, nhà Trần nổi lên, thì có bốn trường lớn để dạy chữ Nho ; tên các trường đó như sau này :

1° Trường của Trần Ích-Tắc ;

2° Trường của phủ Thiên-trường ;

3° Trường Lạn-kha thư-viện ;

4° Trường Cung-hoàng học-hiệu của Chu Văn-An.

Bốn trường học ấy tạo-thành được không biết bao nhiêu nhân-tài, nhà Trần cũng đặt ra khoa-cử, nào là thi Thái-học-sinh, nào là thi Tiến-sĩ, sĩ-phu đua nhau học để đi thi-cử, thành ra một cái phong-khí, mà cái học từ-chương cũng mới thịnh-hành từ đó. Lê, Mạc, Hậu-Lê cho đến bản-triều, ngót 500 năm, chỉ ham-mê về sự học khoa-cử đó, mãi đến đầu thế-kỷ thứ 20 này, ông Thân Trọng-Huề mới xướng ra cái nghị bỏ khoa-cử, đến năm 1916 trở đi, mới bỏ được hẳn.

Nói về Phật-học.— Vào khoảng lịch-tây năm 61, có một người sư ở nước Thiên-trúc tên là Kỳ-Vực 耆域 sang Giao-chỉ (nay Bắc-kỳ) ta, để truyền đạo Phật, rồi sau mới sang Tàu, sau bốn năm nữa, vua Minh-đế nhà Hán Tàu, mới sai sứ sang nước Thiên-trúc, cầu Phật-giáo. Xem thế đủ biết Phật-giáo đến ta cũng ngang với Tàu một lúc. Trong sách *Thiền-uyển truyền-đăng* của ta, soạn ra lúc triều Trần vào thế-kỷ thứ 13, có chép rằng : « Có cao-tăng nước Thiên-trúc, tên là Tỳ-ni-đa-lưu-chi 比尼多流支 thiền-sư, hồi tây-lịch 574 sang Tàu, đi đến Trường-an, vừa gặp bên ấy có sự bài-trừ Phật-pháp, sư bèn trốn lánh đi Quảng-châu, đến năm 580, sang ở tại chùa Pháp-vân ở Long-biên ta, tức là chùa Dâu ở phủ Thường-tín bây giờ, sư tu ở đó, truyền giáo cho cao-tăng ta là Pháp-Hiền 法賢, Pháp-Hiền tu-hành nổi tiếng, các nơi đến học Thiền-học rất đông, tín-đồ có hơn 300 người, Thiền-tôn ở nước ta, từ đấy thịnh lắm.

Khi ấy Lưu Phương 劉方 nhà Tùy làm Thứ-sử Giao-châu, tâu cho vua Cao-tổ nhà Tùy hay, vua bèn sai sứ sang ta cung-dưỡng, và sắc cho sư lập lên các tháp, sư bèn lập tháp ở chùa Pháp-vân và các chùa khác. Vua Cao-tổ nhà *Tùy lại muốn sai sư sang truyền-*giáo ở ta nữa, khi ấy có Bồ-đề-pháp-sư tâu rằng : « Xứ Giao-châu đường thông với Thiên-trúc, nên khi Phật-pháp chưa đến Trung-quốc, mà *ở bên đó đã* có hơn 20 sở chùa, tăng-chúng hơn 500, giảng kinh đến 15 quyển, bọn Cao-tăng Thiên trúc sang ở đó, có bọn Kỳ-Vực, Ma-la, Khang-tăng, đều là tay giỏi, nay lại có Pháp-Hiền tụ học-trò lại thuyết-giáo, có kém chi ở nước ta đâu, ta không cần phải truyền-giáo sang bên ấy nữa ». Vua Cao-tổ liền thôi.

Khi đó Phật-học ở ta thịnh lắm, nên chữ Phạm cũng có nhiều người biết, mà Cao-tăng ta là Đại-thặng-đăng cùng vài ba người bạn cũng sang Ấn-độ học Phật, nổi tiếng ở bên ấy.

Đến thế-kỷ thứ 7, Đường-tăng sang ta rất nhiều, Võ-ngôn-thông thiền-sư, cũng là người phái Thiền-tôn, mang nhiều sách Phật-giáo bằng chữ Hán sang ta truyền-giáo, mà Cao-tăng ta như bọn Phụng-định pháp-sư, Duy-giám pháp-sư, cũng sang Tàu nghiên-cứu Phật-giáo, cùng bọn Vương-Duy, Giả-Đảo, Trương-Tịch là bọn văn-sĩ nước Tàu giao-du, nay xem những thơ của bọn văn-sĩ đó đưa tặng cho các Cao-tăng ta thì đủ biết cái trình-độ chữ Hán ở bên ta. Từ đó về sau hai ba thế-kỷ, Phật-đạo thịnh-hành, sau đến Đinh, Lê độc-lập, sự giao-thiệp gì cũng nhờ các sư, câu thơ của Đỗ-Thuận pháp-sư, khúc ca của Khuông-*Việt đại-sư làm* cho sứ-thần nhà Tống là Lý-Giác 李覺 phải kính-phục, vì đương thời đó, chỉ có bọn tăng-lữ là thông-hiểu chữ Nho hơn nhất. Thời-đại Lý, Trần, cũng sùng-thượng đạo Phật lắm, cả nước cơ-bồ đều là tăng-chúng cả.

Nhưng vì từ Lý, Trần về sau, đối với Hán-học, có lập Văn-miếu, có đặt ra các khoa thi, Hán-học ngày càng thịnh lên, và lại có ông Chu Văn-An là bậc đại-nho đương-thời, có *xướng ra cái* thuyết sùng-chính tịch-tà, là sùng đạo Nho mà bài đạo Phật, đạo Phật bị cái ảnh-hưởng đó, ngày càng suy-sút, sau các đời lại hạ lệnh sa-thải *tăng-ni, nên* đạo Phật suy luôn cho đến bây giờ.

Nói về Tây-học. — Bắt đầu Tây-học *truyền đến ta, là do có các tuyên-giáo-*sư của đạo Thiên-chúa, sự Tây-học đến Tàu đến Nhật cũng giống như vậy, đều là buổi đầu do đạo Thiên-chúa truyền sang cả.

Nguyên về đời Hậu-Lê, niên-hiệu Nguyên-hòa vào năm 1533 có một tuyên-giáo-sư người nước Hà-lan, tên là Y-khu-nê, lén vào các miền huyện Nam-chân, huyện Giao-thủy (thuộc địa-phận tỉnh Nam-định bây giờ) truyền đạo Thiên-chúa, sau bị cấm bắt phải về nước, kế lại có các tuyên-giáo-sư Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha, Pháp, Nhật-bản, kế nhau đến truyền giáo ; và người Anh người Hà-lan đến buôn bán, tây-học cũng lần lần truyền đến, trong bọn giáo-đồ, ở Thuận-hóa thì có một giáo-sĩ Bồ-đào-nha tên là Từ-Tâm-Bá, có mang nhiều sách tây sang và dạy cho ta học nghề đúc súng. Hồi ấy nước ta có một người tên là Nguyễn Văn-Dụ, người ở huyện Đăng-xương, (nay thuộc về tỉnh Quảng-trị) sang học tại nước Hà-lan, ông có học nghề làm đồng-hồ, sau về nước truyền lại cho con với rể.

Ấy Tây-học truyền đến ta đã sớm mà vì ta đối với tôn-giáo, buổi đầu vẫn còn cấm-cách, nên ít có người nghiên-cứu tây-học, có chăng chỉ là các nhà giáo-sĩ hay là một đôi người

có tiên-kiến như bọn ông Nguyễn Trường-Tộ, Trương Vĩnh-Ký, có chỉ mới nghiên-cứu đến mà thôi. Ông Nguyễn Trường-Tộ thường có bài điều-trần xin phái lưu-học-sinh xuất-dương du-học, nhưng vì sự thiên-kiến cố-chấp của người minh, không ai chịu nghe. Đến năm Tự-đức thứ 12, vua mời hỏi các quan Cơ-mật về việc dịch sách Tây, các ông tâu rằng hiện nay chỉ có các cố đạo và bọn giáo-đồ mới am-tường chữ Pháp, chúng tôi xét có người bên giáo tên là Nguyễn-Hoàng đã biết chữ Hán lại tinh chữ Pháp, xin đòi đến Kinh để dịch các sách, vua Tự-đức nghe theo, nhưng cái kết-quả ông ấy dịch sách được những bộ gì, thì không thấy truyền lại.

Khi ấy lại có sức hỏi những người am-tường chữ Pháp, quan tỉnh Nghệ-an và Lạng-sơn có cử hai người là bọn ông Nguyễn Trọng và Nguyễn Văn-Thự, tâu xin đòi đến Kinh để hạch xét, còn ở Kinh thì quan Thủy-sư và quan Võ-khố, có lựa các người tráng-niên có tài nhanh-nhẹn phái cho đi theo các tầu thủy để học-tập về các máy-móc; ở tỉnh Hải-dương, có mở ra một trường học dạy chữ Pháp, lập ra điều-lệ thưởng-phạt; ông Trương Vĩnh-Ký ở Sài-gòn, cũng có mở trường dạy học, Bình-thuận, Khánh-hòa hai tỉnh, có cấp lương cho học-trò vào học và nhờ ông Vĩnh-Ký làm quản-đốc; tuy vậy, người theo học chữ Pháp vẫn ít.

Hồi bảy-mươi năm về trước đây, chính là cái thời-kỳ người các nước Thái-Tây sang mở mang ở phương đông, người minh cần phải nghiên-cứu tây-học lắm, mà cái tình-hình tây-học ở nước ta khi bấy giờ như vậy, thật đáng tiếc quá, làm cho cuộc tiến-hóa của nước nhà, đến nỗi sụt lùi ở sau mà không bằng người được.

Đến vài mươi năm trở lại đây, người ta mới biết học chữ Pháp là cần, và nhà nước mới lập ra nhiều trường học, dạy tây-học trong một thời-kỳ ngắn-ngủi, xem đã có tiến-bộ nhiều, tiếc rằng học chưa bao lâu, mà nay đã có người chán-nản không muốn học, sự đó rất là trở-ngại cho cuộc tiến-hóa, tôi rất mong người minh cố sức gắng lên, không luận thế nào, sự học ngày nay cần phải cố lắm, chớ nên trông gần mà thoái-bộ.

Nói về chữ nôm và chữ quốc-ngữ.— Chữ nôm ta bắt đầu thấy trong Sử là chỗ xưng Phùng-Hưng là «*Bố-cái* 布蓋» đại-vương và chữ «*Đại-cồ-việt* 大瞿越», nhưng thứ chữ ấy chế ra từ thời-đại nào, từ người nào, cần phải xét cái cỗi gốc, tuy biết thứ chữ ấy có trước đời Trần, nhưng cũng khó tìm biết cho rõ, sau tôi xem quyển *Đại-Nam quốc-ngữ* (đời xưa ta cũng gọi chữ Nôm là chữ quốc-ngữ, như làm thơ nôm thì gọi là làm thơ quốc-ngữ, những chữ quốc-ngữ ấy là nói về chữ Nôm, chứ không phải nói vào chữ quốc-ngữ bây giờ. Quyển *Đại-Nam quốc-ngữ* này cũng vậy) của ông Hải Chu-tử soạn ra, trong bài tựa ông có chép rằng: « Vua Sĩ-vương bắt đầu lấy tiếng ta dịch bằng tiếng Tàu, nhưng đến chữ *thư-cưu*, thì không biết ta gọi là con chim gì, chữ *dương-đào* thì không biết ta gọi là quả gì (thí dụ như biết chữ thư-cưu mà dịch cho là con le-le, thì phải lấy chữ Tàu viết ra hai chữ le-le. Chữ dương-đào mà dịch cho là quả ổi, thì phải lấy chữ Tàu dịch ra chữ ổi). Xem đó thì biết chữ nôm phôi-thai ra từ đó. Ông Hải-Chu-tử tên là Nguyễn Văn-San, hiệu là Văn-đa cư-sĩ, người ở làng Đa-ngưu, huyện Văn-giang, ở về đầu đời Tự-đức, ông là một nhà học-giả lúc bấy giờ, người nước ta nghiên-cứu cái học Vương Dương-Minh, trước có ông Lê Quí-Đôn nhà Lê, sau có ông này, xem thế đủ biết ông là người bác-học lắm, ông có soạn ra sách *Quan-*

châm thực-lục và sách *Độc-thư cách-ngôn* nữa.

Chữ nôm ta đến lúc nhà Trần, thì đã phổ-thông lắm, cho nên mỗi khi quan hành-khiến ra tuyên chiếu vua, thì dụng bằng chữ nôm, mà ông Hàn Thuyên mới dùng tiếng nôm đặt ra thơ, đời gọi thứ thơ ấy là Hàn-luật; ông Nguyễn Sĩ-Cố cũng mới lấy nôm đặt ra bài phú. Người mình biết dùng tiếng nôm làm văn thơ là từ lúc bấy giờ. Đời vua Trần Anh-tôn năm Hưng-long thứ 13, gả bà Huyền-trân công-chúa cho vua Chiêm-thành, các quan ngăn-can không được, lấy làm thương tiếc, nhân mượn việc vua Hán Nguyên để gả nàng Chiêu-quân cho vua Hung nô, làm thơ để chào-phúng, những thơ ấy đến nay hãy còn. Nay thử đọc một bài thơ chào-phúng, đó như sau này :

Đầu đề là « *Vua dụ nàng Chiêu-quân* »

Hán Hồ vẫn muốn vẹn trăm đường,
Há trẫm riêng tay có phụ nường !
Bắc-quốc tuy rằng ngoài dị-vực,
Vương-đình song cũng một biên-phương ;
Ở đây hạnh thắm nên mai nhạt,
Về đó sen tàn lối cỏ hương ;
Hơn thiệt thôi đừng ai-oán nữa,
Chờ ngày đo gấm lại hoàn-hương.

Ấy là một bài thơ quốc-văn rất cổ, mà nay hãy còn.

Lại Trần Trang-định-vương lấy chữ nôm làm thơ ái-hậu để chào-phúng Trần Nguyên-Đán chơi thân với Hồ Quí-Ly, bày ra một lối thơ quốc âm mới.

Hồ Quí-Ly có làm thủ-chiếu bằng quốc-ngữ (Trong sử ta vẫn gọi chữ nôm là quốc-ngữ) dịch thiên *Vô-dật* ra bằng chữ quốc-ngữ để dạy nhà vua, dịch kinh *Thi* ra bằng quốc-ngữ, và làm bài tựa trong sách kinh *Thi* dịch ra đó, cứ theo cái ý-kiến của mình, chớ không theo lời chú-thích của Chu-Hy Tàu, kinh *Thi* ấy dịch ra là cốt để cho nữ-sư dạy bà hậu-phi.

Nước ta học *Thi Thư* của Tàu ít ai dám bẻ bắt lời chú-thích của họ Chu, ấy là một cách nô-lệ theo tư-tưởng của người, họ Hồ quyết nhiên không chịu theo, để cho cái tư-tưởng mình được độc-lập, đấy là một điều đáng phục lắm. Nếu mỗi người đọc sách đều biết như vậy, thì cái tư-tưởng của ta, tiến-bộ biết chừng nào.

Đời Lê nối lên, cũng rất cổ-lệ về sự dùng chữ nôm, vua Lê Thái-tôn muốn tìm xem thủ-chiếu và thơ văn của họ Hồ, ông Nguyễn Trãi có tìm được vài mươi bài văn bằng quốc-âm của họ Hồ đáng cho vua xem ; ông lại làm gia-huấn bằng lối thơ lục-bát, đến nay hãy còn. Lối văn ấy không biết bày ra từ đời nào, tôi xét trong tập thế-phả của Trưng-vương, thì thấy có những câu :

Trời mưa nước chảy sông Hoài,
Cỏ đè trên lúa, cá hầu thác hư.

Lại câu :

Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng.

đều là giọng văn lục-bát cả, có lẽ đấy là lối văn tự-nhiên của ta, mà có đã lâu. ông Nguyễn Trãi cứ theo lối ấy mà làm thành trường-thiên vậy.

Đời Hồng-đức thơ văn nôm rất nhiều, xem như « Thập giới cô hồn » của vua Thánh tôn, chép trong *Thiên-nam dư-hạ tập*, và như mấy bài *Bát giáp thưởng đào văn* của ông Lê Đức-Mao,

cũng người ở thời ấy, thì biết lúc bấy giờ, văn nôm phát-đạt lắm.

Nay thử đọc bài *Bát-giáp thưởng đào* như sau này :

Minh-mị phương xuân hảo,
Cổ-vũ Thái-bình dân ;
Xuân kỳ phúc, xuân vui tiệc hát,
Tụng thần-hưu tám giáp hoan-nghênh ;
Miễu Chu đối-việt tam-linh,
Mùi hương nức kính, tiếng sinh đưa thành.
Xuân ca xuân hát linh-đình,
Cung cầm lưu-thủy, chén quỳnh bay hoa ;
Muôn nhờ giáng phúc bình-hòa,
Nhà đàn cửa hát nội ca Đường-cù.
Mừng nay tiệc ca-trù thị yến,
Khúc thăng-bình nức tiếng lụng-dương.
Thưởng đào một giải mừng làng,
Năm thêm phú-quí, ngày càng vinh-hoa.

Đời Hồng-đức có đặt ra nhã-nhạc và giáo-phường, nên đã có ca-trù cùng ả-đào ; nay đọc trong một bài này, thì có đủ ca-trù và ả-đào, đủ làm một cái chứng-cứ cho văn tục-hát ả-đào bây giờ vậy.

Từ Mạc với đời Hậu-Lê, văn nôm cũng thịnh, xem ngũ-kinh tứ-thư và sử đã có dịch ra nôm cả, đủ biết lối văn nôm phổ-cập biết chừng nào !

Về đời Mạc đời Lê, các nhà học-giả giỏi văn nôm nhiều lắm, mà nổi tiếng nhất là Vịnh-Kiều-hầu và Đường-xuyên-tử, cho nên đương đời ấy có câu rằng: « Về trước Trung-hưng, thì có Vịnh-Kiều-hầu, về sau Trung-hưng thì có Đường-xuyên-tử », là khen văn-thể quốc-âm của hai ông ấy, rất là thanh-cao, hơn cả mọi người vậy.

Về thời-kỳ ấy người Nhật-bản sang buôn bán bên nước ta, ở tại Hội-an, Đà-nẵng, Hưng-nguyên, Phố hiến, cũng học-tập chữ nôm nhiều, nên họ về nước rồi, có gửi tờ biểu sang chúc vua ta, cũng viết bằng chữ nôm, các sách Nhật còn chép lại, xem đó đủ biết văn nôm thịnh-hành lắm.

Đời Hậu-Lê là đời vua Lê chúa Trịnh, danh-phận không được rõ-ràng, những người học chữ Hán đi thi, không biết xu-hướng về bên nào, nên những thơ văn chữ Hán lúc bấy giờ rất là nhu-nhược, đồi-bại, xem như trong tập *Cát-xuyên tùy-bút* của ông Trần Tấn chép, đương-thời sĩ-phu ứng-thi, có câu thơ rằng:

Thời hân phùng chí trị,
Thần nguyện thú tam thê.

nghĩa là may gặp đời thái-bình, tôi muốn lấy ba vợ, cái giọng văn ấy đê-liệt biết chừng nào !

Nhưng trái lại lối văn nôm không phải lối văn như văn khoa-cử bắt-buộc, thời hạng người lo đời thượng nước, thường làm ra những câu văn khảng-khái, để thư cái khí bất-bình của mình, thì lại có ý động chạm đến vua chúa, nên chữ nôm lại phải bị cấm. Năm Cảnh-trị thứ nhất (1662) phủ chúa có ban ra 47 điều giáo-hóa, trong đó có một điều rằng: « Thần-liêu ở vương-phủ thông-truyền cho quan dân toàn-quốc biết rằng : Phàm sách-vở có quyền nào quan-hệ đến sự giáo-hóa trong đời, mới được xuất-bản ; lâu nay những người hiếu-sự, hay lượm-nhặt các sách-vở bằng chữ nôm, không phân-biệt thứ gì nên xem hay không, cứ xuất-bản bán để lấy lợi, điều đó nên nghiêm-cấm, từ nay trở về sau,

nhà nào có thu-trữ các thứ sách-vở ấy, hay là bản in, chính-phủ đều thu đốt hết ». Ấy bị một hồi đốt phá đó, mà bao nhiêu sách-vở có thể làm tài-liệu nghiên-cứu, đều bị tiêu-diệt.

Trải đời Tây-sơn cho đến đầu triều Nguyễn, phàm văn-thư vãng-lai vẫn dùng chữ nôm, mà những nhà học-giả có tiếng văn nôm hay, như ông Nguyễn Du, ông Đặng Đức-Siêu, ông Vũ Trinh, ông Nguyễn Huy-Tự, đều là bọn học-giả của nhà Lê sót lại, cho nên văn nôm lúc đầu triều Nguyễn, có nhiều tập rất hay. Từ đầu đời vua Minh-mệnh bắt đầu bỏ chữ nôm, học-trò đi thi và các quan tâu thưa việc gì, bắt toàn dụng chữ Hán, mà viết cho đúng với tự-điển *Khang-hy*, từ ấy về sau người học chữ nôm dần ít, cho đến ngày nay. Tuy vậy, mà cái thế-lực chữ nôm ở các nơi quê-hương, về các giai-cấp hạ-lưu vẫn còn thông-dụng hơn chữ Hán, nên hiện nay sách nôm bán ở nhà quê vẫn còn mạnh lắm.

Lại xét văn nôm ta, theo lối văn-thể Tàu, thì lối gì cũng đủ, ngoài ra lại có nhiều lối văn đặc-biệt của ta, như lối lục-bát, song-thất lục-bát, ca-trù, thể thơ một vận, thể thơ hai vận, đủ biết văn-chương đến thời-kỳ phát-đạt, thì biến-hóa vô-cùng.

Văn nôm của ta, từ xưa có nhiều nhà chuyên-môn nghiên-cứu, kể ra có 12 văn-phái như:

Phái Liễu-ngạn là phái Ôn-Như-hầu.

Phái Mộ-trạch là phái Võ Duy-Đoán.

Phái Tiên-điền là phái Nguyễn Du.

Phái Thụy-khuê là phái Phan Huy-Ích.

Phái Cổ-đô là phái Nguyễn Bá-Lân.

Phái Thanh-nê là phái Trương Đăng-Quế.

Phái Lai-thạch là phái Nguyễn Huy-Tự.

Phái Phú-thị là phái Hữu-hộ Lượng.

Phái Cổ-liêu là phái Phạm Công-Trứ.

Phái Cổ am là phái Nguyễn Bỉnh-Khiêm.

Phái chúa Nguyễn.

Phái chúa Trịnh.

Thu-thập được hết văn-chương của các chi-phái ấy, thì biết nền quốc-văn ta ngày xưa phồng-phú biết chừng nào! Kể trong một thời-kỳ từ đời Lê, đời Mạc, Hậu-Lê cho đến bản-triều, trong khoảng hơn năm thế-kỷ đã tạo-thành một áng văn-chương làm cái của báu cho nước nhà, tuy trong các thế-kỷ ấy, về các phương-diện khác như chính-trị xã-hội tuy không có gì xuất-sắc, mà riêng về bên văn-học, thì thật đã có cái giá-trị trên lịch-sử, rất là rõ-rệt lắm vậy.

Quốc-văn ta ngày nay, không viết bằng chữ quốc-ngữ theo lối chữ nôm, mà viết bằng chữ quốc-ngữ theo lối chữ La-mã, thứ chữ theo lối chữ La-mã đó so với chữ theo lối chữ nôm, cách viết giản-tiện hơn, cách học cũng dễ hơn, thật là một cái lợi-khí cho nền văn-học ta, mà đáng dạy bảo cho được phổ-cập vậy.

Lối chữ La-mã, truyền đến nước ta, bắt đầu từ các nhà tôn-giáo, khi tôn-giáo truyền đến, các tuyên-giáo-sư theo học tiếng ta, để cho tiện sự truyền-giáo, họ nhân lấy thứ chữ La-mã đó, đặt ra riêng một lối chữ, để viết tiếng nước ta, gọi là chữ quốc-ngữ, từ đấy gọi là chữ quốc-ngữ mới chuyên-chỉ về lối chữ đó.

Nay lược xét cái cỗi gốc thứ chữ quốc-ngữ theo lối chữ La-mã: Cứ theo

các sử Nam, sử Tây chép lại, thì vào khoảng thế-kỷ thứ 16, năm 1596, có một người nước Hà-lan, là tuyên-giáo-sư thuộc về giáo-hội đạo Thiên-chúa, bắt đầu lên đến truyền giáo tại miền huyện Giao-thủy, huyện Nam-chân ở xứ Bắc đây. Nhưng không được bao lâu, thì bị sự ngăn-trở mà phải về nước. Kế đấy lại có các giáo-sĩ nước Bồ-đào-nha là bọn ông GASPARDE AMIRAL và ANTOINE BARBORE đến, mà các giáo-sĩ nước Pháp nước Nhật cũng có đến nữa. Trong hàng giáo-sĩ đó, có ông ALEXANDRE DE RHODES, ông đến Giao-chỉ (Nam-kỳ) từ tháng 12 năm 1624, ông là một người thông-minh có học-vấn rộng rãi, sở-trường nhất là khoa ngôn-ngữ, khi ông đến Giao-chỉ mới được bốn tháng thì ông đã học hiểu được tiếng nước ta, sáu tháng thì ông đã lấy tiếng ta mà giảng đạo-lý được. Ngày 19 tháng 5 năm 1625 thì ông ra Bắc, nhân lúc ấy đã có giáo-sĩ là ông JULIEN BALAINOTI trước tới truyền đạo ở xứ Bắc, mà chưa biết nói tiếng ta, có nhiều sự trở-ngại, cho nên phải mời ông ra. Sau ông có làm ra hai quyển *tự-điển* bằng chữ quốc-ngữ, bắt đầu xuất-bản từ năm 1651, một quyển tên là *Dictionnaire Annamitique*; một quyển tên là *Catéchisme Latin Tonkinois*, và ông có chép rằng: Hai quyển *tự-điển* này nguyên cứ theo bản của hai ông giáo-sĩ người nước Bồ-đào-nha là ông GASPARDE AMIRAL và ông ANTOINE BARBORE.

Cứ theo mấy lẽ kể trên kia, thì sự phát-minh ra chữ quốc-ngữ, không phải do một người nào làm ra, mà tất phải nhờ có sức nhiều người, và hai giáo-sĩ Bồ-đào-nha đã có làm quyển sách gì bằng chữ quốc-ngữ đó, nhưng không thấy truyền lại, còn ông ALEXANDRE DE RHODES là người thạo tiếng ta nhất, ông tất có công-lao nghiên-cứu với các giáo-sĩ khác nhiều, có hai quyển sách của ông còn lại, dù làm chứng-cứ, tuy vậy nói rằng chữ quốc-ngữ từ ông đặt ra thì không đúng, bởi vì trước ông đã có hai giáo-sĩ Bồ-đào-nha đã có làm sách kia mà.

Thứ chữ quốc-ngữ ở nước ta ngày nay, xem đã phổ-thông lắm, và tiện-lợi cho sự học vấn của ta không biết chừng nào, nếu sau này dịch hết sách khoa-học, để dạy cho người minh, thì sự tiến-bộ mau chóng vô cùng.

Nền văn-học mới

Nước ta thu-nạp ba nguồn văn-học ở nước ngoài đến là Hán-học, Phật-học, và Tây-học, làm cho dân-trí của ta, ngày được mở-mang, thật là một sự rất may. Nhưng vì ba cái học đó, đều là ta học mượn của người, cho nên gây ra một cái học-phong sai-lầm, chúng ta là người Việt-Nam mà đi học những chuyện đâu đâu, hỏi đến chuyện nước Nam thì như ở trong vòng sương mù đến mấy dặm, học mà không biết đến nước, là một cái học không có côn-bản, thua kém các nước, là tại chỗ đó. Vậy nên tuy cũng có tiến-hóa, mà vẫn không phải có cái nguồn gốc thật.

Nay cần phải dựng lên một nền văn-học mới, nghĩa là phải dựng lên một cái học-phong có côn-bản, phải xét rõ cái nguồn-gốc nước ta là thế nào, cái đường tiến-thủ cách sinh-tồn của ta nên thế nào, lại thu-thái những khoa-học tư-tưởng mới của các nước văn-minh trong thế-giới, để vun bồi cho nền văn-học ấy tạo ra một cái hồn riêng của dân-tộc ta, như Thái-hòa-hồn của nước Nhật, có gây nên

được như vậy, mới mong tiền-đồ nước nhà có một cái hy-vọng mới.

Gọi là nền văn-học phải có nguồn có gốc, có chi có phái, có quan-hệ đến chính-trị, có mật-thiết đến thế-đạo nhân-tâm, chứ có phải viết một vài câu văn mới, làm một vài bài thơ mới, mà gọi là nền văn-học được đâu, thơ văn chẳng qua là một chút nho-nhỏ ở trong văn-học đó thôi.

Còn đến sự lấy thứ chữ quốc-ngữ, là một thứ chữ gốc cho nền văn-học, nghĩa là dạy bảo các khoa-học gì, đều toàn dùng chữ quốc-ngữ, điều đó mọi người đều công-nhận như vậy, nhưng dùng thứ chữ đó, cần phải theo trình-độ mà thay đổi một đôi chút, để cho sự học được có ích-lợi.

Về cách dùng chữ quốc-ngữ, ông Nguyễn Văn-Vĩnh muốn lấy năm chữ để thay vào năm cái dấu, như trong báo Trung-bắc của ông đã thường đăng. Nhưng theo ý tôi, thì tôi muốn tùy theo cái trình-độ học-vấn mà bỏ năm cái dấu đó đi Phàm những sách vở thuộc về tiểu-học, thì để nguyên năm dấu, cho tiện trẻ con đọc, còn những sách từ trung-học trở lên thì giảm năm cái dấu ấy, vì thứ chữ quốc-ngữ của ta, những người học đã hơi thông, thì tuy không có năm dấu, cũng có thể đọc được biết được, vả chăng trong khi đọc thứ chữ quốc-ngữ không dấu, có hơi khó một chút, để cho kẻ đọc suy-nghĩ, người đã có học-vấn, thì tự-nhiên đọc được, những kẻ học dương kém, thì cần phải có thầy, làm như vậy, thì trong sự học mới được tấn-tới. Tôi nghĩ như vậy là tôi đã có chỗ kinh-nghiệm, tôi thấy người Nhật-bản dạy chữ quốc-ngữ của họ, họ cũng theo trình-độ mà phân-biệt, những sách giáo-khoa về tiểu-học hay là thứ báo-chí để phổ-thông cho người sơ-học, thì họ để nguyên các chữ âm và các dấu, còn các sách từ trung-học trở lên, thì bớt chữ âm bớt dấu cả, vì làm như vậy, thì sự học có ích-lợi được nhiều. Lại những sách bậc cao, thì họ dùng văn-ngữ; còn sách bậc tiểu-học, thì toàn dụng khẩu-ngữ, chỗ đó cũng là chỗ họ phân-biệt cái sức học khác nhau.

Cái trình-độ học-vấn của ta ngày nay, phần nhiều hãy còn thấp-kém lắm, nếu toàn dụng văn-ngữ, để soạn những sách giáo-khoa bậc cao, thì e chưa tiện, có làm như vậy được, cũng phải chờ cái trình-độ tiến cao lên đã. Về sự dùng chữ quốc-ngữ bỏ dấu, tôi nghĩ lại còn có một điều tiện nữa, vì là tiếng nước ta mỗi xứ có hơi khác một ít, như chữ *Hà tĩnh*, có nơi dùng dấu là *Hà-tịnh*, có nơi dùng dấu là *Hà-tĩnh*, nay bỏ dấu đi, ai cũng đọc là *Ha-tinh*, thì là như một cả, dùng theo cách chữ quốc-ngữ bỏ dấu, có lẽ lâu ngày thì tiếng ta được hợp-nhất cả. Sự gì bắt đầu mới nói ra, thế nào cũng có nhiều người không tán-thành, và cũng có nhiều chỗ khuyết-điểm. Nhưng tôi dám chắc tập-luyện lâu ngày, tất có ngày có cái kết-quả được mĩ-mãn.

Nước Tàu hơn 10 năm trở lại đây, có bọn Hồ Thích xướng ra dùng bạch-thoại làm văn, tức cũng như ta dùng quốc-ngữ làm văn, cả nước Tàu đều xu-hướng theo, người Tàu gọi là tân-văn-hóa vận-động, người nước mình thấy Tàu như vậy, cũng muốn bắt-chước theo, khởi ra cuộc tân-văn-hóa vận-động, nhưng không biết Tàu dùng bạch-thoại làm văn, tức như ta dùng quốc-ngữ làm văn, hay là ta xưa dùng

chữ nôm làm văn, sự đó ta đã làm trước Tàu ngót nghìn năm rồi, nay không cần phải vận-động nữa.

Còn lời thơ mới của Hồ Thích xướng ra, không vận không luật, làm ra một cách rất giản-dị, ai ai cũng có thể làm được. Lối thơ đó tôi tuyệt-nhiên không biểu đồng-ý, vì làm thơ phải có vận có luật, có mĩ-thuật mới gọi là thơ, thơ phải là người có học mới làm được, nay muốn cho giản-dị, ai cũng làm thơ được, khác gì như kẻ làm bánh mà muốn làm cho giản-dị, cứ nhồi bột với đường, hấp chín thì ăn, ai cũng làm được, nhưng như thế có thể gọi là bánh không, làm thơ cũng vậy, nếu ai ai cũng cứ viết bừa ra không vận không luật, không mĩ-thuật thì sao gọi là thơ được.

Tôi xem lối thơ mới bây giờ, cứ viết bừa ra, không cần phải có mĩ-thuật, người vô-học cũng làm thơ, như vậy có khác gì lối hát trống-quân của ta. Đó cũng là một lối học của ông thầy Hồ Thích đó. Người minh tựa-hồ có cái tính nô-lệ về sự bắt-chước, thấy người ta làm gì thì bắt-chước nấy, không còn nghĩ sự đổ hay bay là dở, không những một sự làm thơ như vậy, cái gì cũng như vậy cả. Nói về văn-chương, tôi nghĩ ở nước ta không thiếu gì lối văn hay mà nguyên không phải là có bắt-chước ai, như lối văn ca-trù, lối văn lục-bát, song-thất lục-bát, vân-vân, đều là lối văn có giá-trị. Ngày nay là ngày nên dựng lên một nền văn-học mới, nếu có ai sáng ra một lối văn gì đặc-biệt có văn-chương, có mĩ-thuật, để vun-bồi cho nền văn-học của ta, quí-hóa biết chừng nào, cần gì phải bắt-chước người mà bắt-chước dở như vậy.

Nói tóm lại, cái nền văn-học mới, tôi chủ-trương cần phải gây nên một cái học-phong có căn-bản và thu-thái các khoa-học tư-tưởng mới của các nước, như lời tôi đã kể ở trên thì mới là có cái giá-trị; còn về văn-chương là một bộ-phận trong văn-học, thì ai muốn viết ra cho giản-dị, hay là viết ra theo lối thâm-thúy cũng được, cốt phải thơ cho ra thơ, văn cho ra văn, thì mới bồi-thực cho nền văn-học ta được, đấy là chỗ chủ-trương của tôi.

Lê Dư

TÂM-LÝ HƯ-VINH VÀ CÁCH XƯNG-HÔ

Lấy một nước đã có tuổi như nước ta, kể cái hay có lẽ cũng nhiều mà cái dở thời cũng không phải là ít.

Tựu-trung có cái tính ham hư vinh là tệ hơn cả, nó lưu-hại cho xã-hội, ngăn-trở cho sự tiến-hóa không biết bao nhiêu mà cũng có thể nói rằng nó là mẹ đẻ ra tất cả các cái dở khác.

Vậy hư-vinh là thế nào? Theo ông Dương Bá Trạc (1) đã giải-thích rất rõ-ràng thời nó là: « Tự mình không có được cái tài, cái đức, cái công-nghiệp, cái khí-tiết gì đáng quí đáng trọng cả, chỉ lòa quáng về những cái phẩm-hàm, cái chức-vị, cái danh-sắc kia nọ là những cái xưa nay trong xã-hội bày đặt ra vốn để biểu-dương kẻ có tài, có đức, có công-nghiệp, có khí-tiết khác thường mà nhận lầm rằng hễ cứ có được cái phẩm-hàm, cái chức-vị, cái danh-sắc gì thì tức cũng đáng qui đáng trọng đáng mừng rỡ vẻ vang như những bậc đóng vai chính trong cái địa-vị đó, xưa nay là những bậc thực tài thực đức, thực có công-nghiệp, thực có khí-tiết; bấy giờ mới dâm đầu đâm đuôi, chạy xuôi chạy ngược, để cầu-cạnh chen-chúc làm sao cho có cái mã ngoài ấy thì tức là lận-sòng được với cái chân giá-trị kia; thấy những bố cu mẹ dĩ sợ cái tiếng quan lớn quan bé thì cố làm sao cho cũng có được cái tiếng quan lớn quan bé, thấy đàn bà con gái (2) ham cái tiếng ông nọ ông kia, thì cố làm sao cũng kiếm cái tiếng ông nọ ông kia, đành-giật nhau, xâu-xé nhau, tâng-bốc nhau, hí-hạ hí-hởn với nhau, miễn là khỏi chân trần ngực trần là vinh, được có chút hàm thấp hàm cao, cuống tím cuống xanh là vinh, chứ không còn nghĩ gì tới cái chân giá-trị của những cái đó là cái tài thực, đức thực, công-nghiệp thực, khí tiết thực nữa ».

Bây giờ ta dựa theo cái giới-thuyết đó mà tìm xem trong xã-hội ta hiện-thời lòng hư-vinh nó phát-biểu ra thế nào: Muốn điều-tra cho được rõ-ràng tưởng không chi bằng cứ đi theo cách tổ-chức xã-hội. Ta hãy tìm trong xóm trong làng trước. Ai cũng biết trong cách tổ-chức xã-hội ta cái đơn-vị là xã là làng. Tuy-nhiên muốn cho việc hành-chính được dễ-dàng, mỗi xã lại chia ra làm mấy xóm (lân hay là ấp). Trong xóm cũng đặt ra trưởng xóm (lân-trưởng hay ấp-trưởng), tri-lân và cán-lân. Mấy chức ấy chỉ có trách-nhiệm đối với làng mà thôi, chứ không hề giao-thiệp với chính-phủ; chức trưởng xóm là phần người có phẩm-hàm Triều-đình cao nhất ở trong xóm; nếu xóm không có chức-sắc thì hoặc là để cho một người cao tuổi nhất, hoặc là một người có chức-tước của làng. Chức tri-lân và cán-lân là do dân bầu lên. Nói tóm lại thời ba chức ấy là có chức-vụ, có trách-nhiệm cũng như lý-trưởng của làng, chánh phó-tổng của tổng, hay là quan-chức của chính-phủ. Nhưng xóm đã là một đơn-vị hành-chính, có đẳng-cấp hẳn-hoi thì cái tệ hư-vinh cũng nhân đó mà sinh ra. Cứ như tôi đã thấy trong một ít làng ở Trung-kỳ thời mỗi xóm đều có đặt ra những cái « vinh-hàm » để bán, muốn nói cho ra lạc-quan, thì để tưởng-

(1) Bài này thấy chép trong sách Quốc-văn trích-diễm của ông Dương Quảng-Hàm.

(2) Phụ chỉ đàn bà con gái.

thưởng những người dân có công, có đức gì, nghĩa là có nộp một số tiền cho xóm đặt nợ lấy lời, hay là tế-tự ăn uống. Những vinh-hàm ấy hoặc mướn tên chức có trách-nhiệm đã kể trên hoặc lại đặt ra tên khác thi-đụ như trùm, ấp-chánh, ấp-hào, v.v... Giá nạp (1) mỗi chức đắt rẽ khác nhau, lên xuống trong vòng vài ba chục một trăm, trăm rưởi quan, tùy xóm giàu nghèo và cũng tùy chút quyền-lợi tương-đương trong lệ xóm.

Trong làng thì vinh-hàm lại nhiều hơn. Hiện bây giờ cũng còn sống sót một vài người kêu bằng ông đồ, ông hiệu là những chức sinh-đồ, hiệu-sinh ngày trước. Ở vùng Nghệ-an cũng còn có những ông Hương-tú là chức tú-tài của làng ban, giá mua và phí-tổn về bằng trạng gì nấy cũng gần vài trăm bạc. Nay thời-thế khác, những danh-hiệu ấy kêu nghe không ra sao, nên xem không còn trong lệ « mại-tước » của các làng, nếu ai sẵn cái não khôi-hài, cứ để vậy mà cho đối với chức-hàm tân-thời như tú-tài tây, sinh-đồ tây (*étudiant*) thì không nói. Những hương-tước bây giờ phần nhiều là mô-phỏng danh-hiệu nhà nước đặt ra hay có thay đổi đôi chút như lý-trưởng (gọi là lý-nhưng) tri-hương, cai-xã, xã-trưởng, v.v... Mỗi chức giá nạp và phí-tổn gì nấy cũng trong vòng hai ba chục một trăm, trăm rưởi đồng.

Nhưng bất-kỳ trong làng hay trong xóm, những cái vinh-hàm đó là chỉ để cho hạng dân thường, những hạng mà người ta hay chọc là nhãn-giới không ra khỏi cổng làng, kiến-thức không quá lũy tre; còn ai rộng kiến-văn hơn, giàu có hơn thì lại lo chạy vạy cái cửu-phẩm, cái miễn-sai, cái viện-hàm, có thể đem tiền đi lo thì lo, không thời lo một chức lính-lệ, lính giản hay một chân giám-thủ ở Kinh để kiếm chút « công danh ». Khi được rồi, về làng ăn mừng, khao yết thì nào « Hồ-trưởng, nhung-hiên », nào « tang-bồng hồ-thỉ », tặng-hảo nhau, tâng bốc nhau không kém gì Khổng-Minh hay Hưng-đạo, Nguyễn Trãi hay Ban Siêu. Cao hơn một nước nữa thì đi học để đỗ bằng nầy bằng nọ, rồi ra làm chức nọ chức kia, rốt lại từ trên xuống dước lại từ dưới lên trên, dầu cùng-cực đi, chạy sống không rồi thì thôi, chứ hơi có mấu mặt là đều ham hư-vinh cả.

Xem trên đó, ta thấy rằng sự mua danh tước chỉ có trong xóm, trong làng rồi lên đối với Chính-phủ chứ không có ở tổng, ở phủ huyện và ở tỉnh, nghĩa là chỉ có trong những cái đơn-vị hành-chính có tính cách tự-trị mà thôi; rồi ta đi lùng trong những cái đơn-vị con con khác thì lại thấy sự đua tranh về hư-vinh như thế. Trước hết ta hãy tìm trong họ: theo lẽ dương-nhiên, ai chẳng bảo rằng trong gia-tộc, nói cho rõ hơn là trong nhà-thờ họ, danh-vị người già để trước người trẻ hay là người nhánh chính trước người nhánh bàng. Sự thiệt thì khác hẳn: không nói gì những người có phẩm-hàm Triều-đình về ăn trên ngồi trước trong họ, đó có lẽ cũng là cái kết-quả tất-nhiên của cách tổ-chức xã-hội ta, chỉ nói rằng ở nhiều nơi họ cũng đặt ra lệ thăng-thứ tương-hạng như ở làng, hễ một người đàn em mà có nộp tiền ít nhiều thì vị-thứ để trên người đàn anh.

Thứ nữa đến văn-hội là chỗ đáng lẽ chỉ bằng vào đạo-đức, mạt đi nữa thì vào văn-chương mà phân ngôi thứ, cũng có đặt chức tước để bán nào hội-trưởng nào hạp-trưởng, ai có tiền nạp thì ngồi trước ăn trên.

Đây, tôi cần phân giải cho rõ. Chắc có người sẽ bảo, cứ như tình-trạng kể

(1) Chữ nạp (nộp) là một chữ lịch-sự để thay chữ mua.

trên, muốn chữa cái tệ hư-vinh, tất phải cải-tổ từ trên đến dưới vì dầu ở làng ở xóm, dầu ở họ, ở văn-hội, sự đặt ra giai-ấp cũng chỉ là bắt - chước của Chính-phủ mà thôi. Tôi cũng biết như thế, nhưng bản ý bài này không nói rằng cách tổ-chức ấy là không hay, chỉ muốn tìm chứng-cớ trong thực-tế để xét cái tâm-lý hư-vinh. Vả như đã dẫn trên kia, cái phẩm-hàm cái chức-vị, cái danh-sắc kia nọ là những cái xưa nay trong xã-hội bày đặt ra vốn để biểu-dương kẻ có tài, có đức, có công-nghiệp có khí-tiết, mà dầu không phải thế nữa, chỉ để đổi lấy tiền mà làm những việc cần làm như trong làng cất đình cất chùa, trong xóm cúng tế, v. v., thì tự nó cũng không có gì là không hay cả, mà biện-thời cho đến chính-phủ cộng-sản cũng còn phải dùng. Tôi cũng không nói rằng người đem tiền ra mua là toàn không hay cả, cái tiền đó thường thường là hữu-ích, tôi chỉ xét cái tâm-lý vì sao mà họ đưa ra, nhiều khi cái công-tâm với cái tư-tâm, cái danh-dự với cái hư-vinh nó chỉ cách nhau có một sợi tóc, dễ thường chỉ tự mình biết lấy mình mà thôi vậy.

Vậy bàn vấn-đề này, ta chỉ bàn về chỗ tâm-lý. Nếu tôi làm quan ở bộ Lại thì tôi sẽ có một mở bằng chứng mà chép vào bài này : tôi sẽ thấy những là đơn xin phẩm-hàm mà lịch-tự những cái công-lao xin tư-ích đắp con đường, sửa cái cống trong làng, cái công-lao dời cái chợ chỗ nọ lại chỗ kia, cái công-đức có quyên mấy trăm đồng làm cái trường này, sửa cái nhà thương nọ. Thì ra đắp con đường, sửa cái cống, dời cái chợ, sửa cái nhà thương nào có phải vì công-tâm công-đức gì đâu đâu, chẳng qua một cách khôn-khéo để kiếm cái phẩm-hàm, chẳng qua chỉ vì cái lòng hư-vinh kia cả ! Xin như thế, Nhà-nước há lại không nên cho vì xét ra vốn có công thật, có xuất tiền ra thật đó kia mà !

Cái thói mua danh-vị chức-tước, nói cho công-bằng thì giống như ở nước nào cũng có, nhưng phải nhìn rằng ở nước ta thịnh hơn ; nào « Đông-dương là xứ sản-xuất quan », nào « trong mỗi người An-Nam đều có một ông quan » bao nhiêu câu bình-phẩm của người ngoài cũng công-nhận cho mình cái đặc-tính ấy. Không nói gì ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ là xứ Bảo-hộ và thứ nhất là đã trải qua một cuộc quân-chủ lâu dài, cho đến Nam-kỳ là một xứ mới dầu rằng vốn một giống dòng, lại thuộc quyền trực-trị của nước Pháp là một nước Dân-chủ mà cái tính ham chuộng hư-vinh xem cũng không kém gì : nào ông hội-đồng, nào ông hương-cả, nào thầy cai-tổng trong xã-giao nghe cũng kêu ồn lên Tôi không biết trong ấy các làng có lệ mại-tước như ở Trung Bắc không, nhưng tôi cũng đoán rằng có.

Nay thử xét vì sao mà người nước ta lại giau cái lòng hư-vinh như thế. Nó là kết-quả của sự tổ-chức xã-hội hay là tâm-lý của cá-nhân ? Tưởng nói là cả hai thì mới đúng. Tuy-nhiên, trên đã nói, nếu sự tổ-chức xã-hội có phải chịu trách-nhiệm về cái ác-tập ấy chăng nữa thời cũng chỉ là một cách gián-tiếp mà thôi, nghĩa là cái ác-tập ấy lợi-dụng nó mà phát-siển, chứng-cớ là trong hoàn-cầu ngày nay, dầu theo chính-thể gì, nước nào lại chả có đặt ra phẩm-hàm chức-vị, thế sao người họ lại không mua bán như ở ta, bên Huê-kỳ thấy nói nhân-dân lại có ý khinh cả đến những người làm việc với chính-phủ nữa.

Vậy ta hãy xét về chỗ tâm-lý cá-nhân. Cho rằng lòng hư-vinh là một cái dục-vọng theo định-nghĩa của các nhà tâm-lý thời có lẽ không được đúng, vì nó sống vì cứu-cánh, nghĩa là cái vinh hơn là vì bản-chất của nó. Tuy-nhiên, tế-nhận ra thì nó vẫn là một cái dục-vọng, không khác gì những dục-vọng khác của con người, thì dự

như dục-vọng đánh bạc nó vẫn mạnh-mẽ, vẫn ganh-tương (*la passion est jalouse*) vẫn bền-chặt, vẫn mù-quáng, ta không thấy có người suốt đời chỉ ước-ao, đeo đuổi làm thế nào cho được chút danh-sắc này nọ hay sao? Nay vì sao mà cái tâm-lý hư-vinh lại phát-siển ra dữ tuế? Theo ông Dương Bá-Trạc đã dẫn ở trên thì phàm người ai cũng có lòng danh-dự, chỉ vì lười-biếng nên mới bỏ con đường danh-dự là đường khó, phải cố công bền chí lắm mới có thể đạt được, mà đi tắt sang con đường hư-vinh là đương dễ hơn. Nếu quả như thế thì lòng hư-vinh chỉ là con sông đào cho lòng danh-dự tiết ra mà thôi vậy. Nhưng đã nhận rằng hư-vinh là một cái dục-vọng, thì theo các nhà tâm-lý, cách thành-lập của nó cũng phiền-phức hơn, nó vì di-truyền (1) vì hoàn-cảnh xã-hội và tự-nhiên giới. Vả não-chất của người mình, giàu tưởng-tượng, ít phán-đoán, lại kém nghị-lực cũng giúp cho sức phát-siển của dục-vọng nhiều. Song bao nhiêu cái động-lực đó là chung cho cả các thứ dục-vọng, ta chỉ nên đứng về một phương-diện riêng, thiết-thực hơn mà xét cái dục-vọng hư-vinh.

Trước khi xét các động-lực khác, tôi lại phải giới-thuyết chữ hư-vinh một lần nữa cho rõ-ràng hơn. Ta nghe một người dân làng xuất vài chục đồng để mua chức cai-xã, một người khác xuất vài ba trăm để lo cửu-phẩm, một người học-trò có bằng sơ-học xuất năm sáu trăm để lo một chân thư-ký ngoại-ngạch lục-lộ, v. v., ta bảo là hư-vinh. Vốn là hư-vinh thật, vì người dân không làm công việc cai-xã, hữu-thời tài-cán không làm được cai-xã mà đeo cái danh cai-xã; người nọ không có công-lao gì đáng cho nhà-nước thưởng cửu-phẩm mà đeo cái danh cửu-phẩm, người học-trò nếu không chạy vậy thì không phải là viên thư-ký mà nay lại là viên thư-ký, cái danh không có cái thiệt thời là cái hư-vinh, nhưng ta phải nhận rằng nó đi đôi với cái lợi, lớn nhỏ mặc dầu. Ông cai-xã trước kia dân trắng, ăn bần tư mà nay ăn bần ba, ông cửu-phẩm trước kia ở hạng trắng không có phần danh-khí làng, ăn phần ruộng xấu mà nay được miếng nọng, bắt phần ruộng tốt hơn, viên thư-ký tuy mất năm sáu trăm nhưng mỗi tháng cũng thu lại được 15, 18 đồng, cố khác gì tiền bỏ rương để lấy đi chợ dần dần; vậy những cái hư-vinh đó, đứng về mặt lợi, chưa phải là hư, mà ức-hoặc ham cái hư-vinh là chỉ vì ham cái lợi, nay bỏ cái lợi thời lòng hư-vinh tự-nhiên cũng hết chăng? Cũng có một phần như vậy, như nay nhà-nước giảm lương quan-lại, bớt người làm, mà theo một vài tờ báo, kỳ thi vừa rồi, số thi-sinh hạch vào các trường công không ngang số học-sinh định lấy! Trong ngạch học-chính, lương giao cho làng, e trả lôi-thôi không đủ mà giống như có một ít giáo-sư bỏ chức về. Tuy-nhiên những việc ấy là riêng cho một số ít, bài này chủ ý xét về số đông là phần nhiều ở thôn quê. Đã nói lợi thì ta phải so-sánh với cái hại, trong trường-hợp mua bán là cái vốn bỏ ra. Hãy lấy những thí-dụ kể trên: ông cai

(1) Trung-tá Boxifaci là một nhà học-giả rất am-hiểu lịch-sử nước ta, trong một bài đăng ở «Đông-Pháp Học-vụ tổng kỷ-sự» (B.G.I.P.), có chú rằng về triều Lê Ý-tôn giả nạp một Tri-huyện-hàm là một ngàn hai trăm quan (?), xin nói chung một lần rằng phần nhiều những điều dẫn chứng trong bài này là do đọc sách, báo mà nhớ, có khi không được xác tạc lắm, nay vì những lẽ riêng không thể tra-cứu lại được, cũng không thể chỉ rõ là bài gì, báo gì, trương thứ mấy, số nào, v.v... Xin độc-giả lượng thứ cho.

xã bỏ ra ba chục đồng thì sẽ được những cái lợi gì? Ăn bàn ba thì miếng ăn hơn bàn tư bao nhiêu? Ruộng khẩu-phần, ruộng sưu thì hiện nay giống như ở làng nào cũng chia bình-phân cả, mà cách chia ruộng ở thôn-quê ta có thể nói là theo cái nguyên-lý công-bình rất đầy đủ, đứng-đắn: từ chức-sắc đến tráng-đinh đều rút thăm cả, ai rút trúng phần nào thì ăn phần ấy. Vậy cái lợi của ông cai-xã vốn không có gì. Đến cái lợi của ông cửu-phẩm, xuất ra ba bốn trăm bạc, cái vốn không phải là không to. May ra ở vào một làng mù thì người lòa là chúa, sẽ được ăn đầu gà mà lợn, chẳng may ở vào một làng văn-vật, nghĩa là nhiều quan thì cũng là chìm đắm trong đám đông. Nhưng dầu ở trường-hợp nào cái lợi cũng không sao ngang được cái vốn. Còn như viêu thư-ký xuất năm sáu trăm mà mua cái lương tháng 15, 18, mua trâu bán chả, còn có lợi-ích gì. Phương-chi trong trường danh-lợi, được mất không chừng; khi lo ra làm họ cũng đã cầm chắc trong tay là có ngày sẽ bị thải. Đó là đơn-cử ít điều làm thí-dụ mà thôi, chứ ngoài ra lo lót phẩm-hàm, chạy vạy chức nọ chức kia, tốn đến một hai ngàn hay hơn nữa cũng còn nhiều lắm lắm.

Bây giờ ta đã thấy rằng trong cái dục-vọng hư-vinh: tài không, đức không, khí-tiết gì không mà đến cái lợi cũng bỏ như không nữa, như thế mới rõ rằng là cái hư-vinh mà tôi muốn xét trong bài này. Còn một lẽ cho ta quả-quyết rằng cái lợi không ở trong cái hư vinh là trước kia cái chế-độ thuế thân của ta không phổ-thông, chỉ ứng-dụng vào hạng bạch-đinh hạng miễn-đao mà thôi, như thế ta tưởng rằng sở dĩ muốn cố chút phẩm hàm là để khỏi mất mỗi năm mấy đồng bạc. Nhưng từ năm sửa lại cái chế-độ ấy đến bây giờ, quan-viên phải « trợ sưu » ta cũng cứ vẫn thấy như những vụ phẩm-hàm giả, những đơn xin phẩm-hàm dăng trên một vài tờ báo nọ

Muốn cho đúng sự thực thì cái dục-vọng này cũng như tất cả các cái khác của con người, không phải là thuần-nhất đơn-giản mà vốn là một cái tâm-lý phiền-tạp, do những thị-hiếu, cảm-tình khác nhau hợp lại mà thành. Nhưng ta phải tế-sát, so-sánh các thành-phần, phân cái chính cái phụ để tìm cho ra cái nguyên-nhân của nó ở đâu.

Nói rằng tâm-lý hư-vinh là biểu-chứng tấm lòng trung-quân của dân-tộc ta dầu thấp hèn đến đâu cũng muốn được chút phấn vua thời e không đúng; thẳng hoặc có thì hãy cho là một động-lực phụ-tùng như trên đã kể. Sự thật thời quốc-gia, dân-tộc cũng như cá-nhân, có cái dở và cái hay của một nước, một giống văn-hiến, có cái dở và cái hay của một nước, một giống dã-man, cũng như có cái dở và cái hay của người quân-tử, có cái dở cái hay của tiểu-nhân. Ở vào nước văn-hiến, vào người quân-tử, cái dở vẫn là cái dở, nhưng có thể nói rằng cái dở đó vì cái văn-hiến, cái quân-tử mà sinh ra; lòng hư-vinh của người mình cũng vào trong bàng những cái dở ấy. Bao nhiêu đời quân-chủ, sự trung-quân thân-thượng đã in sâu vào lòng, nhờ đó mà nước nhà có thể-thống, xã-hội có kỷ-luật, suy-diễn ra tận trong gia-tộc, trong luân-lý, nó tỉ-ích cho tổ-quốc, cho chủng-tộc không phải có ít-ỏi gì. Gia-dĩ đạo Khổng chi-phối trong mấy mươi đời, vốn là một học-thuyết dạy trung-hiếu lễ-nghĩa, nghĩa là trật-tự trong xã-hội trong gia-đình, hay đứng về phương-diện ngày nay, cái trật-tự đó là nguyên-hình của cái giai-cấp quá sai biệt, là cái xấu. Nói thế nghĩa là lòng hư-vinh là cái dở, chính cũng có do cái hay mà ra; cái ác-tập bây giờ ta phàn-nàn, phàn-nàn vì nó ngăn-trở bước đường tiến-hóa, chính

là thoát-xuất tự cái mà xưa nay ta vẫn tự-đắc là văn-hiến đó vậy. Than ôi, cái nhân-quả ấy có phải riêng gì ở một xã-hội ta, ở xã-hội ta có riêng gì ở một sự hư-vinh mà chính là cái công-lệ cổ-kim đông tây không thể nào tránh khỏi. Nền văn-minh rực-rỡ bây giờ nó bổ-ích cho nhân-loại biết bao nhiêu; mà những điều thương-tâm thảm-mục trong việc chiến-tranh và trăm ngàn việc khác há không phải tự nó mà ra hay sao ? Tà-thuyết hãm-nịch người ta đã đành, mà chính-đạo lưu-hại cho đời cũng không phải là ít, nhân thế mà có những thuyết tuyệt-thánh khí-trí đó chăng? . . .

Trên kia có nói đến cái lợi trong sự hư-vinh. Thiết-tưởng phải phân-biệt cái lợi vật-chất và cái lợi tinh-thần, hai tiếng khẩu-đầu ngày nay. Cái lợi vật-chất hồ như không có, nhưng cái lợi tinh-thần vốn có. Lợi tinh-thần là muốn chỉ cái gì ? Là những cái có thể làm được lòng tự ái của người ta, cả cái vấn-đề hư-vinh là ở đó. Nào trong chỗ hương-thôn được lớn tiếng cả hơi, ăn cỗi ngồi trước, nào đi ra được kính-nể yêu-vì, kẻ thưa người dạ. Nhưng tựu-trung xúc-động đến lòng tự - ái, có cách xưng - hô là đứng đầu, trong bài này tôi muốn xét về phương-diện ấy.

Hiện-thời cách xưng-hô của người nước ta thế nào? Vấn-đề rất phiền-phức mà cũng rất lý-thú, tưởng người sành ngôn-ngữ, lịch-duyệt hơn tôi mới có thể bàn cho châu-đáo.

Nay xin tạm để vấn-đề hư-vinh ra ngoài, chỉ bàn riêng về nó. Ta có thể nói ngay rằng danh-từ xưng-hô của nước ta giống như rất nhiều mà kỳ-thực thời rất nghèo nàn, lại rất hỗn-tạp. Ta hãy so-sánh một chút với danh-từ xưng-hô trong chữ Tây và trong chữ Tàu để xem cái ảo-tượng phong-phú của tiếng ta. Trong cách xưng-hô Tây dùng mấy đại-danh-từ chia ra ba ngôi gồm có hai số là tôi (*je, moi*), mày (*tu, toi*), nó (*il, elle*), chúng tôi hay chúng ta (*nous*), các anh (*vous*) và chúng nó (*ils, elles*). Chỉ nội mấy chữ đó mà vận-dụng ra đủ cả các trường-hợp trong sự giao-tế. Ngoài ra cũng còn mấy chữ nữa, nhưng đều là phụ-thuộc, dùng để thế mấy chữ trên trong khi đặt câu, không kể làm gì. Chữ Tàu thì dư, ngô, ngã (予 吾 我); nhữ, nhĩ, quân (汝 爾 君); bỉ, tha (彼 他), v.v... Còn tiếng ta thì thế nào? Hiện nay trong sự phiên-dịch, thứ nhất là của học trò nhỏ, hễ gặp *je, moi* thì dịch là tôi; *tu, toi* là mày; *il, elle* là nó, *nous* là chúng tôi, v.v.; dịch như thế có lẽ là đúng, nhưng ra giữa xã-hội thời nào có thế đâu. Ngay một chữ *je* (*moi*) mà ta đã phải dịch nào là con, nào là tôi, nào là tớ, tao, ông, bà, cụ, bác, chú, dượng, em, v. v., tùy khi hai người quan-hệ với nhau thế nào. Ngoài những đại-danh-từ ấy, chữ *Monsieur* mà ta phải dịch là quan lớn, là quan, là ông, thầy, anh, bác, chú, v. v., chữ *Mademoiselle* mà phải dịch là cô, là o, là chị, là ả, là con; chữ *Madame* mà phải dịch là bà lớn, là bà, là cô, là thím, là mụ, là chị, là ả. Ta hãy xét kỹ hơn một chút nữa: tôi đi ra gặp một ông Quản, tôi gọi là quan, gặp người đội tôi gọi là thầy, gặp người cai tôi gọi là bác, người bếp tôi gọi là chú, người lính trần tôi gọi là anh, nếu tôi bất-nhã hơn thì tôi gọi là thằng. Những quán-từ đó chẳng những dùng ngoài xã-hội mà thôi, đến cả trong bạn nhà binh với nhau cũng dùng; khi viết, thí-dụ đăng báo, người ta cũng dùng mà đệm trước cái chức; mà bao nhiêu chữ đó là chỉ dịch một chữ « *le* » quán-từ trong chữ Tây: *le sergent, le caporal, le garde*, vân-vân, hay là để thêm vào chữ chức-danh chẩn-cổng của chữ Hán: 隊長, 伍長, v. v.. Tôi dẫn cách xưng-hô trong quân-đội làm tỉ-dụ là có ý chỉ rõ cái

quan-niệm giai-cấp của người mình; nhân trong một cái tổ-chức rất cần và rất trọng trật-tự, kỷ-luật là nhà binh, dầu ở nước nào cũng vậy mà phát-biểu ra bằng một cách kêu gọi rất tế-toái buồn cười. Cái trật-tự, cái kỷ-luật của người vào mình lại càng túi-mịch nhờ cái trật-tự cái kỷ-luật bình-thức rút chặt lại nơi cách xưng-hô. Nay nếu hỏi người An-Nam có quả giàu quan-niệm trật-tự, kỷ-luật hơn người các nước không, thời cũng không thể bằng theo đó mà trả lời rằng có được. Ta lại theo những viên-chức nhà binh kể trên mà xem họ xưng-hô vợ nhau, vợ họ xưng hô nhau, hay là xã-hội xưng-hô vợ họ: ông quản thì có bà quản, thầy đội thì có thím đội, nay giống như có cái khuynh-hướng kêu cô, vợ bác cai thì nghe không có tiếng kêu nhất-định, có khi cũng kêu luôn bằng bác, giống hệt như trong gia-tộc, một đôi khi cũng kêu bằng thím. Còn vợ chú bếp, khi thì thím, khi thì chị, không nhất-định, vợ lính trần cũng thế.

Nhưng cách xưng-hô tế-toái đó có phải riêng gì trong binh-gia mà thôi đâu. Ta hãy đi theo các «quan văn» thí-dụ các viên-chức về ngạch lục-lộ. Trên hết có ông kỹ-sư người Pháp, thì tiếng xưng-hô không nhất định mà dầu có nhất định thì cũng không cần xét, vì sự xưng-hô một phần là thuộc về vấn-đề ngôn-ngữ, một phần là thuộc về vấn đề phong-tục, nó chỉ quan-hệ riêng cho những người đồng một ngôn-ngữ, một phong-tục mà thôi. Dưới ông kỹ-sư có viên tham-biện (*agent technique*) là quan; thứ đến mấy viên thư-ký làm việc đã lâu, thường thường lương cao hàm to thì cũng là quan, thứ nhất là ông; thứ nữa đến mấy viên thư-ký khác là thầy. Rồi dưới hết đến người «loong-toong» là anh, là bác, là chú, tệ nữa là thằng tùy khi mà nhất là tùy người kêu. Vợ những viên ấy thời đại-đề cũng kêu giống như vợ những viên-chức nhà-binh đã nói trên. Cách xưng-hô các quan-chức bên Bảo-hộ, cứ theo sự thực ngày nay ta có thể đặt câu luật này: những viên-chức tốt-nghiệp ở Cao-đẳng trở lên là quan, hay là ông, vợ là bà,(1) những viên-chức tốt-nghiệp ở Trung-đẳng (2) trở xuống là thầy, vợ là cô hay là thím. Những viên-chức sau này làm việc đã lâu, lương cao hàm to cũng là quan hay là ông, vợ cũng là bà. Nhưng hữu-ý hay là vô-ý, trong ngạch viên-chức của Bảo-hộ, giống như người ta bằng vào số tiền lương mà kêu: Vậy câu luật ấy có thể sửa lại: Phàm viên-chức nguyệt-bổng gần hay là trên một trăm là quan hay là ông, vợ là bà; nguyệt-bổng kém hơn là thầy, vợ là cô; còn trong những ngạch khác, nhân-viên không có bằng cấp kể trên thời đại-đề cũng mô-phỏng theo cách xưng-hô của các ngạch có.

Đã dùng những quán-từ phân-biệt như vậy thì một lẽ tất-nhiên là trong sự giao-tế thường cũng kêu cả tên chức hay là phẩm hàm: thí-dụ quan đốc, ông tham, ông phán, thầy cửu, anh cai, v. v. vì vậy mà trong xã giao có những danh-từ đúng không đúng, không còn cố danh tư nghĩa gì nữa. Một viên giáo-sư dạy ở một trường Cao-đẳng tiểu-học vốn có viên Hiệu-trưởng (ông Đốc) tây rồi, mình không phải đốc, không có quyền đốc-suất kiểm-soát gì ai mà người ta cũng kêu là ông Đốc, mình muốn hay không muốn, cũng nhận là ông Đốc đi; trái lại, một viên trợ-giáo, chính là làm

(1) Câu luật này chỉ áp-dụng từ trung-bộ Trung-kỳ trở ra. Từ đấy trở vào, nhất là ở Nam-kỳ thì thí-dụ một viên tham-tá cũng kêu bằng thầy, vợ là cô. Ở Trung Bắc cũng không phải nhất-luật là quan ông bà cả, nhưng phần đông thời là thế.

(2) Thành-chung, Cao-đẳng tiểu-học.

trường một trường ấu-học, có quyền và phận-sự đốc-suất kiểm-soát việc trường, nhưng người ta cũng không muốn kêu bằng ông Đốc, chính viên ấy nghe kêu bằng ông Đốc cũng thoái-thác hay ít nữa cũng lấy làm bỡ-ngỡ ngượng-ngào. Thành thử bao nhiêu cái danh-từ chỉ là cái « rơm chữ », chứ không còn gì là cái « hột sự-vật » nữa vậy. Ai bảo cách dùng danh-từ như vậy không có quan-hệ với cái tính nói lảo của người mình thường bị người ngoài chỉ-trích ?

Chẳng những thế, theo cái nguyên-lý xưng-hô cho phân-biệt đó, ở nhiều chỗ nhà quê, riêng mấy tỉnh trung-bộ, bắc-bộ Trung-kỳ và Bắc-kỳ có cái thói đặt tên rất thô-bỉ : nào bố cu, nào mẹ đĩ, nào anh bủn, nào ả hoe, nào anh hĩm, nào ả dái, lại đem cả chính-danh những cơ-thể kín của đàn ông và đàn bà ra mà đặt nữa ! Khiến người có giáo dục nghe mà lấy làm sượng-sùng ái-ngại thay ! Lại ai bảo cái thói ấy không có quan-hệ với cái tệ ăn nói tục-tằn, mắng chửi ghê tởm của một đôi hạng người ? Trừ cái lòng mê-tín, đặt tên cho nhơ-nhuốc để tránh ma quỉ ra thì dùng những danh-từ đó không phải là để cho phân biệt với anh cai, mụ lý, bà tiên-chỉ trong làng hay sao ? Người xưng-hô cho thế là đương-nhiên, người bị xưng-hô cũng không lấy gì làm bất-bình, cách phân-biệt đã ăn sâu vào tâm-não mọi người, không ai suy nghĩ gì đến nữa. Ta không thể biết đích xác rằng kỳ-sơ dân gười trên đặt ra cho phân cách mình với người dưới, hay là dưới đặt ra để hạ mình xuống mà tâng bốc kẻ trên lên ; cứ hiện-tình mà nói thời một hạng là quá ư tự-tôn tự-đại, một hạng lại quá ư tự-hạ tự-khinh, hạng sau không đủ tư-cách làm người đã đành mà hạng trên cũng không có chút quan-niệm gì về sự công-bình hết thảy. Hai cái tính-cách tương-phản đó phát-lộ ra trong cách xưng-hô nhau, tiêm nhiễm lâu thành ra như một cái chế-độ xã-hội mà ngày nay sự thế bất-đắc bất-nhiên, đem so-sánh với phong-tục kẻ khác mới thấy cái thái-quá, cái phiền-phức cái buồn cười của nó. Thậm-chí như các vị thánh hiền của Tàu mà vào nước mình cũng bị phân ra giai-cấp : Khổng-tử, Nhan-tử, Mạnh-tử tuy là thầy trò, ở Tàu cũng có phân biệt là thánh và hiền, nhưng là khi tế-tự, hay là trong những trường-hợp đặc-biệt kia mới nêu lên là chí-thánh là á-thánh đại-hiền, còn thường thì cũng đều là chữ « tử » đứng sau cả, thế mà người mình thì đức Khổng, thầy Mạnh, thầy Nhan, thật là phân cách không xiết, chưa nói đến ngày nay lại thỉnh-thoảng thấy có điều lố-lăng hơn nữa : Khổng-tử, Mạnh-tử mà có người đệm cho chữ « cụ » trên đầu, không khác gì cụ thượng cụ tuần của ta vậy, thật cái dởm, cái chướng không thể nói cho cùng !

Trên kia tôi nói những danh-từ xưng-hô của ta tuy phiền-phức mà vốn thật là nghèo-nàn và hỗn-tạp. Vì sao ? Bao nhiêu danh-từ dùng trong xã-giao kể trên đó đều là những danh-từ trong gia-tộc cả. Cái đó có lẽ cũng là một cái đặc-điểm trong ngôn-ngữ ta, mà nhà xã-hội-học có thể dựa theo mà bảo rằng xã-hội ta thật có tính-cách gia-trưởng hơn đâu hết. Nhưng lạ thay, vốn là cái xã-hội trọng gia-tộc mà lại đưa những danh-từ trong gia-tộc ra dùng một cách rất hỗn-độn : có lẽ vì biến hóa dần dần mà mất cái quan-niệm bốn bề một nhà đi chăng ? Ta thử xem : chữ cha là chỉ người sinh ta ; nhưng sự thực thì không mấy ai dùng đến : thường thường, nhất là trong những gia-đình nền-nếp, con kêu cha bằng thầy. Vậy chữ thầy là trọng biết bao nhiêu, đáng lẽ phải dùng chuyên-nhất mới đúng ; thế nhưng người dạy mình cũng kêu bằng thầy, điều đó hãy còn được ; người làm địa-

lý, bói, phù-thủy cũng thầy, đứng về mặt mê-tín, cũng còn cho là được; nhưng cớ sao, viên thư-ký, viên đội-trưởng, viên chánh-tổng cũng kêu bằng thầy? Về mặt tuyệt-đối, chữ thầy dùng đó không có tính-cách khinh-hạ, nhưng tương-đối thì nó là một danh-từ khinh-hạ, vì như trên đã nói, nó chỉ hạng người thấp hơn hạng quan và hạng ông, mà trong gia-đình, cha ta (thầy ta) há không phải là người chí-thân, chí-tôn hay sao? Lại chữ bác và chữ chú. Trong gia-đình, ngoài cha mẹ ra, thì bác và chú là thân và trọng lắm. Thế mà hai danh-từ ấy lại đưa ra mà chỉ bác cai chú thập, bác xã, chú phó may là hạng người tuy xã-hội không nỡ, không dám lên mặt khinh-khi, nhưng ký-thực cũng là không trọng-đãi gì. Kể vài chữ thế tưởng cũng đủ chứng-minh cái tính-cách nghèo-nàn hỗu-tạp của danh-từ xã-giao mình, nhưng chủ-ý bài này là xét những danh-từ xưng-hô, nên phải bàn cho kỹ hơn: chữ ảnh lại tệ hơn nữa, nó chỉ anh phu xe, anh đầu bếp, anh ăn mày, mà anh há không phải là người rất trọng ở trong gia-đình hay sao? Nay nói đến những danh-từ xưng-hô đàn bà. Chị cũng như anh, mà chữ chị lại đưa ra kêu chị bán cháo, chị khâu đầm; chữ cô và chữ o vốn một nghĩa, chỉ chị hay em của cha, thế mà chữ cô lại đưa ra chỉ hạng vợ trung-lưu thua hạng bà, chữ o lại chỉ con gái nhà quê, con gái những nhà bần-tiện; thím là vợ chú tuy không thân lắm, nhưng cũng vào hạng trưởng-thượng trong gia-đình, mà chữ thím lại đưa ra chỉ vợ người cai người bếp. Song những danh-từ đàn ông đã thế thì danh-từ đàn bà cố-nhiên cũng phải thế.

Ngoài những sự hỗn-tạp buồn cười đó lại còn nhiều điều mâu-thuẫn kỳ-chướng nữa: chữ cậu là chỉ anh em của mẹ lại đưa ra kêu hạng người con quan; con quan cho là trọng mà kêu cậu, cớ sao lại đưa chữ ấy mà tặng cho cậu bồi? Theo lối xưng-hô của ta hiện-thời, thứ nhất là ở Huế, thì chữ cụ là long-trọng lắm. Nó dùng để xưng các vị đại-thần, hay là cha mẹ những người có phẩm-hàm. Xưng các vị đại-thần là cụ lớn, nhưng thường thì chỉ xưng tắt là cụ. Thế nhưng chính ở Huế lại nói cụ cu-ly-xe, cụ đi cày, v. v..., nó chường-ngược xốc-ốc ra thế nào, tôi thường tự hỏi: hay là cái não hài-hước khinh-mạn của người mình nó phát-lộ ra đến đó nữa chăng?

Lại còn một điều này nữa, tôi muốn nói cho kỹ hơn: chữ cô, như trên đã giải, là chỉ chị hay em gái của cha; lại chỉ con gái chưa có chồng, mấy mươi năm về trước riêng cho hạng con gái con quan, hiện thời về lý-thuyết, thì chỉ tất cả những con gái chưa có chồng, trên thực-tế thì hạng con gái chưa có chồng của những nhà có địa-vị gì trong xã-hội; lại chỉ hạng đàn-bà trung-lưu, hạng vợ người Pháp, như thế tưởng cũng đã là lộn-xộn lắm, mà dưới cái chế-độ đa-thê, vợ bé tục gọi là cô hầu thứ hai, thứ ba, thứ tư... của các quan, của những người mà vợ chính được kêu bằng bà cũng đều được xưng bằng cô nữa. Như vậy tôi muốn các-cớ đặt một câu hỏi: ý giả xã-hội không công-nhận cho đàn bà những người trung-lưu là có chồng rồi chăng? Ức-hoặc chỉ cho hạng đàn bà ấy ngang hàng với những người lấy lẽ mà thôi chăng? Trong bài này tôi chỉ đứng về phương-diện phổ-thông mà xét những danh-từ xưng-hô và cái ảnh-hưởng của nó trên tâm-lý, chứ không có ý đứng về phương-diện phụ-nữ, nhưng đến đây tôi phải nhận rằng cuộc vận-động của phụ-nữ ta, cũng như phần nhiều các cuộc vận-động khác chỉ bông-lông ba-la, thấy người ta đòi bình-quyền về chính-trị, mình cũng muốn đòi bình-quyền về chính-trị, thấy người ta đòi bình-quyền về

kinh-tế, mình cũng muốn đòi bình-quyền về kinh-tế, chứ không có tính-cách thiết-thực, chỉ thích-dụng cho một dân-tộc mình, thảng-hoặc cũng có người đả-động đến cái tính cách xếch-mé trong sự xưng-hô, nhưng chỉ là gặp đâu nói đó mà thôi. Hay là các bà, các cô nghĩ rằng, để bên vấn-đề kinh-tế, vấn-đề chính-trị, cái vấn-đề ấy nhỏ nhen quá không đáng để ý đến chăng? Theo ý tôi thì chính là một vấn-đề quan-trọng, nếu không phải là cả vấn-đề xã-hội thời cũng là chương đầu trong vấn-đề ấy, nói rằng xã-hội bà không phải là nói giao-tế, mà trong sự giao-tế, xưng-hô bà không phải là đứng đầu hết cả mọi việc hay sao?

Xét danh-từ xưng-hô rồi ta nên xét qua hai cái danh-từ đi liền với nó trong sự giao-tế là « ừ » và « không », tôi muốn dịch chữ *oui* và chữ *non* trong tiếng Pháp. Mà thực ra, muốn thấy cái đặc-tính của sự giao-tế ta trong hai danh-từ ấy thì cũng chỉ có một cách là đem so-sánh với danh-từ tây. Cũng như tất cả những đại-danh-từ trong tiếng Pháp, hai danh-từ ấy dùng với tất cả các hạng người, chỉ khác thêm, hay không thêm vào một tiếng tôn-xưng ở sau: Thí-dụ *non*, *non mademoiselle*; *oui*, *oui monsieur*. Còn tiếng ta thời thế nào? từ cái ngúc đầu cho lên đến tiếng bầm lạy... vâng, bầm lạy... phải, bầm lạy... có; lại từ tiếng bầm-lạy không... cho xuống đến cái lúc-lắc đầu không biết bao nhiêu là danh-từ, là thái-độ. Lại một cái tiểu-tiết này ta xét kỹ cũng có thể thấy được cái tâm-lý khác nhau trong hai lối giao-tế Tây và Nam. Ai có ý một chút thời sẽ thấy rằng người mình nói tiếng Pháp hay dùng lộn tiếng *oui* và tiếng *non*. Thí-dụ người ta hỏi tôi: Anh không biết tiếng Nhật-bản phải không? Tôi không biết thời tôi trả lời ngay là không. Còn nói tiếng An-Nam thời tôi lại trả lời: ừ, vâng, phải, dạ, tùy địa-vị người hỏi. Như thế có phải là trong lúc giao-tế, người Pháp tự-do chủ-trương lấy tư-tưởng mình, có thời nói có, không thời nói không, cải lại cái tư-tưởng của người đối-thoại, còn ta thời lại dựa theo cái tư-tưởng của người này, người đã nói không, dầu chưa quả-quyết là không, nhưng mình cũng ừ đi, cho rằng họ nói không là đúng. Vậy muốn bảo rằng cách xã-giao mình có lễ-phép hơn cũng được, nhưng nếu muốn bảo rằng người mình, trong khi đối-thoại, không ưng trái ý người, ưng a-dua theo tư-tưởng người thời thế nào?

Vậy hai cái tệ lớn trong phép xưng-hô của ta là hỗn-tạp và quá ư sai-biệt. Sự hỗn-tạp thì bao giờ chính nó cũng là bậy rồi. Trong bài này, đã mấy lần tôi cho rằng cái lối xưng-hô của ta có ảnh-hưởng hay quan-hệ đến nhiều cái phong-tục, cái tập-quán xấu khác, nay tôi lại muốn hỏi rằng cái tính-cách hỗn-tạp đó có dính-liếu với cái tính cẩu-thả, không có trật-tự kỷ-luật trong tâm-trí, trong hành-vi của người mình không? Phương-chi vì cái tính-cách hỗn-tạp đó mà trong sự giao-tế, nhiều khi phải ấp-úng, lờ mờ, tệ hơn nữa là có khi lại vì một tiếng xưng-hô mà sinh mất lòng nhau, giận dữ nhau, chia lìa nhau, thù hằn nhau, những việc ấy không phải là ta không thường thấy, tôi sẽ có dịp nói kỹ hơn trong đoạn sau. Còn cái tính-cách quá ư phân-biệt là tỏ ra một cái tâm-lý bất-công. Bây giờ đưa những lý này lý nọ ra mà chứng-minh sự bất-công đó thời giống như vu-khoát, ít nữa là xuyên-tạc quá, nhưng đã nhận là bất-công thời hẳn là phải nói. Trời sinh muôn vật, mỗi loài đều có một cái tên, nhưng trăm đời ngàn kiếp con nào cũng chỉ mang cái tên loài của mình không có chữ gì phân ra con tốt, con xấu, con béo, con gầy, dầu cho những xứ hay đặt tên riêng cho súc-vật cũng vậy.

Người ta cũng là một loài trong các loài khác, tiếng nước nào cũng có một chữ để tổng-chỉ, như tiếng Pháp là « *l'homme* » tiếng Tàu là « *nhân* 人 », còn tiếng ta là « con người », cũng là một con như các loài khác, chẳng phải là có hàm cái ý « chúng-sinh bình-đẳng » hơn bất-kỳ tiếng nào không ? Thế nhưng con người là một loài có trí-tuệ, nhờ trí-tuệ mà tiến-hóa, do tiến-hóa mà sai biệt, có kẻ kém người hơn, người hay kẻ dở. Đến đấy, cái tính hiếu-thắng một bên, lại cái tính xu-mị bên khác bèn thừa cơ mà làm cho sai-biệt thêm lên, sai-biệt trên trí-thức, trên đạo-đức, trên xã-hội đã rồi, mà trong những danh-từ xưng-hô cũng sai-biệt nữa, chẳng qua là để cho rõ-rệt sự hơn kém thực-tại kia. Người có chức trọng quyền cao thời kêu bằng cụ, bằng quan, người thấp hơn thì kêu bằng thầy, bằng bác, kẻ có đạo-đức hoàn-toàn thời kêu bằng đức, người bất-lương thời đệm cho một chữ thằng, chữ đứa. Nói cho đáng thời cách xưng-hô sai-biệt, trong một vài trường-hợp vẫn có ngụ-ý phủ-việt cần-ba, trong xã-hội loài người đều đó tưởng cũng là cần và quí lắm. Tôi nói trong một vài trường-hợp vì thường thường thời sự sai-biệt đó chẳng qua chỉ ứng-dụng vào cái tâm-lý tự-tôn tự-đại của một bên và cái tâm-lý tự-ti tự-hạ của bên khác. Nay nếu ta xét lên một tầng nữa thời những sự bất-bình trong xã-hội, thường thường cũng là do xã-hội gây nên ; người ăn trộm người ăn mày vốn là đáng khinh, nhưng sự bất-lương, sự vô-sỉ của họ không phải rành tự họ mà ra mà xã-hội vốn phải chịu một phần trách-nhiệm. Nay cứ nhắm ngay cái mục-tiêu mà chế-biếm, lại chế-biếm bằng những tiếng xưng-hô, hồ như muốn lột cả cái quyền làm người của họ thời chẳng hóa ra ta lại đem một sự bất-công mà dồn lên trên một sự bất-công khác cũng do ta đã gây ra hay sao ? Nhưng những chữ thằng, chữ đứa nào phải chỉ người ăn trộm người ăn mày mà thôi đâu ?.. Người trên dùng những tiếng khinh-bỉ mà kêu người dưới, người sang dùng mà kêu người hèn, người giàu dùng mà kêu người nghèo, những người sau, vì địa-vị của mình, vì cảnh-ngộ của mình, mà ban đầu cũng chịu nhận đi, sau thời tự nhận lấy, thành ra trong xã-hội, một bên thì cao lại cao quá, một bên đã thấp lại thấp lùn, đứng về mặt luân-lý thì bên nào cũng là tự làm mất cái phẩm-giá con người hết cả.

Nhưng đưa lẽ công-bình ra mà nói, dầu không vu-khoát thì cũng khí quá cao, không vừa tầm với vấn-đề xưng-hô là một vấn-đề dầu thế nào cũng đã thành ra quá thường. Ta hãy nói ngay về sự lễ-phép, hay muốn cho vừa phải hơn nữa thì nói ngay về phép lịch-sự. Trong phép lịch-sự dầu ở Đông hay ở Tây, các nhà luân-lý cũng đứng về ba mặt, mặt trên đối với dưới, ngang vai đối với nhau, và dưới đối với trên. Trong trường-hợp ngang vai, thì sự giao-tế rất dễ, thường thường cái lương-tri của mỗi người cũng đủ chỉ bảo cho điều nên điều không ; vả có sai-thất đi nữa cũng không đến phương-hại gì, chỉ còn hai trường-hợp kia là khó : người dưới phải có lễ-phép với người trên là lẽ cố-nhiên, mà người trên không phải không cần có lễ-phép với người dưới, chữ lịch-sự thường áp-dụng vào trường-hợp này. Những chữ khuất-kỷ (屈己), phú quí năng hạ nhân (富貴能下人), vật kiêu nhân, vật tiện nhân (勿驕人勿賤人), hiền-triết Á-Đông không phải là không dạy đến ; còn người dưới thì đừng tự-vũ (自侮) tự-khinh (自輕) phải cung cận ư lễ (恭近於禮). Hiền-triết Âu-Tây nói về lễ-phép, về lịch-sự (*politesse bienséance, civilité*), lại có phần tinh-tế hơn, nhưng tóm tắt lại cũng bất-ngoại mấy điều đó. Sự lễ-phép cố-nhiên là đối với người, nhưng cũng là đối với mình

nữa, người trên lễ-phép với người dưới không phải là chỉ vì cần phải lễ-phép với người dưới mà cũng là để tỏ ra rằng mình là người có lễ có giáo-dục; người dưới cũng vậy, cũng là để tỏ ra rằng mình biết tự-trọng, đủ tư-cách làm người, biết quí cái quyền làm người của mình.

Trên kia đã nói bàn về một việc xưng-hô mà kéo những công-bình với bất-công, lễ-phép với vô-lễ ra thì giống như quá vu-khoát và xuyên-tạc, nay nói mãi rồi chính tôi cũng thấy rằng vu-khoát, rằng xuyên-tạc: bao nhiêu những danh-từ xưng-hô trong xã-giao ta dùng đã quen thuộc đi lắm rồi, người biết dùng là lễ-phép, là lịch-sự, người không biết dùng là vô-lễ, là quê-mùa, cớ sao lại đi bới-móc những lẽ-nọ lẽ-kia ra mà cho nó là bất-công, là vô-lễ, là tự-vũ tự-khinh? Chả là hiếu sự lắm ru? Không, tôi muốn dò cho đến nguồn lạch của nó, tôi nhận rằng ngôn-từ có ảnh-hưởng đến tâm-lý, đến hành-vi mà bao nhiêu những cái thái-độ, cái cử-chỉ kiêu-căng, xấc-xược, khó coi của một hạng người, lại bao nhiêu cái thái-độ rụt-rè, khép nép, đê-tiện của một hạng khác không phải toàn do đó mà ra cả thì cũng có do đó mà ra một phần nhiều, ít nữa là cái này ảnh-hưởng đến cái kia, làm nhân quả lẫn lộn cho nhau mà gây nên một cái pháp-thức giao-tế rất buồn cười, rất chột dạ cho người đời nay vậy.

Nhưng mà cái tội to nhất của cách xưng-hô ta, theo ý tôi là làm động-lực cho lòng hư-vinh tôi bàn trên đầu bài. Đó không phải là lời kết thúc một bài lý-luận suông, khéo chứng-minh cho trời ra, mà chính là một cái chân-lý do kinh-nghiệm, do quan-sát mà bày tỏ ra vậy. Chắc có người sẽ bảo như thế là lấy quả làm nhân, lấy nhân làm quả, lòng hư-vinh làm động-lực cho sự sai-biệt trong cách xưng-hô, mà không phải sự sai-biệt trong cách xưng-hô làm động-lực cho lòng hư-vinh. Tôi xin nói rằng lúc nguyên-sơ có lẽ là thế, chắc là thế, nhưng hiện nay thì hư-vinh là cái dầu không phải hão-huyền thời cũng là xa-xôi hơn, lờ mờ hơn, còn cách xưng-hô là cái rõ ràng đó, trước mắt đó, bên tai đó, nó có sức mạnh hơn nhiều, nó đã trở lại làm nguyên-nhân cho cái nguyên-nhân cũ của nó. Tôi không nói rằng lòng hư-vinh hoàn-toàn do đó mà ra, nhưng trong các động-lực khác đã xét trên kia nó là một cái động-lực rất mạnh.

Ta hãy xem lại một chút: viên tham-biện sở Lục-lộ thì gọi bằng quan, viên thư-ký làm việc lâu năm thì gọi bằng ông, những viên khác lại gọi bằng thầy; ở trong trại lính, viên quản thì gọi bằng quan, viên đội thì gọi bằng thầy, viên cai bằng bác, bếp bằng chú. Đã gọi phân-biệt như thế thời cố-nhiên ở giữa những chữ « quán-từ » ấy và chữ tên phải để cả chữ chức tước, dầu trong xã-giao là khi không cần cũng thế. Vì lẽ ấy mà sinh ra cái thói đặt tên không có nghĩa đã nói ở trên; viên giáo-sư không phải là đốc nhưng phải kêu bằng đốc, viên thú-y cũng đốc, viên y-sĩ cũng đốc, viên tham-tá là ông tham mà viên tham-biện cũng là ông tham, v.v... Nhân thế mà ai cũng muốn có chút phẩm-hàm chức-vị gì để đệm trên chữ tên, dầu cái phẩm-hàm cái chức-vị ấy không có lợi-lộc gì cũng vậy. Nay có tiêm-nhiễm đôi chút theo lối xưng-hô của người Pháp, trừ cách mượn thẳng danh-từ Pháp ra, trong một vài giới người ta lại có cái khuynh-hướng bỏ chữ chức-tước đi trong những lúc giao-tế thường, nhưng nếu để ý xét thì tuy không kêu mà sau những tiếng quán-từ kia vẫn có hiểu ngầm, thí-dụ viên tham-biện mới kêu bằng ông, chứ người loong-toong thì vẫn kêu bằng bác hay bằng anh, không kể một

đôi người quá ư đua-nịnh, ai cũng là quan cả.

Ấy vì thế mà ai cũng muốn cho có chút phẩm-hàm gì để được kêu bằng một cái quán-từ to hơn, ít khinh-miệt hơn, một cái vỏ thứ hai khi đi ra ngoài, sau bộ áo quần là cái thứ nhất vậy. Ta chả thường thấy hay là đọc trong một đôi tờ báo rằng viên phán-sự nọ nghe kêu mình bằng thầy mà giận, dụng người kêu có thể đánh được thì cũng đánh đi, người loong-toong nghe kêu bằng anh mà sầm mặt lại đó hay sao? Lại chẳng nghe chuyện một nữ-giáo-viên nọ, vợ một viên tham-tá hay y-sĩ gì phạt học-trò vì không kêu mình bằng bà, một người ồn-bà kia, vợ một viên giáo-sư hay tham-biện gì mắng người sản-phụ nhà quê cũng vì lẽ ấy hay sao? Về chỗ thôn-quê, ta không thấy một người đàn-bà, chồng vừa nạp tiền mua chức cai xã giận chị em không kêu bằng mụ mà cứ chỉ với ả như trước nữa hay sao? Ở nhà-quê, dầu người tài học đến đâu mà ra chỗ thành-phố làm báo, làm thư-ký cửa hàng người ta cũng tổng-xưng bằng một tiếng làm thuê, vì thấy không có chức phẩm gì, « ông dở ông, thằng dở thằng » không biết kêu bằng gì cho đúng! Một người thiếu-niên tân-học, ở một chỗ nhóm họp có các quan Nam-triều đi ra nói rằng thấy mấy vị lão-quan chức nhỏ xưng con với mấy vị trẻ tuổi chức to mà thành ra bỡ-ngỡ ngượng-ngào, rồi cứ làm thinh, có cơ-hội nói được tiếng tây mới nói, rồi kết-luận rằng: « Không phải tôi bạn loạn, tôi phải chờ tập cho quen đã! » (*Ce n'est pas que je me révolte, il faut que je sois adapté*). Câu nói đó thiết-tưởng là giải-thích được cái tâm-lý của toàn-thể thiếu-niên ngày nay đối với phần nhiều những chế-độ phong-tục hiện-hành trong xã-hội, riêng đây là vấn-đề xưng-hô vậy.

Ấy mục-đích bài này thế nào không nói cũng có thể thấy được. Nhưng trước hãy xin trịnh-trọng phân-trần ít điều vì cái vấn-đề xưng-hô, như đã phân-giải ở trên, là quan-hệ biết bao nhiêu mà theo thói quen lại xem ra tỉ-mỉ vặt-vãnh ra thế nào. Chẳng những thế, nó lại có thể xúc-phạm đến tâm-lý của một vài hạng người, hữu-thời lại có liên-đái với vấn-đề chính-trị nữa. Đã mấy lần cất bút toan viết rồi lại ngần-ngại mà thôi, nghĩ rằng không khéo muốn bài-bác tệ hư-vinh mà những người có thể xúc-phạm đến lại cho rằng muốn đánh lận-sòng, nói ra chưa hẳn có ai theo được không mà không khéo lại mang tiếng nguy là muốn xáo-lộn thứ bậc trong xã-hội. Cũng đã có lần đem ra chất-chính cùng một đôi người, cựu có, tân có, người thì tán-đồng, người thì phản-đối. Một người cựu-học, sau khi nghe tôi nói, quả-quyết rằng: như thế mới là danh chính ngôn thuận, còn cách xưng hô của Pháp và của Tàu ngày nay là cao dẳng bằng hạ, không chính không thuận, vì khi kết câu chuyện tôi đã thật-thà nói đến chữ chính-danh trong sách nho. Mà thật thế, thuyết chính-danh cũng như các thuyết khác, có lẽ chỉ cái bản-thể của nó là vĩnh-cửu mà thôi, còn sự áp-dụng là phải theo thời, thì trước ta xưng-hô như thế là thích-hợp, tức là chính là thuận, còn thời nay không thích-hợp nữa thời ta phải sửa đổi đi, nhà cựu-học bảo thế không phải là sai, chỉ khác tôi một điều là không nhắm vào thời nay mà thôi vậy.

Nay nhân thấy trên Nhà-nước có cải-cách nhiều điều, trong xã-hội cũng có cái trào-lưu đổi mới, nghĩ rằng vấn-đề này có quan-hệ đến phong-tục, đến tính-tình, đến sự tiến hóa của quốc-dân, nên mới đánh bạo cầm bút chép ra.

Về sự người ta có thể nghi cho tấm lòng thành-thực của tôi, nếu không

phải là sỗ-sàng quá, thì xin nói thật rằng tôi đây vốn đã mong được chút phẩm-hàm của Triều-đình, có chút địa-vị ở xã-hội, trong sự xưng-hô thua phần ít mà đã hơn phần đông, vẫn lấy làm tự-túc rồi không cần phải mong-mỏi gì nữa.

Có một điều tôi cầm chắc là bài này chẳng qua chỉ phát-biểu cái khuynh-hướng cải-cách sự xưng-hô của người nước ta mà thôi. Vì lẽ gì mà tôi quả-quyết rằng có cái khuynh-hướng ấy? Vì trong câu chuyện tiếng ta người mình hay dùng mượn những danh-từ xưng-hô của tiếng Pháp. Cái thực-trạng đó giống như đã thường đi lắm, không ai để ý đến, hoặc có thì chỉ phàn-nàn rằng người mình ăn nói lố-lăng, tây không ra tây, nam không ra nam, trong tiếng ta nhác-xưng đại-danh-từ rất nhiều mà lại đi mượn tiếng người mà pha vào trong câu chuyện, không biết rằng đó là biểu-chứng cái khuynh-hướng thâm-trầm kia. Chắc có người sẽ chỉ cho tôi rằng sự dùng mượn tiếng tây phi chỉ thấy trong những nhân-xưng đại-danh-từ mà cũng thấy trong các thứ danh-từ khác, như triết-lý, tâm-lý, v. v. có khi lại cả trong những danh-từ rất thường nữa. Tôi cũng nhận thấy thế nhưng sự dùng mượn những thứ danh-từ kia lại thuộc về phương diện khác. Tôi chỉ xin ai nấy lấy lòng thành-thực tự hỏi mình một chút trong khi dùng mượn những danh-từ nhân-xưng của tiếng tây. Vì sao khi muốn chỉ một người đàn ông nào (về ngôi thứ ba) ta lại ưng dùng chữ «lúy» chữ «xù» ấy mà không muốn nói «cụ ấy, ông ấy, thầy ấy, bác ấy, anh ấy?»; muốn chỉ một người đàn bà nào lại ưng dùng chữ «en» chữ «madam» ấy mà không muốn nói bà ấy, cô ấy, thím ấy, chị ấy, ả ấy, v. v...? Vì sao khi nói với một người nào (ngôi thứ hai) không nói bằm quan lớn, thưa thầy, anh này, chú này mà lại ưng dùng chữ xử...này, *vous*, *toi*? Lại vì sao ưng tự-xưng bằng «moa» hơn là dùng tiếng ta: tôi, con, em, v. v...? Người thiếu-niên nói trên sao lại ngồi lặng thinh chờ có dịp nói tiếng tây mới nói? Có phải vì cách xưng hô tây nghe nói dễ-dãi, dễ-dãi vì bình-đẳng hơn của ta không? Về trước không hề tiếp-xúc với người ngoài, không thấy cái phong-tục lịch-sự, thanh-nhã, khả-ái của ai thì cố-nhiên ta cứ theo ta, không thấy cái khuyết-điểm của ta, không có cái quan-niệm cải-cách, trừ ra cái thói «dạ vâng trước mặt» khi đối diện với người thì nào ông lớn, bà lớn, nào quí thầy, quí cô, khi không có người ta đó thì tha-hồ lão ấy, anh ấy, thằng cha ấy, con mẹ ấy là một cái thói rất khả-ố, không kể làm gì. Còn ngày nay, nhân ở bên cạnh người, thấy cách xã-giao của họ sao mà giản-dị mà dễ thương, chẳng những của người Pháp mà thôi đến ngay người Tàu bây giờ cũng thế, ai cũng tiên-sinh, ai cũng phu-nhân, nói với ai cũng ngô nị thì tức-nhiên là ta thèm, ta khát, ta muốn bắt chước ngay, cho biết cái quan-niệm bình-đẳng, cái tâm-lý ưu-nhã vốn không phải là không có ở trong tâm-não người mình. Mà cái khuynh-hướng đó phi chỉ phát-lộ ra trong đám thiếu-niên mà thôi, chính người già-cả thủ-cựu cũng vậy: tôi đã từng thấy nhiều ông hưu-quan lão-thành, khi nói chuyện hoặc viết thư, nhất là với những người trung-lưu tri-thức ngày nay cũng hay dùng những chữ *Monsieur*, *Messieurs*, *vous*, v. v., thời ra các ngài cũng bị cái trào-lưu kia nó lôi cuốn mà có lẽ là không muốn nhìn. Nói thế nghĩa là cái khuynh-hướng kia đã phổ-thông và mãnh-liệt lắm, nếu cứ nhân-tuần như vậy, chịu cái tật đú-đớ lố-lăng thì thôi, bằng muốn cho ngôn-ngữ, cho văn-chương có thể thống thuần-nhất thì ắt phải gây nên một cuộc thảo-luận cho vững-vàng để đi vào đường thực-hành cải-cách mới được. Hiện nay trên các

báo-chương, trong các tiểu-thuyết, một đôi khi thấy người viết cũng có ý muốn làm cho bình-đẳng sự xưng-hô đi, như một người con gái thì thấy xưng bằng cô, người đàn bà thì xưng bằng bà, dầu là hạng ti-tiện cũng vậy, có ý dịch chữ *Mademoiselle* và chữ *Madame* của tây, nhưng chẳng qua cũng đương còn ở trong phạm-vi khuynh-hướng. Lại những người con gái đàn-bà viết báo mà ký *Mademoiselle* nọ, *Madame* kia, bỏ cái lố lăng người ta hay chọc ra ngoài, cũng là tiêu-biểu cho cái khuynh-hướng đó. Họ cũng muốn ký ngay bà nọ, cô kia đi, nhưng chữ bà chữ cô của ta nghe nó bệ-vệ làm sao, người có giáo-dục chỉ để cho người ta kêu mình chứ không dám tự nhận. Cái khuynh-hướng ấy, khi nói thì phát ra một cách rõ-ràng như trên đã nói, còn khi viết thì chỉ là mới lờ-mờ rời-rạc, đó là vì người viết văn một đàng muốn thực-hành cái thuyết bình-đẳng, bình-đẳng một chút trong cách xưng-hô, muốn cho quốc-văn có thể-thống, mà đàng kia thì lại bị cái hiện-trạng trong xã-hội nó cản sả đi vậy. Nhưng ngoài một vài cái triệu-chứng đáng mừng đó, ta lại thấy bao nhiêu cái mâu-thuẫn vô-lý, buồn cười. Nói tổng-quát thì bao nhiêu tờ báo trong nước ta ngày nay, dầu thuộc về đảng phái nào, cũng đều có cái khuynh-hướng bình-đẳng. Thế nhưng, vì vô-ý chẳng bạn, vì vô-ý-thức chẳng bạo, thường phạm nhiều điều tương-phản đáng buồn, cũng đồng vợ một viên giáo-sư mà trong một tờ báo nọ, khi thì kêu bà, khi thì kêu cô, có khi lại chị; cũng đồng một viên y-sĩ mà khi thì quan, khi thì ông, có khi lại thầy. Ta đừng nhận làm rằng mấy danh-từ ấy đều như nhau, không có quan-hệ gì; có lẽ sự thiệt thì cũng là thế; nhưng trong những trường-hợp kể đó sự phân-biệt như thế là do ở lòng thương ghét, tôn-bốc hay là khinh miệt của người lai-cảo mà ra, vì những cái tiểu-tiết ấy thường thấy trong mục thời-sự, mục tin vặt của các báo. Ừ, thì dư-luận vẫn có quyền bao-biếm, nhưng bao-biếm ở trong cách tự-sự, trong lời bình-phẩm ấy chứ, không lẽ vì một điều hay gì đó, một điều lỗi gì đó mà thăng lên mấy trật, hay là giáng xuống đến mấy cấp? Cách tưởng-thưởng, trừng-phạt của Nhà-nước cũng có ra thế đâu? Huống chi viên y-sĩ, viên chánh-tổng cho đến thì-dụ cả người tuần-phu nữa mà có lỗi hay có công, thời cái lỗi, cái công là ở nơi bản-thân họ, nơi tên thiệt họ kia, chứ y-sĩ, chánh tổng, tuần-phu là cái chức-danh của nhà-nước đặt ra, một cái công-danh (公名 = *nom commun*) có sao lại khi thì tôn-bốc lên, khi thì hạ trệt xuống? Quốc-văn ta hiện nay chưa đúng trong việc quan, về mặt pháp-luật, cách xưng-hô chưa nhất-định, còn trong Hán-văn và Pháp-văn thì đều có phép-tắc hẳn-hoi, thí-dụ như *Le sieur X., chef de canton, le nommé y coolie*, 正總陳某, 伊正總, 伊名, v. v. Không phải tùy lòng tây-vị mà kêu thế này thế nọ được. Khi đọc báo tây, tôi lại có để ý đến những điều này: bất kỳ làm nghề nghiệp gì, ở địa-vị nào, hễ tên đăng lên báo đều có chữ *Monsieur*, *Madame* hay *Mademoiselle* đứng trước, chỉ trừ ra một đôi trường-hợp đặc-biệt mà thôi. Chẳng những thế, tên một người đàn-bà ăn trộm hay phạm một tội lỗi gì cũng có chữ *Madame*. Đó cũng có vì cái chế-độ hôn-phối của nước Pháp, lấy chồng thời mang tên chồng, nên phải có đề chữ *Madame* cho rõ. Nhưng giá người mình viết bằng tiếng mình thì đã dùng một chữ gì rất khinh-bỉ.

Song nước Pháp là một nước dân-chủ, bao nhiêu cái tiểu-tiết đó là bấy nhiêu cái kết-quả của thuyết bình-đẳng lớn-lao kia ta không có thể đem phong-tục của ta ra mà phân-bì.

được, chẳng qua là kể ít điều làm thí-dụ mà thôi. Nước Tàu ngày nay cũng thế.

Không thể so-sánh với của nước Pháp và của nước Tàu, tôi có ý muốn so-sánh với của nước Nhật và nước Cao-ly là hai nước đồng-văn và quân-chủ như ta; nhưng việc này, rất khó, dầu cho đến người rất am-hiểu tiếng hai nước ấy cũng vậy, vì cách xưng-hô tuy là một phần-tử của vấn-đề ngôn-ngữ mà thật ra thì quan-hệ với tính-tình phong-tục hơn, phi đã ăn ở chung lôn lâu, tường tất cho thấu gốc ngọn thì không có thể làm, không phải chỉ thuộc tiếng nói là làm được, cũng không phải mở tự vị ra mà làm được. Cũng như ở nước ta, nhất là trong những xã-hội lịch-sự, ta cũng có khi nghe kêu nhau nhất luật là ông, bà, nhưng phải hiểu thấu tâm-lý lắm mới nhìn thấy cái gằng gượng, cái ngượng-ngào của cả hai bên. Tôi nhớ có đọc quyển sách gì của một người Pháp nào nói về phong-tục ta, trong có một chỗ giống như khen người mình giàu lòng bác-ái, quan-niệm bình-đẳng vì đi ra ngoài ai cũng là chị, ai cũng là anh rõ-ràng là « tứ-hải giai huynh đệ ». Tác-giả bằng theo cách xưng-hô mà khen thế cũng phải, có làm sao mà hiểu-thấu cái lắt léo, cái xếch mé của chữ anh và chữ chị của chúng ta? Muốn so-sánh tôi chỉ còn một cách là hỏi người Nhật và người Cao-ly. Đó lại gặp một sự khó nữa. Người Nhật và người Cao-ly không thạo tiếng ta, am-hiểu phong tục ta cho lắm. Trong khi bút-đàm tôi cố làm cho họ hiểu cái lắt-léo, cái xếch-mé của cách xưng-hô ta rồi hỏi xem ở nước họ có thế không. Hai ba người tôi chất-vấn đều trả lời rằng không cả, hoặc cũng có những danh-từ để dùng với người sang, những danh-từ dùng với người hèn, nhưng tuyệt-nhiên không thấy cái phiền-phức, các bác-tạp như trong danh-từ xưng-hô của nước ta. Điều đó tôi hãy xin để làm một câu nghi-vấn, mong dẫn ý cho các nhà ngôn-ngữ-học so-sánh sau, vì trước khi quyết-đoán, ít ra là phải chắc chắn rằng những người Nhật và người Cao-ly tôi đã chất-vấn đó đều tường-tất ngôn-ngữ và phong-tục của nước họ. Nay chỉ xin kể ít chữ làm thí-dụ, có lầm-lỗi thời xin các nhà cao-minh phủ-chính cho. Tiếng Nhật-bản xưng đàn-ông là « *Anata* » cũng như chữ « *Monsieur* » của tiếng Pháp, đàn-bà là « *Okusan* » cũng như chữ « *Madame* », con gái là « *Musumé* » cũng như chữ « *Mademoiselle* »; còn như « *Chichi* » (cha) « *Ani* » (anh) « *Atoto* » (em) đều có nghĩa nhất-định cả.

Chữ Cao-ly, nương (娘) là xưng con gái, phu-nhân (夫人) là xưng đàn-bà, còn thường thì tha, bỉ (他 彼) tha nhân thê, bỉ-thê (他人妻 彼妻) cũng như danh-từ Tàu mà ta hay dùng.

Khi đối-thoại, trừ ra vài trường-hợp đặc-biệt thì ở Nhật cũng như ở Cao-ly đều xưng oi, ngã (爾 我) cả.

Nếu quả thế thì sự sai-biệt thái-quá là đặc-tính của cách xưng-hô ta; vì cái đặc-tính ấy lại vì cái ảnh-hưởng xấu của nó trong phong-tục, trong xã-hội mà có cái khuynh-hướng cải-cách đã nói trên.

Nay muốn cải-cách thì nên làm thế nào? Nên trông cậy ở mệnh-lệnh của Chính-phủ chăng? Nên trông cậy ở lòng quả-quyết của mỗi người chăng? Một bài này chưa có thể nói hết, còn mong có một cuộc biện-luận để thương xác cùng nhau rồi mới hòng có ngày thấy sự thực-hành được. Tôi hằng xin kể

một vài điều làm gương: Chữ *Mademoiselle* và chữ *Madame* của tiếng Pháp không phải từ trước đã có cái định-nghĩa như bây giờ. Trước thế-kỷ 18, chữ *Mademoiselle* vẫn còn dùng để xưng người đã có chồng, chữ *Madame* chỉ riêng cho hạng vợ quí-phái mà thôi. Mới đây, ở một nước bên Âu-châu, phụ-nữ lại xin Chính-phủ bắt bỏ chữ *Mademoiselle* để kêu nhất-luật là *Madame* cả, có chồng cũng như chưa. Bên Tàu ngày nay, Tôn Văn cũng là « xín-xáng » Tưởng Giới-Thạch cũng là «xín-xáng», mà một giáo-viên trường tiểu-học cũng là « xín-xáng » một người thư-ký nhà buôn cũng là « xín-xáng » (先生); ở trong nước ta đây, năm trên quan Tổng-trưởng Thuộc-địa sang cũng có một tờ thông-tư cho các viên-chức người Tây không được mày tao với người giúp việc. Như thế đủ biết rằng danh-từ xưng-hô không phải là cái bất-di bất-dịch mà vấn-đề xưng-hô không phải là không đáng để ý đến.

Người nước ta vốn có tiếng là lễ-phép, đã lễ-phép thời tất biết trọng tiếng xưng-hô, điều đó ta đã thấy, chỉ khốn một nỗi trọng quá mà trở trái lại thành ra vô-lễ đó thôi.

Còn nên sửa lại thế nào cho thích-hợp thì tưởng cũng không khó, khó là ở nơi nghị-lực của mỗi người, mỗi hạng người, người dưới cần có nghị-lực tự-trọng, người trên cần có nghị-lực hy-sinh. Sửa chỗ nào? Đã nói rằng khuyết-điểm của nó là hỗn-tạp và quá sai-biệt thì ta chỉ nhắm ngay vào chỗ ấy. Nhưng mà sửa cái tính-cách hỗn-tạp, đưa danh-từ gia-tộc ra dùng ngoài xã-hội, trừ cách mượn danh-từ Pháp hay danh-từ Tàu ra thì không có thể được. Vậy phải bỏ cái tính ấy mà chỉ nhắm vào cái tính thứ hai. Ta cũng lại không có thể muốn cho hoàn-toàn bình-đẳng như trong tiếng Pháp và tiếng Tàu. Trừ cách dùng mượn ra, đã dùng danh-từ ta thì thế tất phải nhượng-bộ ít nhiều cho phong-tục ta, tâm-lý ta và đặc-tính của ngôn-ngữ ta. Như trên đã nói, nếu vấn-đề này mà được công-nhận là quan-thiết thì còn mong ở một cuộc thảo-luận. Tuy nhiên tôi cũng xin thử bày ý riêng để kết-luận bài này. Tôi xin làm ra sau đây hai cái biểu, một cái liệt những danh-từ biện dùng đã kể trên để cho tiện so-sánh, còn cái kia liệt những danh-từ nên dùng, dựa vào cái nguyên-tắc trưởng-ấu của người mình, lấy tuổi làm căn-cứ mà tham-thác chút đỉnh với giai-cấp xã-hội để tiêu-biểu cái quan-niệm thượng-hạ tôn ti là cái bao giờ cũng cần có.

Trong các trường-hợp đã có ái-tình hay phận-sự làm căn-bản thì tưởng nên y cũ, thí-dụ học-trò thì vẫn nên xưng thầy giáo bằng thầy, cô giáo chưa có chồng bằng cô; cha con mẹ con v. v., thì tùy sở-thích của mỗi người, nghĩa là tùy phong-tục hiện-hành như có nhà thì con kêu cha bằng cậu, có nhà con kêu mẹ bằng má, v. v..

Về phương-diện thực-hành thì ngoài khẩu-giao, thí-dụ để thư-tín nên theo trong biểu số 2, viết văn trừ khi thuật lại lời nói của một người thô-bạo hay một người xu-mị, thằng kia, đứa ấy hay con, em, v. v., quyết không nên dùng chữ gì không liệt vào trong biểu, nói thế không phải tự cho biểu ấy là hoàn-thiện rồi không muốn trưng-cầu những lời thương-xác đính-chánh nữa.

Biểu số 1 liệt những danh-từ xưng-

NGÔI	TRÊN				NGANG	
	So một (2)		Số đông		Số một	
	Trai	Gái	Trai	Gái	Trai	Gái
	(5)	(5)	(5)	(5)	(4)	(4)
1	Cụ Quan lớn Quan Ông lớn (3) Ông Thầy Ôn (4) Cậu Anh	Bà Cô, thím, chị Mụ Mợ (mự) Chị, ả	Các, nấy hay chúng: Cụ, Quan lớn, Quan, Ông lớn, Ông, Thầy, Ôn, Cậu, Anh	Các hay mấy: Bà, Cô, thím, Mụ, chị, Mợ (mự), Chị, ả	Tôi (tui)	
	← Tao, ta, choa, chúng tao, chúng ta, bầy choa →					
	← Đây, qua, bầy qua →					
2	Cụ lớn Cụ Quan lớn Quan Ông lớn Ông Qui Thầy, thầy Cậu Anh Ngài (6)	Bà lớn, bà Cô, thím, chị Mợ (mự) Chị, ả.	Các, mấy: Cụ lớn, Cụ, Quan lớn, Quan, Ông lớn, Ông, Qui thầy, Cậu thầy, Anh Các Ngài	Các, mấy: Bà lớn, bà, Cô, thím, chị, Mợ (mự), Chị, ả	Anh	Chị
3	Ông, Viên, Thầy, Cậu, Anh } ấy / ta Ngài	Bà Cô, thím, chị } ấy / ta Mợ Chị, ả	Các Mấy Những: Vị, Viên, Ông, Thầy, Cậu, Anh } ấy / ta Các Ngài (10)	Các Mấy Những: Bà, Cô, thím, chị, Mợ, Chị, ả } ấy / ta	Anh } ấy / ta	Chị } ấy / ta

Chú-giải.— (1) Biểu này không kê những danh-từ bằng chữ Hán, dầu những danh-từ rất thông-dụng cũng vậy. Tuy-nhiên, những danh-từ như tiên-sinh, tiểu-đệ, v. v., không có cái tính-cách quá sai-biệt, dùng đúng thì rất khiêm-nhã.— (2) Thường nói số ít, số nhiều, nhưng nói số một mới đúng, vì như hai người vốn là ít mà đã phải dùng đại-danh-từ về số nhiều, số đông. — (3) Tuy ít ai tự-xưng là quan lớn, ông lớn, nhưng đã là có, thì cứ kê vào cho rõ cái tính-cách sai-

hô hiện dùng trong xã-giao (1).

VAI		DƯỚI			
Số đông		Số một		Số đông	
Trai	Gái	Trai	Gái	Trai	Gái
(5)	(5)	(5)	(5)	(5-3)	(5-3)
Chúng tôi (Bầy tôi)		Con, em, cháu (5)		Các, chúng, bầy } Con / em Các, bầy, bọn : chúng	

→ Tớ, bọn tớ, lũ tớ →

		(9) Cụ lớn	Bà lớn	Các cụ lớn	Các bà lớn
Các anh (7)	Các chị	Quan lớn Quan ông Qui thầy, thầy Cậu Bác, chú ôn Anh Thằng kia Thằng cha kia	Bà Cô, thím, chị Mợ Thím, chị, ả Mụ Chị, ả Con kia Con mẹ kia	Các, mấy } Quan lớn / Quan / Ông / Qui th. thầy / Cậu / Bác, chú / ôn / Anh / Thằng kia / Th. cha kia	Các, mấy } Bà / Cô, thím, chị / Mợ / Thím, chị, ả / Mụ / Chị, ả / Con kia / Con mẹ kia

← Mấy (mi) Bọn mấy, lũ mấy, bọn mi, lũ mi →

Bận (gái 8) →

		(9) Cụ lớn	Bà lớn	Các cụ lớn	Các bà lớn
Các anh } ấy / tụ	Các chị } ấy / ta	Ông Thầy Bác, chú Ôn Cậu Anh Thằng } ấy / ta	Bà Cô, thím Thím, chị Mụ Mợ Chị, ả Con } ấy / ta	Các Mấy Những } Ông / Thầy / Bác chú / Ôn / Cậu / Anh / Thằng } ấy / ta	Các Mấy Những } Bà / Cô, thím / Th. chị / Mụ / Mợ / Chị, ả / Con } ấy / ta

← Họ →

← đứa ấy ; các, mấy, những đứa ấy
Nó, hắn, chúng, bọn, tụi, lũ nó, hắn →

Người (11) ấy ; y và những, các, mấy : người ấy →

biệt của lối xưng-hô người mình. — (4) Đọc theo giọng Huế, như có chữ g mà không phải là ông, chữ này cũng là một danh-từ gia-đình : ôn, mẹ. — (5) Đây là chưa kể những cái tỉ-dụ « tu-từ-học » như phận trùn dế, thân trâu ngựa, v. v... — (6) Ở vùng Huế, ngài là nói tắt « Ngài Ngự » chỉ đức Hoàng đế ; nhưng hiện nay rất thông-dụng, nên liệt vào. Ở miền nhà quê Quảng-bình, Tĩnh, Nghệ, chữ người cũng nói ngài. Chữ này giống như một đôi khi cũng dùng lẫn lộn cho cả

đàn ông đàn bà, nhưng cách dùng đó chưa được rõ-rệt lắm. — (7) Chữ anh chữ chị liệt vào vị này cũng là ép, vì một là chỉ bậc trên, hai là chỉ bậc dưới, chứ không phải rõ ràng là chỉ người ngang vai. Bạn xưng nhau bằng anh, chị là có ý kính-trọng suy-tôn nhau. Hiện nay bắt-chước chữ *tu, toi* của Pháp, bạn có khi kêu nhau bằng mày, nhưng nghiệm ra thì chỉ trong những lúc đùa bỡn mà thôi, và trong tiếng ta, chữ mày tao vốn không có cái tính-cách khiêm-nhã. Về vị này, chỉ có chữ Mình là đúng, nhưng vì cái tính-cách đặc-biệt của nó chỉ dùng giữa vợ chồng nên không thể liệt vào. — (8) Danh-từ này không nghe dùng về số đông, ý-giả vì để xưng một người dầu không phải vợ hay tình-nhân thì cũng là người mà « qua » có tình-ý gì, có tính-cách kín-đáo giữa hai người với nhau. — (9) Chỗ này xin chú-ý vào mấy cái tên chỉ ←——; bậc dưới không nhất-định là những người nào; có thể nói rằng dưới là dưới người trên nên để cái danh-từ cụ-lớn, bà lớn lên đầu hết rồi cứ từ đó mà đi xuống; thí-dụ một ông Quan-lớn (cụ lớn), kêu ông quan nhỏ hơn là quan lớn, ông này lại kêu ông nhỏ hơn là quan, v. v... — (10) Vì cái đặc-tính của lối xưng-hô ta mà các vị không được phân-biệt lắm. Chữ Ngài cũng thế. — (11) Chữ người sau này nên dùng để chỉ tất cả những người không có thể kêu bằng các danh-từ tôn-trọng như người cu-ly, người ăn mày thế hẳn cho chữ tên, chữ đứa, chữ thằng, chữ con.

Xem biểu ấy thì thấy ngay rằng ở giữa những người ngang vai danh-từ xưng-hô rất ít. Nên bây giờ có thể chỉ dùng mấy danh-từ đó thì thật là giản-tiện, hợp với cái khuynh-hướng nói trên, cái khuynh-hướng phát-lộ ra nơi sự dùng mượn những danh-từ Pháp. Tuy nhiên việc thực-hành không phải dễ dàng như thế được, muốn quá giản-tiện, quá bình-đẳng thời chỉ tốt trở lại làm ngăn-trở cho việc thực-hành.

Biểu số 2 liệt những danh-từ xưng-hô nên dùng trong xã-giao (1)

Ngôi	18 TUỔI TRỞ LÊN (2)				18 TUỔI TRỞ XUỐNG			
	Số một		Số đông		Số một		Số đông	
	Trai	Gái	Trai	Gái	Trai	Gái	Trai	Gái
1	←—— *Tôi, chúng tôi* ——→							
2	*Cụ lớn* (3) / *Ngài* / *ông* (4)	*Bà lớn* / *Bà* (5)	*Các mấy* / *Cụ lớn, ông* / *Ngài*	*Các mấy* / *Bà lớn, bà*	*Cậu* (6)	*Cô*	*Các mấy* / *Cậu*	*Các mấy* / *cô*
	←—— *Anh, chị; mấy các: anh, chị* ——→							
3	*Ngài* (7) / *Ông* / *viên* / *ấy* / *ta*	*Bà* / *ấy* (8) / *ta*	*Các ngài* / *Mấy các những* / *ông viên* / *ấy* / *ta*	*Mấy các những* / *bà* / *ấy* / *ta*	*Cậu* / *ấy* / *ta*	*Cô* / *ấy* / *ta*	*Mấy các những* / *Cậu* / *ấy* / *ta*	*Mấy các những* / *Cô* / *ấy* / *ta*
	←—— *Họ, chúng, (9) người ấy, mấy các những: người ấy anh, chị ấy; mấy, các anh chị ấy ta,* ——→							

Phụ-chú. — (1) Biểu này cũng như biểu số 1 không kê những danh-từ rất nhiều dùng để xưng-hô trong gia-tộc, cũng không kể những danh-từ chữ Hán: xin xem câu chú-giải số 1 dưới biểu trước. — (2) Giới-hạn tuổi không thể mà cũng không cần nhất định. — (3) Danh-từ này để xưng những vị Đại-thầu lớn tuổi; còn những quan chức khác thì nên theo lệ thường xưng ông, trừ ra khi giao-thiệp việc quan thì đã có chức-danh nhất-định thêm trước chữ quan hay là chữ viên. — (4) Danh-từ nầy dùng để xưng những người hoặc quan hoặc dân không quen biết, hoặc những người chỉ có giao-tình buôn bán như nay đã quen dùng. — (5) Không thể chuẩn-định là có chồng hay chưa. Vả trong xã-giao sự lầm-lẫn về chỗ đó cũng có cái tính-cách khả-ái. Còn nhớ hồi trước, học với một ông thầy Pháp, một người bạn học hỏi rằng khi gặp một người đàn ông nào cứ kêu ngay là *Monsieur* dầu người ấy có vợ rồi hay chưa, còn khi gặp một người đàn bà, không biết có chồng hay chưa thì kêu thế nào? Ông thầy cười mà bảo: Cứ kêu ngay là *Mademoiselle*, vì như thế người đàn-bà có thể tưởng rằng mình còn xuân lắm. Câu nói tuy khôi-hài mà tỏ ra một cái tâm-lý tinh-tế ưu-nhã biết bao nhiêu. — (6) Bây giờ ta kêu một người con trai làm cu-ly bằng cậu, một người con gái bán kẹo bằng cô, thì nghe cũng ngượng-ngào thật, nhưng đó chỉ là thói quen. — (7) Chữ ngài ở ngôi này để nhắc lại một hay là nhiều (các ngài) nhân-vật tôn-quí đã nói rõ tên tuổi rồi. Vì cái đặc-tính của tiếng ta mà danh-từ các ngôi khác nhau không phân-biệt, chữ ngài là một tỉ-dụ. — (8) Ở Nam-kỳ hay thêm dấu hỏi trên một vài danh-từ ngôi hai (anh, bà, ông, v.v.) để chuyển sang ngôi ba ảnh, ổng, bả, v.v. thiết tưởng cũng tiện, nhưng chưa được phổ-thông. — (9) Trong biểu trước, chữ họ đứng về ngôi 3 ngang vai, số đông, chữ chúng cũng đứng về ngôi ấy số ấy mà bậc dưới, nhưng nghĩa đen của nó vốn không có tính-cách gì là khinh-bỉ, cách dùng của nó cũng chưa rõ có tính-cách ấy, nên nay dùng chung cho tiện, không phải như những chữ tụi, lũ, nó, hắn, đứa ấy, v. v., ai cũng đã đồng ý dùng một cách vũ-nhục khinh-bỉ. — (10) Chữ anh và chữ chị ở ngôi 2, anh ấy, chị ấy ở ngôi 3 trong biểu này đã mất cái tính cách khinh-miệt cũ của nó trong biểu trước, dùng để xưng hay là nhắc lại người ngang vai với mình có ý suy-tôn một chút thế hẳn chữ mày quá sỗ-sàng, ngày nay vì bắt-chước chữ *tu* (tôi) của tiếng tây mà muốn phổ-thông trong một vài xã-hội.

THAM-PHỦ

Vấn-đề nông-nghiệp của nước ta sau này

1) *Nông-nghiệp với nước ta.* — Vấn-đề nông-nghiệp là kiêm cả mọi nghề cấy thóc, trồng dâu, trồng bông, trồng các thứ hoa mầu, chăn nuôi các thứ súc-vật mà nói.

Hiện nay, trong nước ta, thóc gạo ế không bán ra ngoài được, tiền tiêu không có. Nên-chi các thứ tơ bông, hoa-mầu cùng súc-sản đều mất giá, cũng như thóc gạo, giá chỉ bằng một phần ba lúc bốn năm năm trước. Nông-dân đang bị túng thiếu khốn-đốn về đồng tiền mà mọi sự kinh-doanh sinh-hoạt đều bị đình đốn quẫn-bách. Cái đó ai cũng biết cả. Song đừng thấy thế mà chán-nản về nghề nông-nghiệp. Cũng đừng thấy cái gì cũng rẻ-rúng như thế mà tưởng rằng nông-nghiệp của ta đều đã phát-đạt theo phương-pháp khoa-học cả mà được cái công-hiệu dư-dật như thế đâu.

Hay là biết rằng nông-nghiệp của ta hiện nay bấu bết vẫn còn y-nguyên cái lối trần-hủ ngày nọ, nhưng cũng đừng tưởng rằng cứ cái lối trần-hủ ngày nọ như thế mà ăn dùng còn chưa hết, lọ là phải cầu phương-pháp mới mà làm chi.

Nếu nghĩ như thế thì lầm. Nếu quả nông-dân trong nước ở đâu cái gì cũng được dư-dật thực, không bán ra ngoài được thì trong nước ăn dùng với nhau càng được rẻ được hạ giá. Rồi các thứ khí-cụ phải mua cũng theo đó mà hạ-giá cho ngang, thì cũng là hay, chứ có hại gì. Nhưng thực ra thì sự dư-dật đó là về số đặc-biệt chứ không phải là số phổ-thông. Nghĩa là như thóc gạo, một người có, trăm người không, mà có cũng chẳng lấy gì làm bừa bãi. Còn các nông-sản súc-sản khác cũng kẻ có thì ít, người không thì nhiều. Thế cho nên tuy không bán ra ngoài được, mà ở trong người nghèo vẫn thiếu ăn thiếu dùng, mà số người nghèo lại nhiều. Tôi quyết rằng nếu có một cái biểu điều-tra nông-sản một năm được tinh-tường, rồi lấy số bình-phân mà chia cho số nhân-khẩu ăn dùng trong một năm đó. Chia cho gọi là được no đủ mà thôi, thì thóc gạo cũng chỉ thừa ít, còn tơ bông, thịt cá, hoa mầu thì thiếu nhiều. Coi đó thì biết cái sống của dân nhà quê là do ở sự khám-khổ bóp chắt đó mà thôi, ngay từ trước khi kinh-tế thế-giới chưa khủng-hoảng cũng vẫn đã như thế rồi. Mà sở-dĩ như thế há không phải là do ở cái cớ nông nghiệp không chấn-hưng đấy dư ? Mà chính đó mới là cái lo trường-viễn, còn sự nông-sản mất giá do cuộc kinh-tế thế-giới khủng-hoảng, nên ngoài không có tiền mua thóc gạo của ta, chỉ là cái lo tạm mà thôi.

Cuộc kinh-tế thế-giới sở-dĩ bị khủng-hoảng là do ở các nước đại-doanh-nghiệp không kịp dự-liệu mà xảy ra, thì không bao lâu sẽ chấn-chỉnh lại được, mà thóc gạo nông-sản trong các thị-trường thế-giới lại có giá ngay. Cho nên gọi là cái lo tạm. Đến như cái lo vĩnh-viễn về nông-nghiệp không chấn-hưng được, thì một là chính lúc thóc bán ra ngoài không chạy, mà dân nghèo cũng vẫn không thấy no đủ, nữa là năm mất mùa, hoặc thóc bán chạy. Hai là tuy gặp lúc nông-sản giá cao và bán ra ngoài chạy mạnh, nhưng nông-nghiệp của mình không chấn-hưng, thì cũng không có nhiều xuất-sản để bán, và không có tân-pháp thì xuất-sản xấu, có bán được cũng phải chịu giá hạ nhất các nước.

Điều đó đã xuất-hiện ở trong bàng thóc gạo của ta bị khách mua chê là thóc gạo ta ít chất bổ đã lâu rồi. Tuy

ngày nay giao-thông mậu-dịch rất tiện, một nước nào đó có thể tinh-chuyên về đường công-nghệ thương-nghiệp cũng đủ đổi được lương ăn áo mặc mà giàu thịnh, không phải tất-nhiên cứ lấy nông-nghiệp làm nghề gốc như đời cổ. Nhưng đó là cái hoàn-cảnh, bởi thiên-nhiên nhân-sự của người ta khiến nên đã lâu. Chứ như ở nước ta, địa-thế lợi về nông-nghiệp, mà đến nhân-sự hiện nay cũng chỉ có nông-nghiệp là dễ làm hơn. Còn như kỹ-nghệ, thương-nghiệp, tuy biết là phần trọng-yếu về kinh-tế của một dân-tộc, mà có cố sức phấn-phát mà làm cũng chỉ là vớt-vát lại những cái lợi-quyền ở trong nước mà thôi. Bảng nói rằng cho được tranh-đua với người ta ở các thị-trường thế-giới thì còn lâu lắm.

Xét như trên ấy thì biết nông-nghiệp có quan-hệ với nước ta là thế nào. Thế mà nông-nghiệp của ta hiện nay như thế không chấn-hưng không được,

2) *Chế-độ tiểu-nông và đại-nông.* — Ruộng đất của nước ta, kiêm có cả hai cái chế-độ là tiểu-nông và đại-nông.

Tiểu-nông là ruộng đất tản ra từng số linh-tinh, phổ-thông cho khắp nhân-dân. Kẻ có năm bảy sào cũng là một số điền-chủ. Nhiều lắm đến vài ba chục mẫu, mà cũng rải-rác khắp đồng làng mình, hoặc xâm-canh sang đồng làng khác mới được số ấy. Chế-độ này là do cái luật hạn-điền đời Hậu-Trần và cái luật quân-điền đời Lê còn lại. Kỳ-thủy mỗi nhà điền-chủ chỉ được có đến mười lăm mẫu, nhà quan-lại không được đặt điền-trang ở nơi mình làm việc. Đó là phòng những nhà hào-trưởng khỏi kiêm-tính của kẻ bình-dân, mà giữ cái trật-tự sinh-hoạt của nhân-dân, cho khỏi xa-lệch quá. Chế-độ này ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ đến nay, luật hạn-điền tuy bỏ, mà trong các xã-thôn vẫn còn phần nhiều giữ được.

Gần đây chế-độ đại-nông mới nẩy nở dần ra. Kỳ-thủy ở những nơi ven núi ven bể, đất rộng dân thưa, hoặc ở những nơi sau cuộc loạn-lạc dân tản điền-hoang, các nhà điền-chủ Pháp đến lập điền-trang, tục gọi là « đồn-điền », nhỏ từ mỗi khu năm ba trăm mẫu, lớn đến vài ba nghìn mẫu. Thế là trung-bắc bộ Việt-Nam mới có những nhà đại-nông từ đó. Nhân đó những nhà trái-chủ trong nước gặp những hồi hạn lụt mất mùa, hoặc mua rẻ hoặc nhận gán nợ mà cũng lập lác-đác ra nhiều điền-trang lớn.

Đại-nông là ruộng đất thu vào làm những số lớn của các đại-điền-chủ, mà nhân-dân trong khu-vực đó đều là điền-tốt. Chế-độ này thịnh-hành ở Nam-kỳ, do từ hồi đầu chúa Nguyễn chiêu những nhà phú-hộ nam-trung vào khai-khẩn mà truyền dõi đến nay.

Nay đem hai cái chế-độ này mà so-sánh cho biết chỗ lợi-hại chung của xã-hội mà tìm đường chấn-hưng về nông-nghiệp.

Ở về thời-đại phong-kiến, ăn ít làm sẽ trong một nước với nhau, thì chế-độ tiểu-nông như cũ là hay. Vì là trong một làng, kẻ có năm ba sào cũng nghiễm-nhiên một nhà điền-chủ. Mà kẻ có thế-lực lớn muốn mở-mang cho có nhiều ruộng đất hơn cũng không được. Thế thì số điền-chủ cỏn-con ấy lại là số phổ-thông, thành ra không ai phải nô-lệ ai về đường tài-sản, ai cũng được sinh-hoạt tự-do không bị ai thúc-phọc. Đó là chỗ hay của chế-độ tiểu-nông.

Thế nhưng bây giờ nói đến công-việc chấn-hưng nông-nghiệp cho được phát-đạt thì chế-độ tiểu-nông lại là cái trở-lực. Là vì thế này Đại-khái như ở đồng-điền một làng kia, bây giờ phải đào cái ngòi để lấy nước, phải đặt cái máy nước, phải cải chất đất đi, phải chọn lấy hạt giống khác, hoặc đổi cấy lúa ra trồng thức khác, v. v., mới được. Thế nhưng kẻ năm ba sào,

người đôi ba mẫu, một người cố-nhiên không làm gì được, mà rủ nhau thì một người biết nghìn người không. Thành ra lại cứ cẩu-thả làm xằng làm xịt vậy. Tục gọi là cách « khảo đất lấy thóc », nghĩa là vất liều hạt giống ra đó, phân gio chẳng có, nước nôi không đủ, chỉ nhờ trời, tới sau được hột nào thì được. Ngày nay số nghèo khó càng nhiều, những điền-chủ cỏn-con, ăn dùng không đủ, nên ruộng càng làm dối, phân bón không có, cách « khảo đất lấy thóc », lại càng thịnh-hành. Vậy còn nói gì đến việc chấn-hưng được nữa.

Thế mà đem công-việc chấn-hưng nông-nghiệp ấy mà trách-cứ vào chế-độ đại-nông thì lại là việc dễ làm. Bởi vì trong một khu ruộng đất năm bảy trăm-mẫu trở lên, chủ-quyền chỉ ở một người. Người ấy có vốn lớn đã không phải nói, mà nếu người ấy có tri-thức về khoa-học nông-phố, có nghị-lực mà muốn chấn-hưng, thì làm gì cũng được ngay. Ấy nông-nghiệp ở Âu-Mĩ sở-dĩ phát-đạt là vì thế. Cái chỗ hay của chế-độ đại-nông là ở đó.

Ấy thế mà chế-độ đại-nông ở nước ta thì lại khác. Ở Bắc kỳ từ hồi Âu-chiến, các nhà điền-chủ người Pháp bán điền trang lại cho người nước ta hoặc người Tầu mà về tây hầu hết. Bây giờ làm chủ các điền-trang lớn phần nhiều là người bản-quốc. Phép làm ruộng của các đại điền-chủ ở Nam-kỳ thế nào, tôi chưa được tường. Nhưng cứ như ở Bắc-kỳ thì cũng không có cái gì là mới. Hoặc-giả có chỉ đặt được cái máy nước, đào được một con ngòi. Còn ruộng thì phân-phát cho các điền-tốt, chỉ biết mỗi mùa lấy thuế bao nhiêu thúng thóc, thiếu thì đuổi cổ ra hoặc cho chịu để trả sau. Đến như phân bón, hạt giống, chất đất là những việc tinh tế quan-hệ hơn thì mặc kệ không biết đến. Bọn điền-tốt lại cứ theo lối trần-hủ mà làm. Ý-giả ruộng đất ở nước này thiên-thời địa-chất đều lợi, nhân-công lại rẻ, cứ việc khảo đất mà lấy được thóc, nên không cần phải tân-học như ở Tây-phương cũng được hay sao.

Thế là cái hay chưa thấy mà cái dở ở trong những nơi điền-trang mới này, thường thấy diễn ra là : Kẻ điền-tốt thường cấy nhiều ruộng hơn kẻ tiểu-điền-chủ. Nhưng kẻ tiểu-điền-chủ là làm lấy mà ăn lợi. Còn kẻ điền-tốt thì cái lợi tức là vào số thóc thuế ruộng nộp cho chủ rồi, ấy là chưa kể khi mất mùa lỗ vốn. Kẻ điền-tốt thành ra chung-thân làm mướn không có công. Lại trong một điền-trang năm ba chục nóc nhà, chỉ có một người chủ còn đều là bầy-tớ. Bầy-tớ phải luồn-lụy chủ. Kẻ điền-tốt thành ra không những bị nô-lệ về vật-chất lại còn bị nô-lệ về tinh-thần nữa. Sự giáo-dục cùng nhân-cách của con em của họ do đó mà kém mãi đi. Bọn điền-tốt trong những điền-trang lớn phần nhiều lại là hạng vô-bạnh thất-cước mà đến, thường hay ỷ-thế chủ mình là hào-phú mà làm nhiều việc gian-phi trộm cướp, xâm lấn các người ở các làng bên. Song đó đều không thuộc về vấn-đề kinh-tế, ta bất-tất nói nhiều, mà chỉ nói một vấn-đề làm ruộng, thì kẻ điền-tốt đã không có vốn, mà chủ lại phó mặc họ thì họ còn làm kỹ được sao. Thế là giống mà ruộng đất cũng ngày xấu dần đi.

Hai cái chế-độ nông-nghiệp như trên đã so-sánh, về tiểu-nông có cái hay về phương-diện xã-hội mà không tiện cho nó tự chấn-hưng. Về đại-nông có tư-cách dễ chấn-hưng, dù nay họ chưa chấn-hưng mặc lòng, nhưng lại bất-lợi cho phương-diện xã-hội. Nay cũng không có thể bênh bên nào mà bác bên nào, vì bên nào cũng có cái hay và đã nghiệp kinh do địa-thế từng chỗ khiến nên rồi. Tức là những điền-

trang lớn ở ven núi ven bể, vì có đất rộng người thưa mà khiến nên vậy. Vậy nay nói đến công-việc chấn-hưng cho được hoàn-mĩ, mỗi chế-độ phải chú-ý vào một chỗ cơ-quan của nó.

3) *Can-thiệp chấn-hưng.*— Cho được nhân-dân no đủ và đủ sức gánh vác vào sự-nghiệp hưng-thịnh của Quốc-gia. Tưởng không gì bằng việc chấn-hưng nông-nghiệp trước. Song ở nước ta hiện nay tiểu-nông thì tản-mát vụn-vặt không tự làm được, mà đại-nông cũng lại cẩu-thả chỉ chực ỷ vốn ăn lời không biết tự phấn-khởi. Vậy công-việc chấn-hưng không nhờ vào Quốc-gia chủ-trương thúc bách cho không được, nên tôi gọi là cách « can-thiệp chấn-hưng nông-nghiệp ». Cách ấy do Quốc-gia làm chủ-trương, giám-đốc và khuyến-khích, ở dưới có hai chỗ cơ-quan thừa-hành là hương-hội và đại-điền-chủ.

Trong nước này bây giờ ở xứ nào cũng đã có sở canh-nông, trường nông-học cả rồi, sự-nghiệp can-thiệp chấn-hưng cũng không lấy gì làm khó. Tưởng Chính-phủ chỉ đặt thêm nông-quan, cực-lực truyền bá phép mới cho nông-dân là được. Muốn cho công-hiệu chóng được thực-hiện thì dùng sự thưởng-phạt để giúp vào.

Đối với tiểu-nông thì lấy hương-hội các xã-thôn làm cơ-quan chuyên-trách cả mọi việc thi-hành và đốc-suất. Ví như cần đào ngòi thì hương-hội đốc-suất cho các điền-chủ nhỏ, cần mua máy nước thì hương hội đứng ra thu tiền mua, hoặc đứng ra làm bao thầu như những sở công-tác của quốc-gia. Đến những phép cải-lương khác về cách làm ruộng cũng do hương-hội thừa-lệnh của nông-quan mà đốc-suất cho dân.

Đối với đại-nông thì dễ, Quốc-gia chỉ đốc-thúc vào một chỗ cơ-quan có sẵn của nó là người đại-điền-chủ mà thôi. Song đối với chế-độ này, ngoài vấn-đề kinh-tế, Quốc-gia lại còn phải lưu-ý đến vấn-đề xã-hội nữa là phải lập thể-lệ về sự đò thóc thuê ruộng cho có chừng hạn, để cho kẻ điền-tốt còn được có phần dư lợi. Đến những việc giáo-dục con em, những việc hương-chính (không phải hương-tục), dân điền-tốt cũng được hưởng, như dân các làng ngoài điền-trang, mà đại-điền-chủ phải giúp phải chỉnh-đốn cho.

Định ra hai cái cơ-quan chuyên-trách như thế rồi, Quốc-gia phải các quan sở Canh-nông thời thường phải về các xã-thôn, các điền-trang mà xem xét thí-nghiệm, chỗ nào nên khai ngòi, chỗ nào nên đặt máy nước, cải chất đất thế nào, dùng chất bón gì, chọn giống thế nào, ngoài sự cấy lúa ra nên giồng giọt thứ gì, nên chăn-nuôi giống gì, nên cải-lương cách cày cấy, giồng giọt thế nào, v. v..Các nông-quan ấy ra lệnh cho đại-điền-chủ, cho hương-hội để thực-hành ngay. Rồi các nông-quan ấy lại thời thường về khám mà định thưởng phạt để khuyến-khích. Như thế tưởng không bao lâu mà sự-nghiệp chấn-hưng nông-nghiệp sẽ thành công-hiệu lớn.

Nông-nghiệp mà chấn-hưng được, không những lợi cho nhân-dân mà cũng lợi cho Quốc-gia, điều đó đã cố-nhiên ai cũng biết. Chính-phủ không phải không nghĩ đến, tức là mỗi tỉnh xứ Bắc-kỳ đã có một viên nông-quan có sở ở để làm việc hẳn-hoi. Nhưng quanh năm người ta không thấy viên ấy về thăm các hạt, và cũng không thấy người ta nhắc đến cái chức-danh ấy. Thế thì không biết đặt viên ấy để làm việc gì. Vậy thiết-tưởng nay Quốc-gia hoặc tùy nhiều công-việc đặt thêm viên chức, ít công-việc thì cứ trach vào những viên nông-quan cũ ấy phải làm những việc cho dân như đã nói trên ấy.

Song muốn được thực-hành cho dân chịu được thực-hưệ thì chỗ cơ-quan trung-ương tức là tòa canh nông ở Hà-nội phải giám-đốc các sở canh-nông các tỉnh, và đi thanh-tra các điền-trang, các xã-thôn như việc của bộ giáo-dục mới được việc. Không thì cũng chỉ lại hư-ứng mà thôi.

Cách đây độ 7, 8 năm, ở Hải-dương có một cửa hàng thợ mộc nào đó, xin được phép quan trên lĩnh trưng đóng bán cho mỗi làng một cái bàn chọn thóc giống, giá ba đồng bạc một cái. Bàn đóng bằng gỗ tạp, nhỏ hẳng cái kỷ chè. Còn phép chọn thế nào không thấy có sách phát. Các làng lĩnh bàn về bỏ xó. Như thế thì không bao giờ còn chấn-hưng được việc gì.

4. *Khai-khẩn thượng-du.* — Ở Bắc-kỳ miền thượng-du rộng gấp ba miền trung-châu, đồng cao đồi núi bỏ hoang còn nhiều. Thế mà nhân-dân chỉ ở xúm-xít vào một bờ cõi trung-châu mà thôi, là vì những cớ này :

Một là vì thượng-du nhiều suối rừng hiểm trở, chưa khai-thác được, nên có nhiều lam-chướng khó ở. Lại đất núi khó làm.

Hai là vì trung-châu là cái bãi bồi lớn, địa-thế phẳng-phiu, đồng mầu đất tốt, khí hậu trong lành, dễ ở dễ làm. Cho nên người ta tránh chỗ khó, tới chỗ dễ cũng là thường-tình.

Ba là từ Lý Trần, quốc-thế hưng-thịnh. Dân trung-châu sinh-lụ thêm đông-đúc. Nhưng trông ra phía nam từ sông Ranh trở đi, đất rộng dân thưa. Cái thế lấn ra miền đó cũng dễ hơn trở lên mạn ngược. Vì vậy từ đó cứ thuận bước kéo đi.

Ấy người Việt-Nam sở-dĩ chỉ xúm-xít ở trung-châu Bắc-kỳ và chỉ tiến ra phía nam mà bỏ phía thượng-du là do ba cớ [illegible]. Ngày nay ngoài mũi Cà-mâu là bể, mé tây Trường-sơn là Lào, mé tây Hà-tiên là Miên là Xiêm, cương-giới đã định, không còn tiến đi đâu được nữa. Thế mà dân ở trung-châu Bắc-kỳ ở với nhau đã chật chội lắm rồi. Đất đai có hạn, dân-số sinh-sản ngày càng tăng, không bồng bế nhau lên ở núi non, thì cũng ở vào đâu cho đủ.

Coi đó thì sự khai-khẩn thượng-du của người Bắc-kỳ là việc đã đến rồi.

Như trên đã nói, ngày xưa người ta sợ đất thượng-du nhất là cái cớ lam-chướng khó ở. Cho nên đã ghi lại những câu phong-dao như là :

1° *Lử-khử lừ-khừ, chẳng Đại-từ thì Vũ-nhai* (7 hái).

2° *Mặt vàng đổi lấy mặt xanh,*
Hai tay hai gậy lạy anh sông Bờ.

Đó là những nơi lam chướng khó ở đã có tiếng, người trung-châu ai lên ở đó tất là phát bệnh gọi là bệnh ốm « ngã nước ». Phần nhiều bị chết, hoặc phát bệnh rồi mà trở về như hai câu trên ấy.

Song lam-chướng là do chưa khai-thác ra được đó mà thôi. Và ngày xưa chưa có khoa-học, thấy ốm như thế thì cho là ma thiêng nó làm. Ngày nay nhà tân-y-học đã nghiệm ra biết là bởi ở một giống muỗi nó đốt, đã có thuốc *Quinine* là thuốc duy-nhất để chữa. Lại có nhiều phép vệ-sinh để tránh bệnh tật. Vì thế ngày nay người trung-châu Bắc-kỳ kéo lên làm ăn buôn-bán và ở lại miền thượng-du ngày một nhiều.

Song đó mới là những người về những phái công thương, chức-dịch, những phu-phen. Đến như nông-dân mở trang lập ấp mới ra, làm những nghề cấy lúa trồng cây, chăn nuôi súc-vật thì chưa có. Muốn việc này có hiệu-quả, tất cũng lại phải trông vào Quốc-gia đôn-đốc và bênh-vực cho mới được. Quốc-gia mà đôn-đốc cho thì tất cũng dùng kiêm cả hai chế-độ đại-nông và tiểu-nông. Đại-nông thì khuyến-khích

những nhà tư-bản hoặc lập nông-hội để đem lên mở trang. Tiền-nông thì những người ít-vốn họp nhau thành ấp vỡ được đâu cho nhận làm của mình sau thành điền-viên thì sẽ nộp thuế. Ngoài ra những việc y-tế, việc cấm-phòng thú dữ giặc mán, Quốc-gia đều đảm-đương cho.

Muốn chóng, Quốc-gia treo cho những cái giải thưởng về công-lao bằng tước-vị như những giải thưởng quân-công. Vừa có lợi lâu-dài, vừa có danh xứng-đáng, tưởng những người có của có tài và có chí bền là nô-nức đua nhau.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言

XIV

689— Tậu voi chung với đức ông,
Vừa phải đánh cồng, vừa phải hót phân (1).

690— Trai tài lấy năm lấy bảy,
Gái chính-chuyên chỉ lấy một chồng (2):

691— Tội hữu sở qui, ai làm nấy chịu(3).

692— Tiền-môn cự hổ, hậu hộ tiến lang (4).

693— Tiền xa kỷ phúc, hậu xa bất giới (5).

694— Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn (6).

695 – Tác xả đạo bàng, tam niên bất thành(7).

696— Tức lòng súng, súng nổ (8 .

697— Tiếng trống đem nghìn quân (9).

698— Sông sâu còn có kẻ dò,
Lòng người nham-hiểm ai đo cho cùng (10).

1) *Đức ông* là tôn-hiệu gọi Hoàng-tử em hay là con vua.— Đây là răn kẻ bình-dân không nên chơi với kẻ quyền-quí, kẻ yếu không nên chơi với kẻ mạnh. Xem như cổ có một anh bình-dân tậu voi chung với đức ông kia. Khi cưỡi với đức ông thì anh ta là bậc dưới phải đánh cồng để cầm hiệu. Khi không thì anh ta lại phải đem voi về nhà mà nuôi, chăm nom cho voi mọi việc, thế là đàng nào cũng thiệt.

2) Thường nói *tài trai*, nhưng chỗ này nói *trai tài* mới rõ nghĩa. Nghĩa là trai có tài giỏi đối với gái chính-chuyên. Tức là tài đối với đức. *Chính-chuyên* là chính-đáng chuyên-nhất. *Chồng* là người đã cùng mình kết-hôn chính-thức công-nhiên. Người con gái đã có chồng thì chỉ một lòng cùng chồng cùng lo gây lấy hạnh-phúc cho nhau. Dù khó-nghèo cách-trở thế nào cũng không đổi lòng ấy mà tư-tình với kẻ khác, ấy là gái chính-chuyên. Con gái khi chưa có chồng, vì phải kén chọn nên phải có phép giao-tế để gặp-gỡ người con trai, nhưng phải giữ mình rất cẩn để khỏi lầm, để cho được chung-tình với người xứng-đáng mà mình sẽ kén được. Thế cũng cũng là gái chính-chuyên. Còn như bất-hạnh bị góa trẻ mà phải vì phần đời mình đi lấy cầu khác, nhưng đối với chồng sau cũng lại một lòng như đối với chồng trước, thế cũng vẫn là chính-chuyên. Chứ không phải bị chồng rút bỏ hoặc

bị góa trẻ mà cũng cứ phải ở vậy trọn đời, mới là chính-chuyên.

Về phần người con gái đối với chồng như thế là hợp lẽ rồi. Nhưng trai gái lấy nhau làm vợ chồng, đều có nghĩa-vụ thì tất đều có quyền-lợi đối với nhau. Đã lấy nhau thì là của của nhau. Gái là vợ của chồng thì trai há lại không phải là chồng của vợ được dư. Nhưng theo tính tự-nhiên trai ít người giữ được chuyên-nhất như gái. Không hoàn-toàn trung-thành được với ái-tình lý-tưởng đối với vợ, mà lại là trai có tài đủ gánh vác được sự sinh-hoạt của gia-đình phức-tạp đi nữa, thì có muốn lấy thêm vợ bé, tất phải có vợ cả đồng ý ưng-thuận mới được. Mà cũng đến một hai vợ bé đã là nhiều. Đây nói trai có tài thì lấy năm lấy bảy cũng được. Thế thì ra chỉ biết nói trách-nhiệm của người gái, mà lại phóng-túng cho người trai. Thật là bất-công, câu này không làm khuôn-phép cho bên người trai được. Câu này là do ở cái lòng vị-kỷ của bên trai đặt ra. Học cổ phải xét kỹ thì mới khỏi lầm.

3) *Tội hữu sở qui* 罪有所歸 = Tội đã có chỗ qui vào. Nghĩa là ai làm ra tội thì kẻ ấy phải chịu, còn thân-nhân mà không can-thiệp tới thì có lẽ nào cũng phải chịu tội vào đấy. Thế thì ngày xưa câu luật này đã là lời cửa miệng, mà sao ngày xưa vẫn thường có cách khép tội liên-lụy. Thì ra công-lý như đường ngay, xã-hội bao giờ cũng hiểu. Chỉ vì người dùng phép công-tâm hay tư-ý có từng thời mà thôi.

4) *Tiền môn cự hổ, hậu hộ tiến lang* 前門拒虎 後戶進狼 = Cửa trước chống giữ được con hổ thì cửa sau đã bị con chó sói sấn vào; đó là lời ngạn-ngữ của Tàu. Đây là ví với cách dùng người phải trông cái họa bởi người trước mà phòng cho khỏi lại mắc cái họa bởi người sau. Hổ với chó sói ví với hai kẻ cường-bạo. Đã mắc kẻ trước cường-bạo, nhưng nhờ kẻ sau cũng lại cường-bạo như rứa để đuổi kẻ trước cho, đuổi có được đi nữa thì kẻ sau cũng lại là kẻ trước đó rồi.

5) *Tiền xa ký phúc, hậu xa bất giới* 前車既覆 後車不戒 = Xe đi trước bị chỗ đường xấu đã đổ rồi mà xe đến sau không biết răn. Nghĩa là không biết đi tránh ra chỗ khác, lại đi vào chỗ xe trước đã đổ, để cho cùng đổ. Đây là lời ngạn-ngữ của Tàu, chê cách làm việc không biết tránh chỗ người trước đã lầm.

6) *Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn* 積穀防饑 積衣防寒 = Để dành thóc phòng khi đói, để dành áo phòng khi rét. Đây là lời ngạn Tàu, khuyên kẻ có chí nên dự phòng trước thì khi xảy đến việc mới có sẵn mà dùng, khỏi nguy-hiểm.

7) *Tác xá đạo bàng, tam niên bất thành* 作舍道旁 三年不成 = Bàn cách làm nhà bên đường, ba năm không xong. Nghĩa là định làm nhà ở bên đường mà không có cách-thức gì định trước, cứ gặp ai đi qua cũng bàn. Mỗi người họ nói mỗi ý, không ai giống ai, mình cứ nghe mà phân-vân thì đến ba năm cũng không định thành được cách-thức gì. Đây là lời ngạn Tàu, chê người làm việc không có chủ-ý định-kiến, ai nói thế nào cũng nghe, cứ phân-vân mà thành lỡ việc.

8) Súng nổ và đầy được hòn đạn ở trong ra, là vì sức thuốc súng nó cháy mà bị tức nên nó phải thúc cho hòn đạn chạy ra mà nó nổ thành tiếng to. Đây là ví với cái tư-tưởng của người bị uất-ức ở trong tâm, mà khi nó đủ mạnh thì nó phát ra những lời nói hả giận. Vậy thì xét lời nói của người đời, nên xét ở chỗ họ bị uất-ức ở đâu mà khai-thông cho họ, thì nó tự hả lòng ngay. Chứ cứ trách ở lời nói mà ngăn cấm không cho họ nói thì họ lại càng

lúc thêm. Chẳng khác gì như thuốc súng đã cháy mà còn cứ bịt miệng súng vậy.

9) Nghìn quân trầy tuy đông, mà đi hay là đứng đều tuân theo ở một tiếng trống hiệu-lệnh. Vậy thì biết quyền-phép của pháp-lệnh vẫn là mạnh.

10) Sông tuy sâu nhưng nó có mực nhất-định, người ta có thể đo cho biết chỗ đó sâu bao nhiêu, chỗ kia sâu bao nhiêu. Đo rồi thì cứ thế không sai nữa. Đến như lòng người ta thì không thế. Thường nhiều người, ai thấy cũng tin là ngay mà sau cũng mới thò cái gian ra, ai thấy cũng tin là liêm mà xét kỹ mới vở được chỗ tham. Thế là những người đó khéo giấu mà dối đời. Coi đó thì biết lòng người ta nham-hiểm lắm. Nham-hiểm hơn sông, không thể mà đoán-đích được là thực ngay hay là thực liêm. Thì cũng đừng tin vội mà bị lừa.

699 - *Sông sâu nước đục lờ-lờ,*
Cầm sào mà đợi bao giờ cho trong (1).

700 — *Số giàu đem đến dửng-dưng,*
Lọ là con mắt tráo-trưng mới giàu (2)

701 — *Sa chân bước xuống ruộng dưa,*
Dẫu ngay cho chết cũng ngờ rằng gian (3).

702 — *Sống về mồ về mả,*
Chẳng ai sống về cả bát cơm (4).

703 — *Sa chân đỡ lại, sa miệng đỡ không lại* (5).

704 — *Sống lâu hơn ở sạch* (6).

705 — *Sẵn-sóc không bằng góc ruộng* (7).

706 — *Rượu ngon bất luận bé sành* (8).

707 — *Ruộng bề-bề không bằng nghề trong tay* (9).

708 — *Ra đường hỏi ông già, về nhà hỏi con nít* (10).

1) Nguyên nước sông Hoàng-hà bên Tàu đục quanh năm cũng như nước sông Nhị-hà bên ta. Nhà thuật-sĩ bên nói cứ năm-trăm năm thì nước sông Hoàng-hà lại trong một lần. Ấy là đến kỳ có thánh-nhân sinh ra đời để dẹp loạn mà giúp đời nên thịnh-trị đó. Vì vậy những khi thiên-hạ loạn-lạc lâu thì người đời lại mong-mỏi đến kỳ sông trong mà có thánh-nhân ra đời. Đây người nói ra câu này là không tin cái thuyết vận-số hoang-đường đó. Lại cũng không muốn cậy ở thánh-nhân. Phải biết thánh-nhân là một người đủ tài đủ đức làm được việc cho đời, rồi người ta mới tôn-qui mà xưng-tụng lên đó thôi. Chứ trước khi chưa làm gì thì cũng là người thường mà thôi. Vậy thì ai làm được việc lớn, lập được công to cho đời thì người ấy tiện-thị là thánh-nhân, chứ có phải thánh-nhân là một người đặc-biệt giáng-sinh như cái thuyết sông trong hủ-lậu kia đâu.

Coi đó thì biết cái sông sâu mà nước nó đục lờ-lờ kia, thì nó cứ đục mãi, chứ có vận-số gì đến lúc trong thì hóa ra trong được. Thế mà kẻ cầm sào ở lại đó để đợi cho nước trong mới xuôi thuyền thì có ngu không. Biết đến bao giờ cho trong. Thế mà mãi cũng không trong thì thôi không giỗ sào nữa hay sao? Thánh-nhân không ra đời thì mình cũng thôi, không làm gì nữa dư? Mà biết ai là thánh-nhân. Câu ca-dao này thực là hiểu lẽ thực.

Lại còn một nghĩa nữa, trai gái hay dùng để ví với sự tình-duyên. Khi thấy một người con gái nhẹ dạ chờ đợi một người con trai mà không có cái tin-ước gì chắc-chắn cho đáng chờ đợi. Thì người thứ ba lấy câu này biểu cho người con gái ấy biết tâm-sự kẻ mình chờ đợi kia đối với mình lờ-mờ không rõ-ràng. Như nước sông đục kia vậy. Thế mà mình quá tin cầm sào lại đợi cho nước trong mới xuôi thuyền thì sẽ bị lừa mà là người quê.

2) *Con mắt tráo-trưng* là ra dáng nhớn-nhác tham muốn những của của

kẻ khác, muốn lấy ngay cho được làm của của mình. Câu này ý-khuyên không nên tráo-trưng đối với cái của không phải của mình làm ra. Song lấy số-hệ mà nói, cho rằng: có số giàu thì của kia nó cứ đem đến một cách dửng-dưng tự-nhiên không hẹn mà được, để an-ủi cho kẻ tham như thế thì lại lầm. Nghĩa là lại xui kẻ ấy lười-biếng mà qủi cả giàu-nghèo cho số-hệ. Thì lại là hủ. Sao không nói muốn giàu thì phải chịu thương chịu khó mà làm, lọ là thấy của của người chỉ chực tráo-trưng muốn lấy sao nên.

3) Đây là lấy lý mà luận. *Ruộng dưa* đang đầy những quả, khách đi đường bỗng bước xuống ruộng, thì dù vì duyên cớ gì bị sa chân xuống, cũng mang tiếng là định ăn trộm dưa. Nên người ta phải có ý cẩn-thận, để tránh cho khỏi bị hiềm-nghi.

4) Một thuyết hủ của thầy địa-đạo nạt người ta. Họ cho rằng vẫn biết người ta ăn cơm mới sống thực, nhưng sở-dĩ sinh ra người, khiến cho người ấy sống mà làm nên, là nhờ ở mồ-mả kết-phát xui ra. Cho nên đất để mồ-mả đã hỏng, thì người ấy dẫu nhiều cơm cũng không sống được. Nhưng nay ta hỏi mồ-mả kết-phát ra thế nào, kết-phát làm sao mà lại xui ra được? Thì đều không có lý-nghĩa gì chỉ rõ ra được. Thuyết phong-thủy thực là nói liều.

5) *Sa* cũng như xẩy. lỡ. Đi xẩy chân xuýt ngã thì dỡ lại được, không can-hệ gì. Đến như xẩy miệng mà nói ra điều gì có can-hệ thì người ta vin lấy mà mình bị trách-nhiệm. Muốn dỡ lại không được nữa. Đây là răn nên cẩn-thận lời nói.

6) Câu này là do nhận lầm nghĩa mà ra. Vì người ta thấy những người thanh-nhàn lịch-sự ở trong nhà lại hay chết non, mà những người lặm ăn lấm láp ngoài đồng-áng lại hay sống lâu. Thì người ta tưởng rằng ở bẩn thì sống lâu hơn ở sạch. Không biết rằng người lặm ăn kia là người siêng năng, vừa luyện-tập được thân-thể khỏe mạnh, vì hay bị lấm láp lại phải hay tắm giặt tuy bỗ nâu áo vải mà thực sạch sẽ, ít có bệnh tật, nên hay sống lâu. Còn kẻ thanh-nhàn nọ chính là người lười biếng, thân-thể ít vận-động thành yếu đuối. Lại thường chỉ sạch được có cái mặt mà thôi, còn đam-mê nhiều cái bẩn thỉu khác, cảm liễm nhiều bệnh nên chết non.

Coi đó thì ở sạch chính là cách để cho sống lâu, mà ở bẩn chính là cách để cho chết non đó. Chỉ vì người này xét lầm mà nói ra câu này, thực có hại cho sự vệ-sinh.

7) Câu này là lời nói tắt, chính nói đủ thì là không săn-sóc gì bằng săn-sóc vào góc ruộng Ngày xưa xã-hội sinh-hoạt đơn-giản, nghề nông là gốc sự dưỡng-sinh. Săn-sóc chăm nom vào đó là đủ cơm ăn áo mặc, không phải cần gì nữa. Hầu hết trong nước chỉ chuyên một nghề nông cũng được. Ngày nay xã-hội sinh-hoạt phiền-phức, nếu cả nước chỉ chuyên một nghề nông thì không khỏi nghèo túng. Vì thiếu đồ dùng, phải mua của ngoài cả, giá đất không đủ ứng-dụng. Vậy ngoài góc ruộng ra, nghề công nghề thương đều phải săn-sóc chăm nom cả mới được.

8) *Be* là cái lọ đựng rượu, có thứ bằng sứ, có thứ bằng sành. Câu này nghĩa là trọng ở sự thực bên trong chứ không cần ở bề ngoài.

9) Đây là khen kẻ nhà nghề mà chê kẻ chỉ ỷ-lại vào tư-bản không chịu học làm nghề-nghiệp gì. Đương cái khi kẻ dựa vào tư-bản ruộng đất hoặc vốn liếng khác mà ăn lờ-lãi một cách thảnh-thơi, nếu so với kẻ nhà nghề phải vất-vả mới kiếm được chút lợi

nhỏ, thì một sướng một khổ khác nhau xa. Song không bao lâu lỡ cơ tư-bản hết, kẻ dựa vào nó bấy giờ vô-nghệ lại điêu-đứng quá. Còn kẻ nhà nghề thì lúc nào đi đâu cũng vẫn tự kiếm đủ sự sinh-nhai như thường. Ấy thế là dù nhiều ruộng cũng không nên cậy. Mà phải học lấy một cái nghề chuyên tay.

10) Ông già lịch-duyệt nhiều, biết nhiều truyện, nên ra đường thì hỏi ông già. Con nít thực-thà, có sao nói vậy không biết che-trở, nên về nhà phải hỏi con nít.

∴

709— *Quan nhất thời, dân vạn đại* (1).
710— *Quen giải dạ, lạ giải áo* (2).
711— *Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ* (3).
712— *Phong-lưu là cạm ở đời, Hồng-nhan là bả những người tài-hoa* (4).
713 — *Phép vua thua lệ làng* (5).
714 — *Nhà sạch thì mát, bát sạch thì ngon* (6).
715 — *Nhất thốn thổ, nhất thốn kim* (7).
716 — *Nhớn bát cơm, to bó lạt* (8).
717 — *Sai một ly đi một dặm* (9).
718 — *Nhất chứng phi chứng* (10).
719 — *Nhà không móng như bóng không người* (11).
720 — *Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục* (12).

1) *Quan nhất thời dân vạn đại* 官一時民萬代 = Quan có một thời, dân thì muôn đời. Đây là hiểu cho kẻ hay ỷ-thế quan mà bắt nạt dân trong làng với nhau. Hoặc trong dân với nhau có điều gì cũng đem thóc-mách với quan. Không biết rằng: Quan này hết hạn cai-trị thì đổi đi, quan khác lại đến. Mỗi quan chỉ có một thời-kỳ mà thôi. Còn dân ở với nhau qua đời ấy sang đời khác. Sự thịnh-suy lợi-hại quan-hệ với nhau vô-cùng. Thế thì bên nào thân-thiết hơn. Thế mà kẻ ỷ-thế quan để nạt-nộ nhau, không biết nghĩ chỗ đó.

2) *Giải* là vì-nể. Quen nhau đã biết bụng-dạ nhau, nên vì nể cái bụng tốt của nhau, mà không cần coi tới áo đẹp hay là xấu. Còn như không biết nhau bao giờ, thì hễ thấy áo đẹp tất đoán là kẻ có giá-trị về vật-chất mà phải vì nể, chứ có cần hỏi gì đến bụng kẻ ấy tốt hay xấu. Đó là nói sự giao-tế phải tùy quen lạ mà dùng cách phục-sức cho phải lúc.

3) Đây là bỉ cái thói tham-quan ô-lại, chỉ mong cho dân hay kiện nhau để ăn hối-lộ. Bị mang bị bẹp hóa bị nguyên, bị không có tiền nên bị bẹp. Vì vậy thấy có cái kiện đến thì bám chặt lấy như kiến thấy mỡ vậy.

4) *Phong-lưu* là cái thú vui chơi ca-xướng dễ khiến người say-đắm. Mà say đắm vào quá thì hại cả tài-sản, nên gọi là *cạm*, là cái bẫy mắc vào thì không ra được. *Hồng-nhan* là gái đẹp mà nhất là bạn gái phong-lưu, những khách tài-hoa đã mắc phải thì khó mà gỡ ra được. Rồi hại đến tài-đức, thân-danh. Nên gọi là *bả*, là cái mồi có thuốc độc ăn phải thì chết. Đấy đều là lấy bề ngoài mà làm mê người đời, vậy nêu lên để mà khuyên răn kẻ có chí phải tránh xa kẻo mắc phải thì nguy-hiểm.

5) *Phép vua* là phép của quốc-gia, *lệ làng* là thể-lệ của mấy thôn-xóm rất nhỏ. Thế thì phép vua không bao giờ lại thua lệ làng. Song ở về thời-đại Triều-đình với bộ-lạc. Phép vua thi-hành về bộ-lạc, nhiều cái chỉ có hư-văn. Bọn thổ-hào hư-ứng rồi cứ theo lệ cũ của làng, dù là lệ hư tục xấu cũng giữ. Nên mới có câu này. Thực không có giá-trị gì về pháp-luật.

6) Đây là nói sự sạch-sẽ giúp ích cho cuộc ở ăn được nhiều. Nhà không cứ đẹp, hễ sạch thì nhà gianh vách đất cũng mát. Cơm không cứ đồ ăn nhiều, hễ bát đĩa sạch thì rau muối cũng ngon. Trái lại thì nhà đẹp mà bẩn cũng bức, cơm sang mà bát đĩa hôi cũng tởm.

7) *Nhất thốn thổ, nhất thốn kim* — 寸土一寸金 = Một tấc đất một tấc vàng. Nghĩa là đất bỏ hoang thì không có giá-trị gì, nhưng chăm cấy giồng thì hoa-lợi sinh ra vô-cùng, giá-trị không biết là chừng nào, một tấc đất mà qui bằng một tấc vàng là thường.

8) Nói về cách đối với kẻ lao-động. Phải biết người ta ai cũng vì miếng ăn mà phải làm việc. Vậy đối với kẻ làm thuê cho mình, như chẻ lạt chẳng hạn. Mình cho người ta ăn no thì người ta mới chẻ được cho mình nhiều lạt. Chứ nếu cho người ta ăn đói thì người ta lấy sức đâu mà chẻ lạt được nhiều cho mình.

9) Đây là lấy phép kẻ chỉ cho một cái đường thăng-bằng mà vì với phép luận-lý. Xem phép kẻ chỉ cho đường thăng-bằng kia, chỗ bắt đầu mà sai chỉ có một ly, tưởng là không hề gì. Nhưng cứ đó thẳng mãi đi thì rồi nó sai với đường thăng-bằng chính đến nghìn dặm chẳng hạn nào. Cho nên phép luận-lý cũng như vậy. Chỗ khởi-niệm nó sai với chân-lý chỉ một ly, mà cứ thế suy luận mãi ra thì thành trái hẳn với sự thực cũng là thường. Vậy kẻ lập-luận về phương-diện gì cũng phải cẩn-thận từ chỗ khởi-niệm trước.

10) *Nhất chứng phi chứng* — 證非證 = Một cái chứng không phải là chứng. Nghĩa là việc tố-tụng mà chỉ viện được có một người làm chứng thì không đủ tin.

11) Làm nhà gạch, phải có chân móng cho chắc-chắn, không thì gạch nặng sẽ đè sụt xuống mà nhà bị đổ. Vậy làm nhà gạch to mà không trị móng là cách vô-lý, như có bóng mà không có người thực không có thế bao giờ.

12) *Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục* 入江隨曲, 入家隨俗 = Thuyền vào sông nào phải lượn theo khúc sông ấy, mình vào nhà ai phải lựa theo cái thói riêng của nhà ấy. Đây là lời ngạn của Tàu. Nghĩa là sự giao-tế có hợp ý nhau mới thân. Mình vào nhà ai có việc gì, nếu mình xử trái thói với chủ-nhân thì thành không hợp ý mà không thành sự. Cũng như chở thuyền gặp khúc sông cong-queo mà không lựa theo thì sao đi lọt. Suy ra vào nước khác cũng phải như thế.

* * *

721— *Ngồi rồi sao chẳng xe gai,*
Đến khi có cá mượn chài ai cho (1).

722— *Cười ba tháng, không ai cười ba năm (2).*

723— *Nghi nhân mạc dụng, dụng nhân mạc nghi (3).*

724— *Ngày đàng không bằng gang nước (4).*

725— *Nắng đan đó, mưa gió đan gầu (5).*

726— *Nén bạc đâm toạc tờ giấy (6).*

727— *Nhân súc vật, vật dưỡng nhân (7).*

728— *Nóc nhà xa hơn kẻ chợ (8).*

729— *Nói nào giống ấy (9).*

730— *Mùa hè đang nắng, cỏ gà mọc trắng thời mưa;*

731— *Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão (10).*

732— *Muốn ăn cá cả phải thả câu dài*

733— *Muốn sang thì bắc cầu kiều (11).*
Muốn con hay chữ thì yêu-trọng thầy (12).

734— *Muốn may thì phải có kim,*
Muốn hay thì phải đi tìm người xưa (13).

1) Xe gai để đan chài. Nhà thuyền chài đánh cá, đến kỳ nước hoặc đến mùa cá thì mới đánh được nhiều mà bận việc. Nên lúc chưa có kỳ nước hoặc mùa cá thì ít việc ngồi rồi. Rồi thì xe gai đan chài dự-bị để tới thời mà dùng. Đây là chê những kẻ không biết dự trước phòng xa, tới khi dùng đến chẳng có cái gì, thành lỡ cả công-việc. Chẳng khác người thuyền chài nọ, lúc rồi thì chẳng xe gai đan chài, đến khi có cá nhiều không có chài mà dùng.

2) Câu này hay dùng để chống với những sự chê cười theo hủ-tục không chính-đáng. Xã-hội thường chấp-nệ

hủ-tục, thấy ai làm sự gì trái với hủ-tục ấy thì cười ầm lên. Nhưng lại chóng quên. Vậy đối với những trường-hợp ấy thì cứ phải mà làm, không cần gì ai cười chê. Chỉ vài ba tháng rồi họ quên cả, chứ không nhớ được lâu năm. Còn như sự thương-luân bại-lý thì bia miệng để đời, người ta sỉ mạ mãi, có cứ gì bao nhiêu năm.

3) *Nghi nhân mạc dụng, dụng nhân mạc nghi* 疑人莫用,用人莫疑 = Người mà mình nghi thì đừng dùng, người mà mình đã dùng thì đừng nghi. Nghĩa là đã nghi mà lại dùng thì phòng-bị thêm khó ra. Còn đã thử nghiệm rồi mới dùng mà lại cứ nghi thì người ta không làm được việc.

4) Việc đi đường thủy rất là quan-hệ. Sự chở-chác, sự sóng gió bất-kỳ, lỡ một tý là nguy-hiểm ngay. Không vững-vàng nhanh-chóng được như việc đi đường bộ. Cho nên quãng đường bộ phải đi đến một ngày cũng không ngại, mà lại có phần đi nhanh được. Nếu gặp quãng đường thủy, thì còn phải cách sông cách đò, chờ đợi lâu-lai mới đi qua được, mà đi lại có phần nguy-hiểm.

5) Người thường chỉ biết tính gần mà không biết mưu xa. Người biết mưu xa là làm việc dự-bị từ khi việc chưa tới. Tức như đan đó đánh cá từ lúc còn đang nắng, đan gầu tát nước từ lúc còn đang mưa gió. Chứ mưa rồi mới đi đan đó, nắng lâu rồi mới đi đan gầu thì là kẻ thiển-cận.

6) Án đã kết rồi, nhưng kẻ có tội đem nén bạc đến lễ thì cái án ấy lại hủy đi. Thế là nén bạc nó dâm rách toạc được tờ giấy kết cái án ấy.

7) *Nhân súc vật, vật dưỡng nhân* 人畜物,物養人 = Người ta chăn nuôi những con vật ấy thì nó lại nuôi lại người. Đây là một thuyết để phản-đối với thuyết « giới-sát = răn sát-sinh » của đạo Phật. Đạo Phật thương những loài động-vật cũng có tri-giác như người mà không nỡ ăn thịt, nên cấm sát-sinh chỉ ăn những đồ thực-vật gọi là ăn chay. Nhưng loài người ăn dùng đã quen, không thực-hành thuyết « giới-sát » được. Nên thuyết này giải lại mà nói như thế. Nay cứ lý mà luận thì sự chăn nuôi là loài người lợi-kỷ mà làm, chứ vật nó cũng không muốn. Duy có một điều là xã-hội đã chót lấy làm lợi, nay mà thực-hành giới-sát thì nhiều nghề-nghiệp phải bỏ mà xã-hội thoái-hóa.

8) Kẻ chợ thì xa nhà nhiều, nóc nhà thì ở liền ngay trên cái nhà. Nhưng có việc gì với kẻ chợ thì đi ra ngay được. Đến như nóc nhà mà hư-hỏng chỗ nào bị dột, bị mưa nắng lọt vào nhà thì chữa lại rất khó-khăn, chưa dễ mà trèo ngay lên để làm cho xong ngay được. Vì vậy nói là xa hơn kẻ chợ, để kẻ làm nhà đối với cái nóc phải cẩn-thận.

9) Đây là nói về nòi giống rất có can-hệ. Người ta cũng thế. Học-thuật mở-mang tri-thức thì chóng, còn đức-tính của nòi giống di-truyền, giỏi hay là hèn, ngay hay là gian, thì biến-hóa đi được lâu lắm.

10) Một phép chiêm-nghiệm thời-tiết của nhà nông.

11) Sợi câu dài, mồi câu lớn thì cá to mới mắc. Vậy kẻ muốn được cái lợi to phải bỏ của lớn ra mà dử người mới được.

12) *Kiều* cũng là cầu. Sư-đạo có tôn thì mới nhiều người hay. Vậy cha mẹ học trò phải biết tôn-trọng thầy. Còn phần thầy cứ bổn-phận mà làm, chứ nếu lợi-dụng lời này thì lại thành ra thiên-tư. Cho nên câu này là lời giễu những ông thầy hay cầu lợi riêng.

13) Sự hay đây là về phần đạo-đức. Nói về đạo-đức thì người xưa có nhiều điều đáng làm gương cho người sau. Cũng như kim với sự may, không có không được. Còn sự học-thuật thì mỗi ngày phải tìm mới ra. Nếu cái gì cũng vin vào người xưa thì lại là cái học nô-lệ.

735— *Miệng đã xe lại có chè thết khách,*
Váy đã rách lại có lụa bán rao;
Con đói khóc nghẻu-ngao lại có
gạo bán chịu (1).

736— *Mặt vàng đổi lấy mặt xanh,*
Hai tay hai gậy lạy anh sông Bờ (2).

737— *Mống bên đông cầu vồng bên tây,*
Chẳng mưa rây cũng gió giật (3).

738— *Miếng trầu thăm ngõ là miếng*
trầu bỏ đi (4).

739— *Muốn đứng nuôi tằm, muốn nằm*
đi kiện (5).

740— *Mùa hè cá sông, mùa đông cá ao (6).*

741— *Mua trâu xem vó, lấy vợ xem*
nói (7).

742— *Mỡ gà thì gió mỡ chó thì mưa (8).*

743— *Một năm làm nhà, ba năm hết*
gạo (9).

744— *Một kho vàng không bằng một*
nang chữ (10).

745— *Một lần không chín, chín lần*
không nên (11).

746— *Một lần sợ tốn, bốn lần không*
xong (12).

1) Muốn biết cái lòng thảo của kẻ nào thực hay là giả, thì nên xét đến nội-tình của kẻ ấy. Nếu kẻ ấy tự-cung về sự ăn mặc còn không đủ, thì cái lòng thảo chào mời thết đãi kia, phi hiếu-danh thì có ý lừa dối gì đó, chứ không phải là thực-tình.

2) Sông Bờ tên chữ là Hà-giang (*Rivière Noire*), ở về tỉnh Hòa-bình, mé tây-bắc thượng-du Bắc-kỳ. Vùng này nước độc có tiếng, nhưng có nhiều lợi lâm-sản. Người trung-châu lên làm ăn vùng đó hay bị ốm, mặt người xanh bủng, gọi là ốm «ngã nước», phần nhiều phải bỏ mà chống gậy trở về, nên người ta phải lạy mà sợ không dám lên nữa.

Nhưng nay đã mở-mang khai-thác, người làm việc nhà-nước, người đi buôn bán lên ở các miền thượng-du ấy đã đông, lại nhờ về y-học phát-minh có thể tránh được bệnh ngã-nước ấy cũng chẳng ngại gì nữa.

3) Ánh sáng mặt trời dọi vào một đám mưa nhỏ hột, bên phản-chiếu thành ra bảy sắc, theo vòng tròn của nửa khuôn mặt trời nên mới thành ra cầu vồng. Ngắn cụt thì gọi là *mống*. Sáng thì thấy cầu vồng hoặc mống ở bên tây, chiều thì thấy ở bên đông, đó là mặt trời một bên, đám mưa một bên, người ở giữa thì trông thấy thế. Những khi trong không-khí gần mặt đất có nhiều hơi nước thì hay có những đám mưa nhỏ mà có cầu vồng, mống cụt. Có như thế thì sắp có mưa to gió lớn.

4) Lễ hôn: Khi nhà trai muốn xin người con gái nào, lời mối đã thông tin rồi, thì đem cơi trầu đến nhà gái nói xin người con gái ấy cho người con trai ấy, gọi là *cơi trầu thăm ngõ*. Nghĩa là mới đến thăm cái ngõ của nhà gái đó thôi. Nhà gái nhận trầu mà xin để hỏi ý-kiến người con gái ấy có thuận hay không thì sẽ trả lời. Sau nếu thuận thì trả lời là thuận, không thì trả lời là không. Nhưng dù không thuận thì nhà gái cũng không phải trả lại cơi trầu ấy cho nhà trai nữa.

Đó là để cho nhà gái có điều gì đáng hối mà bãi-hôn cho dễ. Nhưng cũng không khỏi phiền cho cả hai nhà, hoặc có khi quá nể mà thành ép-uổng. Không gì bằng hẳng để cho hai người trai gái biết nhau và tự thuận nhau đã rồi sẽ thực-hành lễ-nghĩa thì đỡ có sự lo ngại về sau.

5) Tằm nuôi ở nong, để lên giá cao, nuôi phải chăm cho ăn và trông nom suốt ngày, thành ra phải đứng luôn luôn. Đi kiện thì phải chầu-chực buổi hầu, ngày nay thì phải chực phiên lòa lúc đối-chất, lúc lấy cung. Xong buổi ấy lại ra nhà hàng nằm để đợi buổi khác, thành ra chỉ nằm cả ngày. Đó là đem hai việc làm mà so-sánh cho biết sự đi kiện là tốn tiền của, thêm lươi ra mà vô-ích. Chứ như nuôi tằm vừa thêm tính siêng-năng mà có lợi.

6) Nói về thời-vật ở trung-châu Bắc-kỳ. Mùa hè thì nước sông to đánh được

nhiều cá ở sông. Mùa đông nước sông cạn, người ta mới tát ao vừa lấy nước làm chiêm vừa lấy cá bán mà có nhiều cá ao.

7) Vó trâu lần mà cao thì đi nhanh, gái về nói nhà gia-giáo thì có nết tốt. Nên phải xem xét kén chọn cho tường.

8) Nói về dáng. Dáng là những đám mây bị ánh sáng mặt trời lúc sắp lặn chiếu vào thành ra những sắc ua-úa vàng hoặc đỏ. Khi cửu-hạn mà thấy có dáng là sự báo sắp mưa to gió lớn. Đó cũng là vì không-khí có nhiều hơi nước mà phản-chiếu ra đám mây. Vàng thì người ta gọi là *mỡ gà* mà đỏ thì là *mỡ chó*. Còn vàng thì gió, đỏ thì mưa, cũng là nói cho phân-biệt, chứ cũng không nhất-định.

9) Làm nhà thường hay tốn quá cái số mình đã định. Cho nên nhiều người chưa có vốn to mà vội làm nhà đẹp thì làm nhà xong là túng bấu đến hết cả gạo ăn trong ba năm. Đây nói để những người muốn làm nhà mới nên trù-liệu cho cẩn-thận.

10) *Nang* là cái túi. *Nang-chữ* là những học-thuật, tài-trí sở-đắc bằng chữ nghĩa chứa ở trong mình vì chỉ bằng cái túi nhỏ. Thế mà kẻ có một kho vàng là vật cần quí kia tiêu hết bao giờ không biết. Hết rồi thì kẻ ấy khổ. Đến như kẻ có nang-chữ nọ cứ dùng ra mà sinh-nhai khỏi nghèo-túng, không bao giờ hết được. Có khi trở nên hiển-vinh, danh-tiếng cũng nên. Thế là nang-chữ qui hơn kho vàng.

11) Đây là lấy cách thổi cơm mà vì với mọi việc làm khác. Cơm thổi mà đã không chín, thì dù đem đốt lại hoặc đem vần bếp lửa đến mấy bận nữa cũng không chín được. Vậy làm việc gì cũng nên cẩn-thận cho châu-toàn lúc đầu. Nếu vô-ý mà để lầm lỡ thì chữa đi chữa lại tốn công mà vẫn không ra gì.

12) Đã làm việc thì phải tùy xem cái giá-trị xứng-đáng của nó. Nếu nó phải tốn bao nhiêu mới được thì bỏ ngay ra từng ấy một lần cho được việc mà được hoàn-mĩ. Còn như rụt-rè sợ tốn bỏ ra một lần không đủ, lại phải làm lại. Lại phải bỏ thêm ra mãi, tốn quá mà việc vẫn không ưng ý.

. . .

747— *Một nghề thì kín, chín nghề thì hở* (1).
748— *Mua cau xem cảng, mua cá xem mang* (2).
749— *Mạ mùa xướng cao, mạ chiêm ao thấp* (3).
750 - *Một miệng kín, chín miệng mở* (4).
751— *Kẻ có công, người có của* (5).
752— *Một công một của bằng nhau* (6).
753— *Mất trộm rồi mới rào giậu* (7).
754— *Mất bò mới lo làm chuồng* (8).
755— *Mạnh dùng sức, yếu dùng chước*
756— *Làm trên ở chẳng chính ngôi,* [(9).
Để cho bề dưới chúng tôi hỗn-hào
757— *Lông vả cũng như lông sung,* [(10).
Một trăm con lợn cũng chung một
758— *Lo chi việc ấy mà lo,* [lông (11).
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu (12).
759— *Lấy con xem nạ, lấy gái góa xem ở với đời chồng xưa* (13).

1) *Kín* là quần áo lành, *hở* là quần áo rách hở mình ra. Người nào chuyên vào một nghề mà tinh-khéo thì có lợi được lành-lặn luôn. Người nào nay làm nghề này mai làm nghề khác, nghề gì cũng biết, tựa-hồ là khéo khôn, nhưng chẳng chuyên được nghề nào nên nghề nào cũng thô-suất mà không có lợi, vẫn rách-rưới.

2) *Cảng* là cái chẽ của quả cau. Cau mới xé ở cây xuống thì cảng tươi cau còn ngon. Xé lâu rồi thì cảng héo, cau mất ngon. Vậy mua cau phải tinh ở chỗ đó. Cá tươi thì cái go của nó đỏ, cá ươn thì cái go của nó thâm. Vậy mua

cá phải vạch cái mang nó ra mà xem cái go cho biết tươi hay là ươn.

3) *Xướng* là cái ruộng để chuyên gieo mạ ở gần làng. Mạ mùa gieo về hạ-tiết nhiều mưa nên phải dùng xướng cao cho khỏi úng nước. Mạ chiêm gieo về đông-tiết ít mưa nên phải gieo xuống ruộng trũng thì mới tốt.

4) Miệng kín là không hay tiết-lộ việc riêng của ai. Miệng mở là hay bép-sép đem chuyện riêng người ta đi đồn-đại. Vậy khi nói chuyện phải cẩn-thận, không nên gặp ai cũng thổ-lộ tâm-sự mà có khi bị nguy-hiểm.

5-6) Đều nói về cái đạo người tài-chủ với người làm thuê tương-đối với nhau. Có vốn mà không có người làm với thì không bao giờ sinh lãi được. Biết làm mà không có vốn thì cũng không bao giờ sinh lợi được. Thế là hai bên cùng phải nhờ nhau. Vậy người chủ có của phải trả cho xứng với cái công của người làm. Người làm phải làm cho đáng với cái của người thuê. Người chủ chớ bắt-bí kẻ làm thuê kia nghèo bách mà giả công hạ quá. Người làm cũng chớ đòi quá cái công của mình. Thế cho nên có lối buôn, một bên có của thì bỏ vốn ra, một bên có nghề thì đem ra làm. Sau được lãi chia đôi.

7-8) Đều chê những kẻ không biết phòng xa, khi đã bại-sự rồi mới tính đến việc dự-phòng thì còn gì nữa.

9) Phép đối-địch của kẻ yếu. Bên mạnh hay cậy sức nên thường vô-mưu. Bên yếu không đủ sức để địch lại đã cố-nhiên, nhưng nếu biết dùng mưu-chước mà đối-phó thì hay thắng bên mạnh.

10) *Làm trên* là làm chức-việc trên. Thế là chức việc ấy trên chứ không phải người ấy trên. Xã-hội loài người, về tinh-thần thì bình-đẳng, mà về chức-việc thì vẫn có trên dưới. Song kẻ dưới mà không bị uất-ức thì không dám tự hỗn-hào bao giờ. Thế mà hỗn-hào là vì người làm trên không chính ngôi mình, để đối với bề dưới.

11) Quả vả to, quả sung nhỏ mà giống nhau. Giống cả trong lòng, không khác gì. Câu này là trọng ở chữ « lòng », ý nói người ta ai cũng một tâm-lý ấy. Cũng đều biết phải trái như nhau. Xem ngay như quả vả với quả sung kia, tuy lớn nhỏ khác nhau mà cũng một lòng. Lại xem như lợn mồ ra nọ, một trăm con cũng cùng một tâm can ấy. Thì biết lòng người đối với lẽ phải ai cũng như ai.

12) Nói kẻ gian đã lọt vào trong phạm-vi mình rồi thì không thoát đ. đâu khỏi. Cũng như kiến bò miệng chén cứ quanh-quẩn mãi trong cái vòng ấy mà thôi.

13) *Nạ* cũng là mẹ. Người ta có giống, con gái hay giống mẹ. Vậy muốn lấy người con gái nào, thì nên xem người mẹ ấy thế nào. Người ta hay hay dở cứ nghiệm ngay việc đã làm trước thì biết. Vậy muốn lấy người gái góa thì nên xem đã ở với người chồng trước thế nào. Cứ theo hai cách đó mà xét người thì không mấy khi sai lầm vậy.

760 — Ai thám không bằng dàm ngấu (1).
761 — Ai đội mũ lệch người ấy xấu (2).
762 — Ai từng đo miệng cá mà uốn lưỡi câu (3).
763 — Ai cũng muốn phấn giồi mặt, ai muốn phấn giồi gót chân bao giờ (4).
764 — Áo rách khéo vá hơn lành vụng [may (5).
765 — Ai ơi chớ vội cười nhau, Cười người hôm trước, hôm sau người cười (6).
766 — Ai ơi trẻ mãi du mà, Càng so-sánh lắm càng già mất [duyên (7).
767 — Ăn xôi ở thì (8).

768— Ăn không rau như đau không thuốc (9).

769— Ăn trông xuống, uống trông lên (10).

770 — Ăn mày chẳng tày giữ bị (11).

771— Ăn lấy chắc, mặc lấy dầy 12).

772— Ăn muối còn hơn ăn chuối chết (13).

773— Ăn bát cơm giẻo nhớ nẻo đường đi (14).

1) *Ải* là đất để khô cho rõ nỏ. Ruộng cấy chiêm phải cày để cho đất phơi nắng hanh mà ải ra. Càng ải càng tốt. *Dầm* là ruộng sâu nhiều nước không cấy mùa được mà chỉ để cấy chiêm. Khi cày ruộng nước ấy để cấy chiêm gọi là ngả dầm. Ruộng ải tuy tốt hơn nhưng mà bị mưa sớm, đất chưa ải thì thành đất sượng hóa ra lại xấu, không bằng ngả dầm dã ngấu lại còn hơn.

2) Sự đội mũ lệch tuy trông cũng buồn cười. Nhưng nó vô-ý chứ không phạm gì đến lễ-phép, thì người ấy chỉ vì đó kém vẻ đẹp mà thôi. Vậy không nên cười chê người ấy quá.

3) Đây là ví việc làm lời nói khó cho vừa ý cả mọi người. Đời nhiều người thì nhiều ý, không ai giống ai. Vậy cứ phải mà làm, cứ phải mà nói. Ai hợp thì ưa, không thì thôi. Chứ ai làm thế nào mà lựa cho bằng lòng từng người được. Cũng như kẻ câu cá kia, chỉ có một cái lưỡi câu ấy thả xuống, con cá nào vừa miệng thì đớp, chứ biết đâu mà lựa mỗi con cá một lưỡi câu được.

4) Đây là ví với sự thể-diện. Nhất là về những sự chịu nợ hay là sự thể-diện về việc dùng tiền. Ý nói nhân-tình ai chả muốn đẹp mặt. Vậy nếu có tiền ai không trả nợ, hoặc tiêu vào việc đanh-dự cho đẹp mặt. Ai lại dại gì giấu đi mà chịu xấu được. Cũng như có phấn ai không đem giồi vào mặt cho đẹp mà lại đem giồi xuống gót chân bao giờ.

5) Đây là lấy sự khéo làm trọng.

6) Trước khi cười người phải xét mình trước đã. Mình vốn không có sự xấu ấy hay chắc là giữ được mãi không có sự xấu ấy, thì sẽ cười chê kẻ kia. Nếu chỉ biết cười chê người ta mà mình lại tệ quá, thì lại bị người khác cười chê cho ngay.

7) Bảo người con gái phải đoái đến tuổi mình mà chớ nên kén chồng một cách quá-đáng mà lỡ-thì.

8) *Xổi* là cách làm cẩu-thả tạm-thời. Đây là chê cách ăn ở không có dụng-ý tràng-viễn.

9) Rau có nhiều chất làm cho máu dễ lưu-thông. Vị nó lại thanh-đạm dễ chịu. Cho nên tính tự-nhiên ai cũng thích ăn nhiều rau hơn thịt. Nhà y-học ngày nay cũng nói thế, và nói ăn nhiều thịt sẽ bị nhiều bệnh khó chữa. Đây nói ăn không có rau thì cơm không ngon mà không ăn được no; cũng như bệnh đau mà không thuốc chữa thì không khỏi được.

10) Trẻ thì ăn khỏe, tính hăng-hái không nên uống nhiều rượu. Già thì ăn yếu, tính cẩn-trọng có rượu thì nên uống ít chén cho vui. Vì lẽ đó nên khi già với trẻ ngồi cùng mâm hay là liền mâm. Nếu già trông xuống mà thấy ít đồ ăn thì nên nhường bớt đồ ăn xuống. Trẻ lại phải trông lên, nếu thấy ít rượu thì nên nhường rượu lên. Coi đó thì biết cái đạo trên dưới tương-nhượng này là đều theo chỗ mình thừa mà chỗ kia thiếu. Nhường như thế đều không thiệt mà đều có lợi. Người ta có thể làm được mãi mà vô-hối. Suy ra trong một xã-hội, trong một quốc-gia mà đều giữ được cách ấy thì thực là hòa vui.

11) *Tày* là bằng. Đây nói cóp nhặt mà không biết giữ gìn thì cóp nhặt cũng bằng vô-ích.

12) Nói về sự ăn mặc nhật-dụng nên vụ-thực.

13) *Chuối* là cá chuối. Cá chuối mà tự chết thì thịt nó lành, vô-vị khó ăn. Thà ăn muối còn hơn.

14) Nói về nhà hàng cơm. Khách trọ mà được nơi sạch-sẽ, cơm nước ngon lành, khi người ta về nhà rồi, nhưng vẫn nhớ nhà hàng mà nói đến cái quãng đường lữ-hành ấy. Như thế thì đối với khách trọ, nhà hàng đừng tưởng là sự tình-cờ mà coi là khinh-thường không chú-ý, sẽ mất khách mà ế hàng. Hoặc có nghĩa nữa là khi mình nhờ người chỉ nẻo mà làm được bát cơm ăn, thì nên nhớ ân người tiến-dẫn cho mình.

*
* *

774— *Bách văn bất như nhất kiến* (1).
775— *Bơ-bải chẳng bằng phải thì* (2).
776— *Bo-bo như thần giữ của* (3).
777— *Bất kiến pháp, bất tri ân* (4).
778— *Bói ra ma, quét nhà ra rác* (5).
779— *Bởi tin nên mắc, bởi chắc nên nhầm* (6).
780— *Cần bất như chuyên* (7).
781— *Cần tắc vô ưu* (8).
782— *Cón nước còn tát* (9).
783— *Chớ thấy sóng cả ngã tay chèo* (10).
784— *Cơ thâm họa diệc thâm* (11).
785— *Cơm lẻ mẹ ruột* (12).
786— *Cơm treo mèo nhịn đói* (13).
787— *Cóc có lòng nách* (14).

1) *Bách văn bất như nhất kiến* 百聞不如一見 = Trăm điều nghe không bằng một điều trông thấy. Vì là nghe nói thì thường sai, trông thấy thì mới đích-xác.

2) *Bơ-bải* là tham-lam ôm-đồm. Việc gì làm đúng thì của nó mới lợi. Bơ-bải mà không biết liệu cho phải thì của nó cũng vô-ích.

3) Tục truyền lúc người nhà Minh sang chiếm nước ta, vơ-vét được nhiều của. Sau chúng bị thua chạy về không mang của ấy về được. Bèn giấu ở các nơi, mỗi nơi lại phong thần cho giữ của ấy, để sau sẽ sang lấy. Điều đó không biết có đúng không. Có đi nữa thì cũng là lời nói mẹo để dọa những kẻ ngu mê-tín đừng phá-hủy ra mà lấy của chúng nó. Nhân thế người ta mới vì người có của mà không dám ăn tiêu gì là thần giữ của.

4) *Bất kiến pháp, bất tri ân* 不見法不知恩 = Không thấy phép-luật thì nó không biết ơn. Nghĩa là đối với kẻ ngu phạm pháp mà dung-thứ ngay thì nó không biết là nó có lỗi mà được tha. Nên phải làm cho nó biết lỗi ấy là theo phép-luật thì phải trừng-phạt như thế, thế mà được miễn thì nó mới biết ơn mình. Đây là lời của kẻ chấp-sự mà có bụng hiếu-nhân. Điều đáng miễn thì miễn cho hà-tất phải cầu biết ơn riêng. Điều không đáng tha thì sao được muốn cầu ơn mà miễn. Đó là khẩu-khí bọn tham-nhũng, thường mượn pháp-luật mà mưu lợi riêng.

5) Nhà quét bao giờ cũng có vần rác. Bói bao giờ cũng đoán là có ma làm. Bởi vì bói là một cách nói dối, mà ma là cái không có mà kẻ ngu lại hay sợ, nên dễ nói. Cho nên ma của sự xem bói cũng như rác của sự quét nhà, không phải bói cũng biết thì đừng tin.

6) Nói về sự giao-tế không nên tin chắc ai quá. Hễ quá tin chắc tất bị mắc lầm.

7) *Cần* là chăm lắm, *chuyên* là làm như thường, lúc nào cũng thế. Chăm lắm nhưng được một lúc rồi lại chán thì việc lại bỏ, không bằng chuyên làm như thường, không chăm quá, không chán-nản, thế là việc gì cũng làm nên.

8) *Cần tắc vô ưu* 謹則無憂 = Cẩn-thận thì không lo về sau. Tục thường nói phải « cần-tắc » thì không có nghĩa.

9) Đối với việc ấy, tuy vất-vả lắm rồi mà chưa thành hoặc có cớ hỏng, nhưng quyết không chịu bỏ. Hễ còn sức làm thì làm, còn làm cho tới khi hỏng rồi mới thôi. Cũng như kẻ tát nước ruộng

đương khi hạn-hán còn nước thì còn tát. Câu này hay dùng khi nuôi người bệnh nguy mà vẫn cố chữa.

10) Kẻ non gan thấy việc nguy-hiểm thì sợ mà nản chí. Nhưng hễ nản chí lại càng nguy-hiểm thêm. Xem như sự chèo thuyền gặp sóng gió to. Hễ không nản mà cứ mạnh cánh chèo thì mới vượt khỏi sóng mà sống. Nếu sợ-hãi quá, ngả tay chèo là bị sóng lật thuyền đi mà chết.

11) *Cơ-thâm* là lập mẹo sâu để hại người. Mình đã ác-tâm thì ai cũng ghét mà người khác lại làm cho mình hại hơn.

12) Ý nói cách ăn kiệm-ước, không cần gì thịt cá, quả bánh, chỉ cốt cơm tẻ đủ nuôi sống là được.

13) Ví với cách đối với dầy-tớ ác-nghiệt bỏn-sẻn.

14) Ví với kẻ vốn hèn nhỏ mà nay bỗng ra bộ hách-dịch.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và ĐỖ-NAM

ĐỊA-DƯ TIỆN-ĐỘC

Bài tựa :

Địa-dư là một thứ sách thật dễ học, mà cũng thật khó nhớ, vì các tên đất không có nghĩa-lý, người ta không có thể nhớ được ; vậy quyển sách này tôi đặt theo cách lục-bát, nghĩa là : trên sáu chữ dưới tám chữ, là có ý muốn các trẻ vừa đọc vừa ngâm nga, để in vào não-chất cho khỏi quên ; còn thứ tự thì trước hết tổng luận bầu trời, và quả đất, đến năm châu, rồi đến Hồng-dương và ba kỳ của nước ta sau hết. Mà cứ mỗi một châu và một kỳ đều kể lần từ giáp-giới, địa-phận, núi non, sông rào, hồ, đầm sản-vật, phố-phường, cho đến đường-sá.

Vả lại trong mỗi một món đều tùy theo địa-thế liên-tiếp, mà sắp đặt đất này qua đất khác, chỗ nọ đến chỗ kia, để ý theo tầng thứ cho dễ nhìn.

Đến như các tên đất thì viết bằng chữ quốc-ngữ, cho ai ai cũng đọc được, mà tựa-trung cũng có một đôi nơi bất-đắc-dĩ, mới dịch theo chữ Tầu mà thôi, còn dư đều dịch theo chữ tây hết cả, vì lúc bây giờ các trẻ học chữ tây đã thuộc về phần nhiều, thời đọc tới tiếng tây có lẽ dễ hiểu hơn, và muốn biết một chỗ nào, nguyên chữ tây là chữ gì, người Tầu dịch ra là chữ gì, thời cứ xem theo số hiệu tôi đã chú-thích rõ-ràng cả rồi.

Song chỉ vì tôi học-thức ít quá, nên trong một quyển sách sót thiếu hãy còn nhiều, và câu cú thì thô-tục quá, xin các ngài xem đến, miễn-chấp cho tôi là may lắm.

Ngày 12 tháng 11 năm thứ nhất hiệu Khải-định (1916)

TRẦN MẠNH-ĐAN kính đề

ÂU-HỌC ĐỊA-DƯ TIỆN-ĐỘC

Thiên-tượng

1er

Doanh-hoàn gặp hội văn-minh,
Địa-dư là một chương-trình giáo-khoa.
Bầu trời rộng lớn bao-la,
Bấy nhiêu tinh-tú bày ra giữa vành
Định-tinh (1), Hành-tinh (2), Hộ-tinh (3),
Đặt làm ba loại rành-rành không sai,
Định-tinh đứng một chỗ hoài,
Mặt trời kia cũng một ngôi rất gần. A
Hành-tinh cứ chạy vòng tròn,
Ngoài Thái-dương 太陽 có tám hòn chạy quanh.
Một, Thủy-tinh (4) hai, Kim-tinh (5), B.C.
Chiếu theo thứ-tự, mấy vành kể ra.
Ba là quả Địa-cầu (6) ta, D.
Mặt trăng theo dọi ấy là Hộ-tinh, Đ.
Bốn, Hỏa-tinh (7), năm, Mộc-tinh (8), E.G.
Sáu, Thổ-tinh (9) có hai khoanh dị-thường, H.
Bảy, Thiên-vương (10), tám, Hải-vương (11), I. K.
Hai ngôi sao ấy suy lường mới ra. L.

1	*Etoile*	定星
2	*Planète*	行星
3	*Satellite*	礫星
4	*Mercure*	水星
5	*Vénus*	金星
6	*Terre*	地星
7	*Mars*	火星
8	*Jupiter*	木星
9	*Saturne*	土星
10	*Uranus*	天王星
11	*Neptune*	海王星

A. — *Mặt trời là một vì Định-tinh rất gần ta, còn Định-tinh khác, như . Nhị-thập-bát-tú* 二十八宿 *vân-vân, đều là Định-tinh xa ta, cũng tức là những mặt trời xa ta vậy.*

B. — *Thủy-tinh chạy ngoài mặt trời, một vòng là 88 ngày.*

C. — *Kim-tinh chạy một vòng là 225 ngày.*

D. — *Địa-cầu chạy một vòng là 365 ngày, tức là một năm tây.*

Đ. — *Mặt trăng chạy ngoài quả đất, một vòng 27 ngày 18 giờ 44 phút.*

E. — *Hỏa-tinh chạy ngoài mặt trời một vòng một năm và 323 ngày.*

G. — *Mộc-tinh chạy một vòng 11 năm và 313 ngày.*

H. — *Thổ-tinh chạy một vòng 29 năm và 175 ngày.*

I — *Thiên-vương-tinh chạy một vòng 84 năm và 27 ngày.*

K. — *Hải-vương-tinh chạy một vòng 164 năm và 268 ngày.*

L. — *Thiên-vương, Hải-vương, hai sao là Ông-hần-thất-lạc (翁侯失勒) mới tìm ra.*

Địa-cầu (*la terre*)

2e

Địa-cầu là đất của ta,
Bằm bảy triệu dặm cách xa mặt trời. A
Từ xưa vạn-quốc mấy người,
Mấy người bàn luận một lời đất vuông.
Ga-ly-lê người tây-dương, B
Mới đem toán-pháp suy lường phân-minh.
Rằng : Hình tròn giống quả chanh.
Hai đầu hơi lép ra hình noãn-viên. C
Muôn đời chuyển động luôn luôn,
Làm nên hai sự tuần-hoàn xưa nay : D
Một là theo chốt mà quay,
Hai-mươi-bốn điểm thì xoay một vòng.
Từ tây đi mãi về đông,
Ngày đêm nhất-định, vẫn không đổi dời. Đ
Hai là chạy ngoại mặt trời,
Ba trăm và lại sáu-mươi-lăm ngày.
Một vòng vừa một năm tây,
Bốn mùa khí-tiết đổi thay khác thường. E

A. — *Dặm tây gọi là « Lieue » mỗi dặm là 4 kilomètres.*

B. — *Ga-ly-lê trước tức là Ca-bạch-nê (Galilée) người Italie đương lúc ông bày ra lời nói :. « Đất tròn và đất di », thì nhà nước giam ông ấy lại rồi đòi thiên-văn-sĩ các nước để suy-nghiệm, thì ai nấy đều chịu ông ấy nói là phải, khi ấy ông mới được tha và được làm quan.*

C. — *Noãn-viên : nghĩa là hình thuẫn, hình quả đất tuy tròn nhưng bề nam bắc, vẫn ngắn thua bề đông tây.*

D. — *Hai sự là : Nhật-động* 日動 *và Niên-động* 年動.

Đ. — *Khi nó quay ở ngoài chốt nó, gọi là nhật-động, hễ phía nào thấy mặt trời ấy là ban ngày, phía nào khuất mặt trời ấy là ban đêm.*

E. — *Khi nó quay ở ngoài mặt trời, gọi là Niên-động, trong lúc nó chạy như vậy, thì cái chốt nó có chênh mất 23 độ rưỡi, mà lúc nào cũng cứ chênh một chiều như vậy, cho nên lúc trước sau ngày Hạ-chí (21 tháng 6 tây) thì phía bắc triều với mặt trời, chịu ánh sáng được nhiều lúc ấy về phía bắc ngày dài mà đêm ngắn. Trước ngày Đông-chí (21 tháng 12 tây) thì phía nam triều với mặt trời, chịu ánh sáng được nhiều, lúc ấy về phía nam ngày dài mà đêm ngắn, còn trước sau ngày Xuân-phân và Thu-phân (20 tháng 3 và 22 tháng 9 tây) thì 2 phía nam bắc cách mặt trời đều cân nhau, nên lúc ấy cả 2 phía đêm ngày đều cân nhau. Vậy mới thành ra 4 mùa khí-tiết khác nhau là :*

Xuân-ôn 春溫 *Thu-lương* 秋涼
Hạ-thử 夏暑 *Đông-hàn* 冬寒

3.

Đất chia độ-số rõ-ràng.
Ba trăm sáu chục, dọc ngang cũng vậy.
Ba-ri, kinh Pháp-lan-tây 巴蘭西,
Nói về kinh-tuyến (1) là đầy khởi đầu (2)
Đông, (3) Tây, (4) chia hai bán-cầu,
Trăm tám mươi độ, in nhau một đường.
Còn đường Vĩ-tuyến (5) đi ngang,
Giữa là xích-đạo (6) trung-ương địa-cầu.
Bắc (7) Nam (8) kể tới hai đầu,
Chín mươi độ số, chia nhau cân bường.
Lại chia các tuyến tỏ tường,
Hoàng-đạo hai đường, (9-10) hắc-đạo cũng ; hai (11-12)
Các đường độ-số chia bày :
Hoàng-đạo đến xích 赤道 hai mươi ba thừa.
Hoàng đến hắc 黑道 bốn mươi ba,
Hãm-ba độ rưỡi, hắc ra tột cùng.
Chín mươi độ số kể chung :
Hai bên trăm tám là trong bán-cầu 半球.
Thênh-thênh thế-giới một mầu,
Chia ra năm dải (13) khác nhau lạ đường.
Nhiệt-đới (14) thời ở trung-ương,
Giữa hai hoàng-đạo, Thái-dương chiếu hoài.
Hai ôn-đới (15-16) ấm hơi hơi,
Từ đường vàng 黃道 kể đến ngoài đường đen 黑道.
Hai hàn-đới (17-18) ở hai bên, A
Khỏi đường hắc-đạo, về miền tuyết-băng.

1	*Longitude*	經線
2	*Premier Méridien*	中經線
3	*Hémisphère oriental*	東半球
4	*Hémisphère occidental*	西半球
5	*Latitude*	緯線
6	*Equateur*	赤道
7	*Pôle Nord*	北極
8	*Pôle Sud*	南極
9	*Tropique du cancer*	北黃道
10	*Tropique du capricorne*	南黃道
11	*Cercle polaire arctique*	北黑道
12	*Cercle polaire antarctique*	南黑道
13	*Cinq zônes*	五帶
14	*Zône tarride*	熱帶
15	*Zône tempérée du Nord*	北溫帶
16	*Zône tempérée du Sud*	南溫帶
17	*Zône glaciale du Nord*	北寒帶
18	*Zône glaciale du Sud*	南寒帶

A. — *Hai giải hàn-đới cứ đổi nhau mà tối sáng : hễ trước sau Đông-chí 24 ngày, thì bắc-hàn-đới, không có ban ngày, mà nam-hàn-đới lại không ban đêm ; trước sau Hạ-chí 24 ngày thì bắc-hàn-đới lại không ban đêm, mà nam-hàn-đới lại không có ban ngày.*

4.

Bao-la thế-giới vô chừng,
Người tây cũng lấy lẽ hằng mà suy.

Bốn muôn ky, bề chu-vi, (kể theo kilomètres)
Vuông năm trăm triệu, là bề ngoài da (kể theo km2).
Bốn phần : Đất một, nước ba,
Đất là lục-địa 陸地 nước là thủy-hương 水鄉.
Nước chia năm bể đại-dương (1),
Đại-tây (2) Thái-bình (3), hai bể đổi nhau. A
Băng-dương nam (4), bắc (5) hai đầu, B
Nửa năm băng tuyết, đổi nhau như thường.
Chính giữa là Ấn-độ-dương (6),
Ba-đảo muôn khoảnh, mênh-mang một mẫu. C
Đất chia làm năm đại-châu (7),
Trên hai bán-cầu phân biệt kể ra.
Đông-cầu : Á-phi-lỵ-gia (8),
A-tế-á (9) Âu-ba-la (10) liền cùng.
Úc-đại-lỵ (11) ở phía đông,
Bấy nhiêu hải-đảo 海島 kể chung ấy là.
Tây-cầu : Á-mỹ-lỵ-gia (12),
Ông Kha-luân-bố tìm ra mới rồi (CHRISTOPHE COLOMB) D
Bắc (13) Nam (14) chia rẽ làm đôi,
Một eo nhăng-nhíu, hai nơi dính liền.
Kể chung tất cả năm miền,
Trăm ba chục triệu, tính thành ky vuông (km2).
Người chia : trắng (15) đỏ (16) đen (17) vàng (18).
Ngàn bảy trăm triệu, mỗi phương khác nòi.
Bao nhiêu đất, bao nhiêu người,
Lần lần sẽ kể ra ngoài năm châu.

1 *Océan* 大洋
2 *Océan atlantique* 大西洋
3 *Océan pacifique* 太平洋
4 *Océan glacial du Sud* 南冰洋
5 *Océan glacial du Nord* 北冰洋
6 *Océan Indien* 印度洋
7 *5 Parties du monde* 五大洲
8 *Afrique* 亞非利加洲
9 *Asie* 亞細洲
10 *Europe* 歐羅巴洲
11 *Océanie* 澳大利亞洲
12 *Amérique* 亞美利加洲
13 *Amérique du Nord* 北亞美利加洲
14 *Amérique du Sud* 南亞美利加洲
15 *Race blanche* 白人
16 *Race rouge* 紅人
17 *Race noire* 黑人
18 *Race jaune* 黃人

A. — *Thái-bình-dương là một cái bể lớn hơn nội trong 5 bể vì chưng gió sóng hung-hiếp quá, nên phải đặt tên là Thái-bình dương để cho người ta bớt sợ.*

B. — *Bắc-băng-dương, đóng băng từ tháng tám đến tháng hai. Nam-băng-dương, đóng băng từ tháng hai đến tháng tám.*

C. — *Ấn-độ-dương lớn lại chỗ giáp với Đại-tây-dương về phía nam châu Phi gọi là Hảo-vọng-giác (Cap de bonne espérance).*

D. — *Kha-luân-bố (CHRISTOPHE COLOMB) là người Italie tìm được châu Mĩ về trong năm (1494) về sau lại có một người Italien tên là A-mỹ-lỵ-gia. (AMÉRIC VESPUCE) lại tìm đến 4 lần nữa, mới lấy tên người ấy mà đặt tên châu.*

Á-tế-Á châu *(Asie)*

5e

Á-châu, tây giáp Tây Âu, 西歐
Ô-sơn (1) Lý-hải (2) cùng nhau chung đồng.
Băng-dương 北冰洋 phía bắc giáp cùng.
Phương nam Ấn-độ 印度 phương đông Thái-bình
Mặt đất rộng lớn thênh-thênh,
Kể kì-lô-mét bốn kinh có ngoài (1 kinh là 10 triệu).
Dân chín trăm triệu đủ người,
Vàng da, cũng có xen loài trắng da. A

1 *Ourals* 烏拉山
2 *Mer caspienne* 裏海 咸斯卡海

A. — *Dân châu Á cũng có loài trắng da, là về nước phương tây như : Ba-ly, Á-lạp-bá*

vân vân, còn dư các nước đều thuộc loài da vàng.

6.

Mười tám nước kề lần ra,
Bốn nước : Chi 支 那, Nhật 日 本, Xiêm 暹 羅, Ba 波 斯 tự-cường.
Chi-na (1) gồm bốn phiên-bang,
Mãn-châu, Mông-cổ, Tây-tàng, I-lê. A, B, C, D.
Bắc-kinh (2) là chốn kinh-kỳ (mới cải làm Bắc-bình)
Tỉnh chia mười-tám, Đ thuộc về Trung-hoa. E
Nhật-bản (3) bốn đảo thành ra :
Trường-kỳ G Di-hà H Tứ-quốc I Cửu-châu. K
Đông-kinh (4) đóng chửa bao lâu,
Thuộc-phiên hai nước : Lưu-cầu, Cao-ly. L, M.
Xiêm-la (5) nước ở nam-thủy,
Kinh-thành Bang-cốc (6) gần « Mê-nam-hà ». N
Ba-tỳ (7) là nước Bích-xà,
Tê-lê-ráng (8) là một chốn quốc-kinh.
Việt-Nam (9) là nước Nam mình,
Thuận-Huế (10) kinh-thành, gần với Hương-giang. O
Ai-lao (11) Cam-bốt (12) hai bang,
Đồ chung, Pháp thuộc Đông-dương một hình. P
Diến-điện (13), Mãn-da-lay thành (14),
Tên hiệu rành-rành Anh thuộc Đông-dương. Q
Ấn-độ (15) thuộc hạt Anh 英 吉 利 vương,
Thành Can-qui-tá (16) phố-phường thiếu chi.
A-phú-hãn (17) Bi-lộ-chi (18) :
Một Anh bảo-hộ, một về thuộc-phiên!
Nê-bôn-lặc (19) với Bô-tan (20)
Tiu-tiu hai nước được quyền tự-do.
A-lạp-bá (21) Mạch-nha-đô (22),
Thuộc Thổ 土 耳 其 bản-đồ tứ phía chung quanh.
Đông-Thổ (23) sáu nước hợp thành, R
Da-lô-tán-lãnh (24), già thành rất xưa.
Tây-bắc ba nước thuộc Nga 俄 羅 斯
Tây-vực-hồi-bộ (25) thành là Ta-xi (26),
Tây-bá-lỵ (27) Cô-ca-di (28) :
I-cu-xi (29) với Tiếp-ly (30) hai thành.

1 *Chine*	支 那
2 *Pékin*	北 京
3 *Japon*	日 本
4 *Tokio*	東 京
5 *Siam*	暹 羅
6 *Bangkok*	曼 谷 京
7 *Perse*	波 斯
8 *Téhéran*	德 黑 蘭 京
9 *Annam*	越 南
10 *Huế*	順 化 京
11 *Laos*	哀 牢
— *Louang prabang*	瑪 桑 拉 冰 京
12 *Cambodge*	甘 物 高 盤
— *Phnom penh*	南 桑 京
13 *Birmanie*	緬 甸
14 *Mandalai* (滿 德 雷)	滿 多 來 京
15 *Inde*	印 度
16 *Calcutta*	加 耳 各 落 京
17 *Afghanistan*	阿 富 汗
— *Kaboul*	加 布 勒 京
18 *Bélouchistan*	俱 路 支
— *Kélat*	革 拉 德 京
19 *Népaul*	尼 泡 勒
— *Tatisondon*	大 西 蘇 敢 京
20 *Boutan*	不 丹
— *Tasisoudon*	大 西 蘇 敢 京
21 *Arabie*	亞 拉 伯
22 *la Mecque*	麥 加 京
23 *Turquie d'Asie*	東 土 耳 其
24 *Jérusalem*	耶 路 撒 冷 城
25 *Turkestan*	西 域 回 部
26 *Tachkent*	達 施 干 京
27 *Sibérie*	西 伯 利 亞
28 *Caucasie*	高 加 索 西 亞
29 *Irkoutsk*	耳 古 賓 京
30 *Tiflis*	哈 布 利 斯 京

A (*đất Thanh*) *Mandchourie*	滿 洲
B *Mongolie*	蒙 古
C *Tibet*	西 藏
D *Turkestan oriental*	伊 黎

D. 1 *Pect-chi-li* 直隸省
2 *Chantoung* 山東省
3 *Chansi* 山西省
4 *Chensi* 陝西省
5 *Kansou* 甘肅省
6 *Honam* 河南省
7 *Ngan hoei* 安徽省
8 *Kiang sou* 江蘇省
9 *Tché kiang* 浙江省
10 *Kiang si* 江西省
11 *Houpeh* 湖北省
12 *Hounan* 湖南省
13 *Kou-tchou* 貴州省
14 *Sé-tchouen* 四川省
15 *Yunnam* 雲南省
16 *Kuang Si* 廣西省
17 *Kouang toung* 廣東省
18 *Fou kieu* 福建省
E *Chine proprement dite* 中華
G *Nippon* 長崎島
H *Yéso* 夷蝦島
I *Sikok* 四國島
K *Kiou-siou* 九洲島
L *Kioukiou* 流球國
M *Corée* 高麗國
N *Ménam* 湄南河
O *Rivière de Hué* 香江
P *Indochine Française* 法屬東洋
Q *Indochine anglaise* 英屬東洋
R 1 *Asie mineure* 亞細亞國
2 *Syrie* 叙利亞國
3 *Patestine* 不利斯長國
4 *Arménie* 阿米尼亞國
5 *Méospotamie* 米所波大米國
6 *Babylonie* 巴比倫國

7e

Cù-lao mấy đảm chung quanh :
Hải-nam (1) Hương-cảng (2) Sùng-minh (3) nước Tàu.
Đài-loan (4) thuộc Nhật đã lâu, (Nhật 日本)
Xa-ca (5) hai dãu thuộc Nhật với Nga.
Xây-lăng (6), An-dạm (7) bao xa,
Với Si-bắc-lặc (8) đều là thuộc Anh 英吉利.
Mã-lai-quần-đảo (9) linh-tinh. A
Chiếu theo địa-thế, chia rành làm ba :
Một là quần-đảo Xông-đà (10), B
Hai là Phi-ly (11) 斐利賓 ba là Ti-mô (12),
Ti-mô thuộc Hà 荷蘭 với Bồ 葡萄牙,
Phi-ly vào Mĩ 美國 bản-đồ mới dày.
Xông-đà gồm những đảo nầy :
Xuy-ma-tức-lạt (13) gần rày Ra-va (14).
Bốc-nê (15) Xê-lép (16) Băng-ca (17),
Các đảo đều là thuộc-địa Hà-lan.

1 *Hainan* 海南島
2 *Hongkong* 香港島
3 *Sung minh* 崇明島
4 *Formose* 臺灣島
5 *Sakaline* 車歌連諾島
6 *Ceylan* 錫蘭島
7 *Andaman* 安達曼島
8 *Chypre* 居比路島
9 *Malaisie* 馬來西亞羣島
10 *Sonde (iles de la)* 巽他羣島
11 *Philippines* 非律賓羣島
12 *Timor* 勇廖羣島
13 *Sumatra* 蘇門客拉島
14 *Java* 加拉巴 (爪哇)
15 *Bornéo* 尼島 (婆羅)
16 *Célébès* 西里百島
17 *Banka* 班嘉島

A. — *Từ Mã-lai-quần-đảo trở xuống, có sách cho là thuộc về châu Úc-đại-ly-á.*

B. — *Từ Xông-đà trở xuống vẫn đều thuộc về Hà-lan, trừ ra một hòn Bốc-nê-ô, có một phần thuộc về nước Anh-cát-lợi.*

8e

Núi thời Hi-mã-lạp-sơn (1),
Phía bắc Ấn-độ, cao hơn dưới trời.
Kề một hòn Ái-phất-lôi (2),
Tàm ngàn có mấy trăm mười thước tây.
Thiên-san (3), An-tái (4) hai dãy,
Côn-lôn (5) cũng ở miền tây nước Tàu.
Hưng-an (6) Tràng-bạch 7 đâu đâu,
Cũng thuộc nước Tàu : Mông-cổ, Mãn-Thanh 滿洞,
Trung-hoa, ngũ-nhạc chia ranh :
Thái 泰山 Họa 華山 Hằng 恆山 Hành 衡山 với núi Tung-sơn 嵩山.
Hỏa-sơn 火山 gần sáu mươi hòn.
Trong đó Can-sạ A với miền Ra-va 加拉巴.

1 *Hymalaya*	希瑪拉山
2 *Evrest*	爱佛雷斯特峯
3 *Tienchan*	天山
4 *Altaï*	阿爾泰山
5 *Kouen louen*	崑崙山
6 *Kinggan*	興安嶺
7 *Champaï*	長白山

A — *Kantchaka* (干尼德瑪土股) *(về phía đông nước Tây-bá-ly).*

9°

Các sông đổng-hướng chảy ra,
Dương-tử (1) Hoàng-hà (2) với Hắc-long-giang (3).
Lê-na (4) Y-niết (5) hai luồng,
Với sông Ô-bị (6) Băng-dương (北冰洋) chảy về.
Nhị-hà (7) ra vịnh Bắc-kỳ, A
Mê-kông (8) chảy về, trong bể Chi-na. B
Bá-la-ma-bút (9) chảy ra,
Một nơi vịnh bể, gọi là băng-ga. C
Hằng-hà (10) với Ấn-độ hà (11),
Băng-ga Ô-mãn, chia ra hai đường.
Tê-cách-giang (12) A-phất-giang (13),
Ba-ti-hải-cổ (E) là đường tuôn ra.

1 *Yang tsé kiang*	揚子江
2 *Hoàng hà*	黃河
3 *Amour*	黑龍江
4 *Léna*	雷那
5 *Iénissee*	葉尼塞河
6 *Ob ou ooi*	俄比河
7 *Fleuve rouge*	紅河 (紅河)
8 *Mékong*	湄公河 (九龍江)
9 *Bramapoutre*	雅魯藏布江
10 *Gange*	恆河
11 *Indus*	印度河
12 *Tigre*	第革利斯江
13 *Euphrate*	阿佛拉德江

A *Golfe du Tonkin*	北圻灣
B *Mer de Chine*	支那海 (中國海)
C *Golfe de Bengale*	孟加拉灣
D *Mer d'Annam*	安南海
E *Golfe de Persique*	波斯灣股

10°

Hồ thời bắc có Bái-ca (1), (北方貝伯利)
Kề hồ nước ngọt ấy là lớn hơn.
Ban-cát (2) với bể A-ran (3),
Về miền Tây-vực, hai làn nước to.
Trung-hoa danh tiếng Ngũ-hồ (五湖),
Động-đình (4) với Ba-dương-hồ là hai.

1 *Baïkal*	貝加爾湖
2 *Balkacth*	巴爾喀什湖
3 *Aral*	阿拉海
4 *Toung ting*	洞庭湖
5 *Poyang*	鄱陽湖

11°

Sản-vật đủ lúa, ngô, khoai,
Khoáng-vật cũng đủ, các loài sắt gang.
Ấn-độ, nhiều nhất hồ-lang, A
Ba-ty, thời ngựa, Tây-tàng, bò, trâu.
Xây-lăng 錫蘭 địu, Ba-cô 巴古 dầu, B
Nhật-bản chén bát, nước Tàu tằm-tơ.

A. — *Nước Ấn-độ bị cọp bắt, trong một năm nước độ 1000 người, còn rắn cắn thời độ 2.200 người.*

B. — *Ba-cô là một thành của nước Cô-ca-dê (Caucasie) chỗ ấy có một cái giếng dầu hỏa, và một thứ lửa sáng tứ-thời, nhưng người nước Ba-ty theo hồi-giáo thường hay tới triều bái ở đấy.*

12°

Thông thương mấy chốn phường hoa,
Tây nam, Si-niếc (1) với là A-đen (2).
Chính nam thời có hai miền:
Bông-bái (3) gần hền, với Cô-lôm-bô. (4)
Đông-nam ba chốn đành đua,
Ba-tá-vĩ (5) Xanh-ga-bua, (6) Sai-gòn (7).
Chính đông Đại-bản (8) Hoành-tân (9),
Hồng-công (10) 香港 Thượng-hải (11) Thiên-tân đều là.

1 *Smyche*	土每拿 (屬東土耳其)
2 *Aden*	阿典 (屬亞拉伯)
3 *Bombay*	孟買 (屬印度)
4 *Colombo*	哥倫波 (屬印度)
5 *Batavie*	巴達要亞 (屬加拉巴)
6 *Singapour*	新加波 (屬緬甸)
7 *Saigon*	西貢 (屬越南)
8 *Osaka*	大阪 (屬日本)
9 *Yokohama*	橫濱 (屬日本)
10 *Hongkong*	香港 (屬中華)
11 *Changhaï*	上海 (屬中華)
12 *Tientsin*	天津 (屬中華)

13e

Hỏa-xa bắc có đường Nga (俄羅斯),
Thuộc Tây-bá-lý, 西伯利 rất xa ai bì.
Qua Ôm-xi (1) với Tôm-xi (2),
Ý-cu-xi, (3) Hải-tham-uy (4) một bàng.
Phân-chi về tới nam-phương,
Phụng-thiên, (5) Lã-thuận, (6) tiếp sang đường Tàu.
Thiên-tân, (7) Thượng-hải (8) thông nhau,
Bắc-kinh, Hán-khẩu (9) Quảng-châu (10). một đường.
Đường Pháp 大法 trong hạt Đông-dương,
Nam, bắc, hai đường, sắp sửa liền nhau.
Bắc-kỳ hai chánh qua Tàu :
Một, Vân-nam, với một dầu Quảng-tây.
Phía nam có một đường nầy :
Trung-kỳ một dải, thông ngay Nam-kỳ.
Đường Anh trong Biếc-ma-ni,
Mãn-da-lay (11) về đến hạt Răng-gông (12).
Còn về Ấn-độ bên đông,
Can-qui (13) thông-dồng với Bế-na-rê (14).
Na-rê hai chánh lại chia,
Một, Bông-bái (15) về, Mã-đức-ra-xi (16),
Một, qua nước Bi-lộ-chi, 俾路支
La-hô (17) với Cồ-ra-xi (18) thông dồng.

1	*Orusk*	恩斯革 (屬西域)
2	*Tomsk*	盾斯革 (屬西伯利)
3	*Irkoutsk*	耳古賓 (屬亞拉伯)
4	*Vladuvostok*	海參崴 (屬西伯利)
5		奉天府 (屬滿洲)
6	*Port athur*	旅順 (屬滿洲)
7	*Tientsin*	天津 (屬中華)
8	*Changhaï*	上海 (屬中華)
9	*Hankéou*	漢口 (屬中華)
10	*Canton*	廣洲 (屬中華)
11	*Mandalay*	滿多來京
12	*Rangouan*	郎根 (屬緬甸)
13	*Calcutta*	加爾各客京 (屬印度)
14	*Bénaré*	笨阿勒斯 (屬印度)
15	*Bombay*	孟買 (屬印度)
16	*Madras*	馬德拉斯 (屬印度)
17	*Lahore*	拉加 (屬印度)
18	*Kouratchi*	古達凝 (屬印度)

Âu-la-ba-châu *(Europe)*

14e

Âu-châu, đông giáp Á-đông, 亞洲
Cũng chung Lý-hải, với dòng Ô-giang 烏拉江 (1)
Tây Tây-dương (大西洋) bắc Bắc-dương 北冰洋,
Nam Địa-trung-hải (2) là đường qua Phi 非洲.
Đất vuông mười triệu phương-ky 方箕 (illegible),
Bốn trăm rưởi triệu, dân thì trắng đa
Một loài chia ngoài làm ba,
La-vờ 土史拉扶 (3) Tứ-tốn (條頓) (4) với là La-tinh (5).

1	*Oural*	烏拉阿
2	*Méditerrannée*	地中海
3	*Slave*	史拉扶支
4	*Tanton*	條頓支
5	*Latine*	拉丁支

15e

Hai mươi mốt nước chia rành,
Phú-cường khắp đất, văn-minh rạng trời.
Anh-cát-lý (1) ở một nơi,
Chập chồng ba đảo A về ngoài Tây-dương;
Kinh-thành gần Tá-mi-giang, B
Luân-đôn (2) tên gọi, phố-phường nguy-nga.
Đại-Pháp (3) tức Pha-lang-sa,
Cách Anh, bởi bể Lăng-sở C một bên.
Ba-ri-thành (4), khít sông Sên, D
Tám-mươi-sáu quận, các miền kề chung.
Nga-la-tư (5), ở phía đông,
Phô-lô-nhờ Đ cũng vào vòng ky-mi 機密.
Xanh-bê-tích-bố (6) kinh-kỳ,
Sông, gần Nê-vá E bề, kề Phanh-lăng. G
Đức-quốc 德意國 tức Anh-lạc-mãng (7),
Bá-linh-thành (8) Ba-lê-giang H gần gả. I
Hai-mươi-sáu nộ gần xa,

Thứ nhất tên là nước Phổ-lỗ-ty. I.
Ức-đại-lý, Hung-ga-ly (9),
Xưa kia hai nước, nay thì hợp chung.
Kinh-thành Vạn-quốc hội-đồng,
Viên-nờ (10) là hiệu, khít dòng Da-mi K
Ý-quốc tức Y-ta-ly (11).
Thành Rô-mờ (12), khít sông Ty-bờ-rờ. I.
Giáo-hoàng ở đó từ xưa (教皇 *Pape*),
Bao nhiêu thắng-tích, đến giờ còn bia.
Tây-ban tức Ét-ba-nhờ (13),
Thành Mã-đức-lý (14) Ta-rờ M chảy ngang.
Bồ-đào (15) tức Bốc-tuy-gan,
Thành Ly-bôn (16) cũng đối ngang Ta-rờ.
Thụy-điển (17) tức nước Xuyết-đờ,
Thành Xi-tốc-hỗn (18) bên bờ Ban-ty
(波羅的海).
Na-uy là nước Nõ-ve (19),
Một chốn kinh-kỳ : Ka-rit Chi-na (20).
Đan-mặc (21) tức Đan-nờ-ma,
Thành Cô-băng-hà (22) ở đảo Xơ-băng. O
Hà-lan (23) là nước Hôn-lăng,
Kinh-thành một chốn, gọi rằng Hải-dư (24),
Tì-quốc (25) là Ben-rit-cờ,
Ba-luy-xen-lờ (26) là chốn kinh-đô.
Lặc-quốc là Luật-giam-bô (27),
Tên nước kia với kinh-đô cũng vậy (28).
Xuất-xá (29) dịch gọi Thụy-tây (29),
Bách-nặc (30) thành này gần núi Ruy-ra.P
Lỗ-mã-né (31) tức Ru-ma,
Tên Buy-ca-rét (32), đặt ra kinh-kỳ.
Sắc-phì-á, tức Xéc-bi (33),
Thành Ben-ga (34) khít Da-my 多瑙河
đại-hà.
Bồ-gia-lý, tức Bun-ga (35),
Thành Xô-phì-á (36), ấy là kinh-đô.
Môn-quốc (37) Mông-tê-né-rô,
Xét-ty (38) thành ấy, nhỏ thua dưới trời.
Hi-lạp (39) văn-hiến mọi đời,
Tên là Gờ-réc (39) thành thời Ât-tê (40).
Thổ-nhĩ-kỳ, tức Tuyếc-ky (41),
Quốc-đô Công-xét-tăng-ti, một thành (42).

1	*Britanique*	英吉利
2	*Londres*	倫敦京
3	*France*	大法佛郎西
4	*Paris*	巴黎京
5	*Russie*	俄羅斯
6	*Pt Sélersbourg*	聖彼得堡京
7	*Allemagne*	德意志日耳曼
8	*Berlin*	伯靈京
9	*Autriche Hongrie*	奧大利匈利
10	*Vienne*	維也納京
11	*Italie*	意大利
12	*Rome*	羅馬京
13	*Espagne*	西班牙
14	*Madrid*	馬德里京
15	*Portugal*	葡萄牙
16	*Lisbonne*	利斯本京
17	*Suède*	瑞典
18	*Stockhohn*	斯德賀倫京
19	*Norvège*	挪威
20	*Christiania*	革利斯第阿那
21	*Danémard*	丹墨
22	*Copenhagne*	哥笨哈根京
23	*Hollande*	荷蘭
24	*La-Haye*	拉埃海克京
25	*Belgique*	比利時
26	*Bruxelles*	伯呂色勒京
27	*Luxembourg*	勒克森堡
28	*Luxembourg*	革克澤堡
29	*Suisse*	瑞士 (瑞士)
30	*Berne*	伯諾京
31	*Roumanie*	魯馬尼亞
32	*Bukhorest*	布哥勒斯卑
33	*Serbie*	色斐亞
34	*Belgrade*	巴革拉德京
35	*Bulgarie*	布勒哥利亞
36	*Sofia*	移斐亞京
37	*Monténégro*	門德內革羅
38	*Cettinié*	色典基京
39	*Grèce*	希臘
40	*Athènes*	牙典京
41	*Turquie*	土耳其
42	*Constantinople*	君士但丁京

A 1	*Angleterre*	英蘭島
2	*Ecosse*	蘇格蘭島
3	*Irlande*	哀耳蘭島
B	*Tamise*	遜迷斯江河典斯
C	*Manche*	滿沙海
D	*La Seine*	芭因河
D	*Pologne*	波蘭國
E	*Néva*	尼法河
G	*Golfe de Filande*	芬蘭海股

H *Sprée* 斯伯雷河
I *Prasse* 普魯士國
K *Danube* 多瑙河
L *Tibre* 德斐拉河
M *Tage* 達賀河
N *Baltique* 波羅的海
O *Secdland* 西蘭島
P *Jura* 如拉山

16.

Mấy hòn Hải-đảo gần quanh,
Phương nam có đảo thuộc Anh: Man-tờ (1).
Thuộc Pháp 大法 thời có Coóc xờ (2) A
Thuộc Ban 西班牙 Bá-lệ-a-rờ (3) xa chi.
Thuộc Ý Xác-đại (4) Xi-xi (5),
Thuộc Hy-希臘 Cà-rét (6) với Xi-lạt-dờ (7).
Thuộc Nga, bắc có Đam-lơ (8),
Thuộc Đan 丹麥 Phê-rồ (9) Lăng-đờ (10) phía tây.

1 *Malte* 馬利大島
2 *Corse* 哥西嘉島
3 *Baléares* 巴利亞利島
4 *Sardaigne* 撒爾尼亞島
5 *Sicile* 西西里島
6 *Crète* 革里俠島
7 *Cyclades* 舌革拉瑟斯島
8 *Nouvelle zemble* 伯拉新島
9 *Ferver* 斐爵島
10 *Islande* 伊斯蘭島

A. — *Cóc-xơ (Corse)* là chỗ ông *Nã-phá-luân* 拿破崙 *Napoléon* sinh ra.

17.

Núi thời An-bá, (1) một dãy,
Phía bắc nước Ý, đông tây giăng dài.
Bột-lăng (2) một chóp ngất trời,
Bốn ngàn tây-xích, có ngoài tám trăm.
Bi-rê (3) Pháp-quốc, tây nam,
A-băng, (4) nước Ý 意大利 ấy làm xương lưng.
Xuất-xá, 瑞典 có núi Cơ-lăng (5),
Úc-quốc 澳地利亞 Các-bát (6) An-mang Vọt-rờ (7).
Xia-ra-nê-vát, (8) Ban-nha 西班牙.
Còn Ga-răm-bảng (9) ấy là của Anh 英吉利.
Hỏa-sơn mấy núi thiên-thành,
Gần Náp-lờ-thành, 那波利城 A có núi Vê-duy (10).
Et-na (11) trong đảo Xi-xi 西西里島 B,
Trong It-lăng-đảo, 伊斯蘭島 C một vì Hê-la (12).

1 *Alpes* 哀勒伯山
2 *Mont blanc* 孛郎克山 (白山)
3 *Pyrénées* 北勒尼斯山
4 *Apprennens* 阿米年山
5 *Kiolen* 基額倫山
6 *Karpathes* 喀巴陀山
7 *Vosges* 伐柯入山
8 *Sierra Névada* 些拉內片達山
9 *Grampions* 革蘭片山
10 *Volcan Vésune* 斐蘇斐俄火山
11 *Volcan Etna* 哀德那火山
12 *N. Hékla* 亥革拉火山

A. — *Naple* 那波利(意國).
B. — *Sicile* 西西黑島
C. — *Islande* 伊斯蘭島

18.

Sông thời Lý-hải A chảy ra,
Dài hơn thứ nhất, Vôn-ga (1) một luồng.
Vào miền Hắc-hải, B ba dòng:
Nhiếp-ba, (2) Nhiếp-đức, (3) với luồng Đa-my (4).
Vào Địa-trung-hải C mấy chí:
Rôn-nờ (5) là một, hai thì E-ba (6).
Về tây 大西洋 Ta-rờ (7) Qua-đa (8),
Ga-ron (9) Lễ-á (10) với là La-xen (11).
Vào trong Bắc-hải một miền,
Lơ-ranh (12) Võ-dịch (13) khít liền sông En (14).
Còn Ô-dịch (15) với Việt-tuyên (16),
Nê-mang (17) Độ-nả (18) về miền Ban-ty. 波羅的海 D.
Bắc-dương 北冰洋 hai nhánh chảy về:
Một Đờ-vi-nả (19) một thì Biệt-sô (20).

1 *Volga* 窩瓦河
2 *Dnieper* 孟伯河
3 *Duister* 孟斯德河

4 *Danube*	多瑙河
5 *Rhône*	倫河
6 *Ebre*	哀伯羅河
7 *Tage*	達賀河
8 *Guadiona*	依弼阿那河
9 *Garonne*	嘎倫河
10 *Loire*	羅亞河(勒瓦河)
11 *La Seine*	芭因河
12 *Le Rhin*	來因河
13 *Weser*	偉色河
14 *Ebbe*	哀勒伯河
15 *Oder*	俄德河
16 *Vistule*	愛斯度拉河
17 *Miemen*	尼門河
18 *Duna*	度那河
19 *Dvina*	代那河
20 *Petchora*	倍卓拉河
A *Mer Caspienne*	裏海
B *Mer noire*	黑海
C *Méditerranée*	地中海
D *Mer du Nord*	北海
E *Mer Baltique*	波羅的海

19

Nước Nga, 俄羅斯 rất lớn hai hồ,
Ô-na-ga (1) với La-đô (2) đều là.
Vật-nê (3) về nước Xuất-đờ, 瑞典
Thụy-tây 瑞西國 có Rờ-nê-vờ (4) công-tăng (5).
Bể con 小海 bắc có Bột-lăng (6),
A-do (7) Mạc-mã, (8) thật rằng Đông-nam.

1 *Onégo*	歐尼嘎湖
2 *Ladogo*	拉多嘎湖
3 *Vencrer*	偉納湖
4 *Agenève*	若內弗湖
5 *Constance*	根斯旦斯湖
6 *Mer blanche*	勃郎海(白海)
7 *Mer d'azord*	阿梭弗海
8 *Mer de Marmara*	馬麼拉海

20

Sản-vật Nho 葡萄菓 với quả Bom,
Mỏ than, Cát-lặc 牛嘎斯 A, tơ lằm Ly-ông 利昂 B.
Động-vật có thứ lạ-lùng,
Là Ren dài gạc 長角麋 C với Hùng trắng da. 白熊
Những đồ cơ-xảo làm ra,
Đồng-hồ, máy bát, hỏa-xa khí-cầu.
Gương chiếu ảnh, điện thắp dầu,
Có thuyền bay bổng, có tầu chạy khơi.

A. — *Cát-lặc, Newcasthe 牛嘎斯 là một xứ nước Anh, chỗ ấy nhiều than đá quá, nên phương tây có câu tục-ngữ rằng : Chỗ than về Cát-lặc : là ý nói đã nhiều hãy còn thêm.*

B. — *Ly-ông 利昂 « Lyon » là một thành của nước Pháp.*

C. — *Ren là con thú như con nai, dùng để kéo xe trên băng.*

21

Thông-thương các miệt đông người,
Luôn-đôn (1) thứ nhất, hai thời Ba-ri. (2)
Bá-linh. (3) gần bể Ban-ti, 波羅的海
Đăng-ri (4) Ly-cát (5) xa gì Tích-bô 聖彼得堡京 (6)
Bể bắc E-điền (7) Hàm-bỗ, (8)
Bể Tây-lý-viết (9) Boóc-đô, (10) Măng-tờ 11 (Bể tây 大西洋)
Phía Nam, Bác-xa-lon-nờ, (12)
Mác-xây (13) Nạp-lờ (14) Công-xit-tăng-ti. (15)

1 *Londres*	倫敦(英)
2 *Paris*	巴黎(法)
3 *Berlin*	伯靈(德)
4 *Dauzig*	登司(德)
5 *Riga*	利瓦(俄)
6 *St Pétersbourg*	聖彼得堡(俄)
7 *Edimbourg*	哀典伯(英)
8 *Hambourg*	罕伯(德)
9 *Liverpool*	斐利伯勒(英)
10 *Bordeaux*	波多(法)
11 *Nantes*	能德(法)
12 *Barcelone*	波色羅那(班)
13 *Marseille*	瑪色勒(法)
14 *Naple*	那波利(意)
15 *Constantinople*	君士但丁(土)

22

Hỏa-xa từ đông kể đi,
Từ Tây-bá-lý 西伯利亞 chạy về Mốt-cu. (1)

Bắc lên Xanh-bế-tích-bỏ, (2)
Hai nơi đều tới Vác-xô (3) hai đường.
Bách-linh (4) Bá-lụy (5) lần sang,
Ba-ri (6) một chốn, ba đường chia ra :
Tây-nam, xuống Tây-ban-nha 西班牙,
Qua Năng-tờ (7) với Boóc-đô, 8, hai thành.
Đông-nam về suốt La-tinh, 卽意大利
Qua Ly-ông (9) với Tuy-ranh (10) Rôm-mờ. (11)
Đông về suốt Thổ-nhĩ-cờ 土耳其,
Qua Muy-ních, (12) với Viên-nờ (13) Đa-bê. (14)
Mốt-cu, lại có một chi,
Nam-lương, chạy về Cao-giát-sách-sơn. (15)
Còn đường Anh 英吉利 từ Luân-đôn, (16)
Biếc-manh (17) đến Ly-việt-bôn (18) một đầu.

1 *Moscou* 鳥斯-巧 (俄 都 京)
2 *St Pétersbourg* 聖彼得 (俄 京)
3 *Varsovie* 瓦砂法 (波蘭 京)
4 *Berlin* 伯靈 (德 京)
5 *Bruxelles* 伯若色勒 (北 京)
6 *Paris* 巴黎 (法 京)
7 *Nantes* 能德 (法)
8 *Bordeaux* 巴多 (法)
9 *Lyon* 利昂 (法)
10 *Turin* 度利那 (意)
11 *Rome* 羅馬 (意 京)
12 *Munich* 門很 (德)
13 *Vienne* 維也納 (奧 京)
14 *Budapest* 布達 (奧)
15 *Caucase* 高嘎索山 (高嘎西亞)
16 *Londre* 倫敦 (英)
17 *Birningham* 伯明思 (英)
18 *Liverpool* 利愛布勒

TRẦN MẠNH-ĐÀN

(*Còn nữa*)

QUỐC-HỌC ĐỒ-THƯ-QUÁN THÀNH-LẬP

Đối với các đại-gia trưng-cầu sách-vở

Các nước đông tây đối với học-thuật có lập ra rất nhiều đồ-thư-quán, mục-đích cốt sưu-tập những đồ thư xưa nay của trong nước và của nước ngoài, thu-nhặt lại bày tại một chỗ, một là để làm cái tài-liệu cho quốc-dân kê-cứu học-vấn, hai là để gìn-giữ cho còn ; sự đó chính là cái gốc văn-hóa cái nền văn-học của một nước mà cần phải có.

Nước ta từ xưa đến nay, chưa có một đồ-thư-quán nào, nên những sách-vở, tuy không thiếu gì, có các nhà đại-gia thu-tàng, mà rồi cũng ít có nhà nào giữ còn lại được, vì vậy mà quốc-dân ta ngày nay có muốn xét điển-chương chế-độ nước nhà, không biết tra-khảo vào đâu, chỗ đó các nhà học-giả, rất lấy làm phàn-nàn.

Hơn ba mươi năm trở lại đây, ở Hà-nội có mở ra trường Viễn-đông bác-cổ, kế lại có mở nhà Trung-ương thư-viện, hai chỗ đó, đều là cơ-cuộc của Chính-phủ dựng lên rất có công với nền học-vấn ta.

Nhưng ở Thư-viện chỉ là bày những sách cần-thiết cho học-trò đang đi học xem, không phải đủ các thứ sách kê-cứu, còn trường Bác-cổ từ khi lập ra đến nay tìm mua và thu-trữ các sách kể cũng được nhiều, nhân vì công-việc bề-bộn, không thể công-khai cho công-chúng được vào xem sách, sĩ-phu trong nước, có ai muốn biết điều gì, cũng đành phải chịu bó tay, không biết nhờ đâu mà nghiên-cứu.

Vì mấy cái lẽ đó, chúng tôi mới cùng các đồng-chí trong hội Tri-tri tổ-chức ra một ban văn-học ra sức thu-nhặt sách-vở

dự-bị dựng lên một đồ-thư-quán, tên là « Quốc-học đồ-thư-quán » sắm đủ sách vở để cho mọi người được tùy tiện vào xem, việc đó đại-hội-đồng của bản-hội rất tán-thành, quyết-nghị lấy nhà Hội-quán hội-Tri-tri, tạm làm nơi đồ-thư-quán, để bày sách-vở, cho hội-viên xem, quan nguyên khâm-sứ Tissot là danh-dự hội-trưởng hội Tri-tri, cũng rất tán-thành về công-cuộc đó.

Đồ-thư-quán của chúng tôi bắt đầu từ tháng bảy năm nay, tìm-tòi sách-vở, lần lượt bày trong Hội-quán, đã được các nhà đại-gia lục-tục đem sách đến, hoặc gửi hoặc tặng, xem rất tỏ lòng hoan-nghênh, có lẽ không bao lâu, thì nhà đồ-thư-quán này, sẽ thành một nhà đồ-thư-quán rất to lớn ở trong thành-phố Hà-nội vậy.

Chúng tôi trộm nghĩ rằng: sách-vở của một nước, quốc-dân nên tìm cách duy-trì, để cùng giữ chung, mới mong bảo-tồn được, không phải vậy, thì tuy hết sức muốn giữ lại, nhưng trăm nhà không được một, cái gương đó rõ-ràng ở trước mắt.

Nước Tàu về đời Đường nhà ông Đỗ-La là một nhà tàng-thư có tiếng, ông ghi chữ vào từng quyển sách, để răn con cháu rằng, sau này con cháu cho người mượn sách hay là bán sách, là đứa bất-hiếu.

Về đời Thanh ở Dương-châu có ông Trần Mồ, nhà cũng chứa có nhiều sách, thường khuyên con cháu rằng: « Hễ không bán sách của ta, mới là con cháu tốt của nhà ta». Nhưng sau khi hai ông ấy chết, nấm đất chưa khô, mà những đồ-thư kia đã tản-mác ở dân-gian, không một quyển sách nào còn lại.

Nước ta từ đời Tiền-Lê trở lại đây, không biết bao nhiêu đại-gia chứa nhiều sách-vở, nhưng phần nhiều nhà, chỉ vừa qua một đời, mà những đồ-thư kia đã như khói bay mây tán, không chút di-tích gì còn lại, chỗ đó tưởng cũng là thời-thế khiến vậy, không phải sức người duy-trì lại được.

Bởi vì vận nước đổi thay, cuộc đời dâu bể, hoặc gặp cơn có gia-biến, hoặc gặp bồi có thiên-tai, có khi con cháu muốn giữ lại, nhưng cũng không cách gì mà đành phải chịu vậy.

Xem như chuyện sau này thì đủ biết. Nhà Tiền Khiêm-Ích ở Tàu có tiếng là một nhà tàng-thư lớn nhất ở miền Giang-nam, những nguyên-bản của đời Tống đời Nguyên không đâu tìm có, mà nhà đó thì đủ cả, các nhà văn-học đương-thời, cho là thứ sách quí-báu, ai có khảo gì, phải đến đấy mà xem, họ Tiền dựng lên một cái nhà lầu riêng để chứa sách, tên là Dáng-vân-lâu, nhưng chứa bao lâu thì bị lửa cháy, bao nhiêu sách quí, hóa ra tro tàn. Ấy ở trong một đời người, còn không giữ được, huống-chi nói đến đời con đời cháu. Vậy đủ biết chứa sách để làm của riêng cho một nhà, chi bằng đem ra trần-liệt tại nhà đồ-thư-quán, để công với đời, mà nhờ công-chúng bảo-tồn là hơn.

Các nhà học-giả nước Nhật, nhà nào cũng có nhiều sách-vở, nhưng đến lúc tuổi già, đều đem ra hoặc gửi hoặc tặng cho các nhà đồ-thư-quán, để công với đời, nhờ cái sức của công-chúng mà bảo-tồn, cho nên ở bên Nhật có đồ-thư-quán rất nhiều, một là số đông người có sách-vở, có lòng công-ích, không giữ làm của riêng; hai là do cái cách tổ-chức của các nhà đồ-thư-quán rất là hoàn-toàn, nên khéo duy-trì mà bảo-tồn mãi được.

Nhà đại-văn-học Tàu là Lương Khải-Siêu, lúc tuổi già, ngụ tại đất Thiên-tân, chuyên tâm về việc trứ-thuật, trong nhà có nhiều sách-vở, khi ông mất, di-chúc đem tặng cho Bắc-bình đồ-thư-quán, viên đốc-biện ở đồ-thư-quán đó dựng lên một cái nhà riêng, để bày những đồ-thư của họ Lương tặng cho. Lại gần đây một nhà danh-họa ở Thượng-hải là Cao Kỳ-Phong

mất, cũng di-chúc đem hơn 80 bức họa của mình vẽ và cái nhà lầu tàng-thư là Thiên-phong-lâu, tặng cho Trung-ương chính-phủ.

Hai ông ấy, lúc sinh-bình đối với đường học-thuật nước Tàu, đã có công-lao nhiều, sau khi chết lại đem di-vật tặng cho xã-hội, vận-sự của danh-lưu, thật đủ truyền lại đời đời. Hai ông làm như vậy không những là ích chung cho quốc-dân, mà cũng là khéo tìm cách để bảo-tồn đồ-thư của mình đó.

Quốc-học đồ-thư-quán của chúng tôi tổ-chức ra đây, công-cuộc to-tát, không phải một số ít người có sức làm nổi, nên mong các đại-danh-gia trong nước, một là nghĩ cách giữ sách-vở của nhà mình cho còn, hai là nghĩ đến sự công-ích, gia-tàng có những sách-vở gì, xin đưa ra Quốc-học đồ-thư-quán, chúng tôi sẽ nhận mà bảo-tồn cho. (Đưa sách gửi tại Quốc-học đồ-thư-quán, mà quyền sở-hữu vẫn là của người chủ có sách, khi nào người chủ muốn lấy về mà không để lại Đồ-thư-quán nữa, thì đồ-thư-quán xin y-nguyên trả lại), được như vậy thì những sách-vở gia-tàng của các nhà, đã có thể bảo-tồn mãi, mà Đồ-thư-quán cũng có thể ngày thêm khoáng-trương, thành một cơ-cuộc lớn, do đó lại lập thêm ra nhiều Đồ-thư-quán khác như cách các nước dựng lên Đồ-thư-quán để làm chỗ học-vấn nghiên-cứu cho quốc-dân, may nền văn-học của nước nhà ngày chóng tiến-bộ thêm, ấy là một cái hạnh-phúc to cho học-giới mà chúng tôi cũng cảm-phục vô-cùng!

* *

Phụ-lục cách tổ-chức đại-khái

Quốc-học đồ-thư-quán đặt ra làm ba bộ:

1) Danh-dự bộ-trưởng.

2) Nghiên-cứu bộ-viên.

3) Tán-trợ bộ-viên.

Ngài nào ra giúp việc nghiên-cứu, mà có công-lao to với Quốc-học đồ-thư-quán, thì cử làm nghiên-cứu bộ-viên.

Ngài nào hoặc tặng sách hoặc gửi sách hay là quyên tiền bạc để giúp Đồ-thư-quán, thì cử làm tán-trợ bộ-viên.

Ngài nào được toàn-thể bộ-viên đặc-biệt kính-phục, thì tặng chức danh-dự bộ-trưởng.

Về mọi việc của Đồ-thư-quán hiện đương tiến-hành.

1) Vì công-chúng thu nhặt những tài-liệu có ích, để lấy tài liệu đó soạn ra các thứ giáo-khoa, biên-tập các thứ tự-điển.

2) Bảo-tồn các sách-vở, giữ sách-vở của các đại-gia gởi tặng, hay là gởi giữ, bày ở Đồ-thư-quán công-khai cho công-chúng xem, như cách-thức tổ-chức Đồ-thư-quán ở các nước.

Đây là tóm thuật cái đại-khái, còn thì đã đủ ở trong chương-trình.

QUỐC-HỌC ĐỒ-THƯ-QUÁN

Cẩn khải

Phê-bình sách Hán-Việt thành-ngữ của ông Bửu Cân

Trên quả địa-cầu này, trừ ra các loài người còn dã-man không kể, còn thời bất-cứ một dân-tộc nào, một nước nào, đã có một thứ tiếng, phải có một thứ chữ, đã có một thứ chữ, phải có một thứ sách; chữ là để viết lại cái tiếng, sách là để học cái chữ. Sách là để mà học chữ, thời các bạng sách tự-vị, từ-điển là cần hơn cả, nghĩa là phải có những sách đó thời người ta mới có thể tìm chữ tra chữ được.

Nước ta tuy là một dân-tộc lớn ở cõi Á-đông, khai-hóa đã lâu, văn-minh có sớm, mà trước vẫn không có chữ riêng, ngày xưa mượn chữ Trung-quốc, ngày nay mượn chữ La-mã, chữ này nay quen dùng gọi là chữ Quốc-ngữ; vậy kể là có chữ cũng được, nhưng tuy có chữ mà chưa có sách-vở mấy, đến như các sách tự-vị, từ-điển, thời còn thiếu nhiều lắm. Tuy nhờ các Cố, các Cha, những thứ sách đó cũng có được năm ba quyển, nhưng cuộc đời càng ngày càng tiến-bộ, văn-học càng ngày càng mở-mang, nên quốc-văn ta trong hai ba mươi năm nay thêm nhiều chữ lắm, vậy phải có sách chép thêm các hạng chữ ấy thời mới đủ và mới có thể tra-cứu được.

Vì xưa ta chưa có chữ nên phải mượn chữ Hán, thành-thử đến bây giờ, trong quốc-âm ta phần nhiều là chữ Hán; các văn-sĩ xưa nay, vì học chữ Hán nên lúc nói hoặc lúc viết ra, thường quen dùng chữ Hán, các thành-ngữ, các điển-tích, đều mượn ở chữ Hán cả. Bây giờ vì thời-thế biến-thiên, Hán-học càng ngày càng kém, các bậc thiếu-niên học-sinh, khi nghe hoặc khi đọc Quốc-văn thấy trong quốc-văn nhiều chữ Hán, lắm khi như điếc như mù, chữ đọc ra mà nghĩa chẳng hiểu, nghĩ cũng buồn cười, mà cũng đáng thương thay; Than ôi! Hai-mươi kỷ cạnh-tranh đến thế, gió Á mưa Âu; bốn ngàn năm văn-hiến thua chi, con Rồng châu Lạc. Rừng nho tan-tác, cây ba ai kẻ vun trồng; bể học mênh-mang, bờ bến biết đâu tìm kiếm; thế thời chẳng những là một điều sỉ cho quốc-văn ta, mà cũng là một cái nhục cho dân-tộc ta và cho cả nước ta vậy.

Trời còn phúc đến tư-văn, giống rồng tiên không bao giờ hết nòi văn-học, nên mới đây tôi đã được thấy bộ sách *Hán-Việt Từ-điển* của ông Đào Duy-Anh xuất-hiện, thời giống như giữa cõi quốc-văn tối tăm mờ-mịt này, đã được thấy một cái tia sáng lờ-mờ; nay lại được thấy quyển *Hán-Việt thành-ngữ* của ông Bửu Cân ra đời làm cho cái tia sáng ấy lại được thêm phần chói-lọi.

Quyển sách *Hán-Việt thành-ngữ* này thật là một quyển sách có ích lắm. Sách chép hơn một vạn ba nghìn chữ thông-dụng, thường dùng, các thành-ngữ ấy đều có chữ Hán một bên, tiện cho người muốn biết thêm học thêm chữ Hán, thành-ngữ nào cũng giải-nghĩa bằng Pháp-văn, tiện cho kẻ túc-nho muốn thông thêm Pháp-văn, mỗi thành-ngữ lại dẫn một câu thí-dụ bằng quốc-văn, để cho người ta hiểu rõ nghĩa chữ và biết cách dùng chữ.

Tức như những câu này:

Quốc-ngữ: « Hán-học là gốc luân-lý xã-hội ta, quốc-ngữ là quốc-văn của dân ta ngày nay. » Phạm-Quỳnh

Hán-ngữ: « Phải biết rằng Hán-ngữ đã hòa lẫn vào làm tiếng của các ngôn-ngữ Đông-phương lâu rồi. »

Nguyễn Trọng-Thuật

Hán-văn: « Bất-cứ lời ca-dao gì, cũng hơi có bản-văn mới nghe được. »

Tiêu Cao

Tấn-hóa: « Gặp buổi đương tấn-hóa này, ta là người An-Nam mà ta không

tinh-tường tiếng An-Nam, thì chả nên tiếc cho ta lắm ru. »

Nguyễn Văn-Ngọc

Văn-chương : « Văn-chương không phải gọt từng chữ, luyện từng câu mà hay ».

Phan Kế-Bính

Học-thức : « Học-thức rộng thì văn dễ viết hay ». Nguyễn Bá-Học

Trước-thuật : « Mong các nhà trước-thuật nước ta, ra công gắng sức làm ra các sách mới có ích cho quốc-dân ».

Dương Quảng-Hàm

Đây là tôi lấy ít câu trong sách đó, mà cống-hiến cho bà con xem, thời biết tác-giả thật lắm công-phu. Thật là tác-giả đã ngồi mà cân-nhắc từng câu từng chữ, cho vừa đủ ý đủ nghĩa, theo thế theo thời. Trong sách còn biết bao là ý tốt câu hay, nói sao xiết được

Vả chăng ta là người Á-châu, đã lâu đời theo về Hán-học, nên về đường luân-lý, cũng cùng với Trung-hoa một gốc. Vậy nên muốn bảo-tồn luân-lý, phải biết các thành-ngữ trong sách này. Tam-cương ngũ-thường, trong sách này có đủ, lại mỗi chữ có một câu thí-dụ giống như câu cách-ngôn, người kiếm chữ tìm thấy cũng vui, mà kẻ tra chữ biết thêm cũng qui. Văn-chương thiết-yếu, nghĩa-lý phân-minh, nhân-tâm, thế-đạo đọc sách này lắm câu bổ-ích, thật là « khúc nhà tay lựa nên xoang, lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu ».

Tuy tôi chưa dám chắc rằng quyển sách này đã là toàn-bích, nhưng đem đặt vào trong trường quốc-văn ta, thời dẫu cho là một cái chuông đánh thức, một cây đèn đem đường, cũng không phải là quá-đáng vậy.

Anh em ta ai là người có chút nhiệt-thành, có chút huyết-tính, thương đến cảnh-tình nòi-giống, nghĩ đến vận-mệnh nước nhà, đem tấm lòng chăm lo bồi-bổ cho quốc-văn ta, một ngày một thêm tinh-thần, một ngày một thêm tài-liệu, thời qui-hóa biết là bao nhiêu. Tôi ước-ao sao anh em học-sinh ta, ai cũng có được một quyển sách này ở nơi tuyết-ấn, huỳnh-song, để lúc có nghe, có thấy chữ gì tiếng gì không hiểu, hoặc muốn dùng chữ gì, mà nghĩa chưa chắc, hay là ưng câu văn linh-hoạt tao-nhã, thời sẽ có chỗ mà tra-cứu, khỏi đến nỗi túng rối hoặc dùng nghĩa sai lầm.

Mong sao tai mắt một ngày một sáng sủa, trí-tuệ một ngày một mở-mang, đường văn-minh thẳng bước dò theo. cơn túy-mộng giật hồn tỉnh-dị ; vườn nghệ-uyển cỏ cây tươi-tốt, sánh phong-quang cùng bốn bể năm châu ; trường văn-đàn chuông trống xôn-xao, nối khúc điệu lại ngàn thu muôn kiếp. Thế thời chẳng những là một cái hạnh-phúc cho quốc văn ta mà cũng là một cái hạnh-phúc cho dân ta và cho cả nước ta vậy.

Mấy lời thô-bỉ, kính-cáo đồng-nhân.

CẨM-GIANG

TÌNH HẢI TỪ-HÀNG

(Sự kinh-nghiệm về chữ tình của hạng con trai)

II

Chàng Phương Quán-Ngô

Chàng Quán - Ngô họ Phương là người danh sĩ đất Duy-dương, lối-lạc phong-lưu, phóng-đãng chẳng giữ gìn, hay chơi những thói tìm hoa hỏi nguyệt. Nhưng vì cớ người xấu chẳng được đẹp trai, bọn môi son má phấn họ thường chẳng ưa. Chàng ta hết sức chải-chuốt trang-sức, áo quần tất cầu được bảnh bao, giầy mũ tất cầu cho hợp thức. Thậm-chí những đồ khăn mặt lược đầu là đồ nhỏ-nhặt, cũng tất trang-sức cho đẹp. Phàm những phẩm-vật của cửa hàng trang-sức họ bán, dầu bao nhiêu tiền cũng mua lấy cho được. Hàng ngày hàng năm phí-tổn không biết bao nhiêu, mà rút lại vẫn không đổi được cái xấu. Quán-Ngô hàng ngày trang-sức xong, thường minh lại ngầm minh, tự cho là tận-mĩ tận-thiện, không còn thiếu vẻ gì nữa. Song vẫn không được bọn phụ-nữ hoan-nghênh, thường lấy làm căm-giận. Người bạn là Thương Hải-Sinh thấy thế cười rằng :

— Bác thực ngu lắm ! Bác chỉ hàng ngày làm việc trang-sức để cầu bọn phụ-nữ họ thương-yêu, đã xấu thì làm ra tốt thế nào được, lòng bác nghĩ thế, vô-luận rằng có được như ý hay không, vì dù có kẻ phụ-nữ nào cho bác là đẹp mà yêu bác, thân bác chăng nữa, song những hạng người say mê về sự đẹp ấy, chửa chắc đã là tình. Nhất-đán cái đẹp của bác kém đi, thì những hạng phụ-nữ ấy tất giở mặt tìm đi. Dù chẳng thế, họ thấy người nào trang-sức hơn bác, hay là đẹp-đẽ hơn bác, chắc họ sinh lòng thăm vấn bán thuyền, có mới nới cũ ngay, thôi thôi, bác chừa đi thôi.

Quán-Ngô mới tỉnh-ngộ, từ đấy phát-phẫn chăm học, thỉnh-thoảng theo đội nghề trứ-thuật, dần thấy ý-tưởng cao-siêu, chẳng khác gì con gà kia một tiếng gáy đã kinh động tai người. Chàng lại hay sao-lục về tái-liệu tiểu-thuyết, thuyết tân thuyết cựu đều dồi-dào. Mỗi cuốn văn ra đời, văn-bút nhã-khiết, rất được người đời thưởng-thức tán khen.

Có người con gái trong đồng-ấp họ Hà tên là Nhã-Vân, thấy văn-chương chàng để lòng yêu-mến, khao-khát muốn được trông thấy người, liền đưa danh-thiếp xin tiếp-kiến chàng, tình-nguyện làm hàng đệ-tử.

Quán-Ngô từ-tạ rằng :

— Nếu cô yêu đến tài tôi mà muốn mượn tôi làm đá để mài rũa ngọc, thì tôi cũng xin chịu trách-nhiệm không dám từ, chứ lễ thầy trò thì tôi không dám. Tôi tuổi chửa già, làm bậc đàn anh người cũng còn chửa dám, nữa là làm bậc thầy người.

Từ đấy Quán-Ngô đối với Nhã-Vân tỏ ra nghĩa ích-hữu, hết lòng chỉ bảo. Nhã-Vân cũng là người thông-tuệ, được có người chỉ-điểm, khác nào như xuân - phong hóa - vũ, tiến - bộ càng nhanh, so vào trong thi-xã, Nhã-Vân cũng ngõ-hầu là một tay nhả ngọc phun châu. Nhã-Vân đối với Quán-Ngô rất lấy làm cảm-bội, tấm lòng khuynh-hướng thỉnh-thoảng cũng thổ-lộ ra ít nhiều, mà Quán-Ngô đối với Nhã-Vân cũng tỏ ý kính mến. Song hai người đều

lấy lễ-phép giữ-gìn, nhất-ngôn nhất-động đều hiểu ý nhau bằng một cách vô-hình, chưa từng dám có một sự gì là ra ngoài khuôn lễ-phép.

Quán-Ngô ngày thường ngẫm-nghĩ, cho rằng kẻ khác ghét bỏ ta, một Nhã-Vân yêu mến ta, kẻ ghét bỏ ta là ghét bỏ cái sắc của ta, đó là những hạng say người về sắc, đúng như lời Thương Hải-Sinh chẳng sai. Nhã-Vân chú-ý yêu kẻ có tài, chẳng cho ta là kẻ xấu mà ghét bỏ ta, điều đó thực đáng cảm-khích. Sẽ hay người tri-kỷ với ta ở trên đời chỉ có Nhã-Vân mà thôi.

Sau có người bạn muốn loát-hợp cho hai người mới hỏi thử Quán-Ngô rằng :

— Người con gái họ Lục kia, tài sắc gồm đủ, bác ưng-ý không ?

Quán-Ngô đáp :

— Lòng tôi chẳng ở người ấy.

— Thế người con gái họ Trương kia, tài-đức gồm đủ, bác ưng-ý không ?

— Không, lòng tôi chẳng ở người ấy.

Người bạn mới hỏi ý riêng Quán-Ngô đối với sự hôn-nhân thế nào, Quán-Ngô mỉm cười nói rằng :

— Điều đó chẳng đợi phải hỏi, Quán-Ngô ngày nay không phải là Quán-Ngô ngày trước, song cứ lấy ý riêng của tôi sở kinh-mộ bấy lâu thì trừ Nhã-Vân ra, không có người thứ hai nữa.

Người bạn nói :

— Như vậy thì tâm sự bác tưởng đã khá rõ rồi, bác hẳn ưng-ý người họ Hà kia đấy chăng ? Người họ Hà kia sắc đẹp hơn người, kiều-diễm yểu điệu, người nào lại hơn người ấy. Bác đã chung-tình với người ấy, thế nào coi kẻ hồng-nhan khác như bùn đất vậy.

Quán-Ngô vội-vàng gạt đi, nói rằng :

— Bác đừng nói thế, người ấy lấy tài yêu ta, ta cũng yêu tài người ấy. Ngoài chữ tài ra, dám có lòng nào đó thay ! Nếu chẳng thế thì Quán-Ngô này hợ-lá Phương, mà lại bất-phương bất-chính vậy.

Người bạn nói :

— Thế là bác chí-tình đấy, giấu đầu hở đuôi, hà-tất bác phải giấu. Tuy vậy lũ chúng ta chính là lũ chung-tình, người chẳng phải loài mộc-thạch, sao được vô-tình, hà tất phải giấu chữ tình. Tôi với bác là nghĩa thâm-giao, tôi tất vì bác loát-thành hảo-sự.

Người bạn liền đi đến nhà họ Hà, nói sự loát-hợp cho hai người. Ông họ Hà cũng vốn kính tài Quán-Ngô, tức-khắc nghe theo, không lời gì ngang trái, chọn ngày làm lễ thành-hôn, hai người tự đó nguồn ân bể ái, càng dài càng sâu.

Chàng Trương Khả-Thành

Người Hán-khẩu là Trương Khả-Thành, hình-dung đẹp mà có tài. Chàng nguyên là người Chân-nam, vì cha là Huệ-Chiêm đi lại buôn-bán ở miền Tràng-giang, cả nhà mới dời lên ở Hán-khẩu. Huệ-Chiêm hiếm-hoi mãi, đến tuổi già mới sinh ra được Khả-Thành, rất là yêu giấu. Khả-Thành rất thông tuệ, từ thuở mới ấm ngửa đã biết yêu cha mẹ, hễ ai chê cười đến cha mẹ tức-khắc òa lên khóc.

Huệ-Chiêm rất lấy làm vui, từng nói rằng :

— Thằng bé này có khí-độ hơn người đâu, lúc bé đã khôn, lúc lớn khá biết. Biết đâu chẳng phải là giống kỳ-lân ở trên trời sa xuống nhân gian, sau này hiển-trứ được môn-phong nhà ta, tất-nhiên thằng bé này vậy.

Kịp Khả-Thành nói đã sõi, người cha mới đón thầy dạy Khả-Thành học, đọc sách tứ-thư ngũ-kinh, hình như có thiên-tài biết sẵn, lầu-lầu trên miệng, chẳng lầm chữ nào. Người cha càng lấy làm mừng. Thầy học cũng vui, thường nói rằng : « Sau này truyền được đạo ta, tất gã này vậy. »

Khả-Thành học tứ-thư ngũ-kinh, mười lăm tuổi đã khắp, mới chuyển vào học ở học-hiệu, chẳng đầy một năm đã tốt-nghiệp tiểu-học, rồi lại tiến lên trung-học, học càng siêng-chăm, cái tập-khí phóng-đãng của bọn học-sinh buổi tân-thời chẳng nhiễm chút nào. Ai nấy đều kính-trọng Khả-Thành. Vì trường Khả-Thành là trường con gái, các nữ-học-sinh hàng ngày ra vào phấp-phới tất đi qua, anh nào anh ấy đều có ý đợi chờ để ngắm trông cái sắc đẹp, dường như chẳng phải ăn mà no. Duy có Khả-Thành chỉ nghiên-tâm học-nghiệp, gác bỏ ở ngoài mắt, chẳng thèm đoái đến.

Một hôm ngẫu-nhiên trông thấy một nữ-sinh đi qua trước mặt chàng, vẻ người đẹp như hoa đào hoa lý, mà nét mặt nghiêm tựa chất băng chất sương. Chàng khi ấy khón cầm được cái lòng kính-mến, đưa mắt trông theo, hoảng-hốt dường như chẳng biết có mình nữa, đứng ngây ở trước cửa sổ, ngơ-ngẩn một hồi lâu. Một hôm chủ-nhật chàng đến thăm một người bạn đồng-học là Triệu sinh, thì chàng giật mình trông thấy vị nữ-lang gặp hôm nọ cũng có mặt ở đấy. Chàng khéo hỏi Triệu-sinh. Triệu-sinh đáp :

— Đấy là em gái tôi, tiểu-tự Vân-Miến, hiện đương học ở trường Huệ-dương nữ-học.

Triệu-sinh lấy tình bạn thân liền đem tính-danh Khả-Thành giới-thiệu cho Vân-Miến biết. Vân-Miến tỏ ra nét mặt thẹn-thùng, chỉ gật đầu một cái làm lễ chào mà thôi. Khả-Thành cũng ngồi im lặng chẳng dám nói câu gì, rồi cùng với Triệu-sinh bước ra ngoài đi chơi. Rồi từ đấy trở đi, Khả-Thành đối với Vân-Miến cái lòng kính-mộ lại càng thiết tâm, hễ hơi có thì-khắc nhàn-rỗi, là tức-khắc đến nhà Triệu-sinh, để được trông thấy Vân-Miến, dường như có được thế mới thỏa tấm lòng. Khả-Thành tự mình cũng không biết rằng mình sao lại như thế. Cho hay người quân-tử cũng không khỏi được ba chữ « phát hồ tình ». duy người quân-tử chỉ khác người về chữ « chỉ hồ lễ-nghĩa ».

Khả-Thành cùng với Vân-Miến đã thường được tiếp mặt nhau, sự đàm-luận trước cận thiền sau càng ngày càng thâm, hoặc nghiên về văn-chương, hoặc cứu về nghĩa-lý. Duy khi nào gặp Triệu-sinh không ở nhà, thì Khả-Thành tức-khắc cáo lui, hai người chưa từng vâng mặt Triệu-sinh mà đàm-đạo với nhau bao giờ.

Triệu-sinh có người mẹ cũng rất kính-trọng Khả-Thành, biết Khả-Thành là người đứng mực, tuy niên-thiếu mà như bậc lão-thành, một lời nói một tiếng cười không cẩu-thả, cho nên cũng không cấm Vân-Miến cùng Khả-Thành trò-truyện.

Cách ba năm, Khả-Thành học trường Trung học đã tốt-nghiệp, Vân-Miến cũng vừa tốt-nghiệp trường Huệ-dương. Tứ-phương nghe tiếng Vân-Miến mới đỗ, kẻ ấy kẻ khác nối gót nhau đến cầu-hôn. Khi ấy có một chàng họ Sử, dung-mạo đã đẹp, tài cũng chẳng kém người cho lắm, mà nhà lại rất giàu. Người mẹ Vân-Miến bằng lòng toan hứa gả, bàn với Triệu-sinh, Triệu-sinh cũng lấy làm phải. Kịp hỏi Vân-Miến thì Vân-Miến một mình chẳng thuận, nói rằng :

— Con xem tính-tình phẩm-hạnh anh Khả-Thành có thể thác-thân được, đến như cầu ở người khác, nếu chẳng biết được tính hạnh thuở bình nhật thế nào mà cứ nhắm mắt gả liều; thì sao biết rõ được là người lương-thiện. Vợ chồng lấy nhau cốt ở cái đức, đến như môn-hộ giàu nghèo không hề xá kể.

Người mẹ cũng cho lời Vân-Miến là phải, nhưng lại nói rằng :

— Con thật là si-tâm, sợ rằng Khả-Thành anh ta đã có vợ rồi, chẳng đợi con đâu.

Vân-Miến thưa rằng :

— Xin hẳng để ý mà xét hỏi cho đến nơi.

Khi đó cũng đã có kẻ làm khách băng-nhân cho Khả-Thành, kén được người con gái họ Lý, nhà đã phong-phú, tài cũng linh-lợi, nhan-sắc lại càng xinh-đẹp. Cha chàng là Huệ-Chiêm toan bằng lòng, hỏi ý người mẹ, người mẹ cũng lấy làm phải. Kịp hỏi Khả-Thành thì Khả-Thành thưa rằng :

— Con dùng làm gì người con gái nhà giàu ấy, cha mẹ muốn dựng vợ cho con, phi Vân Miến họ Triệu thì tưởng chẳng nên. Vân-Miến có đức có tài và cũng có sắc, con kính-phục đã lâu, nếu muốn kén vợ thì chẳng ai hơn người ấy. Nếu bỏ người ấy, con đành chẳng lấy ai.

Huệ-Chiêm cười hỏi rằng :

— Con đã có ước-nguyện gì với người ấy chăng ?

Khả-Thành thưa :

— Con quen thân người ấy đã lâu. Trong sự hàng ngày lai-vãng tuy không phải là còn sơ, nhưng đều theo trong khuôn lễ-nghĩa, có bàn thì bàn đạo-đức, có nói thì nói học-thuật, trên miệng chưa từng nói ra những điều vô-lễ, lại còn dám đâu có ước-nguyện gì. Duy trong tâm thì yên-trí rằng sau này lấy vợ tất lấy Vân-Miến, tự con cũng không biết rằng sao con lại như thế.

Huệ-Chiêm nói :

— Vì khiến người ấy, đã có chồng rồi thì con làm thế nào ?

Khả-Thành đáp :

— Vạn-nhất sơn-cùng thủy-tận, sự-thế đảo-đầu, cực-chẳng-đã cũng phải đoạn-tuyệt ý-trung nhân, nhưng ngày nay sao nỡ vội đoạn-tuyệt.

Huệ-Chiêm chẳng nỡ trái ý con bèn tức-khắc nhờ mối sang nhà họ Triệu cầu-hôn. Người mẹ Vân-Miến cũng sẵn lòng biết Vân Miến để ý đến Khả-Thành, tức-khắc nhận lời gả. Từ đấy cưỡi rồng sánh phượng, hai người đều đã phỉ-nguyện đẹp duyên.

Vân-Miến cười bảo Khả-Thành rằng :

— Thiếp quí đức chàng, nên thiếp lấy chàng.

Khả-Thành cũng nói rằng :

— Tôi cũng chỉ trọng nàng về cái đức.

Cho hay trong đạo vợ-chồng biết lấy đức-hạnh tương-hợp mới có thể giai-lão bách-niên, về sau sẽ khỏi sinh ra sự chếch-mác. Kia những kẻ kết-hợp nhau về cái sắc, tuy chàng chàng thiếp thiếp trong một thời-gian, hận rằng chẳng đúc hai người làm một, về sau hoặc có điều chếch-mác sinh ra, bé thì cãi-cọ, lớn thì li-dị. Than ôi ! kẻ chung-tình ở đời, chỉ nên kết-hợp nhau bằng chữ đức là hơn.

. . .

Chàng Vương Thiệu-Đường

Chàng là người Vũ-xương, buôn-bán ở đất Hồ, nhân lập quê ở đấy. Vợ chàng rất xấu, nhưng Thiệu-Đường rất yêu-quí, chẳng lấy xấu làm hiềm. Vì cớ ấy vợ chồng hòa-hảo, không điều gì ngang trái nhau. Có người hỏi :

— Người ta yêu vợ đẹp, bác lại yêu vợ xấu, vì cớ sao ?

Thiệu-Đường mỉm cười đáp rằng :

— Phàm hạng phụ-nữ, những người hơn về bề sắc, phần nhiều cậy có sắc mà kém về bề đức, những người kém về bề sắc phần nhiều biết tu đức mà không dám cậy sắc. Song-le thấy người đẹp thì yêu-mến, thấy người xấu thì ghét bỏ, đó là cái thói đời. Nay người đời yêu-mến thì tôi ghét bỏ, người đời ghét bỏ thì tôi yêu-mến, không phải là dám trái-ngược thói đời, chẳng qua là hợp với câu «nhân-khí ngã-thủ» mà thôi. Duy

phải biết rằng lấy vợ vốn để chủ-trương việc nội-trợ và để nối-dõi sự tông-đường, phi người vợ đức-tính ưu-lương, chẳng đủ chủ-trương nội-trợ, phi người vợ thể-lực cường tráng chẳng đủ nối-dõi tông-đường, xấu với đẹp có hỏi chi, chỉ nên hỏi về đức mà thôi. Người vợ không đức, dẫu đẹp cũng đáng khinh; người vợ có đức, dẫu xấu há chẳng đáng qui.

Người bạn nghe nói, cho là một lời cảnh-tỉnh cho đời mà khen rằng:

— Lời bác thực là lời kinh-nghiệm, khiến người tư-tưởng một cách sâu-xa, ngày nay phong-tục dâm đãng, bọn thiếu-niên nam-nữ, chẳng biết chú-ý về học-lực, trúng lầm bả độc tự-do, giải thích càn nghĩa ái-luyến, chỉ làm ra những thói xấu trong Bộc trên dâu. Những hạng người đẹp kia, đẹp về sắc chứa tất đã đẹp về tâm, biết đâu chẳng bằng người xấu họ lại giữ được cái đức thuần-túy trong gia-môn, chính-chuyên trong khuê-các vậy.

Trước kia Thiệu-Đường có một người bạn gái là Lục Thụy-Châu, hai tình đằm-thắm, xiết bao ân-ái, ba sinh ước-nguyện, gắn bó trăm năm, rồi Thụy-Châu lại chuyển ái-tình với người khác, bỏ Thiệu-Đường chẳng đoái đến nữa. Thiệu-Đường rất lấy làm đau-đớn thường than rằng: « Kẻ kia sắc đẹp mà tình chẳng chuyên, biết sớm nỗi đơn sai như ngày nay, hà-tất sự thề-nguyền ở ngày trước, lòng ta sám-hối lầm vậy ». Từ đấy trông thấy hạng phụ-nữ, dù nghiêng thành nghiêng nước thế nào mặc lòng, chẳng tức-khắc ngoảnh mặt đi mà nói rằng: « Ấy là hạng sớm đào tối mận, chẳng đủ thân yêu ».

Đến hơn một năm, tình xưa chuyện cũ đã quên cả đi rồi, không tưởng gì kết bạn với hạng phụ-nữ nữa. Một hôm đêm khuya, chàng đi về nhà chợt thấy một người đứng khóc ở bên đường, chàng lại gần thì là một nữ-lang, chàng hỏi cớ sao đêm khuya thân gái lại đứng đây mà khóc, thì nữ-lang đáp rằng:

— Vì tôi theo mẹ tôi đi xem diễn-kịch, lúc kịch tan trở ra, đông người lộn-loạn, nên mẹ con lạc nhau, mà tôi chẳng biết đường về cho nên lo sợ mà khóc.

Thiệu-Đường để lòng thương xót, nhân nghĩ bụng rằng người ấy bơ-vơ thế này, nếu gặp kẻ hung-bạo thì tất nguy, canh khuya dặm trường, thân người con gái sao thể kham được. Mới bảo người nữ-lang rằng:

— Hàn-xá gần đây, xin mời cô hãy về tạm nghỉ.

Người nữ-lang nhận lời theo chàng về. Về đến nhà người mẹ chàng khen chàng biết làm việc nghĩa, biết thương người, mới dọn giường cho người con gái nghỉ và thổi cơm cho ăn. Người nữ-lang khóc sụt-sùi chẳng chịu ăn, bà cụ phải dịu lời yên-ủi, nhân hỏi đến gia-thế, người nữ-lang vừa khóc vừa đáp, mới biết rằng họ là Chu tên là Uyển-Phân, người thôn ven núi Hồ-khâu. Cha mẹ còn cả, nhà cửa hòa vui, vốn là con gái thủ quê, nay theo mẹ lên đất Hồ, nhân giữa đường lạc nhau. Bà cụ khôn xiết vì thở-than, nhân hỏi lên thành Hồ này trọ ở nơi nao, thì người nữ-lang ù-mờ không biết. Bà cụ nói rằng:

— Thương thay! Tuy vậy chỉ khóc cũng không ích gì, hãy cứ ăn cơm, sáng mai ta sẽ bảo con ta đi hỏi thăm đến chỗ nhà trọ, trời mà chẳng ghét người, hoặc cũng hỏi được đến nơi.

Người nữ-lang mới dần dần nguôi khóc, dần dần tiến ăn. Sáng mai Thiệu-Đường trở dậy sớm, vì người nữ-lang đi hỏi chỗ người mẹ nàng ở, nhưng cũng bâng-khuâng chang biết tìm phương-pháp nào mà hỏi chỉ ngao-ngán đi ở trên đường, người trên đường đều tấp-nập đi lại như thường, đã không thể hết thảy hỏi được từng

người, lại không nghe có tiếng xôn-xao mất con gái lọt vào tai, suốt ngày chẳng được sự gì, rồi phải đành bỏ mà về. Trải qua một tháng, vắng lặng không thấy tin-tức gì, Thiệu-Đường rất lấy làm bàng-hoàng và hồ-thẹn. Người nữ-lang vì ở trong nhà Thiệu-Đường đã lâu, cũng chút yên tâm.

Người nữ-lang tiểu-tự là Uyển-Phân, tức như trên kia đã kể. Uyển-Phân dung-mạo rất xấu, người thấp mà nước da đen, tóc quăn mà lông mày nhạt, duy đôi con mắt thì quang-thái phân-minh, tỏ ra một cách thành-thực bình-chính, mà tính-nết thì siêng chăm khác thường, ở nhà Thiệu-Đường tức-khắc vì mẹ Thiệu-Đường đỡ-đần mọi việc, tề-chỉnh đâu ra đấy, mẹ Thiệu-Đường nức-nở đoái khen. Uyển-Phân tuy hàng ngày thương nhớ cha mẹ, nhưng vì ở nhà Thiệu-Đường lâu ngày, coi mẹ Thiệu-Đường cũng như mẹ, coi Thiệu-Đường cũng như anh. Người mẹ Thiệu-Đường nhờ có Uyển-Phân giúp việc nhà, không thời-khắc nào có thể dời Uyển-Phân ra được, nhân bảo Thiệu-Đường rằng :

— Uyển-Phân thực là người thục-nữ, con nên lấy người ấy làm vợ, chẳng lấy người ấy thì lấy người nào.

Thiệu-Đường nói rằng :

— Cứu người trong cơn hoạn-nạn mà lại manh-tâm lấy làm vợ, sợ thức giả người ta chê cười thì làm thế nào?

Thiệu-Đường vẫn từ-chối không chịu cầu-thả.

Uyển-Phân ở nhà Thiệu-Đường đã hơn một năm, chợt một hôm đi với mẹ Thiệu-Đường ra ngoài, đang đi ở giữa đường, chợt có một người kêu lên rằng : « Con gái tôi đây ! » Uyển-Phân khi ấy đương cùng với mẹ Thiệu-Đường vừa đi vừa nói chuyện riêng, kịp nghe tiếng kêu, ngảnh mặt trông lại, nhận ra thì là người cha mình, Uyển-Phân cũng lạc tiếng kêu lên rằng : « Cha ôi ! sao cha lại ở đây ! » Rồi Uyển-Phân bước đảo lại gần, nắm lấy tay cha, mừng quá không nói được ra lời. Mẹ Thiệu-Đường tức-khắc đi lại trước mặt, vì Uyển-Phân nói rõ đầu đuôi. Người cha Uyển-Phân mừng rỡ cảm-tạ, tức-khắc muốn đem con về. Duy mẹ Thiệu-Đường thì quyến-luyến Uyển-Phân không nỡ rời ra, mà Uyển-Phân cũng không nỡ vội bỏ mẹ Thiệu-Đường mà đi. Uyển-Phân nhân hỏi người cha bao giờ chuẩn-định ngày về, biết rằng người cha còn lưu ở đất Hồ vài ngày nữa, mới lại cùng mẹ Thiệu-Đường trở về nhà Thiệu-Đường.

Kịp đến thời-kỳ người cha Uyển-Phân về, đến nhà Thiệu-Đường tạ ơn xin con. Uyển-Phân khấu đầu tạ-biệt mẹ con Thiệu-Đường, cảm cái ân-tình thân-thiết nhân-hậu đãi mình, khôn cầm giọt lệ, thổn-thức sụt-sùi. Mẹ con Thiệu-Đường cũng lã-chã hàng châu, không nỡ rời bỏ.

Từ khi Uyển-Phân ra khỏi nhà Thiệu-Đường, nhà Thiệu-Đường dường như vắng mất một người dâu hiền, cơm canh nhạt-nhẽo, công việc bề-bộn, mẹ con Thiệu-Đường hàng ngày ra vào ngao-ngán. Khi ấy có kẻ muốn vì Thiệu-Đường đi làm mối vợ, bảo với mẹ con Thiệu-Đường rằng :

— Kẻ trượng-phu không nên giữ cái chủ-nghĩa độc-thân mà được. Có người con gái họ Trở ở bên kia, tài-mạo song-toàn, nên lấy làm vợ.

Mẹ Thiệu-Đường bàn với Thiệu-Đường. Thiệu-Đường nói rằng :

— Bấy lâu con vẫn cho sự lấy vợ là đa sự chỉ muốn thôi đi. Song-le không người nội-trợ, sao đủ nghĩa tề-gia, nay muốn kén người vợ hiền, tưởng không ai bằng Uyển-Phân, chẳng lấy vợ thì chớ, lấy vợ thì nên lấy người như Uyển-Phân.

Mẹ Thiệu-Đường cũng nói rằng :

— Phải, người có đức như Uyển-Phân, con gái đời nay cũng hiếm thấy.

Mới nhờ mối sang thôn Hồ-khâu đến nhà họ Chu đánh tiếng cầu-hôn. Chu-ông mừng rỡ nói rằng:

— Tiểu-nữ Uyển-Phân nhà tôi, nó từng đã đội đức nhà họ Vương, và kính tài chàng họ Vương, trong tâm khuynh-hướng về chàng họ Vương đã lâu, sợ rằng chàng Vương hoặc có vợ rồi cho nên không dám ngỏ mối, may được thừa-vấn, mười phần đã biết nhau cả mười, sao dám chẳng nghe.

Liền chọn ngày làm lễ cưới. Uyển-Phân tự khi về cửa họ Vương, thờ mẹ hiếu, thờ chồng kính, trị nhà cần, thật là hiếu-kính cần-mẫn đủ điều. Thiệu-Đường tự khi được Uyển-Phân làm vợ, cũng tự cho rằng người đời lấy sắc làm đẹp, ta lấy đức làm đẹp, người đẹp trong thiên-hạ, tưởng không ai bằng Uyển-Phân.

TÙNG-VÂN *dịch-thuật*

HÁT TUỒNG

LÂN PHƯỢNG KỲ DUYÊN (1)

II

HỒI THỨ HAI

Vạn Phu-Hùng lạc đệ phản Châu-sơn
Lực Vô-Song đào nạn đầu Kim-tự

Vũ Như-Lân nói :

Vân trình dị-thái; tuyết triệu phong-niên. Vạn dân đào bão-noãn ân tuyên; đa-sĩ lạc tác-thành hóa mĩ. Thừa thế-phiệt cựu truyền Vũ-thị; liệt nho-thân biểu hiệu Như-Lân. Thủ-tu đồi chữ hiếu thuần; trí-trạch phen tai kinh-tế.

Lại nói :

Con, Lời Tùng-lĩnh thầy vừa cặn-kẽ; bước Sở-thành ta mới vội-vàng, chứ. Ai ngờ đáo bán lộ gặp Lý tiểu-thư, lại tặng cho cậu bạch-phiến kim-thoa mần rỉ; cậu nghĩ lại là: Duyên chỉ độ khéo cũng vường màng; nhưng ma hảo-sự đa-ma lắm, cậu e: thề trăng bạc là ngẫm còn thất-thểu lắm chốc con.

Hề-đồng nói :

Dạ thưa cậu, tùy đáo tùy biện, hơi mô mà cậu lo xa mần rứa nào, giờ cậu phải tính về nỗi mần răng, đặng mà thi-cử với người ta chứ.

Như-Lân nói :

Con, thử nói mà nghe đó mà thôi chứ. Dám phôi-pha cùng thảo; mà lơ-lất với tình hay mần rứa nữa. Vầy một đoàn trong chốn Sở-thành; trải nghìn dặm ngoài miền thảo-dã con ơ.

Nam-xướng :

Thảo-dã trông chừng điều-đạo,
Giữ một lòng tình hiếu đầy vơi.
Giống tình khéo cũng trêu ngươi,
Trăm năm tơ tóc một lời nước non.
Chập-chồng gác tía lầu son,
Vội xem lọ thấy thành-môn hầu gầu.

Vũ Trung-Chính nói :

Tôi Sở triều suy thủ cựu-huân; dòng Vũ-thị hủy danh Trung-Chính. Lão nghĩ lại như dòng Vũ-thị này: Ba đời trải chịu lời thác-mệnh; nói cho phải: một cửa đà nức tiếng di-trung. Như ta: Tiết kiên-trinh rửa sạch sương-đông; còn gương thanh bạch soi ngừng nước Vị mà, nghĩ lại lão tự thanh-niên phục cần vương-sự đến nay: cỗi thọ rắp xuân thu

(1) Xem *Nam-Phong* số 186.

chín kỷ; lão đặng một chút trai, ử cũng may: phúc nhà chồi đan-quế một cành nữa. Lão nghĩ lại cái thằng con lão hắn cũng siêng lắm, tự khi trưởng-thành, thì thư lệ chỉ, lão thấy hắn siêng làm vậy, lão mới cho bắt viễn thiên-lý, phụ thư tòng học, bởi rứa nên: Từ vâng lời Tùng-lĩnh huề kinh; nay gặp hội xuân-thi mãn ri: sao lại chậm bước hòe-vi hắn hoài quyền, cũng kỳ ni. (*Chợt thấy Như-Lân về, vui mừng nói*): Ủa con tề vậy ma: Giả đương tư-tuyển; ai ngờ: trẻ đã về đây, mà nào: Công mấy thu non thẳm con giùi mài; con phải làm làm sao: danh một hội cho bảng vàng rực-rỡ chớ.

Vũ Như-Lân nói:

Dạ dám bẩm nghiêm-đường như con: Cúc-dục ân kia chưa báo; tang-bồng nợ ấy còn mang. Chứ con nguyện phen này: Thành-danh dù sáng chữ hiền-dương; cập-kiến mới thỏa lòng báo-bổ thôi mà.

Vũ Trung-Chính nói:

Con ơi nghe cha dặn bà.: Công từng nại thanh-đăng cần-khổ; danh mới đề kim-bảng hiển-vinh cho. Cha nghĩ lại công-danh phú-quí là chính tại thử thì, y y: khá nhớ câu hữu chí cánh thành; mới lọn chữ sở-sinh vô thiểm nghe.

Trương Hùng nói:

Quyền thao trọng-phẩm 權 明 重 品; vị liệt cụ-chiêm 位 列 具 瞻. Chủng-tề thiệt quan-hàm; Trương Hùng là tính thị. Ma nghĩ lại vị trọng vọng long, như ở nơi mãn ri, cũng đà sướng lắm chốc, nhưng mà đi từ tôn kế ở nhà lại muốn mần răng nữa tê, ấy bởi rứa nên: Từ vâng lệnh lung-thu hiền-sĩ; là nhân-công dinh-tư, ở nhà cũng đã tiêm lòng rồi: Toan mướn người vũ-dực cho sĩ-nhi đó chơi à, ai ngờ bàn cũng giỏi, tuế tảo du xuân, bị thằng Lực Vô-Song tưa tùy đã tử, ấy khi rứa chứ: Sai đa nhân tứ hạ tầm truy; chẳng biết hắn: dật ha xứ ma kinh tuần vị hoạch. Nay A [illegible] ma no lại trốn đi đương mô lắm bấy, hiệu-quân ơi: Mau truyền phi-hịch; cấp họa chân-hình. À, mày ra mày truyền cùng các trấn cho rõ rằng: Lực Vô-Song mà nữ-hoạch đích danh; nữa chi nói thiệt: kim thiên lạng tao quảng-hành trọng-thưởng nghe.

Hiệu-quân nói:

Dạ thưa: Khâm thừa giáo-mệnh; khẩn-cấp thi-hành. (*Hiệu-quân lĩnh mạng đi*).

Trương Hùng nói:

Này: Nhẫn bận nỗi gia-tình; đà quên bề quốc-sự rồi đây mà. Giám-trảng quân ơi: Trước trảng-môn yết-thị; cho nho-sĩ thông-tri. Hà: Hội sơ-xuân lai-nhật giới kỳ; y tân-thức xướng danh nhập thí.

Giám-trảng-quân nói:

Chư nho: Vâng khảo quan hạ chỉ; tuyên nho-sĩ nhập-trảng.

Như-Lân nói:

Dạ: Sơn-đông quận gia-hương; Vũ Như-Lân tính-tự, Năm vần trước nộp đề văn-thể; ba hợp sau ra sức vũ-tài. Ngõ toại-chí bão-hoài; ngửa nhờ ơn giám-khảo.

Trương Hùng nói:

Ồ cháu đây mà, chứ cái thằng nọ học-hành, tự bao giờ mà cũng khá bay, Thôi: Văn-chương thành khả thủ; đó nhưng mà cái việc thi-cử chẳng là khó lắm, văn vũ song toàn, phương vi trúng-cách cho, ấy nhưng mà chú nhắm đi nhắm lại cái tướng cháu nữa ngỡ có khi không xong: Vũ-nghệ cũng nan đương lắm cháu à.

Như-Lân nói:

Dạ thưa cần-y tôn-mệnh thôi mà.

Trương Hùng nói:

Ừ, cháu đã tính-nguyện mần rứa nữa, chú cũng thử cho hết sức thôi mà, truyền ban cung mã, cháu phải gắng lấy nghe. Khá gắng sức xuyên dương; cho biết tài quán cốc, thử ra mần răng, nghe.

Vũ Như-Lân nói:

Dạ thưa: Xin ra nghề tri-trục; ngõ phi chí tê-phan, thôi mà.

Bắc-xướng :

Thần cung nhất yết nguyệt huyền loan,
神 弓 一 揭 月 懸 彎
Diệp lạc tinh lưu diệc đắc nhàn ;
葉 落 星 流 亦 得 閒
Vạn lý chiết xung như hữu dụng,
萬 里 折 衝 如 有 用
Đề tha tam tiễn định Thiên-sơn.
低 他 三 箭 定 天 山
(Bắn ba phát liền trúng).

Trương Hùng nói :

Cha chả cái thằng khỏi lo, lo mà giỏi thiệt chốc bay : Tài-nghệ lượng giá ban ; tiền-trình tòng thử viễn. Chú cũng mừng thầm cho cháu đó nào. Còn sĩ nào ứng tuyển ; cho đều cấp tranh tiên đi.

Vạn Phu-Hùng nói :

Da, Vạn Phu-Hùng chỉn thiệt tên min ; Cửu-trùng-lĩnh ấy là sở trú. Xin ba hiệp sau đua nghề vũ ; rồi năm vần ấy nộp quyền văn. Một hội nhờ toại chí thanh-vân ; mười thu ngõ đền ân bạch-ốc. (Trương Hùng thấy nó hình-dung cổ-quái, ngờ là Lực-Vô-Song cải danh. Lại thấy nó không kiêng tên mình, giận lắm, hỏi).

Trương Hùng nói :

Ừ, tên mi cũng là Hùng à ? Ngỡ tướng tá làm vậy, chứ chân trắng cũng vô mà thi. Ới thằng kia, tao hỏi : Mi đã người lâm-lộc; thế cũng biết đẳng côn-quang, chứ lại không à, hỏi chứ : Biết ai là gã Vô-Song ; nào khá nói đặng tao hành thưởng cho mà nhờ. (Vạn Phu-Hùng thấy nói chẳng hợp ý, nín lặng hồi lâu. Trương Hùng lại nói) : Hay con có biết con nói phắt đi rồi tao cho tiền cho bạc mà nhờ, chứ tao coi cái tướng con nữa, dù cho có thi cũng không đỗ ở mô.

Vạn Phu-Hùng nói :

Ô này : Tâm man lượng nan lượng ; sự bất-minh bất-minh đi này. Dám thưa khảo-quan, như tôi đây là : Chí quyết-khoa nên biết những học-hành mà thôi, ứ tôi không hay : Việc nã phạm nữa là mần răng mà : toan làm tố-giác. Dám xin khảo-quan, chẳng hay : Người ấy có điều chi lành dữ ; chứ tôi đây không với gã biết quen, chỉ mà, dám thưa ngài, thập niên đăng hỏa, nhất nhật công-danh, nay đã cặp hồi mãn rồi, mà ngài lại không cho tôi thi nữa a, chẳng ức tôi lắm sao ? Dạ thưa : Ân tác-thành xin cùng ngài : đoái chút phận hèn mới nào ;

Trương Hùng nói :

À thôi thì cứ ở đây làm vậy, mà cũng thưa thưa hầm hầm cho nhộn sao ?

Vạn Phu-Hùng nói :

Ô ô kỳ, nếu vậy : quyền thủ xả chẳng là lượng hẹp lắm chứ.

Trương Hùng nói :

Hà nhi-pháp phi-pháp ; biểu : vật đa ngôn đa ngôn đi chứ. Hễ là việc thi-cử, phải tiên đức-hạnh nhi hậu tài-nghệ mới phải cho, chứ học trò học bè ở đâu hạnh-kiểm không có mà cũng thi cử cho nhộn lắm a, cái tôi ở trong mình đã lơ đi cho, mà hãy còn năn-nỉ lại đó thi nữa, thằng kia, tao hỏi như mày là ! Phạm danh đà chẳng chút tị tôn ; mà vô lễ lại lắm điều ngạo-mạn. Nếm là như mày nữa : Luận tội lý là thống trượng ; nữa mới đến đó nhưng mà : nguyên tình nên mới tòng khinh chứ, thôi trở về, tao không có cho thi cử ở mô, biểu cho : Khá lui về cố-lý mà doanh-sinh đi, không có tài, chứ có tài chẳng khoa này lại khoa khác, can chi đó mà lo, thôi thôi con : hãy gắng đợi lai-khoa cũng vị vãn mà.

Vạn Phu-Hùng nói :

Thôi : Ngẫm điều nên chướng chướng ; mà nghe nói bỗng vui vui. Dám thưa ngài, tôi tri chi tố bĩ mà, há chẳng dám nào mà thôi chứ : Đố tài là vốn mỗ đã biết rồi ; mà chứ lọ là : thiên nộ phải ngài kiếm lời mà quở đó mà làm chi nào, vậy mà tôi nghe quải bảng cầu hiền, tôi ngỡ rằng : Hội xuân-thi thì khảo văn khảo vũ mà thôi nữa, ai ngờ : phép tràng-qui lại tị hủy tị danh. Mà không hay ni, ở mà

hay tôi chứ, vậy mà nghe người ta nói thì mà cũng săn săn sộc sóc mà đi là đi mô đây : chốn dặm nghìn cũng vội vã cất mình ; ai ngờ đến nay : điều nhỏ-mọn lại ngửa ngang trái bước kia chứ. Dám thưa ngài, cho tôi thì kẻo ức tôi lắm nào. (Trương Hùng không đáp. Vạn Phu-Hùng lại nói) : mà ngài dạy chơi, chứ ngài không cho tôi thì thiệt à.

Trương Hùng nói ;

Hà thì cứ ở đâu làm vậy mà nói dai cha chả !

Vạn Phu-Hùng nói ;

Ô Kỳ ni ra mần ri : Đời sinh hiền mà giúp nước ; ai ngờ nước lại có kẻ ghen hiền, đi đó mà.

Trương Hùng nói :

Quân bay, đuổi hắn ra, kẻo mà hắn nói dai lắm bay.

Vạn Phu-Hùng nói :

Thưa ngài, ngài phải đuổi xua mà làm chi nào, như tôi bây giờ : Đã bỏ mình là Lý-trích-tiên ; thôi thôi cũng mặc đó thôi làm Cao-lực-sĩ à. Nói rồi nghênh-ngang đi ra. Như-Lân đứng bên nhơ-nhác như là mất gì không dám nói.

Trương Hùng nói :

Cái thằng quái ở đâu, nó khéo tới nó làm cho nhộn đó nữa. Giám-trảng quân : Đã thoan hoàn tràng sự ; phải a, Như-Lân ơi, khả tùy nhập-điện đình nghe. Ngô nhờ lượng sát mình ; rồi hãy định bề lục-dụng cho. Bãi tràng, (Như-Lân căm giận dẫo bước ra).

Như-Lân nói ;

Trương Hùng Trương-Hùng thảy thảy trông : Gian-thần chân mạn-lộng mạn-lộng, hệ thương hại : hiền-sĩ chí lưu-ly lưu-ly. Này a Trương Hùng này, sao người không biết nghĩ ứ-hự rất đỗi là : Lý Tư còn trục khách vi phi ; hãy hỏi chứ chứ sao : Trương-thị nỡ đố hiền mà bất tuất. E coi nỗi : Mượn uy phúc một tay hung cát ; nó làm anh-hùng cho lỡ bước công-danh. Kia a nghĩ lại mà tiếc cho Vạn-huynh cha chả này thương hại : Chí hữu-vi đà gặp hội hòe-đình ; ai ngờ : dụng phất-cứu lại lui mình thảo-dã. Này ở ni khi lỡ chứ, tôi nghe bẩm do-thám Lực Vô-Song tông-tích, vả Lực Vô-Song cùng tôi chẳng là tình thâm lữ-khế, chí tại miếu-đường, chẳng may đến nửa đường mần răng mà anh tôi lại ngộ-sát Trương Bảo đào nạn viễn-dương, từ ấy nhẫn nay thôi : Lãng-tích chưa tường lạc-hạ ; còn thâm-tình nhẫn kết ưu-trung mà thôi à. Tưởng cố-giao là lòng chửa có nguôi lòng ; mà đến nay lại thấy Vạn-thị công-danh bất-lựu, mần ri này à ; thương tân-nghị thôi dạ thêm rối dạ đi này. Vả tôi cùng Vạn-thị này, đã bay : Người dị-quán là chưa quen với gã đó chốc ; nhưng mà nay kể về người ở, mần ri là : nghĩa đồng-niên ta phải tới đưa chàng mới phải cho. Ấn là : Tiền-đồ mau đón gã hỏi-han ; hậu-hội dễ ghi người quen biết a.

Vạn Phu-Hùng nói :

Tưởng hội công-danh cũng tiếc ; nhưng mà thấy người quyền-thế lại than, này, ô mà buồn mần răng đó nữa, có chữ nhất ẩm nhất-trác, tự hữu tiền-định mà, như tôi : Phận vinh khô đà có lý cao-thương mà thôi nữa ; chứ bất dĩ cùng đạt dịch sở thủ mà : thủ nhân-dật quái hệ di sai lời cùng vân-bạch hay mần rí, thôi thôi : Các tía lầu son đua chen cùng mặc-khách ; chi cho bằng non xanh nước biếc thong-thả dầu ta nữa. Thôi thôi chứ mà còn nói chi nữa, phải phải, âu là : trỏ cố-lư dè nẻo sơn-pha ; huề cựu-ẩn giã miền kinh-quốc xong.

Nam-xướng :

Kinh quốc mặc ai nồng-nã,
Chi cho bằng : Xúc tình xưa nhân-hạ ngao-du.

Tán : Trì trì khan lộ viễn 遲遲看路遠 ; uất uất ẩn tâm ưu 鬱鬱隱心憂 ứ ra mần ri. Vinh suy tự hữu thân tiền-định 榮衰自有身前定 ; phú quí nguyên phi phận ngoại cầu 富貴原非分外求.

Nam-xướng :

Giàu sang cũng cuộc biển dâu,
Sương thu đã mấy nhuộm dầu ngọn cây.

(Đương đi đường chợt nghe tiếng gọi)

Như-Lân nói :

Tráng-sĩ đợi tôi với nào.

Vạn Phu-Hùng nói :

Ô lạ này : Mồ không mắc chi ai, bởi chứ chứ : ai can chi đến mồ mà kêu sóc thế? *(Thấy Như-Lân vừa chạy vừa kêu tới gần)*. Ô lạ này : Tiếng ai mà in tiếng Vũ-tân-khoa mần rứa? Ô mà Vũ-tân-khoa lại kêu ta mà làm chi hử? Đường danh-lợi đã không với đó ; mà cuộc vinh-hoa là còn có chi đây, tê chứ bà? Mà cũng rủi thây ai nữa, như ta bây giờ : Cầm cựu thư xưa đã nặng tay ; phải phải : miền cố-lý rày mau nhẹ bước xong.

Nam-xướng :

Cố-lý rày mau nhẹ bước,
Quyết trọn lời non nước ngày xưa.

(Như-Lân theo kịp).

Như-Lân nói :

Ô hay : Khoan khoan lại sơn-lư ; chậm chậm dừng thảo-lý đã mà, như tôi cùng tráng-sĩ đây, đã hay : xa bốn biển nhưng mà cũng người thanh-khí ; lọ là gần một nhà nữa mới bạn chi-lan, hay mần răng, như tôi nay mà gặp tráng-sĩ đây là : Vì thế-đạo nên tủi mình dụng xả ; nhưng mà : thấy nhân-tình là đành dạ thoái-tàng lắm mà.

Lại nói :

Chẳng hay tráng-sĩ kím hữu bà chi mà hay?

Vạn Phu-Hùng nói :

Ừ, ngài hỏi tôi giờ lại đi mô chi, như tôi bây giờ nói thật thôi : Hình-hài này đành le-lắt với thanh-sơn ; mà tôi đây cũng mừng chờ ngài lắm, thôi thôi : Mí mục ấy mới rỡ-ràng nơi tử-phủ cho.

Như-Lân nói :

Ô hay tráng-sĩ, bà-tất quá dự đó nào, như tôi : Xét tài mọn hồ trang bão-phụ ; nhưng mà cũng may : Nhờ phúc thừa nên mới gặp bội dăng-phan đó mà thôi, như nay mà tôi theo tráng-sĩ mần ri, chẳng qua là : Chi-phần khôn xiết nỗi huệ-than ; bởi rứa nên : bình-khánh dễ xui lòng lôi-sĩ này à. Nhẫn lai hoàn hữu lệ ; thuyết đáo tối thương tâm. Thưa thưa : Từ đây xin ghi nghĩa đoạn-kim (liền đem một thoi bạch-kim đưa tặng nói) : Thưa anh chẳng có chi vi vật biểu-tình, biểu-tình mần ri là : Với đó để thay lời chiết-liễu, đó mà thôi.

Vạn Phu-Hùng nói :

Dám thưa ngài, nay ngài thấy tôi đồ cùng mệnh kiền, bất hiệp sở như mần ri, ngài lại đòi làm bạn với tôi rứa, uở ba-ba thôi : Liêu tài đó ừ đã lòng bận-bịu ; mần rứa nữa là đây tôi cũng mừng lắm mà : Xét phận đây ối chao ôi rất dạ vui mừng. chứ, dám thưa ngài có chữ quân-tử đồng-đạo vi bằng, như ngài cùng tôi đây : lữ-trung-tình mà bạnh đắc tương-thân ; mần-ri là hay lắm chứ-ngài lại cho tôi những vàng bạc mà làm chi : thân ngoại-vật nữa ôi bà tu kiến tặng nào.

Như-Lân nói :

Ô hay : Nhân-tình hà bất cận ; như anh phận mần rứa : hữu-nghị khủng hoàn sơ đi bây giờ, thưa anh có chữ tinh-đắc ý-hợp, vong khước hình-hài, nay tôi đã gặp anh đây là : Thử tâm cùng đó đã hoài-dư ; mà một hai anh cũng cố-từ đi mà thôi, nếu vậy : Tiền-lộ lấy chi làm tri-kỷ.

Vạn Phu-Hùng nói :

Dạ thưa anh mần răng mần răng, anh cũng ép cho đặng mà thôi rứa, chứ khổ lòng cha chả, thôi : Qui-hữu đã cạn lời phi thị ; thưa vâng vâng : tiện-sinh đâu đi phụ dạ ân-cần hà. (mời nhận lĩnh của tặng). Vậy nữa chốn phần-hương mặc mỗ lui chân, còn nơi hòe-viện xin anh trở gót hệ.

Như-Lân nói :

Bà Tương-phùng tài nhất-khắc ; tương cách hựu trùng-sơn. Xúc tình rơi ngọc lệ đôi hàng ; phú biệt mượn vũ-từ một luật hà.

Nói biệt :

Hữu-nhân a : Giao tình dũ giác sơ nhi mật 交情愈覺疎而密 ; hoạn-lộ

thủy giao khứ phục lai 宦路謹教去復來.

Vạn Phu-Hùng biệt nói :

Hữu-nhân a : Khước nhiễm mộ-vân hiềm tích tuyết 却染暮雲嫌積雪; lưu phương xuân thụ độc hàn mai 留芳春樹獨寒梅.

Lân Hùng cùng biệt nói :

Bất ưng nhất khứ thành thiên-cổ 不應一去成千古 ; vị bốc hà niên thử độ giai 未卜何年此度偕.

Vạn Phu-Hùng nam-xướng :

Hữu-nhân a : Thử độ chia người lưu khứ ; lý đã thường xuất xử từ xưa.

Như-Lân nam-xướng :

Ngập-ngừng giã bạn cầm-thư,
Kinh-thành dây lại sơn-lư đó về.

Vạn Phu-Hùng nói :

Lan-khế đà trở lại thành tây ; tử-lý kíp xông chừng dặm bắc xong.

Nam-xướng :

Kíp xông chừng dặm bắc,
Ngẫm sự đời giục bước dừng lui.
Hết buồn bỗng hóa vui vui,
Truân-chiên khéo bận những người phù-danh.
Lôi-thôi dấu thỏ một mình,
Chiêng đồng bóng đã treo cành phù-tang.

Sở-vương nói :

Thị dân có dạ như thương; uy chúng ra hình bất-nộ. Cầm mối nước xích-dân thốn-thổ ; giữ giềng cân tam-kỷ ngũ- thường. Ân-uy mô-phạm tứ-phương ; giáo-dục tác thành đa-sĩ. Này : Từ Chủng-tề khâm thừa ngọc-chỉ ; ra diễn-tràng giản tuyển anh-tài. Rày sao hỏi chốn bệ-giai ; thế chửa xong bề trường-ốc đó mà thôi.

(*Trương Hùng vào chầu*)

Trương Hùng nói :

Dạ : Từ vâng lời thái ngọc ; đà hết sức giản kim. Đặng Vũ-gia đáng giá quế-lâm ; trên thi-quyền nhờ ơn xuân-hải. Vạn-vọng quốc-quân thiên-tuế thiên-tuế.

Sở-vương xem quyển nói :

Hão a : Tín thị nhân-tài xuất-bối ; quả-nhiên bút-lực siêu-quần đi mà thôi. Nội-hoạn : Truyền nội-quan lĩnh mệnh ân-cần ; đòi Vũ-thị tùy ban xu-bái đây.

Nội-hoạn nói :

Bả-môn quân, Vâng quốc-quân lệnh dạy ; đòi Vũ-thị ứng hầu. (Như-Lân được lệnh lên chầu...)

Như-Lân nói :

Dạ : Văn-lệnh truyền khủng-hậu bôn-xu; thần Vũ-thị dương tiền bái khể. Vạn-vọng quốc-quân thiên-tuế, thiên tuế.

Sở-vương nói :

Hão a : Khen dòng Vũ Cơ-cừu tế mĩ ; xem quyển văn thôi học hạnh cần ưu đi mà thôi, như mần ri : Vì công hầu đà dương mặt bảo-cừu ; ta phong quốc-trạng cho thỏa lòng tôn-tước đó.

Vũ Trung-Chính, Vũ Như-Lân cùng nói :

Dạ : Nhờ một hội thang mây nhẹ bước; thỏa những ngày ân tuyết dầy công. Nguyện tăng phúc lộc vô-cùng ; kính chúc quốc-quân thiên-tuế, thiên-tuế.

(*Gặp có Mân đưa thư đến. Nội-hoạn tiếp thư tâu lên nói*) :

Dạ : cúi đầu nơi ngọc-bệ ; ngửa mặt chốn đan-trì. Hữu Man-thư đầu-đệ : trình quốc-trưởng tường-tri.

Sở-vương xem thư nổi giận nói :

Ngũ-nội yên-phi, yên phi ; tam-tiêu hỏa khởi, hỏa khởi. Nay ối cha chả coi : Man-nhân là bội-lễ ; cầu-hạnh cảm vô-luân. Ở mà : Quảng giáo-thanh đà mở lượng ngoại-thần cho mà ấy mần răng : cầu nữ-sắc bay dám lờn uy trung-quốc. Ới bả-quan : Ngã tư hạ sắc ; thùy khả xuất chinh. E. Sao một phen cho tảo tận chiên-đình ; ngõ nghìn thuở túc thanh nhạn-tái.

Vũ Trung-Chính nói :

Dạ : Nhờ lượng trên khoan-thải ; gạn lời dưới tỏ bày. Như thần-hạ nay : Chịu ân vua trải đã bao đời ; đền nợ nước chưa bề một mảy. Dám đạt : Có ra tài địch-khái ; mới tỏ dạ truân-thành, Dạ dạ : Xin quốc-quân giáng-chỉ hưng-binh ; phen này : Mặc thần-hạ lâm-biên cự địch cho,

Sở-vương nói :

A thôi : Thị-dũng phi tráng-sách ; tàn sinh vật tự-cường, hay. Vả Man-nhân là quỉ-trá mĩ-thường ; ta e lão-tướng suy đồi nan chế này.

Trương Hùng vốn ghét Vũ Trung-Chính nhân qui tâu :

Dạ Vũ-công thành túc-trí ; chúa-thượng vật quan-tâm. Dám đạt : Xích-mi xưa tam-phụ sác xâm ; Mã-Viện củng nhất-nhung đãng-định. Xin trên xuong lệnh ; cho dưới ra cờ. Dòng Vũ-gia vốn sẵn binh-cơ ; phen này Vũ-công ra tới đó chúng Man-quốc ắt là thần-phục thôi mà.

Sở-vương nói :

Quốc-công rửa nữa : Này tướng-phủ mặc tay chỉnh-túc ; việc nhung-trù giữ dạ điền-ninh a. Nội-quan khai diên đây. (Nội-quan dâng rượu. Sở-vương rót rượu đưa cho, nói) : Tam-bôi ngự-tửu tống-hành ; còn vạn-lý tráng-thanh ta trọng thác nơi nghe.

Vũ Trung-Chính bái lĩnh uống rồi nói :

Ủy a : Văn quân-mệnh bất thăng tước-được ; phen nay : diệt cường-man nguyện triền nó-dung 既君命小將雖無能或效犬馬展微力. Đầu bái tạ sân rồng ; mắt trông chừng ải sói. (*Bái-triều*).

Trung-Chính lui bảo Như-Lân :

Con, như cha rày vâng lệnh tiểu-binh man-bối ; cha nghĩ lại nhập vi trung-tuân xuất vi lương-tướng, mần ri là sướng lắm con. Thôi ; Rất thỏa lòng báo-bổ quân-ân. Chứ còn như con : Một hội đà đẹp phận kim-môn ; nào còn thố sở học vu sở hành lâm sao cho : nghìn thuở khỏi hổ ngươi lệnh-tộc nghe con.

Vũ Như-Lân nói :

Dạ dám bẩm nghiêm-đường, như con : Xưa những nghề văn sẵn-sóc ; nay đà cửa vũ hóa rồng. Thưa cha kì mông biên-trạc tư tận cung hành, phen này : Giúp nước nguyền lựa chữ tận-trung ; nhưng mà thờ thân hãy chệnh niềm khắc-hiếu, nay. Dạ nay cha phụng chiếu hưng-sư ; vâng binh man lỗ, con nghĩ lại như mần ri : Niềm trung-chính đã thỏa lòng tư báo lâm chốc, nương mà con giận lắm, con giận : Thói gian-du nó khua lưỡi bái sơ, nay a: Lụy ngọc xui xùi xụt chốn cùng-lư ; còn bóng dâu khiến lạc-loài nơi viễn-tái à.

Vũ Trung-Chính nói :

Con này con thấy cua xuân thu chất-mạo mà thằng Trương Hùng hẳn hỏi lại giềm tâu cho cua đề sư vạn-lý, khiết tuyết sôn phong mần ri, nên con lo chi, ủa ba ba cái thằng lo cha chả này thôi-thôi : Hưu phiền quải, phiền quải; mà cũng; vật quan tâm, quan tâm, nào con, chứ cha lại chẳng biết cái mưu thằng Trương Hùng, bầu đồ vi bãi-xích dĩ toại âm-tư hay mần răng, nhưng mà cua nghĩ lại dòng Vũ-thị ta quân-ân quốc-lộc, phụ bạ kỳ thâm, nay gặp túc thần-tử báo công mần ri, lại cho co Hán-nữ Hồ-qua, phong-sương dị tục đi nữa, la cua đây cũng dành lắm con : Dẻ sờn loai hôm sớm lòng lang ; mà đi phải chi dặm nghìn da ngựa a,

Vũ Như-Lân nói :

Hà ý vậy mà : Niềm ngay thảo quyết đền-bồi những bữa ; Ai ngờ : Nỗi riêng chung thêm bạn-bịu một lòng. Nay thưa: Chốn sa-trảng xin tảo tảo bình-nhung ; ngày hải-ôc niên niên kế tiết hệ.

Nam-xướng :

Kế tiết xin dâng tuổi thọ,
Cúi đầu từ tương-phủ dời chân.

Vũ Trung-Chính nói :

Con, co-nhân có câu rằng : Sự phụ-mẫu kiệt kỳ lực 事父母竭其力 ; còn sự quân trí kỳ thân 事君致其身. Phải à;

Nhữ kim nhược tận cần tu chức 汝今若盡勤修職, tự cổ xưng vi khắc tiếu nhân 自古稱爲克肖人.

Nam-xướng :

Xưa nay những đấng danh-thần,
Ngày xưa có vẹn thảo thân mới rồi.

Vũ Như-Lân nam-xướng :

Thề lòng đâu dám đơn sai,
Con nguyện cho nghiêm-đường phen này :
Khỏi tạn ải nhạn danh bài các lân.

Vũ Trung-Chính nói :

Thôi : Hậu-đường con khá lui chân,
Đặng : Tiền-đội cha toan ra lệnh nghe.

Như-Lân nói :

Lạy cha tới hai chữ bình-an.

(*Nói rồi lui vào*)

(*Còn nữa*)

VĂN-UYỂN

Mừng vua bắc-tuần

Gấm vóc thêu nên giải núi sông,
Mừng nay may gặp hội mây rồng ;
Ninh-ninh đất Bắc lòng nghiêng thắm,
Vằng-vặc trời Nam vẻ rạng hồng ;
Tàu súng đã vang miền Tản Nhị,
Áo xiêm còn vẫn mốt tiên long ;
Hơi dương đầm-ấm hoa đua nở,
Trang-điểm nào ai phải tốn công.

B. T.

Hựu-thề

Bấy lâu còn nhớ chữ tôn-quân,
Mừng thấy xe loan tới bắc-tuần ;
Hoa cỏ như in lòng đới-cựu,
Non sông thêm rạng vẻ duy-tân ;
Bốn phương bề lặng êm làn sóng,
Năm sắc mây bay sạch bụi trần ;
Trên đội ơn vua cùng Chính-phủ,
Rộng lòng khoan-xá, thỏa lòng dân.

THIỆN-ĐÌNH

CUNG-KỶ

Ngự-giá bắc-tuần

I

Sáng rực trời nam hội Bắc-tuần,
Gần xa nô-nức đón minh-quân ;
Dân hăm bốn tỉnh đua mừng chủ,
Nước mấy ngàn năm rạng vẻ xuân ;
Tỏ nghĩa Tây Nam chung một mối,
Ra ơn vũ-lộ khắp muôn dân ;
Thỏa lòng chiêm-ngưỡng mười thu lẻ,
Gấm vóc non sông khác bội phần.

II

Lưỡng-kỳ xa-cách đôi nơi,
Bắc, Nam đâu cũng là trời thánh-quân.
Mừng nay gặp hội Bắc-tuần,
Hoan-hô trăm họ bội phần mừng vui.
Cỏ hoa đua nở nụ cười,
Ngày đông như thấy vẻ trời ngày xuân,
Tung-hô tiếng chúc xa gần,
Non sông gấm vóc muôn dân thái-hòa.
Triều-cận âu-ca.

III

Ngày Ngự-giá tới hội Khai-trí bách-quan thiết triều

Tung-hô sấm dậy khắp đâu đâu,
Trấn-bắc mây tuôn vẻ áo chầu ;
Tỏ mặt chi-tôn trên cửu-bệ,
Thỏa lòng vọng-khuyết trải mười thâu ;
Hòa hai Pháp-Việt tình lai-láng,
Dốc một quân-thần nghĩa trước sau ;
Tiến-hóa ngày mong non nước Lạc,
Rõ nền đức-trí với năm châu.

BÙI THÚY-ĐỒNG

Mấy lời huấn-thị nam nữ học-sinh của quan Thượng-thư bộ Quốc-dân Giáo-dục

Nay nhân dịp đến ngày khai-giảng,
Khắp nơi nơi lữ-hạng, thị-thành ;
Dập-dìu nam-nữ học-sinh,
Rủ nhau đến lớp đua tranh tập-tành.
Ba tháng chẳn vắng tanh hơi tiếng,
Bây giờ nghe trò chuyện lao-xao ;
Mừng xem cảnh-tượng xiết bao,
Lấy tình thân-ái mà trao đôi lời :
— Ta cũng có gái trai còn bé,
Sớm trưa nghe thỏ-thẻ học-hành ;
Tự-nhiên sinh mối cảm-tình,
Đoái xem mấy triệu tuổi xanh nước nhà.
Lời âu-yếm thiết-tha huấn-thị,
Khuyên các con chăm-chỉ học-hành ;
Ngày nay đương tuổi xuân-xanh,
Ngày mai vận-mệnh nước mình trong tay.
Nền giáo-dục ta nay bồi-bổ,
Lòng tác-thành nào có riêng ai.
Vì nhà, vì nước một hai,
Đúc người hữu-dụng để mai sau này.
Ta còn có điều này quan-hệ,
Khuyên các con ghi để vào lòng :
Trên đầu có đấng Chí-tôn,
Dốc niềm khai-hóa cho dòng giống ta.
Ngài đã biết nước nhà hậu-vận,
Sẽ vào tay hậu-tấn, thanh-niên ;
Vậy nên đem dạ cần-quyền,
Mong cho đức-trí vẹn-tuyền mười mười.
Chính ngài đã là người tiêu-biểu,
Làm gương cho niên-thiếu soi chung ;
Các con nên hãy gắng công,
Sao cho khỏi phụ tấm lòng quân-vương.
Thánh-triều vạn-thọ vô-cương !

NGUYỄN BÁ-NHIỆM
Phụng dịch

---

1. — Nhớ ai

Thần-thức trời hôm quái lạ thay !
Nhớ ai, ai nhớ, nhớ mong chầy ;
Nhớ trăng hồ Kiếm đêm thu trước,
Nhớ gió non Bình buổi hạ nay ;
Tin nhạn những mong, ngồi lại đứng,
Hồn quyên thêm vướng, tỉnh dôn say
Cõi đời khoái-lạc âu còn chán,
Xum-họp ta đây sẽ có ngày.

2. — Mừng cụ Lang đi thủ-từ

Kẻ gọi ông Lang, người cụ Từ,
Đôi ơn trời thánh lộc thường dư ;
Xa gần điều-nhiếp công không quản,
Sớm tối hương-trà việc cũng thư ;
Chén rượu nhập-nhoàng khuôn vũ-trụ,
Lòng hoa chan-chứa chốn đình-trừ ;
Tấc thành tưởng-vọng chi chi tả,
Nước lặng, người yên, khấn-khứa ư.

3. — Nhớ cảnh Huế

Bấy nay xa-cách chốn kinh-thành,
Nhớ cảnh vương thêm một mối tình ;
Nào giải sông Hương thuyền giải-rắc,
Nào hòn non Ngự lá (cây) xanh-xanh ;
Lâu-đài vẻ cũ mầu tươi-nhạt,
Xe ngựa đường nay bước chậm nhanh ;
Vãng-phục thử xem cơ tạo-hóa,
Còn xuân còn chán dịp phùng-nghinh.

4. — Truyện Liễu-trai

Dù tin hay chẳng mặc ai ai,
Trước án ta xem cuốn Liễu-trai ;
Nét vẽ ngông-nghênh trò quỉ-thuật,
Hồn văn lơ-láo bọn ma-trơi ;
Sư Kim đã đúc khuôn Hòa-thượng,
Thần Liễu sao đeo lốt Tú-tài ;
Dám hỏi Tùng-linh là soạn-giả ?
Câu xưa âu cũng lối Tề-hài.

NHÂN VÂN-ĐÌNH.

Họa bài Còn chơi

(Trong quyển Còn-chơi của ông Tản-đà Nguyễn Khắc-Hiếu)

Điệu Lộng-hoàn 弄丸

Vần : Chơi, đời, thôi

Lắm lúc chua cay muốn chán đời,
Mà chưa dám chán vẫn còn chơi ;
Còn chơi, còn dịp, còn chơi nữa,
Còn mãi non sông, lớ chửa thôi.

Cào giấy nhay văn chẳng muốn thôi,
Đời càng lắm vị, lớ càng chơi ;
Đem văn quấy rối cho đời chán,
Đời lớ không ưa cái chán đời.

Hai mươi lăm tuổi, tuổi hay chơi.
Tớ muốn chơi cho suốt cả đời ;
Cái số không danh mà chẳng lợi,
Chơi đùa cho hết kiếp này thôi.

Biết đâu là chán, biết đâu thôi,
Đã kiếp văn-nhân vướng sự đời ;
Đời mới, văn càng thêm lối mới,
Tớ còn nhiều dịp vẽ rồng chơi.

Đời còn nuôi tớ, tớ còn chơi,
Tớ hỏi : Ai ai đã chán đời ?
Đã chán thì giao đời tớ giữ,
Ai xin, tớ nói : Tớ chưa thôi.

Đời chưa đáng chán, chẳng đành thôi,
Tớ quyết chơi sao sướng cái đời ;
Ai muốn sướng đời như tớ nhỉ ?
Hãy chơi như tớ, mới là chơi.

Chuốt chữ trao câu phá cả đời,
Bút mòn mực cạn cũng không thôi ;
Nhắn ai vắng bạn bên trời bắc,
Cùng tớ hò, thi gởi họa chơi.

Này tớ xa-xuôi nhắn bạn đời,
Từ nay tớ quyết nhảy ra chơi ;
Cuộc chơi bày giữa trời Nam Bắc,
Góp bạn san-hà đủ mới thôi.

Muốn ngán mà không ngán được đời,
Ngán đời e chẳng có gì chơi ;
Còn chơi ắt sẽ thêm nhiều bạn,
Nhiều bạn làng văn, chẳng lẽ thôi.

Kìa ! Hạc Sơn-tây (1) chẳng chán đời,
Tao-đàn nay đã rộng đường chơi ;
Chơi đen cả giấy, mòn cây bút,
Chơi khắp non sông họa mới thôi.

Bạch-diện thư-sinh đứng cõi đời,
Văn-chương nặng nợ thủa nào thôi ;
Phải chơi để trả cho rồi nợ,
Chơi được rồi đây cứ việc chơi.

Dầu lẻ hay vui cũng một đời,
Đời người ngắn-ngủn, dại gì thôi ;
Ngày nay còn tớ, mai chưa biết ?
Còn tớ ngày nào, tớ cũng chơi.

Không thôi trời sẽ bắt cho thôi,
Mãn số rồi ra tớ biệt đời ;
Ước được chết đi, rồi sống lại,
Tớ coi đời khóc bạn đời chơi.

Xuống mồ, tớ chửa gọi rằng thôi,
Tớ rán vài câu lại nhắn đời ;
Mất tớ mà thơ còn lại đó,
Còn thơ như tớ hãy còn chơi.

Tìm lạn canh chầy, muốn tạm thôi,
Tạm thôi rồi hẹn sẽ ra chơi ;
Lộng-hoàn mới nảy từ ông Hiếu,
Này tớ hòa chơi với bạn đời.

VĂN-LANG

1) Ông Tản-đà.

Mừng ông Nguyễn Văn-Kiêm

(Mới sinh thêm một trai)

Nhà chiên nặng gánh lo, bút mặc anh vui đạo thánh ;
Sân hòe thêm cây báu, thi-thơ cháu nối dòng nho.

Mừng em vợ cưới vợ

Chật xe ngựa hoa cưới pháo nổ,
Tiếng trúc tơ hai họ hòa vui ;
Huệ lan rượu Tiếu ngát mùi.
Mừng em êm-ấm ca lời uyên-ương.
Chốn ân-ái lửa hương sẽ đậm,
Đường tóc-tơ duyên phận sẽ tròn ;
Giải đồng gần chặt giao-loan,
Từ đây nhà cửa xuân-quang mấy phần.
Bên viện sách oanh vàng thỏ-thẻ,
Ngoài hồ sen đầm vẻ gương trong ;
Cầm-thi đã gặp bạn lòng,
Phù-sinh vui-vẻ vợ chồng trăm năm.
Dưới cung phiếm sắc cầm hòa-hiệp,
Trên mẹ cha cũng đẹp lòng sao ;
Vui xuân ên hót oanh chào,
Thần-hôn hai buổi ra vào có đôi.
Hận vì nỗi ngàn mây cánh hạc,
Chị em nay khuất mặt đã rồi ;
Mừng em khôn được nửa lời,
Dung-nhan khôn được thấy người hiền-lương.
Cháu nhỏ dại đạo thường chưa rõ,
Biết gì đâu cậu mợ mà mừng ;

Trông về mây nước mấy làng,
Nửa phần vui cảm, nửa phần đau thương.
Tiệc vui gẫy đoàn-trường khôn lẽ,
Sửa đường tơ gạt lệ anh cười ;
Cười rằng : Gia-thất duyên-hài,
Từ đây em đã có người chủ-trương.
Trăm năm lạc đá ghi vàng.

CAO VĂN-HAI

Nam tì-bà hành

Bến Linh-trường trăng thu hóng mát,
Một con thuyền cạy bát bên sông ;
Trong thuyền khách chủ hơi đông,
Túi thơ bầu rượu bạn cùng đêm khuya.
Thuyền ai đỗ bến kia thanh vắng,
Giọng « tì-bà » văng-vẳng bên tai ;
Ghé thuyền tới đấy nghe chơi,
Tiếng tì rin-rít như khơi mối tình.
Tiếng khoan, tựa bên mành gió thổi,
Tiếng mau, dường nước suối chảy loang ;
Tiếng cao, phượng gáy Ngô-cương,
Tiếng thanh trên liễu oanh vàng mỉa-mai.
Nhìn rõ thử nào ai đâu tá ?
Chính một người phong-nhã nữ-lang ;
Tuổi chừng « bán-lão Tử-nương »,
Dường như đã trải phong-sương dãi dầu.
Thoạt di-bộ thuyền-đầu bước tới,
Lại buông lời ngọn hỏi cảnh tra :
« Nguyệt-cung hỏi khách Hằng-nga,
Đào-nguyên lạc lối đâu mà tới đây ?
Xin chớ tiếc dãi bày tâm-sự !
Đặng nghe qua lịch-sử đài-trang ;
Hay chăng cũng khách Tầm-dương ?
Gả về « thương-phụ » còn vương mối sầu ? »
Nghe lời hỏi mấy câu êm-ái,
Vội buông đàn thưa lại phân-minh ;
Rằng : « Em quê ở Hà-thành,
Nhà em ở khít chung quanh Tây-hồ.
Tuy phận gái liễu-bồ yếu đuối,
Cũng bút-nghiên đeo-đuổi với người ;
Đàn-ca cũng đủ nghề chơi,
Tân-thư cựu-học, đủ mùi thư-hương.
Vì số phận dở-dang, dang-dở,
Ông xanh kia, cắc-cớ phỉnh lừa ;
Khút tay mười sáu năm thừa,
Đổi thay duyên nợ, tóc tơ nằm đời.
Bố mẹ chồng mười người cả thảy,
Lòng liêm-trình có mấy người đâu ;
Chỉ mong vào một cô-dâu,
Rút tiền « cha mẹ » đem hầu « gia-nương ».
Nghĩ nhà cũng tầm-thường canh-cửi,
Sao cho đầy cái túi tham-ô !
Thế-tình bạc-bẽo như tro,
Trân-cam thiếu vị, mục cho gái đàn.
Dù hết sức tảo-tần sớm tối,
Cũng cho là ăn xổi ngồi không ;
Dù chăm mọi việc ngoài trong,
Cũng cho lười biếng, để mong rẽ lìa.
Lìa dâu cũ, rước về dâu mới,
Để kiếm nhiều của gái hồi-môn ;
Hồi-môn của đã nhiều hơn,
Lễ-nghi cúng tiến lại còn lắm phen.
Nghĩ thân-phận, thêm phiền thân-phận,
Cũng một hàng son-phấn đua bơi ;
Trách mình chẳng biết chiều đời,
Hóa nên trắc-trở kém người mấy phân.
Lần này nữa, là lần thứ sáu,
Lại « gia-nương » tàn-bạo mười mươi ;
Buồn tình mới dạo thuyền chơi,
Đàn ca gọi chút khiển-hoài hôm nay. »
Nghe bày tỏ đắng cay mọi nỗi,
Nghĩ đời cơn tức-tối đời cợn ;
Nghe đàn đã nát tâm-gan,
Nghe lời thêm gợi muôn vàn sầu-bi.
Nghĩ mình cũng tu-mi nam-tử,
Gánh tang-bồng nặng nợ non sông ;
Đường đời cũng muốn hanh-thông,
Để đem học-thuật hiến cùng quốc-gia,
Hay đâu sự « sa-đà thế-nguyệt »,
Một bước đường lệt-đệt bấy lâu ;
Nghĩ người truân kiển mà đau,
Nghĩ mình cảnh-ngộ khác nào mấy mươi
Người đời ngả phương trời bến nước,
Cũng một phường « luân-lạc thiên-nhai » ;
Cảnh-tình ai cũng như ai.
Tương-phùng bất đợi là người tương-tri.
Ngổn-ngang những đường kia nỗi nọ,
Chút đem lời khuyên dỗ hơn thua :
« Khuyên ai, ai chớ phiền lọ,
Trượng-phu cũng thế, huống hồ nữ-lưu.
Hãy đàn lại vài câu nghe thử,
Họa phô bày tình-tự sâu xa » !
Vâng lời, đàn lại dạo qua,

Thiên sầu vạn-thảm tuôn ra mấy phần.
Nghe xong khúc tình-thần tê-tái,
Khách cả thuyền ai nấy ủ-ê ;
Hỏi ai giọt lụy ê-hề ?
Đằng-châu Thái-thú đầm-đề áo xanh.

B T.

VĂN TẾ

Dân ấp Thái-hà tế cụ Quận Hoàng Thái-xuyên (1)

Than ôi ! Nước có người thì nước ỷ-trọng ; làng có người thì làng vẻ-vang. Phương-chi đại-thần một nước, nguyên-lão một làng. Đương ỷ-trọng bỗng ngã lòng thất-vọng ; đương vẻ-vang mà xảy việc cảm-thương. Khiến cho thân-ái đồng-tình, tang-tử không quên người cố-chủ ; tưởng đến tinh-anh chính-khí, bồng-tai lại về chốn ngọc-hoàng. Muôn đời huyết-thực ; cả ấp tâm-tang.

Nhớ cụ xưa : Hoàng-trụ dòng sang ; nho-khoa bậc trước. Trầu trời nam-quyết, tuổi trẻ chen vai ; mến đất Đông-kinh, đường mây thẳng bước. Cầm quyền chính-giáo, công tư đều xứng phận bề tôi ; gặp hội văn-minh, ưu-ái phải dâng mình cho nước. Giặc ra tay tiễu-phủ, chẳng quản gian-nguy ; cuộc hết sức vãn-hồi, trải bao bàn-thác. Núi sông trong lặng, toàn hạt Bắc-kỳ ; đào mận vun trồng, mười năm Kinh-lược. Su-yếu vời vào Thai-phủ, một cây mà chống vững Thần-kinh ; nhung-công lặng đến Đầu-ninh, năm bậc lại tấn-phong Công-tước. Đình tam-hưu đề-đệ vừa xong ; xã cửu-lão kỳ-anh tranh trước.

Ấp Thái-hà, là nơi giả nghỉ ; cũng chỗ đất lành. Sinh-phần sẵn kiểu ; hương-ấm riêng đình. Khuya sớm liền ngay tử-xá ; phồn-hoa cách hẳn Hà-thành. Họp gia-đình và cố-lại môn-sinh, nào đình nào chung nào xiêm vàng đai bạc ; mượn phong-cảnh làm Hồng-sơn Lam-thủy, có cây có đá có hoa thắm cỏ xanh. Sắc trung-sứ các đồ ban thọ-phẩm ; bảng mậu-thìn hai đạo yến Lộc-minh. Xuân thu tám-mươi-tư tuổi trời, hiện có điển-hình tổ quốc ; danh-thế năm trăm năm vận-hội, ngờ đâu hiền hóa thần-linh.

Ấp chúng tôi : Bóng nhờ cây cả ; sương ngần sao mờ. Yến mao-sĩ sắp bày tiệc khác ; nhạc Hàm Thiều vẳng thấy nẻo xa. Vẫn biết rằng Tung Nhạc giáng thần, sinh ra đời phải gánh vác cho đời, danh-vọng ấy đã lừng trong vũ-trụ ; chỉn mong những Đồ-cừu chung-lão, dựng nên ấp sẽ xum-vầy cùng ấp, khoán-thư kia còn hẹn với sơn-hà. Thế mà trời không để sót ; phật vội đón ra. Thụy-hiệu xin phụng-nghinh về từ-miếu ; tấm thành này chung khắp cả tề già.

Cùng nhau trước bài-vị cúi đầu, sống làm tướng, thác làm thần, muôn thuở nghìn thu, nhớ mãi lúc mưa Âu gió Á ; từ nay giữa công-đình họp mặt, nhỏ một làng, lớn một nước, bốn mùa tám tiết, gọi chút là đài rượu mâm hoa. Thượng-hưởng.

∴

Lại thế văn tế

Đức tôn-thần :

Hồng Lam sẵn đất ; khoa bảng vốn nhà. Rồng mây gặp-gỡ ; bể hoạn xông-pha. Đương đầu đốc-phủ ; thay mặt quốc-gia. Bắc-kỳ toàn hạt ; Kinh-lược chuyên nha. Giặc tan làm bụi ; cuộc dẹp phong-ba. Ra vào sứ-tướng ; chỉnh-đốn sơn-hà. Triều-đình ỷ-trọng ; công-tước ơn gia. Lộc-minh trùng yến, bắc-đầu một tòa. Thái-hà dựng ấp ; Hoàng-phủ vui già. Sĩ là ngôi quí ; tưởng vụt sao sa. Thần linh hiển hóa ; công-đức lâu xa. Trời thu tháng tám ; ngày hủy mồng ba. Lòng chung già trẻ ; lễ mọn hương hoa. Cúi xin chứng-giám, thần phúc cho ta. Cẩn cốc.

---

(1) Bài dưới này nghe là của ông Trần Tán-Bình soạn.

THỜI-ĐÀM

Tin nước Pháp

Tình hình Nội-các. — Trong vòng vài tháng nay chỉ vì vấn-đề tài-chính mà Nội-các nước Pháp phải thay đổi đến hai lần. Nội-các ALBERT SARRAUT mới thành-lập chưa được một tháng thì nay đã thay đổi đến Nội-các CHAUTEMPS rồi. Xét về tình-thế Nội-các SARRAUT tại Nghị-viện. M. FLANDIN nguyên tổng-trưởng có nói đến cái thái-độ của Ủy-ban tài-chính Hạ-nghị-viện trái khác hẳn Nội-các, và sửa đổi rất nhiều bản dự-án của Nội-các, cũng là ban tài-chính Thượng-nghị-viện đã thảo một bản dự-án về việc chấn-hưng tài-chính trong xứ. Ông nói nếu một Nghị-viện tỏ ra bất-lực thì nên cầu đến viện kia và nếu hai nghị-viện không đồng ý-kiến nhau thành ra xung-đột nhau thì nên lấy dư-luận làm trọng-tài.

Trong khi tranh-biện về việc tài-chính, khoản Chính-phủ định trích trước về số lương-bổng của các viên-chức tòa Nội-các bị 321 phiếu phản-đối, chỉ có 247 phiếu ưng-thuận thôi.

Vậy tòa Nội-các ALBERT SARRAUT đã đệ đơn lên quan Giám-quốc xin từ chức.

Quan Giám-quốc LEBRUN tiếp đơn từ chức của tòa Nội-các ALBERT SARRAUT thì ngài bắt đầu hỏi ý-kiến các chính-đảng để giải-quyết về việc tòa Nội-các từ-chức.

Theo lệ thường quan Giám-quốc hội-kiến cùng các ông nghị-trưởng Nguyên-lão nghị-viện và Thứ-dân nghị-viện, cùng các ông tiên-thẩm ủy-viên của hai Nghị-viện ấy. Quan Giám-quốc LEBRUN có thương-thuyết trong một tiếng đồng-hồ với M. CHAUTEMPS. Người ta nói có lẽ quan nguyên tổng-trưởng bộ Nội-vụ sẽ được vời lập Nội-các. CHAUTEMPS có tới điện *Elysée* nhận hẳn đứng lập Nội-các. Ông nói buổi tối sẽ lập xong Nội-các.

Ngày 27 *Novembre*, hồi 3 giờ M. CHAUTEMPS đã tuyên-bố Nội-các thành-lập và có những vị sau này :

Thủ-tướng kiêm bộ Nội-vụ : M. CHAUTEMPS.

Tư-pháp :	M. RAYNALDY
Ngoại-giao :	M. Paul BONCOUR
Tài-chính :	M. GEORGES BONNET
Ngân-sách :	M. MARCHANDEAU
Chiến-tranh :	M. DALADIER
Hải-quân :	M. SARRAUT
Hàng-không :	M. PIERRE COT
Quốc-gia giáo-dục :	M. DE MONZIE
Công-chính :	M. PAGANON
Thương-mại :	M. LAURENT EYNAC
Canh-nông :	M. QUEUILLE
Lao-động :	M. LAMOUREUX
Thuộc-địa :	M. DALIMIER
Hưu-bổng :	M. DUCOS
Bưu-điện :	M. MISTLER
Vệ-sinh :	M. ISRAEL
Thương-thuyền :	M. EUGÈNEFROT

Các quan thứ-trưởng

Thủ-tướng :	M. MARCOMBES
Nội-vụ :	M. W. DLIAM BERTRAND
Kinh-tế :	M. PATENÔTRE
Ngoại-giao :	M. FRANCOIS DE TESSAN
Chiến-tranh :	M. GUY LA CHAMBRE
Thể-dục :	M. ADOLPHE CHERON
Học chuyên-môn :	M. LE GORGEN
Hàng-không :	M. DELESSALLE

Ông HERRIOT vì sức yếu không nhận dự vào Nội-các, nhưng nhận đi đại-diện nước Pháp tại hội Vạn-quốc và các phái-bộ ngoại-giao. Nội-các mới hầu hết là người đảng xã-hội cấp-tiến, và gồm có những quan Tổng-trưởng cũ cả. Duy có một điều sửa đổi về bộ

ngân-sách là bộ ấy do M. Marchandeau tới lĩnh, trước kia là M. Gárey.

M. Chautemps có ý lập một Nội-các gồm có các người từ đảng xã-hội đến cộng-hòa tả-đảng, nhưng không điều-đình xong vì có nhiều người đảng xã-hội không chịu. Vì vậy ông mới lập hẳn một Nội-các gồm có những người trong đảng Cộng-hòa để chấn-hưng nền tài-chính trong nước và giữ vững việc ngoại-giao. Ông cho việc giữ các nhân-viên cũ lại là một sự rất hay.

M. Chautemps giới-thiệu Nội-các mới với quan Giám-quốc.

Ngày 28 M. Chautemps và các quan Tổng-trưởng bộ Tài-chính với bộ Ngân-sách, đã xét những điều đại-cương bản dự-án chấn-hưng tài-chính mà Nội-các sẽ đệ lên Nghị-viện hôm đọc tờ tuyên-cáo. M. Chautemps có ý xin Viện quyết-định ngay về bản dự-án đó và hoãn các việc chất-vấn về chính-sách của Nội-các lại. Có lẽ M. Marchandeau sẽ xin với Viện đừng thêm bớt gì vào bản dự-án trong khi tranh-luận, như thế sẽ rút ngắn cuộc tranh-luận đi và Chính-phủ sẽ chịu hoàn-toàn trách-nhiệm về việc này.

Nội-các đã họp hội-đồng định đến thứ bảy sẽ ra Viện và ngay hôm đó sẽ đệ bản dự-án tài-chính.

Theo lệ-luật thì hôm 7 *Décembre* có thể khởi cuộc tranh-luận được.

Thứ sáu và thứ bảy Nội-các sẽ lại họp. Sáng thứ bảy sẽ định bản tuyên-cáo của Chính-phủ.

Thời-cục nước Tàu

Nam-kinh với Phúc-kiến. — Không nước nào rắc-rối như nước Tàu, việc ngoại-xâm chưa giải-quyết xong, thì đã kế đến cái phong-trào nội-loạn. Tháng trước đây đã có tin Hồ Hán Dân muốn lập lên một chính-phủ độc-lập ở Phúc-kiến, Lâm Sâm đã phải thân-hành đến ngăn-cản. Nay có tin đích rằng Lý Tế-Thâm, Thái Đình-Khải và Trần Hữu-Nhân nổi lên ở Phúc-châu, đã lập lên một chính-phủ độc-lập, không chịu quyền của Nam-kinh. Cái phong-trào chính-biến ấy người ta nói rằng vì thiếu tiền lương không cấp-phát đủ cho cánh Thập-cửu-lộ-quân, nên họ nổi lên chiếm lấy chính-quyền trong tỉnh Phúc-kiến. Có người lại nói phong-trào này là bởi tại đám quân-nhân nổi lên cốt để giữ cho Thập-cửu-lộ-quân được ở yên mãi ở Phúc-kiến. Nhưng xét ra bọn Lý Tế-Thâm, Trần Minh-Khu mà lập ra chính-phủ nhân-dân này, mục-đích cốt là định phá đổ chính-phủ Nam-kinh và Tưởng Giới-Thạch.

Chính-phủ độc-lập tỉnh Phúc-kiến đã phát-biểu tờ tuyên-cáo chính-phủ này lấy tên là Tạm thời Dân-quốc chính-phủ. Lý Tế-Thâm nguyên chủ-tịch chính-phủ Quảng-đông được cử lên làm chủ-tịch chính-phủ cách-mệnh và Trần Minh-Khu thì làm chức Đồng-lý nội-các Phúc-kiến, Thái Đình-Khải giữ bộ chiến-tranh, còn Trần Hữu-Nhân thì coi bộ ngoại-giao. Chính-phủ mới đặt ra gồm có năm viện.

Có tin các tỉnh Quảng-tây, Quảng-châu và Vân-nam cũng hoan-nghênh phong-trào ấy. Tại Ảo-môn và Phúc-châu đã thiết quân-luật. Tại cương-giới Phúc-kiến thấy có động-binh, người ta e khó lòng tránh khỏi việc binh-đao với Nam-kinh.

Chính-phủ đã phát-biểu tờ tuyên-ngôn nhưng kiêm-duyệt không cho các báo đăng. Chính-sách của chính-phủ mới có ba điều chính sau này:

1° Kháng Nhật và hủy bỏ những hiệp-ước bất-bình-đẳng;

2° Tự-do ngôn-luận, hội-họp, tôn-giáo;

3° Chia đất thuộc công rừng và mỏ.

Theo tin-tức ở Phúc-kiến thì chính-phủ mới đã bắt đầu đến chiếm sở thu thuế, đài vô-tuyến-điện Ảo-môn, các

chi-điểm nhà băng Trung-ương ở Phúc-châu và Áo-môn. Thủy-quân của chính-phủ Trung-ương đóng ở Ma-moi bị vây chặt, nhưng bộ hải-quân Nam-kinh cải-chính rằng quân-lính không bị thu khí-giới.

Trần Minh-Khu đã hạ-lệnh tịch-biên hai chiếc tầu bay của Tưởng Giới-Thạch phải đến để điều-đình.

Phóng-viên hãng *Havas* ở Thượng-hải thông tin rằng trong bản tuyên-cáo của chính-phủ Phúc-kiến mà chính-phủ Trung-ương kiểm duyệt không cho các báo đăng, có đoạn dị-nghị Tưởng Giới-Thạch rất kịch-liệt, buộc tội Tưởng đã dung-túng chính-sách thân Nhật. Theo lời tuyên-cáo đó thì biết chính-phủ cách-mệnh khuynh-hướng về chủ-nghĩa cộng-sản.

Theo tin báo «*Central News*» thì chính phủ Cách-mệnh tịch-biên của chi-điểm nhà băng Trung-ương tới 1 triệu tiền vàng Mễ-tây-cơ.

Các tướng lĩnh Phúc-kiến có thông tin cho hội-đồng chính-trị miền Tây-Nam rằng muốn chính-phủ Cách-mệnh bãi đi thì Nam-kinh phải nhận theo những điều thỉnh-nguyện sau này:

Bắt buộc Tưởng Giới-Thạch và Uông Tinh-Vệ phải từ-chức.

Tổ-chức lại chính-phủ Trung-ương.

Triệu-tập một kỳ hội-nghị hòa-giải ở Thượng-hải.

Những người nguyên-lão yếu-nhân trong nước, muốn tránh cái họa nội-chiến này, có cùng nhau khuyên Tưởng Giới-Thạch và Uông Tinh-Vệ từ chức đi, kẻo lòng dân đã chán ghét họ lắm rồi.

Xem bức điện-văn của ban chính-trị ủy-viên Tây Nam gửi cho Nam-kinh như sau thì biết:

«... Hiện nay việc biến tỉnh Mân càng ngày càng dữ, xem thế không có thể nào kéo lại được nữa.

«Nghĩ lại các bạn đồng-chí kia đều là người có lịch-sử sâu-xa với đảng-quốc, và đạo binh 19 có công-trạng quá-khứ rất là vẻ-vang, thế mà ngày nay họ đành bỏ đảng Quốc-dân, ra tay cách-mệnh, để cho bên trong bọn cộng-sản thừa-thời nổi lên, bên ngoài trúng nhằm gian-kế của quân cường-địch, như vậy thật là một việc đau lòng.

«Nhưng hỏi ai gây ra đó? Xét tới nguyên-nhân, thì không ai không bảo là tại các nhà đương-cục độc-tài đã làm tội ác chan-chứa mà gây ra đó.

«Tức như tờ hiệp-ước ở Đường-cô, khiến cho nhà-nước mất quyền mang nhục, xưa nay chưa thấy bao giờ. Còn giặc Cộng tràn lan mấy tỉnh, các nhà đương-cục đã không có ý tảo-trừ, lại còn mượn việc đó để làm khó dễ cho nhà-nước và bài-trừ những kẻ nghịch với mình. Thấy vậy mà toàn-đảng toàn-quốc đã ôm lòng công phẫn lâu rồi, chứ không phải chỉ có tỉnh Mân bây giờ mà thôi đâu.

«Bây giờ gốc loạn đã nẩy ra rồi các ông chẳng nên để cho nó thêm sâu thêm lớn ra nữa; các ông nên lui bước đi, nhường địa-vị lại cho người hiền thay thế. Vậy để cho toàn-đảng toàn-quốc được khôi-phục tự-do, cùng nhau giải-quyết những việc rối ben trước mắt và sắp đặt công-việc mai sau.

«Ngoài cách đó ra, thì không có cách gì cứu nguy dẹp loạn nữa được. Các ông nghĩ sao?, v. v....»

Thế là dư-luận đều muốn Tưởng, Uông từ chức, nhưng không biết Tưởng, Uông có chịu hay không?

Bởi vậy ban ủy-viên chính-trị miền nam đang vận-động ép Uông, Tưởng từ chức.

Ban ủy hăm-dọa Nam-kinh, nếu lỗi-thôi thì lại lập chính-phủ Quảng-đông và Quảng-tây độc-lập, do Hồ Hán-Dân làm đầu.

Có tin Hồ Hán-Dân đã kết-liên với Lý Tôn-Nhân và Bạch Sùng-Hy ở

Quảng-tây để mưu lập một chính-phủ độc-lập Quảng-tây và Quế-châu.

Nhưng Trần Tế-Đường đã khuyên Hồ đừng làm như thế vội.

Tin ở Phúc-châu rằng chính-phủ Phúc-kiến đã cử Phùng Ngọc-Tường làm chủ-tịch ban kinh-tế. Theo tin đăng trong báo «*Central News*» thì Nam-kinh định phái hai đại-biểu đến điều-đình với Hồ Hán-Dân về phong-trào cách-mệnh ở Phúc-kiến và cố mời Hồ về Nam-kinh tham-dự quyền-chính.

Đối với Phúc-kiến độc-lập, Hồ Hán-Dân ở Hương-cảng có tỏ ý-kiến với một viên ký giả rằng: Bọn Trần Minh-Khu lấy danh-nghĩa là đánh đổ Tưởng Giới-Thạch thì tôi rất biểu-đồng-tình, nhưng độc-lập mà thoát-ly đảng Quốc-dân, bỏ cờ thanh-thiên-bạch-nhật, chực đem chủ-nghĩa xã-hội thi-hành ở Trung-quốc, thì tôi không sao tán-thành được.

Các báo Tàu đăng một bức điện-tín của Hồ Hán-Dân và các lĩnh-tụ Quốc-dân-đảng ở Quảng-châu gửi cho các lĩnh-tụ Phúc kiến, không công-nhận việc lập chính-phủ độc-lập cùng là việc liên-lạc với bọn cộng-sản và việc phản Nhật của chính-phủ Phúc-kiến. Hồ Hán-Dân hô-hào các tướng-lĩnh Phúc-kiến nên biết điều lầm lỗi mà khuyên Thập-cửu lộ-quân chớ dời con đường chính, e làm mất cái thanh-danh anh-hùng của đạo quân ấy.

Phùng Ngọc-Tường ở Thái-sơn tuyên-ngôn đồng-ý với Hồ Hán-Dân, tuy chẳng công-nhận cuộc cách-mệnh ở Phúc-kiến, nhưng Chính-phủ Nam-kinh tưởng cũng nên tự xét lỗi mình.

Chính-phủ Nam-kinh có thông tin cho ủy-ban chính-trị miền Nam để đối-phó với đảng Phúc-kiến, Trần Tế-Đường là trưởng-ban vừa phúc-đáp về Nam-kinh tỏ bày ý-kiến sau này: Bắt Tưởng Giới-Thạch và Uông Tinh-Vệ phải từ chức, tổ-chức lại Chính-phủ Nam-kinh, cho dân được mọi quyền tự-do và họp một kỳ Đại-hội-nghị ở Thượng-hải để bàn việc thống-nhất.

Chính-phủ Nam-kinh định điều-đình việc này một cách hòa-bình, đã phái 4 ủy-viên đi Hương-cảng để dàn-xếp tình-thế cho ổn-thỏa.

Bốn phái-viên của Chính-phủ Nam-kinh, trong đó có Trương Kế, đã đáp tầu đi Hương-cảng, đem lời phúc-đáp của Chính-phủ trung-ương cho Ủy-ban chính-trị miền Tây, Nam. Chính-phủ trung-ương chịu khoản giảm cái thời-hạn việc bảo-trợ chính-trị và việc triệu-tập một Hội-nghị hòa-giải ở Thượng-hải. Còn về việc bắt Tưởng Giới-Thạch và Uông Tinh-Vệ phải từ-chức và việc tổ-chức lại chính-phủ Quốc-dân thì Nam-kinh sẽ tìm cách giải-quyết.

Tại Nam-kinh, chính-phủ có họp hội-đồng xét tình-thế tỉnh Phúc-kiến, kết-cục Hội-đồng chưa quyết-định thế nào. Còn quân Phúc kiến thì quyết-định kéo đánh Chiết-giang để lấy đường kéo qua Hàng-châu về Thượng-hải và Nam-kinh.

Các báo Tàu đăng tin rằng Chính-phủ Phúc-kiến đã phái 6 đại-đội binh-lính lên mạn Bắc để đánh vào Chiết-giang là nơi quân lính của Chính-phủ đóng.

Theo tin-tức ở Hương-cảng thì các tướng cộng-sản Tôhu-Ten và Peng-tri-Hou đồng-minh của Chính-phủ Phúc-kiến, đã cùng một đội binh của thập-cửu-lộ-quân chiếm đóng một tỉnh ở Bắc-bộ Quảng-đông để làm nơi căn-cứ, trong việc đối-phó với Quảng-đông.

Có tin rằng 400 người Bạch-Nga đã tới Phúc-châu để trợ-lực với thập-cửu-lộ-quân.

Có tin ở Hương-cảng về báo «*Central News*» rằng một viên sĩ-quan đạo quân 19 trốn ở Phúc-kiến về có thuật rằng chính-phủ mới đặt tại các phủ huyện những hội-đồng nông-công. Mà

mỗi đội quân đạo binh 19 lại có một viên huấn-luyện quan cộng-sản người Nga.

Thái Đình-Khải và Trần Hữu-Nhân tuy tuyên-ngôn phản-đối tin thập-cửu lộ-quân kết-liên với quân cộng-sản, nhưng nhận rằng có cùng xích-quân thỏa-thuận đình-chiến.

Các báo Tàu đăng tin rằng Tưởng Giới-Thạch trả lời Lý Liệt-Quân, ủy-viên ban Hành-chính rằng Tưởng rất không chắc có thể giải-quyết việc Phúc-kiến bằng cách hòa-bình được. Tuy vậy Tưởng cũng cứ cố hết sức thử xem, nếu không điều-đình xong thì sẽ phải dùng đến quân-lực.

Chính-phủ Nam-kinh đối với việc Phúc-kiến, ngoài việc sai chủ-tịch Chiết-giang là Lỗ Địch-Bình đem quân đến phòng giữ ở Biên-cảnh Phúc-kiến, Chiết-giang, lại triệu đại-biểu Quảng-đông là Dương Đức-Chiêu đến kinh để hỏi ý-kiến các tỉnh tây nam.

Chính-phủ trung-ương sẽ cử Tưởng Giới-Thạch làm thảo-nghịch tổng-tư-lệnh, mang quân đi đánh Phúc-kiến, chức tiểu-phỉ tư-lệnh ba tỉnh sẽ do Lưu Trĩ thay, và phái đạo quân 17 vào Triết-giang.

Theo tin-tức đăng trong các báo Tàu thì Tưởng Giới-Thạch đã triệu-tập một kỳ hội-nghị ở Nam-xương, hội-họp các tướng-lĩnh cử đi đánh Phúc-kiến. Quân-đội sẽ họp tại miền cương-giới Triết-giang Phúc-kiến từ giờ đến cuối tháng sẽ xong. Tưởng thân đứng cầm quân.

Uông Tinh-Vệ thì vẫn nói rằng chính-phủ không hề có dự-bị quân-lính gì cả.

Hiện chính-phủ Phúc-kiến đã đặt 18 khẩu đại-bác trên pháo-đài *Chausmen*, ở ngay chỗ vào cảng Phúc-châu. Trong hải-phận cảng này đã đặt tạc-đạn khắp mọi nơi.

Tưởng Giới-Thạch ngày 22 đã phát thư cảnh-cáo các tướng-sĩ đạo quân 19, khuyên giữ cái thanh-giá vẻ-vang trong việc kháng Nhật tiễu Cộng đã được quốc-dân tin yêu, chớ để bọn Trần Minh-Khu lợi-dụng.

Tưởng Giới-Thạch gửi một bản thông-tư đi cho các tướng, mạt-sát việc Phúc-kiến, cho rằng phong-trào này chính là giúp sức cho bọn Cộng-sản Giang-tây hiện đang bị quân chính-phủ vây khốn.

Ban thường-trực Quốc-dân-đảng đã quyết-định trục-xuất Trần Hữu-Nhân, Trần Minh-Khu và Lý Tế-Thâm ra khỏi đảng.

Tưởng Giới-Thạch lại gửi một tờ tuyên-ngôn cho thập-cửu-lộ-quân, tuyên-bố Trần Minh Khu và Lý Tế-Thâm là kẻ phản-đảng. Tưởng có nhắc lại lời của Thái Đình-Khải hứa sẽ chẳng bao giờ dự vào cuộc nội-chiến.

Hội Tây-nam chấp-hành ủy-viên của đảng Quốc-dân ở Quảng-châu đã thông điện tỏ hẳn thái-độ đối với cuộc độc-lập ở Phúc-kiến như sau này: Bọn Trần Minh-Khu, Lý Tế-Thâm, Thái Đình-Khải, Từ Khiêm ngày 20 khai hội ở Phúc-kiến, tuyên-ngôn thoát-ly đảng Quốc-dân, bỏ cờ thanh-thiên bạch-nhật, tổ-chức chính-phủ nông-công, ngoài câu-kết với Nhật-bản, trong liên-lạc với cộng-sản, chỉ có cái khẩu-hiệu phản Tưởng không, như thế không những Tưởng được có cớ nói, lại chôn vùi cái lịch-sử vẻ-vang kháng Nhật tiễu Cộng của đạo quân 19. Và phản đảng-quốc dắt giặc ngoài, làm cho nạn cộng-sản lan ra, để hại vô-cùng. Dân ta lấy chủ-nghĩa tam-dân và quốc-gia dân-tộc làm lập-trường, quyết không thể cầu-thả phụ-họa được.

Có tin ở Nam-kinh rằng ngoại-giao-bộ đã bố-cáo sẽ dùng phương-pháp cương-quyết để trừ cái phong-trào cách-mệnh ở Phúc-kiến và bảo-hộ kiều dân ngoại-quốc.

Chính-phủ Nam-kinh đã quyết-định tức-khắc hành-động để trừ cho tiệt

phong-trào này. Thủy-quân miền Bắc vẫn trung-thành với Nam-kinh.

Quảng-châu thì đứng địa-vị quan-sát nhưng cũng dự-bị đề-phòng. Về phía sông miền đông thấy quân lính rục-rịch động, để canh-phòng thái-độ Quảng-tây. Có tin đồn rằng lãnh-tụ phái Quảng-tây đã xuống tầu đi Phúc-châu.

Các cường-quốc chẳng thấy động tĩnh, trừ có nước Nhật có báo cho chính-phủ độc-lập mới để ngăn-cấm cái phong-trào bài Nhật.

Bộ ngoại-giao Nhật điện cho Tổng-lãnh-sự Nhật ở Phúc-châu, bảo đối với cuộc độc-lập ở Phúc-kiến nên làm theo hai điều này: 1º Không can-thiệp về các cuộc vận-động chính-trị; 2º Bảo-hộ kiều-dân và những quyền-lợi đã chiếm được. Bộ hải-quân sẽ phái toàn-binh đến Phúc-kiến hoặc sẽ tìm cớ khởi-sự để hả lòng căm giận trong cuộc chiến-tranh ở Thượng-hải bị quân đạo 19 thống-kích.

Theo như các tin trên thì tình-hình nước Tàu về phía nam dương nổi lên cái phong-trào cách-mệnh rắc-rối như thế, chính-phủ Nam-kinh dương phải lo đối-phó với Phúc-kiến, mà về phía Hoa-bắc, Nam-kinh lại càng lo hơn, vì tình-hình nghiêm-trọng, e cho Hà Ứng-Khâm và Hoàng Phu phải bỏ mà trở về. Chắc thế nào Nam-kinh cũng lo mời Trương Học-Lương về nước để điều-đình việc ấy.

Báo Tàu *China Evening* đăng tin rằng có một nhân-vật thân với Trương Học-Lương nói lại rằng Trương về nước là do theo ý muốn của Tưởng Giới-Thạch. Tưởng sẽ mời Trương lĩnh một chức quan để tĩnh-trấn miền bắc cho khỏi sợ vây cánh của Trương quấy nhiễu.

Tôn Khoa chủ-tịch viện Lập-pháp, vừa tuyên ngôn với các báo-quán rằng cuộc hòa-bình ở Viễn-đông đã bị lung-lay, Nga với Mĩ có thể đồng-minh nhau đối Nhật. Mà nếu việc binh-đao nổi lên thì Nhật sẽ chiếm-cứ Bắc-bộ nước Tàu và vây kín các hải-cảng miền Nam.

Tình-hình miền Hoa-bắc.— Nhật coi miền Hoa-bắc không khác gì xứ Mãn-châu thứ hai. Về việc giao thiệp ở miền Hoa-bắc, các đại-biểu Nhật định chờ sau khi các đường bưu-điện, xe-hỏa và hàng-không được giao-thông rồi mới trả các cửa ải Trường-thành, và ở khoảng Đại-liên, Tần-hoàng-đảo, Thiên-tân liên-lạc đường hàng-hải, khai-phát mỏ Loan-đông, đắp đường sắt Bình-tuy, Bình-nhiệt, do Trung-Nhật hợp sức làm, rõ-ràng muốn đem miền Hoa-bắc làm thành nước Mãn-châu thứ hai.

Có tin ở Cáp-nhĩ-tân nói rằng: Hai nước Nhật Nga đều ra sức đề-phòng nhau, quân Nhật mới đem hai sư-đoàn đến đông-bắc, vừa rồi lại đem hai sư-đoàn đến Hồn-xuân, bộ-đội đóng ở Triều-tiên cũng dự-bị lên đóng ở một giải phía bắc Triều-tiên. Tổng-kế quân Nhật ở biên-cảnh Mãn-châu có đến 11 sư-đoàn, 1 lữ-đoàn, 1 đại-đội không-quân, chừng 60 chiếc máy bay, ngoài ra lại có 8 chiếc máy bay ái-quốc. Quân Nga họp ở biên-cảnh Mãn-châu có 11 sư-đoàn, 5 lữ-đoàn kỵ-binh, máy bay đỗ ở Bá-lực có 150 chiếc.

Nhật định sau khi đánh nhau với Nga thì bỏ Mãn-châu-lý, giữ vững đường từ Hải-lạp-nhĩ đến Đại-hưng-yên, đánh lấy Hải-xâm-uy.

Vì nước Nga hơi muốn thoái-bộ, nước Nhật lại ra mặt hăng-hái, những quân Nhật ở Mãn-châu-lý, Tuy-phân-hà, Mạc-hà đều mở cuộc diễn-tập dã-chiến, không-quân cũng dự cuộc, ra ý làm oai với Nga. Nước Mãn-châu đối với Nga cũng tỏ ra thái-độ cường-ngạnh.

Có tin ở Thiên-tân nói rằng: hơn mười chiếc máy bay Nhật vượt cõi Mãn-châu bay vào nước Nga, bị đội cảnh-bị Nga bắn rơi 6 chiếc, hơn 20 viên phi-tướng và thượng-sĩ-quan Nhật hoặc bị đánh, hoặc bị giam.

Gần đây ở Mãn-châu quân nghĩa-dũng vẫn còn thấy hoạt-động. Theo tin một sứ-quán ở Bắc-bình nói rằng quân nghĩa-dũng ở biên-cảnh phía đông Liêu-ninh, Cát-lâm gần đây thực đã hoạt-động lắm, đã lấy lại được Hải-long. Một giải-hơn mười huyện ở biên-cảnh Liêu-ninh, Cát-lâm lại thấy bóng cờ thanh-thiên bạch-nhật bay phấp-phới, nhưng chưa rõ ai là lĩnh-tụ quân nghĩa-dũng ấy.

Quân nghĩa-dũng ở biên-cảnh Cát-Liêu, Hắc-long-giang liên-hợp với đảng độc-lập Triều-tiên, chia đi các huyện hoạt-động, thế càng bành-trướng.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 11 năm 1933)

Trận bão rất tàn-hại.— Từ tháng 9 đến giờ ở nước ta có nhiều trận bão dữ dội, làm cho nhiều tỉnh nhiều hạt thiệt-hại kể cũng chẳng ít, duy có trận bão ngày mồng 1 tháng 11 này là dữ nhất, đã phá tàn hại trong mấy hạt Bình-định, Phú-yên. Kể một hạt Phú-yên người chết có tới hơn hai trăm, nhà tranh trôi mất tới chín trăm cái, nhà đồ tới ngót năm ngàn, thuyền bị hư và trôi mất gần ba trăm chiếc, trâu bò và lợn chết trôi mất gần tám trăm con, lại các công-sở, cầu cống, đường đi thiệt-hại độ tám vạn đồng, còn các cây cối hoa mầu hại không biết bao nhiêu mà kể, dân bị nạn bão rất là khổ-sở. Hiện nay suốt từ Nam chí Bắc các hội Cứu-tế, các nhà từ-thiện đương hô-hào tổ-chức các cuộc quyên-trợ, cuộc chợ phiên, cuộc diễn thể-thao, đá bóng, cuộc hát và diễn-kịch, v.v., để lấy tiền giúp cho mấy xứ bị nạn bão ấy.

Đông dương Đại hội nghị.— Hồi 3 giờ chiều mồng 7 tháng 11 này, Đông-dương Đại-hội-nghị đã khai-mạc kỳ hội-đồng thường-niên tại trường Cao-đẳng Hà-nội, có quan Toàn-quyền Pasquier chứng-kiến, ông bác-sĩ Yersin là nghị-viên cao tuổi nhất chủ-tọa.

Ông Yersin theo lệ thường đọc một bài diễn-văn khai-mạc hội-nghị, đến quan Toàn-quyền đọc một bài diễn-văn dài nói về tình-hình kinh-tế bản-xứ, đọc xong thì hội-đồng giải-tán.

Sáng mồng 8 Hội-đồng lại họp để bầu tòa trị-sự, ông Lambert làm Hội-trưởng; hai ông Claude và Thuan làm phó-hội trưởng; hai ông Philip và Phan Văn-Giáo làm thư ký.

Hội nghị chia làm hai ban, một ban xét về sổ dự-toán, một ban xét về tài-chính và các việc linh-tinh. Hội-đồng làm việc luôn đến chiều mồng 5 tháng 12 mới bế-mạc.

Đổi Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ làm Bắc-kỳ cố-vấn hội-đồng.— Nghị định quan Toàn quyền ngày 8 *Novembre* 1933 tuyên-bố thi-hành đạo Chỉ-dụ của đức Bảo-đại đổi Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ làm « Bắc-kỳ Cố-vấn Hội-đồng » (*Conseil Privé du Tonkin*). Đạo Chỉ-dụ như sau này:

« Dụ số 82 ngày mồng 6 tháng chín năm Bảo-đại thứ 8 (*24 Octobre 1933*) về Hội-đồng Cố-vấn Bắc-kỳ:

« Phàm trong một đoàn-thể dân-tộc lớn cùng theo một kỷ-cương chế-độ chung, mà có gồm mấy xứ lại, thời điều cốt-yếu trong phép cai-trị là đối với mỗi xứ phải biết dùng những phương-pháp hành-chính riêng cho thích-hợp.

« Những kỷ-cương chế-độ kia phải cần cho hợp-nhất thì quốc-gia mới có

thể-thống, đoàn-thể mới được vững-bền; nhưng những phương-pháp hành-chính nọ cũng phải để cho rộng-rãi thì mỗi địa-phương mới có thể tự-tiện sinh-hoạt theo lề-lối riêng vậy.

« Đó là cái tôn-chỉ địa-phương phân-quyền, các Liệt-thánh Bản-triều từ xưa đến nay thống-trị trong nước vẫn theo phép đó. Chánh-phủ Bảo-hộ gần đây đặt cho Bắc-kỳ những thể-lệ hành-chính riêng, thích-hợp với sự yếu-cần của các nhân-dân xứ Bắc, cũng là châm-chước theo phép đó.

« Nay Trẫm ra thân-chánh, muốn noi theo gương sáng của Liệt-thánh, và bắt-chước phương-pháp của Bảo-hộ.

« Xét ra phép hành-chính ở Bắc-kỳ đã có thành-hiệu tốt, khiến cho thần-dân xứ Bắc ta bấy lâu vẫn được an-cư lạc-nghiệp tuần-tự tiến-hóa, dần dần bước vào con đường văn-minh mới.

« Trẫm ban tờ Dụ này, là để chuẩn-nhận cho cái phương-pháp hành-chính đó, và nhân-thể thừa-nhận cho quan Thống-sứ Bắc-kỳ vẫn kiêm giữ chức-quyền Kinh-lược như cũ.

« Những phép địa-phương phân-quyền, phải thi-hành cho chánh-đáng, không thể khiến cho các thần-dân Bắc-kỳ ta ra ngoài phạm-vi quyền chúa-tể của ta được. Trong khi theo cái hiệp-ước năm 1925, điều đó hoặc có người hiểu-lầm nhận sai. Nhưng từ ngày Trẫm đã trưởng-thành về nước, thì hiệp-ước ấy bãi bỏ rồi. Vậy nên tuyên-bố phân-minh cho không ai còn hồ-nghi được nữa.

« Xứ Bắc-kỳ cũng như xứ Trung-kỳ là liên-lạc ở trong bản-đồ nước Việt-Nam ta. Hai xứ tuy cách hành-chánh có khác nhau, là bởi sự cần dùng trong dân-gian có khác; nhưng kỷ-cương chế-độ cũng là một, vì là cùng chung một cái thể thống quốc-gia vậy.

« Nay Trẫm thương-đồng với quan Đông-Pháp Toàn-quyền đại-thần chuẩn-định rằng từ nay những luật-pháp thi-hành ở các tòa Nam-án Bắc-kỳ phải có thượng-dụ ban hành, cũng như trước khi có bản hiệp-ước ngày 6 tháng 11 năm 1925 vậy. Muốn cho khỏi có điều ngộ-nhận, thời chuẩn cho những nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ký theo tờ hiệp-ước ngày 6 tháng 11 năm 1925, và thứ nhất là nghị-định ngày 30 tháng 3 năm 1931 ban-hành bộ Dân-luật mới cho các tòa Nam-án Bắc-kỳ của hội-đồng biên-tập Dân-luật đặt theo nghị-định ngày 28 tháng 8 năm 1930 đã soạn, các nghị-định đó chuẩn cho cứ được thi-hành như luật pháp chánh-thức.

« Lại muốn cho quan Thống-sứ Bắc-kỳ có đủ quyền cai-trị và giúp cho thi-hành chức quyền Kinh-lược, Trẫm chuẩn-định thừa-nhận, Hội-đồng Cố-vấn Bắc-kỳ đã lập theo hiệp-ước năm 1925, và đặt cho tên là « Bắc-kỳ Cố-vấn Hội-đồng », (*Conseil Privé du Tonkin*). Hội-đồng này có sáu viên, tựu-trung hai viên thời chọn trong hàng các quan to tại chức, còn bốn viên thời lựa trong hàng hoặc các quan lại hay viên-chức tại chức hay hồi-hưu, hoặc các bậc danh-giá thuộc về các giới nông công thương hay các chức-nghiệp tự-do mà có tiếng là người có tri-thức, có phẩm-hạnh, hay có biệt-tài chuyên-môn.

« Các hội-viên ấy đều do quan Thống-sứ Bắc-kỳ giới-thiệu mà tự Trẫm sắc bổ. Về phẩm-trật thời được ngang hàng với chức Thượng-thư trong Triều, và khi nào về chầu tại Kinh-đô thì được tham-dự vào Cơ-mật. Hạn bổ-dụng là hai năm.

« Hội-đồng Cố-vấn phải bày tỏ ý-kiến về những dự-án các thượng-dụ cùng những dự-án các nghị-định về việc thi-hành các thượng-dụ và đại-để tất cả những vấn-đề về việc cai-trị bản-

xứ mà quan Thống-sứ muốn hỏi ý-kiến của Hội-đồng.

« Cách-thức hành-động của Hội-đồng thế nào Trẫm ủy quan Đông-Pháp Toàn-quyền đại-thần tự liệu định.

« Theo như hướng-hành, duy quan Thống-sứ Bắc-kỳ mới có quyền đệ công-văn về Triều, hoặc do phủ Toàn-quyền, hoặc do phủ Khâm-sứ chuyển đệ. Những biên-bản của Hội-đồng Cố-vấn gửi, về Ngự-tiền văn-phòng để dâng đỗng-tất, cũng chuyển đệ theo cách đó.

« *Khâm-thử* »

Tại cung An-định ngày mồng 6 tháng 9 năm Bảo-đại thứ 8 (24 tháng 10 năm 1933).

Cung-lục

Thượng-thư sung Ngự-tiền Văn-phòng Tổng-lý đại-thần : PHẠM QUỲNH

Bắc-kỳ Cố vấn Hội-đồng đã thành-lập. — Theo đạo Dụ của đức Bảo-đại ngày 24 tháng 10 năm 1933, quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã chọn cử và đức Bảo-đại đã sắc bổ sáu vị sung chức « Bắc-kỳ Cố-vấn hội-đồng » như sau này :

Quan Hoàng Trọng Phu Tổng-đốc Hà-đông ; quan Trần Văn-Thông Tổng-đốc Nam-định ; quan Vi Văn-Định Tổng-đốc Thái-bình ; quan Lê Văn-Đính Tổng-đốc Bắc-ninh ; quan Nguyễn Năng-Quốc Tổng-đốc tri-sĩ và ông Lê Văn-Phúc chủ nhà in Đông-kinh.

Hội-đồng Bảo-hộ. — Ngày mồng 9 hồi 9 giờ, Hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ THOLANCE chủ-tọa.

Ngày lễ Vạn-thọ đức Bảo-đại. — Ngày 23 tháng 9 ta (*10 Novembre*), tại Triều-đình Huế làm lễ Vạn-thọ đức Bảo-đại, văn võ bá-quan mặc triều-phục làm lễ bái-khánh ; quan Khâm-sứ THIBAUDEAU cùng các quan văn-phòng của ngài và các quan chánh các sở vào chúc mừng đức Bảo-đại tại điện Thái-hòa, các học-trò trai gái ở các trường Huế cầm cờ đi diễu qua Ngự-tọa và hát mừng. Buổi chiều đức Bảo-đại ra tòa Khâm đáp lễ quan Khâm-sứ THIBAUDEAU. Ở Bắc-kỳ học-trò các trường và các công-sở đều nghỉ một ngày để tỏ lòng kính mừng ngày thánh-đản.

Luật ân-xá thi hành ở Đông-dương. — Ngày 14 quan Toàn-quyền PASQUIER đã ký một đạo nghị định thi-hành đạo Luật ân-xá ở Đông-dương, đạo Luật ấy đại-lược như sau này :

Những tội sau này phạm trước ngày 20 juin 1933 ở Đông-dương đều được đại-xá.

1° Những khinh-tội và tội vi-cảnh về việc hội họp, việc tuyển-cử — trừ việc gian lậu trong khi bảo-cử — những tội về lao-động, biểu-tình công-khai, cùng là các tội vi-cảnh và khinh-tội liên-can với các tội ở trên, trừ tội đạo-thiết và oa-tàng.

2° Những tội vi-cảnh và khinh-tội phạt theo luật ngày 29 juillet 1881 về ngôn-luận hay về đạo Sắc-lệnh ngày 4 Octobre 1927 về chế độ ngôn-luận ở Đông-dương do các đạo Sắc-lệnh ngày 4 février và 20 juin 1920 bổ-khuyết, trừ các tội do điều 28 cũng trong đạo luật ấy trừng-phạt thì không kể.

3° Những tội vi-cảnh và khinh-tội phạt theo luật ngày 11 *juin* 1881, 19 *mars* 1889, 30 *mars* 1902 (khoản 44) và 20 *avril* 1920.

4° Những tội do các điều-lệ tổ-chức lao-động ở Thuộc-địa.

5° Tất cả các tội phạm trước ngày 20 *juin* 1933 đối với các viên-chức công-sở, các phu-phen của nhà nước, mà những tội ấy là tội phạm kỷ-luật, nhưng những viên chức được đại-xá không thể vin cớ ấy mà đòi quyền tái-

bổ vào ngạch cũ, việc tái-bổ vẫn do Chính-phủ định đoạt.

Trừ những tội phạm kỷ-luật như sau đây thì không được hưởng luật đại-xá: không chân-thực, không có hạnh-kiểm tốt, không trọng danh-dự, biển-thủ công-quỹ.

6° Đạo Sắc-lệnh đại-xá này không trả lại bắc-đẩu hoặc quân-công bội-tinh cho những người nào đã bị tước. Nhưng cũng có trường-hợp đặc-biệt, nếu người được đại-xá kêu xin thì cũng trả lại cho các thứ bội-tinh ấy.

7° Trong một hạn là 12 tháng bắt đầu từ ngày ban-bố đạo Sắc-lệnh này, những người nào phạm tội nhẹ trước ngày 20 *juin* 1933, bị phạt tiền hay bị phạt tù án treo độ 3 tháng là nhiều cũng có thể được hưởng luật đại-xá.

8° Nói về các tội do các tòa án binh phạt.

9° Luật đại-xá này không có thể làm ngăn trở việc xin xét lại án phạt để tỏ rõ là các tội-nhân bị phạt oan.

10° Nói về việc các tội-nhân và chính-phủ có quyền kiện về việc hộ.

11° Nói về tội-nhân bị phạt nhiều tội.

12° Nói về các tội-nhân được đại-xá thì các tội chính và phụ đều được xóa đi cả.

13° Nói luật đại-xá không thi-hành về các án-phí.

14° Cấm không được để bút-tích về những tội được đại-xá trừ các giấy má lưu trữ tại các phòng lục-sự thì không kể...

15° Các tội-nhân phạm vào luật bản-xứ trước ngày 20 *juin* 1933 về những tội giống như những tội kể trong Sắc-lệnh này đều được đại-xá cả.

16° Nói về các việc ân-xá, giảm tội trong năm mà đạo Sắc-lệnh này tuyên-bố đều được đại-xá cả.

Ngự-giá quan-phong xứ Bắc-kỳ. — Ngày 16 Novembre (29 tháng 9 năm Bảo-đại thứ 8), đức Bảo-đại đã xuống Dụ nói về ngự-giá quan-phong xứ Bắc kỳ. Tờ Dụ như sau này:

Dụ số 86 ngày 29 tháng 9 năm Bảo-đại thứ 8 (16 Novembre 1933)

« Từ khi Quả-nhân bồi-loan thân-chánh đến nay, thời đã ba lần liên-tiếp Ngự-giá tuần-hạnh các tỉnh ở Trung-kỳ. Nay Quả-nhân lại muốn tiếp-tục ngự-giá ra Bắc-kỳ để quan-phong luôn.

« Chuẩn đến trung-tuần tháng mười (tức là đầu tháng chạp tây) khởi-giá.

« Quả-nhân sở-dĩ tuần-hạnh như vậy, là noi theo thánh-hiền của Liệt-thánh ngày xưa, hễ khi mới lên ngôi trị vì đều có Ngự-giá bắc-tuần.

« Đức Hoàng-khảo ta, trong năm Khải-định thứ 3 (1918) đã từng ngự ra Bắc vậy.

« Nay Quả-nhân nối ngôi đại-thống, nên muốn tuần-hạnh ra Bắc-kỳ để cho thỏa lòng ái-dới xưa nay của thần-dân.

« Kỳ tuần-hạnh này, Quả-nhân ủy cho quan Thống-sứ Bắc-kỳ nghị-định chương-trình thế nào để cho Quả-nhân thấy rõ được cách làm ăn khó-nhọc siêng-năng của dân Bắc-kỳ, và cả công-nghiệp của Quý Bảo hộ đã tạo-thành ở trong xứ ấy.

« Vậy chuẩn cho hai quan đại-thần Cơ-mật, là Phạm Quỳnh Thượng-thư bộ Quốc dân giáo dục Ngự-tiền văn-phòng Tổng-lý đại-thần, và Tôn-thất Quảng, Thượng-thư bộ Công-tác Mỹ-thuật và Lễ-nghi, đi theo hộ-giá.

« Trong khi tuần-hạnh, thời chuẩn cho quan Đô-thống kiêm quản vệ thân-binh, quản-lãnh Thị-vệ là Nguyễn Hữu-Tiến, chăm lo việc tuần-phòng ở Nội cho nghiêm-nhặt, nhưng do quan Lại-bộ đại thần quản-cố.

« Kỳ tuần-hạnh này phỏng trong mười-lăm ngày thời hồi-loan.

« Ngày nào ở Kinh khải-giá sẽ chuẩn định sau.

« Khâm-thử »

Dụ tại cung An-định ngày 29 tháng 9 năm Bảo-đại thứ 8 (16-11-1933).

Cung-lục

Ngự-tiền Văn-phòng Tổng-lý đại-thần

PHẠM QUỲNH

Lược-thuật hành-trình cuộc ngự-giá Bắc-tuần

(Từ 28 tháng 11 đến 14 tháng 12 năm 1933, tức là 11 tháng 10 đến 27 tháng 10 năm Bảo-đại thứ 8)

28 tháng 11 năm 1933

Đáng lẽ ngày 29 mới dời Kinh-đô Huế, nhưng đi sớm một ngày để tiện thăm vịnh Hạ-long. Vậy Hoàng-đế đã cùng quan Khâm sứ Trung-kỳ THIBAUDEAU và các quan hộ-giá vào *Tourane* bữa 28 Novembre.

Ông Hoàng Tùng-đệ VĨNH-CẨN, quan Nghi-lễ đại-thần LƯU THẠCH và quan Lễ-bộ Thượng-thư TÔN-THẤT QUẢNG đã do đường bộ ra Bắc từ bữa 27.

Ngày 28 Ngài ngự dời Hoàng-thành vào hồi 7 giờ rưỡi sáng.

Người Bắc ngụ-cư ở Huế, vì lẽ không được hân-hạnh tiếp rước Hoàng-đế ở Bắc-kỳ, nên đã cùng nhau bày bái-vọng ở trước cửa dinh quan Tổng-lý Văn-phòng PHẠM QUỲNH để chúc mừng Ngài thượng-lộ bình an.

Các quan hộ-giá chầu Ngài vào *Tourane* để đáp tầu *Dumont d'urville* thì có quan Tổng-lý Văn-phòng PHẠM QUỲNH, quan hầu BARTHELEMY. Theo quan Khâm-sứ THIBAUDEAU thì có quan cai-trị DELAGE.

Đạo ngự tới *Tourane* vào hồi 9 giờ rưỡi, xuống thẳng tầu *Dumont d'urville*. Lúc đó trời hơi lún-phún mưa. 10 giờ thì tầu nhổ neo. Ngoài biển tuy có sóng to, nhưng Hoàng-đế cùng các quan tùy hành đều được vô-dạng cả.

29 tháng 11

10 g ở hôm nay tới vịnh Hạ-long, tầu đậu tại cửa Rứa (*baie de la Noix*).

Quan Thống-sứ THOLANCE cùng Hoàng Tùng-đệ Vĩnh-Cẩn và các quan tùy-tòng đáp tầu *Vigilante* ra cửa Rứa. Quan chánh sở Liêm-phóng ARNOUX cũng đáp ca-nô *Commandant Jeanbreau* ra cửa Rứa.

Quan Thống-sứ THOLANCE, quan Công-sứ Quảng-yên CRAYSSAC và quan Chánh sở Liêm-phóng ARNOUX sang tầu *Dumont d'urville* bái-yết Hoàng-đế và mời Ngài sang tầu *Vigilante* đi thẳng ra *Campha-port*.

Chừng 2 giờ thì tới nơi, các quan-chức Tây Nam tỉnh Quảng-yên đã chực sẵn đấy để bái-yết.

Ngài đi thăm đền cửa Suốt tức là đền thờ ngài Trần Quốc-Tảng con đức Hưng-đạo đại-vương ; rồi do đường bộ ra *Campha-mine*. Ngài xem xét các mỏ lộ thiên, nhà máy điện, tới 4 giờ rưỡi thì đi *Hongay*.

Tới đó ông MARCHEIX, quản-đốc các mỏ than có tiếp đón Ngài.

Ngài đi thăm bệnh-viện *Picot*, chừng sáu giờ thì trở về tầu *Dumont d'urville*.

Ngài ngự-thiên trên chiếc du-thuyền hiệu *Princesse Turandot* của ông LAPIQUE, ông này là một nhà hàng-hải đã thông-thuộc vịnh Hạ-long lắm, vẫn tự xưng là lý-trưởng làng Bãi-cháy (*Ile aux Buissons*) và là « anh gác cửa » vịnh Hạ-long.

Ngài ngự đêm tại tầu *Dumont d'urville*.

30 tháng 11

Sáng hôm nay, Hoàng-đế tự cầm thuyền buồm của ông LAPIQUE tự cửa Rứa ra động Đầu-gỗ (*Grotte des Merveilles*). Hoàng-thượng cùng các quan

tùy-hành xuống hai chiếc thuyền chăng hoa, vào vũng cửa hang. Ngài dừng bước ở trước cái bia kỷ-niệm cuộc ngự du của đức Tiên-đế hồi tháng ba năm thứ ba niên-hiệu Khải-định, dựng ở ngay cửa hang. Ngài đi thăm hang chừng độ một giờ rồi trở về tầu *Vigilante* ngự thiện.

Ngài đi thăm vịnh Hạ-long, chừng bốn giờ thì lên tầu *Dumont d'urville*. Được một lát thì tầu nhổ neo, đi về cửa Cấm để kịp 8 giờ sáng mai tới Hải-phòng.

Buổi tối các sĩ-quan tầu *Dumont d'urville* thết tiệc Ngài ở tầu.

Ngài ngự đêm tại tầu *Dumont d'urville*.

Mồng 1 tháng 12 năm 1933

Thành-phố Hải-phòng thiệt là náo-nhiệt một cách lạ thường, mấy con đường lớn, đường nào cũng chăng hoa kết lá, cờ quạt rợp trời.

Trên bến, các quan-chức, các thân-thương trong thành-phố, các học-sinh nam nữ Pháp, Nam đã cùng nhau tụ-họp ở đó đã lâu.

Đúng tám giờ rưỡi tầu *Dumont d'urville* đến Hải-phòng.

Quan Thống-sứ THOLANCE cùng với các quan BỬU THẠCH, TÔN-THẤT QUẢNG, HOÀNG TRỌNG-PHU, NGUYỄN NĂNG-QUỐC, BOUCHET Đốc-lý Hải-phòng lên tầu đón chào Hoàng-đế.

Ngài vận áo vàng thêu hoa, đeo tấm bằng đỏ Đệ-nhất-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh trước ngực.

Đứng gần Ngài, trên boong tầu có các quan Khâm-sứ Trung kỳ THIRAUDEAU, quan Thượng-thư PHẠM QUỲNH, quan hầu BARTHELEMY và quan Chánh Văn-phòng của quan Khâm-sứ.

Hoàng-đế bước xuống bến, vào nhà chào.

Quan Đốc-lý BOUCHET đọc chúc-từ, đại-khái nhắc lại cuộc ngự-du ở Hải-phòng của đức Tiên-đế 15 năm về trước, nói về cái công-nghiệp của Chính-phủ Pháp làm cho miếng đất tân-bồi cùng-tịch thủa trước, thành một thành-phố to lớn, thịnh-vượng ngày nay. Sau quan Đốc-lý ngỏ lời thay mặt nhân-dân thành-phố Hải-phòng chúc mừng Hoàng-đế và chúc cuộc ngự-du của Ngài được vạn-sự như ý. Hoàng-đế ứng-khẩu đáp mấy câu bằng Pháp-văn.

Ở nhà chào ra, Hoàng-đế đi chân duyệt đạo quân Thuộc-địa, hướng-đạo-đoàn cùng các nam-nữ học-sinh đứng hai bên đường, cùng nhau hoan-hô « *Vive L'empereur* ».

Nhiều người ở các tỉnh thiệt xa, cũng chịu khó lần-mò lặn-lội tới, thôi thì vợ chồng, con-cái, lớn bé già trẻ, chen chúc nhau, xô-đẩy nhau, ai cũng muốn « xem vua » cho thật rõ. Thế mới biết cái tấm lòng trọng vua mến chúa của dân Bắc-kỳ nó hãy còn nồng-nàn là dường nào.

Ở tòa Đốc-lý ra, Hoàng-đế sang viếng đài Chiến-sĩ trận-vong.

9 giờ, Hoàng-đế đi thăm nhà máy bông; 9 giờ 40 Ngài đi thăm nhà máy xi-măng; 10 giờ rưỡi Ngài lại nhà Nhạc-hội, có các đại-biểu dân Hải-cảng và đại-biểu các Khách-trú chúc mừng Ngài.

Trưa Ngài ngự-thiện ở tòa Đốc-lý.

2 giờ rưỡi, Ngài và các quan tùy-hành đi thăm nhà máy đúc tiền (hãng *Poinsard et Veyret*).

2 giờ 45, đi thăm sở làm thảm bằng lông cừu, rồi thẳng đường ra Kiến-an. Tới nơi đã có các quan-chức và các thân-hào Pháp, Nam chờ đón. Ngài có gần huy-chương cho một vài người; 4 giờ rưỡi Ngài ngự đi thăm Thiên-văn-đài Phủ-liễn.

Ông Giám-đốc thuật qua cách chiêm-nghiệm, tính-toán để biết trước khi nào có bão. Ngài ban khen ông Giám-

đốc vì từ trước tới nay những tin báo bão của ông rất đúng.

5 giờ thì đạo Ngự qua tửu-quán *Pagodon* ở Đồ-sơn, do quan sứ Kiến-an nghênh-tiếp.

7 giờ Ngài ngự về Hải-phòng, ngự-thiện ở tòa Đốc-lý.

9 giờ Ngài đi chủ-tọa cuộc hát tây ở nhà Hát lớn. Các tài-tử hết sức trổ tài, nên cuộc hát rất hoàn-bảo.

Ngài ngự đêm tại khách sạn *Teston*, các quan tùy-hành cũng vậy.

Mồng 2 tháng 12

Đạo-ngự khởi-hành ở Hải-phòng đi Hải-dương vào hồi 6 giờ sáng.

7 giờ thì tới nơi, quan Công-sứ và quan Tổng-đốc có đọc chúc-từ và giới-thiệu các quan-chức, các thân-thương Pháp Nam trong tỉnh.

Học-sinh nam nữ xếp hàng diễn-tập thể-thao trước nhà chào, cùng nhau hoan-hô và phất cờ.

8 giờ rưỡi, đạo-ngự từ-giã tỉnh Hải-dương, 9 giờ rưỡi thì đến Gia-lâm rồi lên xe-lửa riêng sang Hà-nội.

Thành-phố Hà-nội bữa nay được hân-hạnh tiếp đón Hoàng-đế.

9 giờ rưỡi thì xe-lửa đến ga Hà-nội. Hoàng-đế ở nhà ga bước ra, theo sau có quan Phó Toàn-quyền, đại-diện quan Toàn-quyền ra đón, quan Đốc-lý ECKERT, các quan hộ-giá, các thân-hào, các Nghị-viên thành-phố.

Phường nhạc binh cử hai bài quốc-ca Pháp, Nam. Tiếng vỗ tay, tiếng hoan-hô át cả tiếng kèn trống.

Đạo-ngự qua các phố tây, nam ; hai bên đường có hàng nghìn, hàng vạn người xô-đẩy nhau, những muốn nhảy so cả ra đường mà coi Hoàng-đế cho tỏ-tường. Các viên cảnh-sát, bữa đó thiệt đã kiệt-lực mới giữ được trật-tự.

Tới phủ Toàn-quyền, quan Toàn-quyền cùng các quan-chức Tây, Nam đã đứng đó chờ từ đã lâu.

Quan Toàn-quyền có đọc một bài chúc-từ. Đại-khái Ngài nói Hoàng-đế là đấng minh-quân, thu-nạp cả hai văn-minh Âu-Á, mọi việc đều thông-tường, Ngài mong cùng Hoàng-đế hết sức lo cho vận-mệnh dân một ngày một khá.

Hoàng-đế ngỏ lời cảm ơn quan Thủ-hiến Đông-Pháp, sau cùng Ngài có nói rằng Ngài tự biết có thể trông cậy ở tấm lòng thủy-chung của dân Nam và chính-phủ Bảo-hộ. Ngài cũng biết rằng biến-hóa một cái văn-minh cổ cho hợp với thời-đại, đâu có phải việc dễ-dàng. Vậy Ngài mong ở dân và Chính-phủ Bảo-hộ. Những người Pháp ở đây, phần nhiều cũng đã có cảm-tình với Ngài, còn về phần Ngài, ai đã có công giúp cho cuộc tiến-bộ của hai nước Pháp, Nam, Ngài đều có lòng mến cả.

12 giờ Ngài ngự-thiện tại phủ Toàn-quyền.

Ba giờ đúng, Ngài cùng quan Toàn-quyền đến Trận-vong chiến-sĩ.

Bốn giờ Ngài ngự ra Hội Khai-trí phố hàng Trống để dự lễ bái-khánh.

Lễ này rất nghiêm, trừ một số ít người có giấy mời, còn không ai được vào xem cả, các nhà chụp ảnh cũng không ai được phép chụp.

Trong cùng gian chính có kê một cái sập trên có ngai vàng.

Hoàng-đế mặc áo long-cổn, khoan-thai bước vào, bước lên ngồi trên ngai rồng.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ THOLANCE, tiến gần đến, đọc chúc từ, Hoàng-đế đáp lại bằng tiếng Pháp.

Cụ Võ-hiển Hoàng Trọng-Phu bước lên, tiến lại gần bệ rồng, hai tay dâng bài biểu ngang mày, cất tiếng đọc rất thong-thả, rõng-rạc. Đại-khái cụ xin thay mặt tất cả các quan-lại chính, giáo, văn, võ tại chức và hưu-trí trong 25 tỉnh xứ Bắc-kỳ mà kính-chúc Thánh-

cung vạn-tuế. Cụ nói về tình-hình sĩ, nông, công, thương xứ Bắc-kỳ trong khoảng 50 năm nay.

Cụ Võ-hiển đọc xong, các quan đều cúi đầu vái ba vái.

Xong lễ bái-khánh, Hoàng đế thay quần áo, sang buồng bên phải hội Khai-trí dự tiệc sâm-banh.

Lúc đó trời cũng đã tối. Hội Khai-trí, nhà Địa-ốc Ngân-hàng đều Ngọc-sơn đều bật đèn sáng chưng. Trên các cành cây chung quanh hồ Hoàn-kiếm đều có đèn cả, trông xa tựa như một hàng rào tia sáng, quang-cảnh thiệt là ngoạn-mục. Phố-xá lúc đó chật như nêm.

8 giờ tối Ngài ngự-thiện tại phủ Toàn-quyền.

Mồng 3 tháng 12

Hoàng-đế để riêng ngày chủ-nhật để đi thăm thành-phố.

Đạo-ngự đi qua các phố, dân-chúng hoan-hô, Hoàng-đế mỉm cười giơ tay như ý muốn phủ-dụ. Ngài có vào thăm mấy hiệu làm đồ thêu, đồ sơn, đồ bạc, hiệu nào Ngài cũng ban khen cái tài khéo của dân Bắc, và khuyên họ nên lo nghĩ về nghề của họ luôn cho càng ngày càng thêm tinh-xảo.

Ngự-giá vào thăm hội bơi-thuyền của người Pháp, khu đất đánh *Golf* ở trường đua ngựa.

11 giờ Ngài tiếp viện Nhân-dân đại-biểu ở phủ Toàn-quyền.

12 giờ Ngài ngự-thiện tại phủ Toàn-quyền.

3 giờ chiều Hoàng-thượng tới trường đua ngựa *De Monpezat*. Bữa đó có tranh giải nhà binh.

Tối, Hoàng-thượng cùng quan Toàn-quyền và các quan bộ-giá đi coi cuộc diễn-kịch tây ở nhà Hát tây, do một ban tài-tử ở Hải-phòng diễn giúp Hội trẻ con tây-lai. Họ diễn tích « *La femme ravie* » của Louis Verneuil.

Người đi xem hát, phần lớn là định bụng đi chiêm-ngưỡng long-nhan, nhiều người không hiểu một tiếng Pháp nào mà cũng đi.

Ngày 4 tháng 12

Hoàng-đế dành buổi sáng hôm thứ hai để đi thăm các hội từ-thiện, các viện cứu-tế.

9 giờ Ngài ngự đến thăm viện nuôi các người tàn-tật ở phố Hàng Bột. Viện có cho xếp hàng một bọn trẻ con ăn mặc sạch-sẽ của viện nuôi. Một cô bé tiến lên đọc bài chúc-từ đã cầm sẵn trong tay, sau khi cô này đọc dứt thì một cô khác dâng Hoàng đế một bó hoa.

Xem qua trong viện rồi đạo-ngự sang viện Tế bần. Ông Đỗ Đình-Đắc thay mặt hội đọc chúc-từ, Hoàng-đế có nói mấy câu đáp lại.

Sau đó Hoàng-đế quay về nhà bà phước Dorothée, rồi sang hội Bảo-ánh và hội Tế sinh.

Ngài có ghé qua hội Đầm-lai, rồi về phủ Toàn-quyền ngự-thiện.

3 giờ, Hoàng-đế, quan Toàn-quyền, quan Thống-sứ qua sân quần đường *Rollandes*. Bữa nay không có bán vé, chỉ có người nào có giấy mời thì mới có quyền vào xem. Hội *Cercle sportif annamite* toàn thắng hội *Tennis Club Hanoi*.

Ra khỏi *Tennis Club*, đạo-ngự đi thẳng đến Trung-ương-thư-viện.

Quan Chánh Trung-ương thư-viện Boudet dẫn đạo-ngự đi xem công việc xếp-đặt trong nhà Lưu-trữ công-văn, nhà đọc sách, vân vân.. Cuộc ngự-lãm lâu đến hơn một giờ.

8 giờ, Ngài ngự thiện tại phủ Toàn-quyền.

Ngày 5 tháng 12

Mới tang-tảng sáng, đạo-ngự đã dời Hà-thành sang Lắc-ninh. Tới nơi chưa đến bảy giờ.

Quan Công sứ WINTREBERT và quan Tổng-đốc Lê Văn-Đinh đọc chúc-từ, Hoàng-đế trả lời rồi Ngài gắn tứ-đẳng Long-bội-tinh cho quan Tổng-đốc Lê Văn-Đinh.

Đoạn rồi ngài qua thăm hội Chấn-hưng Mỹ-nghệ Ngài tất chú-ý đến các đồ bày trong hội-quán ; đồ gỗ, đồ da, đồ đồng...

Ở Hội ra, đạo-ngự cùng quan Thống-sứ lên xe đi phủ Lạng.

8 giờ thì tới phủ Lạng. Quan Công-sứ và quan Tuần đọc chúc-từ và giới-thiệu các quan-chức Tây, Nam. Chừng 8 giờ rưỡi thì đạo-ngự lại thẳng đường đi Lạng sơn.

Qua Phủ-lạng-thương tới Kép thì quang-cảng đổi khác hẳn, tuy công-chúng không chen-chúc nhau như ở các tỉnh khác, nhưng hai bên đường cứ cách 20 thước thì lại có tính dõng hay tuần tráng đứng canh-gác. Dọc đường ở cầu Lang-mẹt, có rất nhiều con trai, con gái Thổ đứng đó hoặc cầm cờ, hoặc « múa then » theo dịp đàn sáo.

11 giờ đúng thì tới Lạng-sơn. Xa-giá đến thẳng Hành-cung, Hoàng-đế thay quần áo rồi ra đứng nghe quan Sứ và quan Tuần đọc chúc từ. Ngài gắn Tam-hạng Long-bội-tinh cho quan Công-sứ KLEIN, Ngũ-hạng Long-bội-tinh cho ông MÉNAGE, phó công-sứ, quan Bùi Bằng-Phấn Bố-chánh kiêm Tuần-phủ.

12 giờ, Ngài ngự-thiện tại tòa Công sứ.

2 giờ trưa, xa-giá dời Lạng-sơn, qua Đồng-đăng, Na cham, Thất-khê, tới chỗ nào nhân-dân cũng đón rước long-trọng.

6 giờ 30 tới Cao-bằng.

Tuy trời tối, xong cuộc nghênh-giá không vì thế mà kém phần trọng-thể. Người Kinh, người Thổ đi nhau đón rước, các quan-chức bận lễ-phục theo xa-giá vào dinh quan Năm. Quan Năm và quan Tuần đọc chúc từ và giới-thiệu các quan-chức, các thân-hương Tây, Nam. Hoàng-đế gắn bội-tinh,

Trời tối mà dân-chúng kéo nhau đi xem đông lắm. Thực là một ngày hội-họp đủ các thứ người ở chốn sơn-lâm: Người Thổ, người Nùng, người Mán, người Mèo.

Ngài ngự-thiện ở dinh quan Năm Chánh-sứ đạo Cao-bằng.

Ngày 6 tháng 12

7 giờ sáng, Ngự giá dời tỉnh Cao-bằng, qua Ngân-sơn về Bắc-kạn. Đường đi rất khó khăn. Đèo Gió quằn-quèo khi lên khi xuống, lại thêm lúc đó sương mù chưa tan, nên các xe của đạo-ngự đi rất vất-vả.

11 giờ thì tới Bắc-kạn. Cuộc nghênh-tiếp cũng như mấy tỉnh đi qua hôm trước, nghĩa là cũng quan sứ, quan Bố-chánh đọc chúc-từ và giới-thiệu các quan chức Tây, Nam.

12 giờ Hoàng-đế tảo-thiện tại tòa-sứ, đến 2 giờ xuống Thái-nguyên rồi trở về Hà-nội. 7 giờ rưỡi thì tới nơi.

8 giờ tối, Ngài ngự thiện ở phủ Toàn-quyền.

Ngày 7 tháng 12

Cả buổi sáng, Hoàng-đế và quan Thống-sứ đi thăm các nhà thương.

10 giờ kém 15, đạo-ngự đi thăm nhà thương Bồn-thủy. Đại-tá MARQUE Chánh nhà thương ra nghênh-tiếp và hướng dẫn Hoàng-đế đi coi các phòng trong bệnh-viện.

Gần 11 giờ, Hoàng-đế đến thăm viện *Pasteur* Viện có chiếu một phim về cách trị bệnh ngã nước dể Hoàng-đế xem.

11 giờ 15 đạo-ngự tới viện Quang-tuyến. Hoàng-đế dừng lại thư-viện riêng của viện để xem những bức ảnh chụp các chứng bệnh ung-thư, v.v...

11 giờ rưỡi Ngài ngự trở về phủ Toàn quyền.

3 giờ, Hoàng-đế ngự coi cuộc chưng bày đồ chơi trẻ con và đám rước tử-dân của hội Khai-trí tổ-chức,

Thiên-hạ nô-nức đi xem không biết bao nhiêu mà kể. Lúc đạo-ngự tới, tiếng vỗ tay cùng tiếng tung-hô vang lừng một góc trời.

Đứng đón Ngài có cụ Võ-hiển Hoàng Trọng-Phu, Cụ Hiệp-tá Nguyễn Năng-Quốc, cụ Thượng Nguyễn Đình-Qui, ông CREVOST Chánh bảo-tàng *Maurice Long*... Hoàng-đế bước đến gian bày đồ chơi trẻ con, Ngài xem xét rất kỹ-lưỡng và tỏ ý bằng lòng lắm.

Đúng bốn giờ, đám rước «Khai-trí» do cổng chính rước thẳng vào trước chỗ bậc cao, ở chính giữa Bảo-tàng, là chỗ Hoàng-đế cùng các quan tùy-hành ngồi coi.

Dàn đầu có các nhà Hướng-đạo, chia từng đoàn, mỗi đoàn có một sắc cờ riêng, khi đến trước bệ cao cùng giơ ngang tay phải lên chào và hô « *Vive l'Empereur* », đều một nhịp cùi của người đoàn-trưởng.

Sau đoàn hướng-đạo đến một cái bảng trên có mấy chữ « *Le Tonkin Religieux* » tức là « Bắc-kỳ tôn-giáo ». Đám rước này khi đến trước chỗ Hoàng-đế ngự thì mộ vị Hòa-thượng ôm bình hoa cúi vái trước thềm.

Sau đó đến cây đèn có những chữ « *Le Tonkin Ethnique* » tức là Bắc-kỳ thổ-dân. Sau cây đèn có các người Mường Hòa-bình, Thổ, Mán, Mán sơn-đầu, Mèo... Bọn dân chài lưới khi qua chỗ Hoàng đế ngồi, đều làm đủ bộ như lúc bắt cá, mò cua, đánh dậm, Hoàng-đế lúc này ngó bộ vui vẻ lắm.

Sau đám rước dân chài lưới đến đám rước các nhà kỹ-nghệ và canh-nông. Ở đây người ta thấy đủ mặt dân cày, vừa đàn ông, vừa đàn bà làm đủ việc. Từ đấy trở đi đến cuộc chưng bày các nghề cũ và mới.

Theo sau cây đèn có những chữ « *Le Tonkin Sportif* » có đội bóng tròn *Stade Hanoien*, ban điền-kinh và ban ten-nít trường Thể-dục.

Đúng năm giờ thì vừa tan.

6 giờ rưỡi, Hoàng-đế cùng quan Toàn quyền đến thăm hội Cựu chiến-binh. Đạo-ngự đến, các kiếm-khách đứng hai bên lối đi, giơ kiếm lên làm lễ. Khi Hoàng-đế cùng các quan-chức đã yên vị, các kiếm-khách dấu gươm trong nửa giờ.

8 giờ Hoàng-đế ngự-thiện tại tòa Thống-sứ.

Ngày 8 tháng 12

Buổi sáng, Hoàng đế ngự thăm trường Trung-học *Albert Sarraut*, trường Trung-học *Protectorat*, trường bảng Than và trường nữ học *Brieux*.

Tại những trường này, các viên Đốc-học đều thân hành ra đón Ngài, Ngài ân-cần hỏi-han đến bài vở của các học-sinh, và một đôi nơi, Ngài ngỏ lời ban khen các giáo-sư, các giáo-viên.

Ba giờ chiều, Hoàng-đế đi đánh *golf* ở trường đua ngựa, Ngài chơi với bác-sĩ CARTOUX mãi gần 5 giờ cuộc chơi mới tan. Ngài lần lượt đi thăm nhà in Viễn-đông và nhà máy Điện. Ở đó ra, Ngài trở về phủ Toàn-quyền thay quần áo rồi đi thăm các nhà buôn tại phố Tràng-tiền, như nhà kim-hoàn *Chabot*, *Perroud*, nhà buôn đồ cổ *La Perle*.

9 giờ 15 Hoàng-đế tới hội Khai-trí để dự dạ-hội. Sau khi giới-thiệu ban trị-sự của Hội với Hoàng-đế, quan Võ-hiển Hoàng Trọng-Phu đọc một bài chúc-từ, đại-khái nói về mục-đích hội, công-việc hội đã làm được từ khi mới sáng-lập.

Hoàng-đế đáp lại mấy câu, rồi cùng quan Toàn-quyền và các quan tùy-hành, Ngài ký tên vào quyển « kim-thư » của Hội.

Sau đó tiếp đến các cuộc vui.

Thoạt đầu là cuộc cử-nhạc ta, rồi đến khúc nghênh-hoàng. Xen vào giữa là vở kịch tây « *Les Fourberies de scapin* ».

11 giờ hơn thì giải-tan.

Ngày 9 tháng 12

7 giờ sáng, Hoàng-đế cùng các quan tùy-bành đi Đông-triều để xem cuộc tập trận do quan Thống soái VERDIER chỉ-huy.

Toàn đội có 14 vệ, có ô-tô súng cối say, kỵ-binh, quân thông-tin, và ba tiểu-đoàn máy bay, cộng tất cả 10.000 người.

Tập trận ở Phả-lại, là nơi có nhiều đồng-lầy rộng lớn và đồng núi hiểm-trở.

Sau cuộc tập trận, Thống-soái VERDIER có thiết-tiệc ở đồn Chi-ngại.

3 giờ, đạo-ngự từ-giã Đông-triều về Hà-nội. 5 giờ về tới nơi.

Ngày 10 tháng 12

Sáng chủ-nhật 10, ngự-giá lên thăm tỉnh Sơn-tây.

Cách nghênh-tiếp ở dọc đường đại-khái nơi nào cũng như nơi nào.

Khi đạo-ngự tới tỉnh-lỵ, có quan Công-sứ SOURDEVAL và quan Tuần-phủ Bùi Đình-Thình ra đón. Hoàng-đế cùng các quan tùy-tòng vào Tòa-sứ nghỉ-ngơi một lát rồi ra sảnh-đường.

Quan Công-sứ và quan Tuần đọc chúc-từ. Hoàng-đế trả lời mấy câu rồi gắn đệ-tứ-đẳng Long-bội-tinh cho quan Công-sứ.

9 giờ, Hoàng-đế lên thăm máng nước Phù-xá cách tỉnh-lỵ hơn một cây số.

10 giờ đạo-ngự đi thăm trại Thông. Cuộc nghênh-tiếp do nhà binh tổ-chức rất long-trọng. Đi khỏi trại Thông, đạo-ngự như đã tới một miền thượng-du. Càng tiến về đàng trước, càng gần những dẫy núi cao, càng lên cao khí trời càng mát. Đi ước chừng nửa giờ thì tới đồn-điền BOYEL.

Hoàng-đế vào thăm nhà máy xay cà-phê do ông BOYER hướng-dẫn, rồi đi thăm đồn-điền ở gần đó. 11 giờ hơn, Ngài ngự trở về Hà-nội.

3 giờ Ngài đi thăm đền thờ quan Nguyễn Hữu-Độ ở Sinh-từ.

9 giờ, Ngài cùng quan Toàn-quyền có đến dự cuộc đạ-hội do bà THOLANCE và cụ Võ-hiển Hoàng Trọng-Phu tổ-chức lấy tiền giúp dân Bình-Phú. Thiên-hạ tới xem đông lắm.

Ngày 11 tháng 12

8 giờ sáng đạo-ngự khởi-hành ở phủ Toàn-quyền đi Hà-đông.

Từ đầu phố Khâm-thiên, cảnh-tượng rực-rỡ khác thường: kỳ-sĩ rợp trời, trồng suốt trên dải đường từ Hà-nội vào Hà-đông.

Đến Hà-đông, xa-giá tiến thẳng vào dinh quan Chánh-sứ.

Quan Công-sứ COLLET và quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu đọc chúc-từ. Hoàng-đế trả lời mấy câu bằng Pháp-văn; quan Công-sứ giới-thiệu các quan-chức Pháp, quan Tổng-đốc giới-thiệu các quan-chức An-Nam và các đại-biểu Hoa-kiều ở Hà-đông.

Sau khi gắn huy-chương cho các quan-chức Pháp, Nam, Hoàng-đế sang thăm nhà bày các kỹ-nghệ riêng của tỉnh Hà-đông. Ngài rất để ý đến các nghề khéo trong hàng tỉnh và ban khen các chủ xưởng. Quan Tổng-đốc trí-sĩ Nguyễn Năng-Quốc tàu bày kỹ càng về nghề dệt gấm.

Xa-giá dời tỉnh-lỵ Hà đông đúng 10 giờ, có dừng lại trước trường học và nhà hộ-sinh Văn-điển của ông bà Nguyễn Hữu-Nghi. Hoàng-đế vào thăm trường trước, ở trường ra, Ngài đi bộ sang nhà hộ-sinh, xem xét ít lâu, Ngài lên xe đến thăm sở nấu rượu của Bắc-kỳ Nam-tửu Công-ty.

Sở rượu trần-thiết rất long-trọng.

Tới nơi ông Trần Quang-Vinh, đại-biểu ban trị-sự Nam-tửu công-ty dẫn đạo-ngự đi thăm các nơi.

Ông Trần Quang-Vinh đọc chúc-từ. Hoàng-đế ban khen mấy lời và chúc

cho công-ti được thịnh-vượng. Ban trị-sự, kính-cẩn dâng Hoàng-đế một chén thứ rượu ngon nhất của công-ti.

11 giờ, đạo-ngự dời Văn-điển sang thăm lò bát Thanh-trì.

Ông Nguyễn Bá-Chính hướng-dẫn đạo-ngự đi coi nhà máy.

Đến chỗ lò nung đồ sứ, quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu dâng Hoàng-đế xem một chiếc lọ sứ con vừa nung xong.

Trước khi vào tiệc sâm banh mừng Hoàng-đế, ông Nguyễn Bá-Chính thay mặt ban trị-sự đọc chúc-từ.

11 giờ rưỡi, đạo-ngự trở về Hà-nội.

12 giờ Hoàng-đế tảo-thiện tại phủ Toàn-quyền.

3 giờ rưỡi, Hoàng-đế ngự xem cuộc thao-diễn tại sân *Mangin*.

Non một nghìn học-sinh các trường, quần đùi áo nịt, thao diễn theo tiếng còi của viên giáo-sư trường Vũ-bị. Cuộc này coi rất ngoạn-mục.

Xong cuộc học-sinh thao-diễn đến cuộc thi chạy 100 thước, Hoàng-đế có bắt tay người được giải nhất; kế đó đến các cuộc vui khác như chạy thi 1500 thước, nhảy sào, vân vân...

Sau cuộc phát phần thưởng thì đã gần 6 giờ, Hoàng-đế đến khánh-thành rạp chớp bóng *Olympia* mới làm xong.

6 giờ rưỡi, Ngài ngự tới hội Trí-trí phố hàng Quạt.

Ông Ngô Vi-Liễn, Hội-trưởng hội Trí-trí đọc chúc-từ, ông nói về công việc hội đã làm: diễn-thuyết, dạy học, mở thư-viện, tủng-thư, vân vân..

Hoàng-đế cám ơn Hội đã tiếp Ngài một cách trọng-thể, và khen Hội đã có công giúp cho việc học trong ước.

Gần 7 giờ Ngài ngự về phủ Toàn-quyền.

Ngày 12 tháng 12

9 giờ sáng Hoàng-đế khánh-thành trường thuốc.

Theo chỉ-dụ ngày 8 Novembre 1933, các y-sinh học ngay ở Hà-nội cũng có thể thi bằng y-khoa bác-sĩ được, không cần phải học hai năm ở bên Pháp nữa.

Trường Thuốc bây giờ không còn phải là trường Thuốc nữa, mà là trường Cao đẳng Y khoa mới.

Nhà trường mời Hoàng-đế và quan Toàn-quyền đến khánh-thành.

Bác-sĩ Le Roy Des Barres đọc diễn-văn, Ngài thuật lại lịch-sử trường Y-học Hà-nội. Hoàng-đế và quan Toàn-quyền trả lời Bác-sĩ Le Roy Des Barres.

Sau đó ngự giá xuống thăm trường Mĩ-thuật. Qua các phòng vẽ, phòng nặn, đến phòng kiến-trúc, Hoàng-đế rất chú-ý vào những tượng, cùng bức vẽ đã bày sẵn đó.

Mãi đến gần 11 giờ, Hoàng-đế mới dời trường về phủ Toàn-quyền.

4 giờ, đạo-ngự tới thăm viện bảo-tàng *Louis Finot* của trường Bác-cổ. Ông quản-đốc viện cùng các viên chức Pháp, Nam ra nghênh-giá. Ngài ngự xem các đồ bày trong viện. Ngài rất chú-ý đến các thứ áo trào đời cổ cùng những y-phục và ảnh của các vua, chúa đời trước.

5 giờ 20 thì đạo-ngự trở về phủ Toàn-quyền.

9 giờ tối, Hoàng-đế ngự ra nhà hát Tây chủ-tọa cuộc hát giúp các hội từ-thiện thành-phố Hà-nội.

Ngày 13 tháng 12

Hoàng-đế từ-giã Hà-nội.

7 giờ sáng Ngự-giá xuống Phủ-lý.

8 giờ tới Tòa-sứ, quan Công-sứ và quan Tuần-phủ đọc chúc-từ và giới-thiệu các quan chức Pháp, Nam.

Ngự-giá dời Phủ-lý vào hồi 9 giờ; 9 giờ 30 tới Nam-định. Cuộc nghênh-giá có vẻ long-trọng náo-nhiệt hơn, người các nơi đến xem có tới 10 vạn.

Từ 10 giờ, tới 12 giờ, Hoàng-đế khánh-thành Hội-chợ và thăm vài nhà máy.

2 giờ Ngài đi Ninh-bình, ở Ninh-bình cuộc nghênh-tiếp cũng vui vẻ lắm.

6 giờ, Hoàng-đế cùng các quan hộ-giá từ-giã đất Bắc, lên xe lửa riêng về Trung-kỳ.

Ngày 14 tháng 12

Hoàng-đế, quan Khâm-sứ THIBAUDEAU cùng các quan hộ-giá đã tới ga Huế hồi 8 giờ sáng.

Các cụ Thượng cùng các quan-chức Tây, Nam hai chính-phủ đều có mặt tại nhà ga để đón chào Hoàng-đế.

Mấy con đường lớn từ ga đến Hoàng-thành đều có treo cờ kết lá. Học-sinh các trường xếp hàng cả ở ngoài ga, lúc đạo-ngự đi qua, đều phất cờ, mặt mày hớn-hở tưởng chừng như đã lâu lắm không được chiêm-ngưỡng long-nhan.

MỸ-NGỌC

Quan Thống-sứ đi kinh-lý tỉnh Hà-đông.— Ngày 18, quan Thống-sứ THOLANCE đi kinh-lý tỉnh Hà-đông, quan Công-sứ COLLET và quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu nghênh-tiếp. Quan Thống-sứ đến thăm trường mĩ-nghệ Hà-đông, là một trường do quan Công-sứ và quan Tổng-đốc tỉnh này mới mở ra, có những thợ dệt, thợ chạm đồ gỗ, thợ làm đồ đồng, đồ đồi-mồi. Rồi quan Thống sứ đi thăm lò rượu Văn-điển, lò này mới mở được vài tháng nay, mỗi ngày mướn tới 400 thợ thuyền, dùng hết 120 tạ tây thóc mà cất được chừng 3.000 lít rượu nguyên-chất. Đoạn ngài đi thăm trường học Văn-điển, sau cùng thì Ngài đi thăm lò bát Thanh-trì, rồi về Hà-nội.

Quan Thượng-thư bộ Hình đi kinh-lý tỉnh Nghệ-an.— Ngày 20, quan Thượng-thư bộ Hình Bùi Bằng-Đoàn đã ra tới Vinh để xem xét công việc cải-cách về tư-pháp và việc lập các tòa Nam-án.

Trước tiên Ngài tới dinh quan Tổng-đốc và đến thăm quan Công-sứ Vinh rồi đi thăm ty Phiên ty Niết cùng Lao-tỉnh.

Đến 9 giờ 15 ngài trở về dinh Tổng-đốc hiểu-thị cho các quan Phủ, Huyện và các ty-thuộc ở tỉnh về cách thi-hành luật mới. Quan Công-sứ LAGRÈZE cũng vào dự-thính, và quan Tổng-đốc, quan Bố, quan Án, quan Lãnh cùng các quan Phủ, Huyện và ty-thuộc đều đông đủ cả.

Đại khái trong các điều-luật cùng cách-thức thi-hành thế nào là đứng-dần tiệp-tiệp, hoặc có điều khoản gì chưa hiểu rõ, cho các quan Phủ, Huyện và ty-thuộc hỏi, rồi quan Thượng-thư trả lời, sau còn điều gì đáng nói và cắt nghĩa thêm thì Ngài lại hiểu sau cho đủ.

Cốt ý Ngài muốn các việc tư-pháp thi-hành thế nào cho được tiện và mau chóng, nhất là tránh khỏi sự phiền-phức cho dân để tỏ cho mọi người đều hiểu rõ sự lợi-ích của cuộc cải-cách mới đó, và giản-hữu có chỗ phiền-phức chút đỉnh cũng đừng phàn-nàn, vì sự phiền-phức rất nhỏ mà sự ích-lợi rất lớn.

Buổi chiều ngày 20 và buổi sáng 21 Novembre quan Thượng-thư bộ Hình và quan Tổng-đốc đi hành-hạt các phủ, huyện để xem xét cách làm việc của phủ, huyện và nha-thuộc.

Đến trưa 21 quan Thượng ra Thanh-hóa rồi về Huế.

Quan Toàn-quyền và quan Thống-sứ đi kinh-lý công-cuộc dẫn-thủy nhập-điền miền Sông-cầu.— Ngày 20, quan Toàn-quyền PASQUIER và quan Thống-sứ THOLANCE cùng quan Chánh-kỹ-sư Bắc-

ký đã lên tỉnh Bắc-giang và Thái-nguyên đi kinh-lý miền Sông-cầu hiện đang tháo nước vào.

Công cuộc này rất quan-trọng, giúp cho 30.000 mẫu tây ruộng bỏ hoang, ngày nay có nước có thể khai-khẩn được.

Buổi sáng quan Toàn-quyền, quan Thống-sứ cùng quan Công-sứ LE GUÉNÉDAL tỉnh Bắc-giang đi thăm những ruộng có nước của tỉnh ấy. Từ cống nước sông Thương các quan đi ra thăm con sông lớn sắp làm xong.

Xe ô-tô đi qua một quãng ruộng chưa có nước, ruộng khô chẳng đủ nuôi dân, nhưng đến miền ruộng có nước ở Trị-cụ thì quang-cảnh lại khác hẳn. Quan Toàn-quyền và quan Thống-sứ ngắm xem những thửa ruộng rất phi-nhiêu có nước tát vào do theo ý sáng-kiến của viên giám-binh CECCALDI giám-đốc nhà Trị-cụ.

Buổi trưa ngài cùng quan Công-sứ Thái-nguyên ECHINARD đi thăm những ruộng có nước ở tỉnh ấy. Rất nhiều ruộng nhờ có nước mà năm nay mới cấy được lần đầu.

Các quan dừng lại ở cống An-cấp là trung-tâm-điểm việc phát nước. Quan Toàn-quyền rất ngợi khen về cái kết-quả tốt tươi, Ngài gắn bội-tinh cho những viên cán-sự. Ngài trở về máng nước Tác-oam có linh khố xanh và linh dõng tỉnh Thái-nguyên đứng dàn chào.

Những công cuộc này làm cho ta phải nhớ đến quan kỹ-sư DESBOS là người trước tiên có cái sáng-kiến đào con sông đào nối liền hai sông Thương và sông Cầu. Buổi tối các quan về tới Hà-nội.

Hội-đồng Chánh-phủ. — Ngày 17, Hội-đồng Chính-phủ đã họp kỳ thường-niên tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp : 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp,
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ nhất): 5 hào.
11. — La Poésie annamite. 4 hào.
12. — Tục-ngữ ca-dao. 4 hào

QUỐC-NGỮ ĐÍNH-NGOA (1)

X

XIII. — Et. Ec.

91e

Ét	Đè ét lại, tiếng kêu ót-ét.
Bét	Con mắt nhả bét.
Bẹt	Bẹt mặt đi.
Chét	Lúa chét, chét ruột, cuốc chét; con bọ chét.
Chéc	Con chim kêu chéc-chéc.
Chẹt	Chỗ chẹt hẹp.
Đẹt	Sau chót đẹt.
Ghét	Thương ghét, rác ghét.
Hét	La hét, hầm-hét.
Két	Cót-két (tiếng bánh xe kêu).
Kẹt	Chun vào trong kẹt.
Khét	Hôi khét.
Lét	Lót-lét, lét vào nhà.
Lẹt	Khét lẹt.
Mét	Sắc mặt tái mét.
Mẹt	Cái mẹt (để sảy gạo).
Nét	Nét bút, nét mặt.
Nẹt	Nẹt cho một vài câu, con bọ nẹt.
Nghét	Mặt tái nghét, màu dắng nghét.
Nghẹt	Đau đầu nghẹt mũi.
Nhét	Nhét lỗ hở cho kỹ, con cá nhét.
Quét	Xuốc quét.
Quẹt	Chụi quẹt, quẹt nước mắt.
Rét	Rét lạnh, rét ăn sắt.
Rẹt	Pháo nổ rèn-rẹt.
Sét	Sấm sét, đất sét.
Sẹt	Sọt sẹt (cách con trẻ hay đi tả).
Tét	Cái bánh tét.
Thét	La thét lên.
Théc	Con trẻ théc (là ngủ).
Trét	Cái trầm trét, trét lại cho kín.
Trẹt	Dáng mặt trẹt.
Vét	Cạo vét, vơ-vét, một con vét (loài trùng).
Vẹt	Con chim vẹt (hay nói), chạy vẹt qua bên kia.
Xét	Xem xét, đoán xét, dò xét, cứu xét.

92e

Ếch	Ếch nhái.
Bết	Bê-bết, công-việc làm bết đi.
Bệch	Cái mặt chệch-bệch.
Chết	Sống chết.
Chếch	Chếch-mác, chếch-lệch.
Dệt	Dệt lụa, thêu dệt.
Dếch	Dếch hàng lên.
Đệt	Chạy sau lệt-đệt.
Đếc	Bộ dạng đếc (là khờ).
Giết	Chém giết.
Hết	Hết cả, hết thảy.
Hếch	Hếch-hác.
Hệt	In như hệt.
Kết	Đoàn-kết, giao-kết, kết-hôn, kết-duyên, kết-hảo.
Kếc	Kếc lên trên hòn đá, kếc các.
Kệch	Kệch-cạc (bộ-dạng thô-bỉ), cộc-kệch, thô-kệch.
Lết	Ngồi mà lết.
Lếch	Bộ mặt lếch-lác.
Lệt	Chạy sau lệt-đệt.
Lệch	Chếch-lệch.
Mệt	Mệt nhọc.
Mếch	Mếch-mác, chếch-mếch, mếch lòng.
Nết	Nết-na, tánh-nết.
Nghếc	Nghếc-ngác, chúc nghếc (đặt để không bằng thẳng).
Nhếch	Nhếch miệng, nhếch mỏi lên.

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 180.

Phết	Bề phết, chấm phết, phết hồ, phết nhầm ngoài da.
Quết	Đâm quết.
Quệch	Chữ viết quệch-quạc.
Sết	Đếc sết.
Tết	Ngày tết, lễ tết.
Tếch	Tếch dường xa, tếch chừng.
Thết	Thết-đãi.
Thếch	Thếch chân lên.
Trết	Trơ trết, nói làm trết miệng, trết trát với nhau.
Trệc	Ngồi đệc trệc.
Trệt	Ngồi trệt, ngồi trệt giữa đất.
Vết	Dấu vết.
Vếch	Vếch mặt lên, vếch mảy lên.
Xếch	Lông mày xếch ngược.
Xệch	Xục-xệch (cách long leo), xệch-xạc.

XIV. — It. Ich.

93.

Ít	Ít nhiều, cái bánh ít.
Ích	Ích-lợi, bổ-ích, công-ích, ích-kỷ hại-nhân.
Bít	Bưng-bít, thợ bít khay.
Bích	Ngọc bích, tường bích.
Bịt	Bịt khăn, bận bịt, bịt miệng lại.
Bịch	Tiếng cái gì trăng xuống nghe « bình-bịch », bồ-bịch.
Chít	Chít lại (nhỏ lại), chít khăn, gà con kêu chút-chít.
Chích	Châm-chích, chích thuốc vào, con chim chích.
Đít	Lỗ đít.
Đích	Đích-xác, đoan-đích (chắc-chắn), mục-đích.
Hít	Hôn hít, hít hơi vào.
Hịch	Truyền hịch (là làm tờ-hịch để tuyên-truyền tội-ác của một đảng phái nào, để đem quân đi đánh).
Kích	Công-kích, bài-kích, kích-cổ (đánh trống).
Kịch	Kịch-liệt, kịch-trường (cái trường làm trò chơi), bi-kịch (trường hát bi-thảm).
Lịch	Quyền lịch, lai-lịch, lịch-thiệp, lịch sự (từng trải), lịch-sử (sách sử kể truyền lần lần một đời người), lịch-triều (các triều vua).
Mít	Một cây mít, đặt mít, tịt-mít.
Mịt	Mù-mịt.
Mịch	Tầm mịch (tìm kiếm), tịch-mịch (vắng-vẻ).
Ních	Chật ních, béo núc-ních, ních vào cho no bụng.
Nịt	Cái dây nịt lưng, buộc nịt lại.
Nịch	Trầm-nịch, nịch-ái (thương yêu say đắm một người nào).
Nghịch	Thuận nghịch, nghịch-đảng, thù-nghịch, con chim nghịch.
Nhít	Nhít cho ra đất (khi tắm gội).
Nhích	Nhúc-nhích.
Phịch	Béo phục-phịch.
Quít	Quần-quít, một quả quít.
Quích	Con chim quích.
Quịt	Quịt một đầu xuống, quịt đuôi xuống, quịt nợ của người ta.
Rít	Mồ-hôi rít, tâm-địa rít-rát, con rít (loài sâu).
Rích	Hôi rích, cười rúc-rích, cũ rích.
Rịt	Ràng rịt, rịt thuốc vào chỗ đau.
Rịch	Rục-rịch (cách sắp sửa).
Sít	Sít-sít (gần cạn hết nước).
Sịt	Sịt mũi.
Sịch	Chạy sình-sịch, sầm-sịch.
Tít	Tít lại (không hở nhau), tít mắt lại.
Tích	Ái-tích (thương tiếc), thương-tích, súc-tích, sự-tích, bình-tích (thủa xưa), cái bình-tích.
Tịt	Tịt lỗ đi.
Tịch	Tịch-mịch (vắng-vẻ), thiết tịch

(dọn tiệc), bộ tịch, tịch biên, trừ-tịch (hôm ba-mươi tết).

Thít Thút thít, tha-thít, thin-thít.

Thích Thích-thuộc, thích-thẳng, thích chí, thích nghĩa, thích một mác, thích-khách (người đâm lén).

Thịt Da thịt, xương thịt.

Trít Trít miệng lại (không hở ra).

Trích Trích bác, trích-lục, trích ra một số bạc, con cá trích, con chim trích.

Trịt Thấp trịt-trịt.

Trịch Nặng trình-trịch.

Vít Tì vít, dấu vít, vẫn-vít (không đi xa), vẫn-vít (không rời ra).

Vịt Gà vịt, máy chân vịt.

Xích Xích thốn (thước tấc), điền xích, bảo-xích (nuôi con trẻ), dây xúc-xích, xích-thằng buộc duyên.

Xịt Pháo nổ xi-xịt.

Xịch Xục-xịch (tiếng máy chạy).

94e

Yết Yết-kiến, bái-yết, chiêm yết, yết-thị.

Biết Biết rõ, đã biết rồi.

Biếc Xanh biếc, nước biếc.

Biệt Ly-biệt, phân-biệt, từ-biệt, biện-biệt.

Chiết Chiết-đoán, chiết-biện.

Chiếc Chiếc đũa, chiếc thuyền, chiếc bóng, con cá chiếc.

Diệc Con chim diệc.

Điếc Điếc tai.

Điệt Lệnh-điệt (gọi cháu người ta).

Giết Chém giết.

Hiệt Điêu-hiệt, hiệt-lại.

Kiết Keo kiết, kiết nhận, bệnh kiết-lỵ.

Kiệt Hào-kiệt, hùng-kiệt, khánh-kiệt, tiêu-kiệt, kiệt-tác (bài văn giỏi).

Khiết Tinh-khiết, cao-khiết, khiết-bạch.

Liếc Liếc mắt, liếc cái đao cho sắc.

Liệt Liệt bại (thua sút), kịch-liệt, la-liệt, liệt-biểu, qui-liệt (các ngài), liệt-cường (các nước mạnh).

Miết Miết vào trong da (sát vào da).

Miệt Miệt-thị, khinh-miệt, miệt nguồn miệt bể.

Niết Bức niết, niết-sứ, niết-đường (đình quan Án-sát).

Nghiệt Ác-nghiệt, cay-nghiệt, nghiệt-phụ (đàn bà cay-nghiệt).

Nhiết Mắng nhiết.

Nhiệt Hàn nhiệt, viêm-nhiệt, nhiệt-náo, nhiệt-thành, nhiệt-đới.

Phiệt Môn phiệt (nhà gia-thế). Quân-phiệt.

Quyết Quả-quyết, quyết-đoán, quyết chắc, ẩn quyết.

Quyệt Quỉ-quyệt, giảo-quyệt.

Riết Ráo riết, riết lại (cho chặt), ngặt riết quá.

Siếc Siếc chuyện.

Tiết Thời-tiết, tiết-hậu, tiết lễ, tiết-kiệm, tiết-độ, tiết-nghĩa.

Tiếc Thương tiếc, tiếc tát.

Tiệc Dọn tiệc.

Thiết Thân-thiết, mật-thiết, quan-thiết, nhất-thiết, thiết-nghĩa, thiết-cốt, thiết-đạo (trộm cướp) thiết-tường.

Thiếc Chì thiếc.

Thiệt Thiệt-thà, thiệt hại, chân thiệt, khẩu-thiệt.

Triết Triết-học (cách học khôn), hiền triết, con chim triết.

Triệt Triệt ngang đi, triệt ra một khoảnh ruộng.

Viết Viết chữ.

Việt Việt-đẳng, nước Việt-Nam.

Việc Công-việc, làm việc.

Yết Yết-thị, yết-kiến, bái-yết, xà-yết (rắn và bò cạp).

XV. — Oat. Oac.

95°

Oát	Oát nạt.
Oác	Con gà kêu « oác ».
Choạc	Choạc ra (là lở ra).
Đoạt	Chiếm đoạt.
Hoát	Hoát-đạt (là thông-suốt).
Hoác	Hoác-lác, huy-hoác (hoang phí tiền bạc).
Hoạt	Hoạt-bát (lanh-lợi), viên-hoạt (vuông tròn lanh-lợi), hoạt-động, hoạt-kê (bông lơn), sinh-hoạt (nghề làm ăn).
Khoát	Khoát nước, quảng-khoát (rộng rãi).
Khoác	Khoác áo, hay nói khoác.
Loát	Kiểm-loát (xét soát), ấn-loát (in sách).
Loác	Đánh loác đầu.
Quát	Oai-quát, bao-quát, thu-quát.
Quạt	Cái quạt.
Soát	Sút soát, kiểm-soát, soát nhà.
Toát	Trắng toát, toát-yếu (tóm tắt đại-cương).
Toác	Toác da ra.
Toạc	Rách toạc, đâm toạc.
Thoát	Thoát thân, đào thoát, thất thoát, lạnh thoát.
Thoạt	Thoạt đầu..., thoạt trông thấy.
Xoác	Bay xoác qua, trắng xoác.

96°

Oắt	Eo oắt, cong oắt.
Oặt	Oặt khum xuống, oặt oẹo.
Choắt	Nhỏ loắt-choắt, dỏ choắt.
Hoặc	Hoặc-giả (là người nào đó), mê-hoặc (mê đắm).
Khoắt	Khoắt người nào lại gần.
Khoắt	Loắt-khoắt (cách nhỏ).
Ngoắt	Ngoắt đuôi, ngút ngoắt.
Quắt	Đào quăn-quắt má.
Quắc	Con cọp quắc con bò.
Quặt	Gió thổi quặt lại.
Thoắt	Thấm thoắt.
Troắt	Roi đánh nghe «troắt».
Xoắt	Xút-xoắt (cách làm mỗi khi một ít).

97°

Choét	Đỏ choét.
Khoét	Khoét lỗ, đục khoét.
Loét	Cái mụt loét miệng ra.
Loẹt	Ăn mặc lòe-loẹt.
Nhoét	Bét nhoét, con mắt nhã-nhoét.
Quét	Xuốc quét.
Quẹt	Quẹt nước mắt, chụi quẹt.
Toét	Toe-toét.
Thoét	Mắng thoét, móc thoét những chữ sót vào.
Troét	Nở troét, troe-troét, bét troét.
Xoét	Miệng nói lại chối xoen-xoét.

98°

Ót	Cái ót (phía sau cổ), tiếng kêu ót-ét.
Óc	Cái óc (là cái não).
Bót	Cái bót (đựng giấy), cái bót (giam tù).
Bóc	Bóc vỏ, bóc lột, nhảy bòng-bóc.
Bọt	Bọt nước, bèo bọt.
Bọc	Bao bọc, vây bọc, đùm bọc, một bọc gạo.
Cót	Cót két (hai vật đụng nhau mà thành tiếng).
Cóc	Con cóc, mụt cóc.
Cọt	Cọt cạy.
Cọc	Cái cọc đèn, cái cọc nạng.
Chót	Trên chót núi, cao chót-vót.
Chọt	Chọt đất lên, đâm chọt.
Chọc	Chọc ghẹo, đâm chọc, chọc cồ lợn.
Dọc	Dọc ngang.
Đót	Chủi đót, đâm đót (cho người ta giận nhau).
Đọt	Đọt cây.
Đọc	Đọc sách, cái đọc (để đâm cá).
Gót	Gót chân, lá gót (để đựng lúa).

Góc	Một góc, ba góc, góc bể chân trời.
Gọt	Gọt vỏ, gọt tóc, cạo gọt.
Gióc	Gióc tóc, gióc lòng (chăm chỉ).
Hót	Hót cồ nhau, nịnh hót, bom hót, con khướu hót.
Hóc	Hang hóc, từ miệng hóc ra.
Học	Đi học, học-hành.
Khót	(nghĩa như chữ gọt) khót vỏ.
Khóc	Khóc lóc.
Lót	Ton lót, lót lét, lót tờ giấy xuống dưới.
Lóc	Khóc lóc, lóc xuống đất, ngó lóc lách, con cá lóc.
Lọt	Lọt xuống dưới, lọt vào trong.
Lọc	Lọc cho trong, lửa lọc, nước lọc.
Mót	Bòn mót, mót mảy.
Móc	Móc trong túi, cây móc, lưỡi câu móc, mưa móc đầm thấm.
Mọt	Con mọt (hay ăn gỗ), lỗ mọt.
Mọc	Cây mọc lên (khỏi đất).
Nóc	Nóc nhà, giậu nóc bụng, con nòng-nóc.
Nọc	Cái nọc (cắm xuống đất), cái nọc rắn.
Ngót	Ngót một năm trời, lấy ngót cả số bạc.
Ngóc	Ngóc cổ lên, ngóc-ngách.
Ngọt	Mật ngọt, ngon ngọt.
Ngọc	Vàng ngọc.
Nhót	Nhót lại (thu nhỏ lại).
Nhóc	Nhóc nước lên, cái miệng nhóc nhách (hay nói), hai vai nhóc.
Nhọt	Mụt nhọt, dâm nhọt.
Nhọc	Nhọc mệt.
Rót	Rót nước, giọng nói rỉ-rót.
Róc	Nước chảy róc-rách, cái róc (đơm cá).
Rọc	Rọc tờ giấy.
Sót	Bỏ sót, quên sót.
Sóc	Gió sóc, ngày sóc (lá mồng một), sóc vào cồ, con sóc.
Sọt	Cái sọt (dùng để đựng cỏ), sọt-sẹt.
Sọc	Sọc ngang, sọc dọc, lúc lắc nghề sọc-sạch.
Tót	Con bò tót.
Tóc	Tóc trên đầu.
Thót	Nhảy thon-thót, lót thót, thảnh thót bên tai.
Thóc	Hột thóc, thóc-mách (hay tìm kiếm).
Thọt	Thọt nhỡ lại.
Thọc	Đâm thọc, thọc mạch (hay tìm kiếm).
Trót	Đã trót làm, một quả trót.
Tróc	Tróc hồn lại, tróc phược (bắt trói) cái mỡ kêu tróc tróc.
Trọc	Đầu trọc, thanh-trọc (trong và đục), mất ngó trông trọc.
Vót	Vót đuôi, von vót, cao chót vót, vót nhọn.
Vóc	Gấm vóc, mình vóc, vóc giạc.
Vọt	Vọt nhảy, vọt nặn.
Vọc	Vọc tay vào nước, vọc vạch.
Xót	Đâm xót, thương xót, xót xảy, xót xa.
Xóc	Xóc vào, xóc xách, đòn xóc, đánh xóc đĩa.

99.

Ốc	Ốc ác, gia ốc, trường-ốc, con ốc vặn.
Bốc	Bốc phệ (bói toán) lửa bốc lên, bốc một nắm gạo.
Bột	Tán ra bột, bồng-bột (phùn-phụt) công-tử bột.
Bộc	Bộc-lộ, bộc-bạch, trên bộc trong dâu.
Cốt	Cốt-nhục (xương thịt) thiết-cốt, cốt yếu, cốt tử, cốt cách, đồng cốt.
Cốc	Ngũ cốc (năm thứ lúa) đánh cồng cốc, cái cốc uống rượu, cốc một tiếng bạc.
Cột	Cột nhà, cột buộc.
Cộc	Ăn nói cộc cằn, con chim cộc (hay lặn dưới nước).

Chốt	Chốt mấu, then chốt.
Chốc	Chốc lát, bỗng chốc, chốc mồng.
Dốt	Dốt nát, ngu dốt.
Dột	Dại dột, nhà rách bị dột.
Đốt	Đốt cháy, một đốt mía.
Đốc	Đốc sức, đốc bát, xách đốc lên, quan Tổng-đốc, quan Đốc-học,
Đột	Đột-ngột, đường-đột, đột-nhiên, đột lên cho cao.
Độc	Độc ác, thuốc độc, cô độc, độc-đinh, độc-giả (người đọc sách), cái bàn độc.
Gốc	Cái gốc cây, cội gốc,
Gột	Giặt gột.
Giốc	Giốc ngược, mái núi giốc.
Hốt	Hoảng-hốt, hốt-nhiên, cái hốt (cầm nơi tay khi lạy).
Hốc	Hốc cao lên, hốc trán.
Hột	Một hột gạo.
Hộc	Cái hộc (để lường lúa).
Khốc	Khốc-khấp (khóc lóc) tàn khốc.
Lốt	Da lốt, lột lốt ra, cây lá lốt.
Lốc	Núi cháy quang lốc.
Lột	Lột vỏ, lột trần ra, bóc lột dân mà lấy của.
Lộc	Bổng-lộc, cái lộc-nhung.
Mốt	Ngày mốt (sau ngày mai), theo mốt mới (tiếng tây mới nhập vào).
Mốc	Mốc meo. Mô mốc (cái gò chia địa-giới).
Một	Số một, một thứ, mai một (mất đi) trầm một...
Mộc	Tài mộc (cây gỗ) minh mộc (thứ hàng không duộm sắc).
Nốt	Nốt tốt nốt xấu (tiếng tây mới đem vào), chiếc ca-nốt, làm cho nốt (cho luôn thể) lấy nốt cả.
Nốc	Chiếc nốc.
Nột	Mộc nột (dốt nát).
Ngốt	Chết ngốt, ngốt hơi.
Ngốc	Ngu ngốc, ngốc dại.
Ngột	Ngột hơi, chết ngột, đột ngột.
Nhốt	Nhốt gà vào chuồng.
Nhột	Ngứa nhột.
Phốt	Có phốt (là có lỗi, tiếng tây mới đem vào).
Rốt	Rốt cùng lại.
Rột	Rầm rột.
Sốt	Nóng sốt, sốt sắng, không gì sốt (không gì hết).
Sột	Tiếng kéo cái gì nghe « sồn sột ».
Sộc	Sộc nước ra, nước sôi sồng sộc.
Tốt	Tốt đẹp, sĩ tốt.
Tốc	Hỏa tốc, tức tốc, cây hương tốc.
Tột	Tột cùng.
Tộc	Hương tộc (làng họ), chủng tộc (loài giống), dân-tộc (giống người).
Thốt	Thẳng thốt (cách gấp bức quá), thưa thốt.
Trốc	Cái trốc (là cái đầu), trụi trốc lốc.
Vốc	Một vốc (trong nắm tay).
Xốc	Xốc vào (để đánh lộn).
Xộc	Chạy xộc vào.
100e	
Ớt	Trái ớt cay.
Ợt	Màu da ờn-ợt.
Bớt	Thêm bớt, cái bớt đỏ (nằm ngoài da).
Cợt	Chơi cợt, trêu cợt.
Chớt	Nói chớt (không sửa).
Chợt	Chợt da, nói phô chụt chợt, chợt trông thấy.
Dợc	Dợc tấm vàn lên (cũng như là lợc lên).
Đớt	Đút đớt (giọng nói trẻ con), nói đớt (nói chớt).
Đợt	Từng đợt (cũng như từng cấp).
Hớt	Hớt cơm, xới hớt, hay nói hớt.
Lợt	Màu lợt, nói cười lờn lợt.
Lợc	Lợc nắp lên.
Mớt	Mơn mớt (nước da trắng).
Nớt	Nớt nát (vì ngâm nước).

Bài ca mừng Ngự-giá Bắc-tuần

Tây Nam gặp hội đắc-bằng,
Thợ trời thực khéo xây tầng văn-minh.
Sông trong, bể lặng, tiết lành,
Nước non rõ vẻ thái-bình Ngu, Chu.
Thực là một hội nghìn thu,
Mừng vua ngự-giá tuần-du Bắc-kỳ.
Trong ngoài tin điệu truyền đi,
Quốc-văn một cuốn biên ghi kính mừng.
Gọi là một chút lễ bằng,
Hoa hèn, cỏ nội trên dâng bệ rồng.
Rằng: Triều Bảo-đại hưng-long,
Vua ra tuần-hạnh quan-phong đường
Kỷ-niên chịu tự mệnh trời, [ngoài.
Nối dòng liệt-thánh hưởng ngôi trao truyền.
Trị vì đương thuở thiếu-niên,
Mái chèo học-vấn sang miền tây-phương.
Nhờ ơn Bảo-hộ đưa đường.
Dắt-dìu đưa tới học trường Ba-lê.
Nghìn muôn công việc thi-vi,
Giao hai Chính-phủ phù-trì cầm cương.
Mười năm Pháp-học am-tường,
Thông-minh nổi tiếng đã vang hoàn-cầu.
Rõ là sáng trước dủ sau,
Cũng nên kỷ-niệm làm đầu kỷ-nguyên.
Đến kỳ tuổi cả vừa lên,
Gắng tài vượt bể quay thuyền về Nam.
Tính năm du-học mười năm,
Tính về vừa được mười-lăm tháng tròn.
Còn trời, còn nước, còn non,
Sông Hương núi Ngự vẫn còn vẻ-vang.
Thiên-tâm đã giúp ngô-Hoàng,
Lại thêm Bảo-hộ mở đường kinh-luân.
Đem mầu tân-học canh-tân,
Tân-quân, tân-quốc, tân-dân hồi này.
Cũng là Minh-trị đời nay,
Đổi thay chính-hiến theo đòi Âu-phong.
Năm qua Ngự-lãm đường trong,
Rừng Ngang một giải đều cùng tung-hô.
Mục, canh, duyên núi, duyên đồ,
Đàn môi, sáo miệng nhấp-nhô cùng Ngư, tiều dưới bể trên đèo, [chào.
Tiếng đàn tiếng hát tiếng reo vang-lừng.
Văn-biểu hạ, chúc-từ mừng,
Ngự-du năm ngoái đã từng chép ghi.
Nay ra tuần-hạnh Bắc-kỳ,
Tin đăng lên báo mấy kỳ gần đây.
Năm ta qui-dậu tháng mười,
Năm tây tháng chạp nghìn ngoài ba ba.
Đầu non mai mới nở hoa,
Tin xuân mừng rỡ gần xa phố-phường.
Các quan nghe báo tỏ-tường,
Mở ra một hội «Nghênh Hoàng» ngay-
Quan Tây cùng với quan ta, [ngà.
Chương-trình nghênh-tiếp rất là phân-
Ngai rồng đón tự Thần-kinh, [minh.
Ngự di chiến-hạm hải-trình du-quan.
Thủy-hành khởi tự Tua-ran,
Nhìn xem hải-phận chu-hoàn bể đông.
Trước ra thăm vịnh Hạ-long,
Là nơi có tiếng ở trong toàn-cầu.
Mặt trời chiếu lúc ban chiều,
Mặt trăng đêm tỏ rạng bầu thần-tiên.
Liền thăm các mỏ Quảng-yên,
Hồng-gai Cẩm-phả là miền dầu, than.
Tầu xe vượt biển qua ngàn,
Đó là khoáng-vật đầu tiên cần-dùng.
Lục-trình lên tới Hải-phòng,
Ngự xem hải-cảng nhất vùng Đông-
Xưa kia là chốn cỏ gianh, [kinh.
Chàng ngư đi lại lênh-đênh xa vời.
Nhờ ơn Bảo-hộ bấy nay,
Lập ra thành-phố lại xây lâu-đài.
Vườn hoa trang-điểm mọi mùi,
Tầu xe chen bánh đủ người năm châu.
Vịnh này nổi tiếng Á, Âu,
Là nơi lương-cảng dứng đầu cõi Nam.
Ngự lên trông đó mà xem,
Tỏ ra một cảnh hoa-nghiêm xứ này.
Được tin Ngự-giá tới đây,
Hoan-nghênh mọi vẻ đặt bày tự bao.
Ầm-ầm trên bến dưới tầu,
Nổi lên một áng phong-trào «tôn-quân».
Kiến-an cách đó cũng gần,
Quan-phong có vẻ đủ phần thanh-cao.

Chục Một chục (tức số mười).

Dục Dục vọng (lòng trông muốn), nguyện dục (lòng muốn), dâm dục, giáo dục, dưỡng dục.

Đút Đút vào lỗ, đút nem, ăn của đút, đút đớt (như trẻ con).

Đúc Thợ đúc, đúc chuông, đúc giống, đông đúc.

Đụt Cái đụt (đầu chút mút).

Đục Trong đục, cái đục của thợ mộc đẽo đục, đục khoét.

Gục Gục lên, gục xuống, ngủ gục.

Giục Xui giục, giục giã, giục hối.

Hút Hút thuốc, hút nước lên, hầm hút.

Húc Húc bạng.

Hụt Ngẩn hụt đi, bay hùn hụt (một hụt gió).

Hục Hì hục.

Khút Khút mắt, khút ngón tay lại mà đếm.

Khúc Khuất khúc, khúc chiết, ủy khúc, khúc trực, một khúc gỗ, cười khúc khích.

Lút Nước lút ngập.

Lúc Lúc lắc, lúc ngúc, lúc trước kia.

Lụt Lụt bão, lụt chế đi.

Lục Sắc lục, đăng lục, trích-lục, ký lục, lục trình (đường bộ), lục-địa, lục phẩm.

Mút Liếm mút, mút đầu chiếc đũa, mút ngón tay.

Múc Múc nước.

Mụt Cái mụt (như hoa đậu, v. v.), mụt măng.

Mục Nhĩ mục (tai mắt), đầu mục (cái bia trước mắt, để nhắm theo mà bắn), khúc gỗ mục, mục-đích.

Nút Cái nút áo, con ong nút hoa.

Núc Béo núc-ních, núc một hơi (cách uống nước).

Nục Con cá nục.

Ngút Khói bay ngui-ngút, nghi-ngút.

Ngúc Ngúc lên ngúc xuống, lúc-ngúc, ngúc-ngắc.

Ngục Địa-ngục, hình-ngục, ngục-thất (nhà giam).

Nhút Nhút-nhát, nhút nhắt (cách làm mỗi khi một ít).

Nhúc Nhúc-nhích, nhúc-nhắc (vì quê không đi lanh được).

Nhục Cốt-nhục (xương thịt), sỉ-nhục (thẹn hổ), xỉ-nhục (nhiếc mắng), nhẫn-nhục, giần cho nhục đi.

Phút Giây phút, phút bỗng chia tay.

Phúc Họa phúc, phúc-đức, phúc-thư (giả lời), phản-phúc.

Phụt Hơi lên phùn phụt, bay phụt lên.

Phục Phục-tinh, khuất-phục, cầm-phục, bình-phục, khôi-phục, phục thù, ẩn-phục, mai-phục, phục-binh.

Rút Rút ra (cho khỏi lỗ), rút tiền ra.

Rúc Rúc vào hang, cười rúc-rích.

Rục Rục-rũ (cách mệt nhọc), rục-rịch (cách sửa soạn)

Sút Sa sút, sút dây ra.

Súc Súc tích, uẩn-súc (học-vấn sâu-xa), đình-súc (ngừng chứa lại), súc miệng, loài súc-vật.

Sụt Khóc sụt-sịt, sụt xuống chỗ thấp.

Tút Cái ca-tút (*cartouche*).

Túc Thủ-túc (tay chân), sung-túc, túc-mục (hòa-thuận), gà túc-tác.

Tục Thô-tục, phong-tục, tục-tình (tâm-tình của thế-tục), tục-trình (tờ trình tiếp theo), tục-huyền (nối dây đứt).

Thút Miệng thút thít.

Thúc Thúc giục, thúc-kết, thúc-thủ (bỏ tay mà chịu), thúc nhẫm tường, thúc-phụ (chú), bá thúc (bác và chú).

Thụt Thụt lui, thụt hơi ra, cái ống thụt.

Thục Thục tất, truy thục (chuộc lại), tư-thục (học riêng nhà), vị thục-địa.

Trút Trút vào (trong thùng), trút cỗ

	lại, một con trút (xuyên-sơn giáp).
Trúc	Bồ trúc xuống, cây trúc (loài tre).
Trụt	Trụt xuống, miệng nói trụt-trịt.
Trục	Khu trục (xua đuổi), trục xuất, cái trục lăn, trục nhật (lần từng ngày), trục huyết khu phong.
Vút	Nanh vút (của con cọp).
Vụt	Bay vụt lên, bay vùn-vụt, vụt chốc.
Vục	Vục xuống nước, vục-vặc cách nói không êm-đẹp).
Xúc	Cảm-xúc, xúc động, xúc-giục, xúc sũ, dây xúc-xích, xúc lúa vào thúng.
Xục	Xục-xịch (tiếng máy chạy).

106°

Buốc	(là tiền lương, tiếng tây mới nhập vào), đi hạch buốc.
Buộc	Trói buộc, ép buộc.
Cuốc	Cái cuốc (dùng để cuốc đất).
Cuộc	Cuộc đời, thế cuộc, đoạn cuộc với nhau.
Chuốt	Trau chuốt, cạo chuốt, chải chuốt.
Chuốc	Chim chuốc chuốc.
Chuột	Con chuột.
Chuộc	Mua chuộc, chuộc ruộng về, chuộc tội.
Đuốc	Đèn đuốc.
Đuột	Thẳng đuồn đuột.
Guốc	Đôi guốc (đi dưới chân).
Luốt	Dải la luốt, hồng tuốt luốt.
Luốc	Lem luốc,
Luột	Chạy luột mất, trốn luột khỏi.
Luộc	Luộc cho chín.
Nuốt	Nuốt vào cổ, con nuốt (ở dưới nước).
Nuộc	Một nuộc dây.
Nhuốc	Dơ nhuốc, xấu nhuốc.
Quốc	Quốc-gia (nhà nước), Nam-quốc (nước Nam).
Ruốt	Rong ruốt.
Ruốc	Mắm ruốc.
Ruột	Lòng ruột, anh em ruột, gan ruột.
Suốt	Thông suốt, đọc suốt, một cái suốt (quay chỉ vào).
Tuốt	Chạy tuốt.
Thuốc	Thuốc bắc, thuốc hút.
Thuột	Dài thuồn thuột.
Thuộc	Thuộc lòng, quyến-thuộc, thích-thuộc, quen thuộc.
Truốt	Hỏng truốt cả.
Truột	Tròn truột.
Vuốt	Ngắm vuốt, vuốt ve, vuốt râu.
Xuốc	Xuốc quét.

107°

Ức	Oan ức, khổ ức, ấm ức, ức hiếp, cái ức (trước bụng).
Bứt	Bứt đi (cho đứt đi).
Bức	Gấp bức, quẫn bức, xúc-bức, cưỡng-bức, khí-hậu bức tức, một bức tranh.
Bực	Bực chí, bực mình.
Cức	(Là đồ phân, cũng tức là cứt).
Cực	Cực-khổ, cực-đoan (đầu mút tột), cực-điểm (chỗ tột cùng).
Chức	Chức phẩm, chức-trách, chức tước, tổ chức (gây dựng), sao Chức-nữ.
Chực	Chầu chực, ăn chực cơm người ta.
Dức	Dức mắng.
Dực	Vũ dực (là lông cánh là phe đảng), dực dới (phò một ông nào lên làm vua).
Đứt	Đứt dây, đứt đoạn.
Đức	Đạo-đức, nhân-đức, đức tính, đức-độ.
Đực	Con thú đực.
Giựt	Trẻ giựt mình (tức là giật mình),
Lực	Thế-lực, động-lực, trợ-lực.
Mứt	Cái mứt gừng.
Mức	Cây mức (dùng làm guốc được).

Mực Bút mực, mực thước, con cá mực ở nước).
Nứt Nứt ra (thành hai muởng).
Nức Non nức, khóc nức nở, nức lại cho chặt.
Nực Nóng nực, tật nực, nực cười.
Ngứt Ngứt một ngành bông.
Ngực Cái ngực (ở trên bụng).
Nhứt (Là một, tức là nhất) nhứt thời, nhứt định, nhứt thiết.
Nhức Đau nhức, nhức đầu, nhức động.
Nhựt (Là ngày, tức là nhật), nhựt-trình, nhựt-ký.
Phứt Phứt cờ (tức phất cờ).
Phức Thơm phức, trùng-phức (trùng điệp).
Phực Lửa phực lên, phừng-phực.
Rứt Rứt cho đứt đi, rứt tình.
Rực Rực-rỡ, lửa đỏ rừng rực.
Sứt Sứt mẻ.
Sức Sức lực, trang-sức, phấn sức, trát sức, đốc-sức.
Sực Sực nhớ lại.
Tức Tin-tức, bức-tức, tức giận, tức-tối, tức thì..., tức là...
Thức Thức ngủ, thao thức, thồn-thức, tri-thức, kiến-thức, cách thức, thể-thức.
Thực Thực-thà, chân-thực, thực là..., thực-phẩm (đồ ăn), thực-vật (là vật trồng), thực-hành, thực-nghiệp, thực-dân (đem dân đi di ngụ nơi khác để sinh nhai).
Trực Chính-trực, trung-trực, triều-trực, trực-thần (quan hầu chực trong đền vua), trực-tiếp.
Vứt Vứt đi (là vất đi).
Vực Bênh vực, cái vực sâu.
Xức Xức thuốc, xức lại cho gần.

108

Ướt Bị nước ướt, ướt-át.
Ước Giao-ước, hòa-ước, ao-ước, ước chừng.
Bước Bước chân ra.
Cước Căn-cước, cước-chú (chua thích), cước-phí (phí đi đường).
Chước Chước móc, bắt chước, châm chước, môi chước (mối dong).
Dược Bắc-dược (thuốc bắc), yên-dược (thuốc lá), hoa thược-dược.
Được Thua được, đánh được giặc.
Hước Hí-hước (giỡn cợt).
Khước Khước đi (không lấy), bác khước, từ khước, đeo lấy làm khước.
Lướt Gió thổi lướt trên cây.
Lượt Một lượt (một lần).
Lược Sơ lược, phác lược, ước lược, một cái lược.
Mướt Mướt mát, lướt mướt (cách dài quá độ).
Mược Ăn mược, mược lòng ai.
Nước Nước sông, nước bước, nước cờ.
Nược Con cá nược.
Ngược Xuôi ngược, ngạo ngược, tai ngược, bệnh ngược (là úi).
Nhược Nhu-nhược, liệt-nhược, nhược bằng...
Phước Phước phận, họa-phước, làm phước.
Phược Trói phược (trói buộc).
Rước Đón rước, đưa rước.
Rượt Chạy rượt qua (trước mặt).
Tước Phẩm-tước, tước hai ra, cách tước đi.
Tược Tược lại (sống lại).
Thước Thước tắc, chim ô-thước.
Thượt Dài lượt-thượt.
Thược Bông thược-dược, vị bạch-thược.
Trướt Trướt cho mỏng.
Trước Trước sau, trước-bộ (biên vào sổ bộ).
Trượt Chảy trượt đi, lôi trượt đi.
Vượt Vượt qua, vượt bể băng vời
Vược Con cá vược.
Xước Xước ngược, xước vỏ ra.
Xược Xấc-xược.

HẾT